

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐÁM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số. 33.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30. tháng 01. năm 2026.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Trụ sở chính: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Định Vũ, Phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 2838666 Fax: (0225) 2838689

Website: www.greenicd.com.vn

Phu trách công bố thông tin:

Ông: Đồng Trung Hải Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: (0225) 2838666

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, thay đổi lần thứ 04 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 13.332.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 133.320.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng)

TỔ CHỨC KIÉM TOÁN

- ❖ CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) TẠI HÀ NỘI (KIÉM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ NĂM 2024)

Trụ sở chính: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 2246 Fax:

Website: www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

- ❖ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

MỤC LỤC

| | | |
|-------------|---|----|
| I. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐÓI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 5 |
| 1. | Tổ chức phát hành | 5 |
| 2. | Tổ chức tư vấn | 5 |
| II. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 5 |
| 1. | Rủi ro về kinh tế | 5 |
| 2. | Rủi ro về luật pháp | 9 |
| 3. | Rủi ro đặc thù | 9 |
| 4. | Rủi ro về đợt chào bán | 12 |
| 5. | Rủi ro pha loãng | 12 |
| 6. | Rủi ro quản trị công ty | 13 |
| 7. | Rủi ro khác | 14 |
| III. | CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT | 14 |
| IV. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 15 |
| 1. | Thông tin chung về Tổ chức phát hành | 15 |
| 2. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 15 |
| 3. | Cơ cấu tổ chức của Công ty | 17 |
| 4. | Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý Công ty | 18 |
| 5. | Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại | 21 |
| 6. | Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty | 22 |
| 7. | Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác | 23 |
| 8. | Thông tin về chứng khoán đang lưu hành | 23 |
| 9. | Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | 24 |
| 10. | Hoạt động kinh doanh | 24 |
| 11. | Chính sách đối với người lao động | 53 |
| 12. | Chính sách cổ tức | 54 |
| 13. | Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất | 55 |
| 14. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty | 55 |
| 15. | Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán | 55 |
| 16. | Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích | 55 |
| V. | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH | 55 |
| 1. | Kết quả hoạt động kinh doanh | 55 |
| 2. | Tình hình tài chính | 57 |
| 3. | Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty | 62 |
| 4. | Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức | 62 |
| VI. | THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG | 64 |

| | | |
|--------------|--|----|
| 1. | Thông tin về cổ đông sáng lập | 64 |
| 2. | Thông tin về cổ đông lớn | 64 |
| 3. | Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng | 67 |
| VII. | THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN | 80 |
| 1. | Loại cổ phiếu | 80 |
| 2. | Mệnh giá cổ phiếu | 80 |
| 3. | Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành | 80 |
| 4. | Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá | 80 |
| 5. | Giá chào bán dự kiến (<i>đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu</i>) | 80 |
| 6. | Phương pháp tính giá | 80 |
| 7. | Phương thức phân phối | 80 |
| 8. | Đăng ký mua cổ phiếu | 82 |
| 9. | Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu | 83 |
| 10. | Phương thức thực hiện quyền | 83 |
| 11. | Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu | 84 |
| 12. | Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu | 84 |
| 13. | Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành | 84 |
| 14. | Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài | 84 |
| 15. | Các loại thuế có liên quan | 84 |
| 16. | Thông tin về các cam kết | 86 |
| 17. | Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt | 86 |
| VIII. | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 86 |
| IX. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 86 |
| 1. | Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán | 86 |
| 2. | Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số vốn huy động từ đợt chào bán | 87 |
| 3. | Thông tin về bổ sung vốn lưu động | 88 |
| 4. | Thông tin về việc đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh | 90 |
| X. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TÓI ĐỢT CHÀO BÁN | 95 |
| 1. | Tổ chức kiểm toán | 95 |
| 2. | Tổ chức tư vấn | 95 |
| XI. | PHỤ LỤC | 96 |

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐÓI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Ông: Nguyễn Đức Dũng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Đồng Trung Hải

Chức vụ: Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thu Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc Lân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 1102/2025/HDTVPH/GIC-VIX ngày 14 tháng 03 năm 2025 với Công ty Cổ phần VSC Green Logistics. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngon từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần VSC Green Logistics cung cấp.

II. CÁC NHÂN TÓ RỦI RO

Rủi ro là khả năng xảy ra sự kiện bất lợi hoặc không mong muốn, gây ra biến động hoặc thiệt hại cho kết quả kinh doanh và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty. Rủi ro có thể đến từ các yếu tố bên ngoài như tình hình kinh tế, luật pháp, rủi ro bất thường từ thiên tai, dịch bệnh... và do các yếu tố chủ quan xuất phát từ bên trong Công ty.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics ("GIC") là khai thác bãi container và cung cấp các dịch vụ liên quan như bảo quản, sửa chữa container. Hoạt động kinh doanh của GIC có thể chịu ảnh hưởng rủi ro bởi các yếu tố dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Tăng trưởng kinh tế

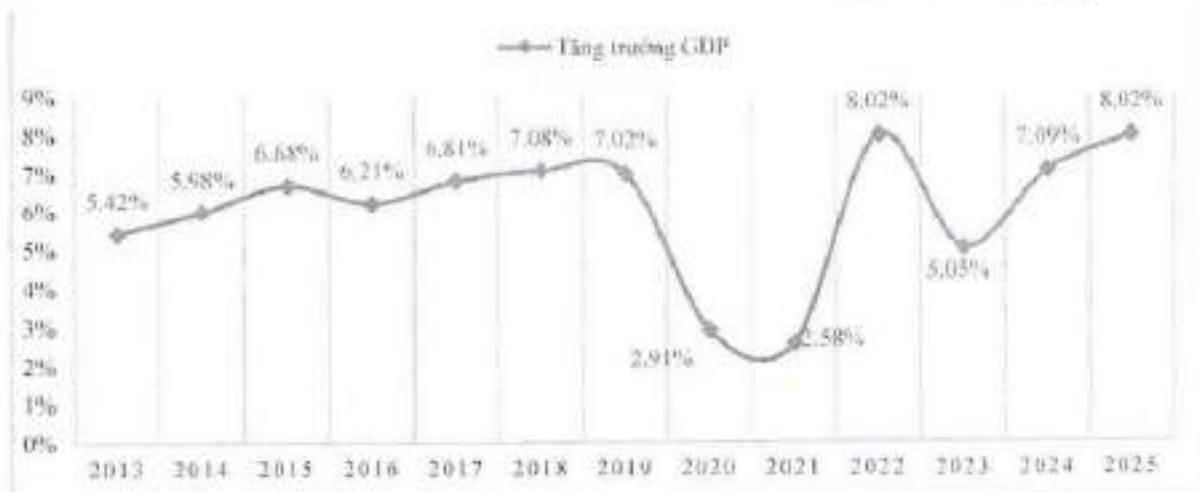
Biến động của môi trường kinh tế vĩ mô có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại hầu hết các ngành nghề nói chung và GIC nói riêng. Nền kinh tế sôi động, tăng trưởng tích cực là môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp có nhiều cơ hội để phát triển và ngược lại. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng biển – logistics như GIC, tình hình tăng trưởng hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp lưu lượng hàng hóa qua các cảng, bãi container, do vậy có tác động sâu sắc lên kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực so với năm trước. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 đạt 476,3 tỷ USD, tăng trưởng 7,09% so với năm 2023. Mức

tăng trưởng GDP năm 2024 trở về mức gần tương đương với giai đoạn 2018 - 2019 trước đại dịch Covid-19, và là năm tăng trưởng cao thứ hai trong giai đoạn 5 năm gần nhất 2020 – 2024, chỉ thấp hơn mức tăng năm 2022 là năm nền kinh tế khôi phục từ mức nền thấp do dịch bệnh. Trong năm 2024, có 9/12 tháng có Chỉ số Quản lý thu mua (PMI) đạt trên ngưỡng 50, cho thấy rằng mặc dù chưa hoàn toàn vượt qua giai đoạn khó khăn, sức sản xuất của nền kinh tế đã dần có sự phục hồi đáng kể so với năm 2023. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,4% so với cùng kỳ, với động lực từ các ngành công nghiệp chế biến chế tạo và xây dựng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành cả nước ước đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố lạm phát thì tốc độ tăng trưởng đạt 5,9%, giảm 0,9 điểm phần trăm so với mức 6,8% của năm 2023 do lĩnh vực bán lẻ hàng hóa tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ. Xuất – nhập khẩu là điểm sáng của nền kinh tế với tăng trưởng hai chữ số, nhờ đó mà ngành vận tải, kho bãi cũng đã đạt mức tăng ấn tượng là 10,82%, đóng góp 0,68 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2024.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2025, GDP cả nước tăng trưởng ước đạt 8,02% so với năm 2024, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025. Trong mức tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP năm 2025 có tăng trưởng bứt phá so với cùng kỳ, đạt mức 9,2%. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 ước tăng 8,80% so với năm trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong khu vực dịch vụ, các ngành có đóng góp nổi bật bao gồm: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62% vào mức tăng GDP; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đà tăng trưởng với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 17,0% và kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng 19,4% so với năm 2024.

Năm 2026, mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã được Quốc hội giao là từ 10% trở lên. Ngành logistics vận tải, kho bãi sẽ được hưởng lợi trực tiếp khi hoạt động thương mại trong nước và xuất nhập khẩu tăng trưởng. Ngược lại, rủi ro tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ tác động lên tình hình giao thương hàng hóa và ngành cảng biển – logistics.

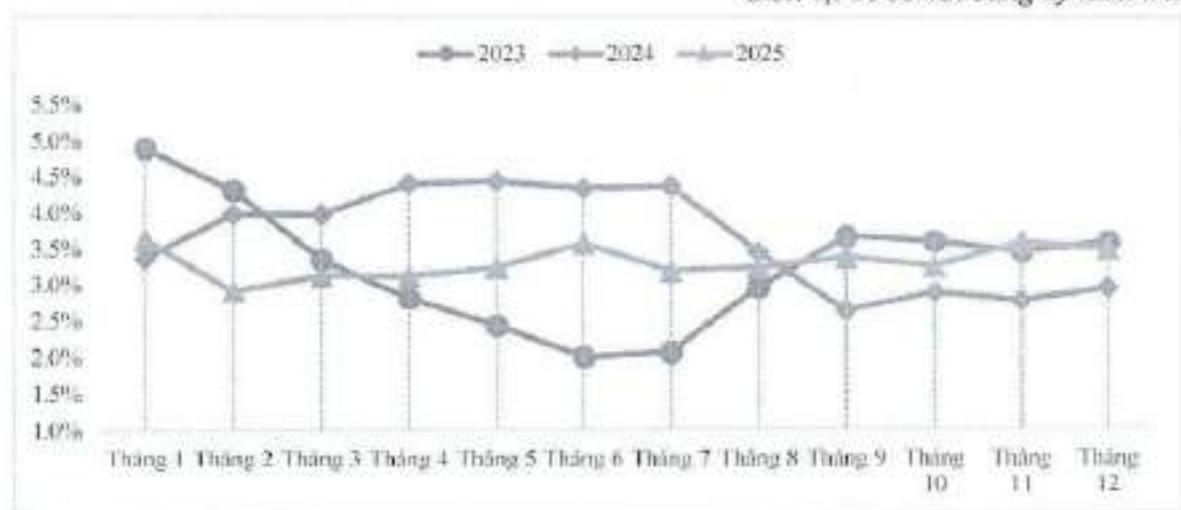
1.2 Lạm phát

Rủi ro lạm phát xảy ra khi mức giá chung của hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế liên tục tăng lên, dẫn đến giảm sức mua và mất giá của tiền tệ. Tình hình lạm phát thường được đo lường qua chỉ số lạm phát cơ bản, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI).

Lạm phát luôn tồn tại song song với tăng trưởng kinh tế, phần lớn nghiên cứu và quan điểm đều chỉ ra rằng nếu lạm phát ở mức thấp nhất định, thì lạm phát sẽ có tác động tích cực hoặc không rõ ràng đến tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên nếu lạm phát tăng cao thì chắc chắn có ảnh hưởng tiêu cực. Lạm phát vượt mức có thể dẫn đến giảm tổng cầu do xu hướng thắt chặt chi tiêu, đối với các doanh nghiệp thì lạm phát sẽ làm tăng các chi phí đầu vào như lương của người lao động, chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và dịch vụ, thậm chí có thể làm tăng chi phí tài chính nếu Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát.

Biểu đồ 2: Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình lạm phát thường được đo lường một cách phổ biến nhất qua chỉ số lạm phát cơ bản và chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Kế hoạch lạm phát năm 2025 của Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát tương đối thận trọng, ở mức 4,5 - 5% theo Nghị quyết 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025. Năm 2025, Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, chỉ số CPI của các tháng năm 2025 nhìn chung đều nằm trong ngưỡng kiểm soát lạm phát và có biến động ổn định hơn so với 2 năm liền trước 2023 - 2024. Bình quân cả năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,44% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Đối với GIC, chi phí hoạt động thường tương đương với 88 - 90% doanh thu hàng năm, còn lại là phần chi phí tài chính khá nhỏ do Công ty không có nợ vay. Các chi phí quan trọng như chi phí lương nhân viên, hoa hồng, nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài,... là khoản mục chịu ảnh hưởng của rủi ro lạm phát.

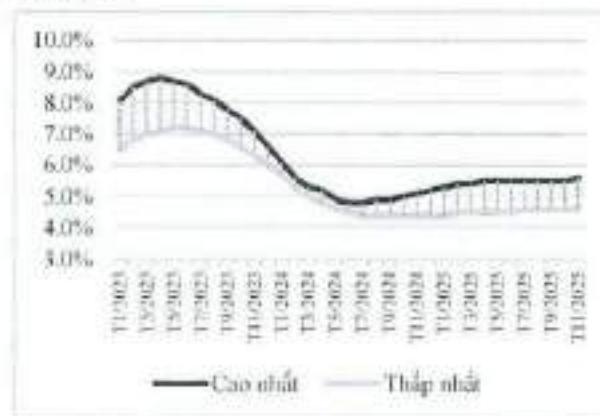
1.3 Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất biến động, ảnh hưởng trực tiếp đến lãi/lỗ tài chính của doanh nghiệp. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên từng ngành hoặc từng doanh nghiệp là khác nhau,

phụ thuộc vào cấu trúc nguồn vốn và tài sản. Doanh nghiệp có hệ số nợ cao sẽ dễ tổn thương hơn khi mặt bằng lãi suất đi lên do chi phí lãi vay tăng cao bao mòn lợi nhuận, tuy nhiên doanh nghiệp có tỷ trọng đầu tư tài chính đáng kể và giữ lượng tiền gửi ngân hàng lớn sẽ được lợi nhờ thu nhập từ lãi tăng.

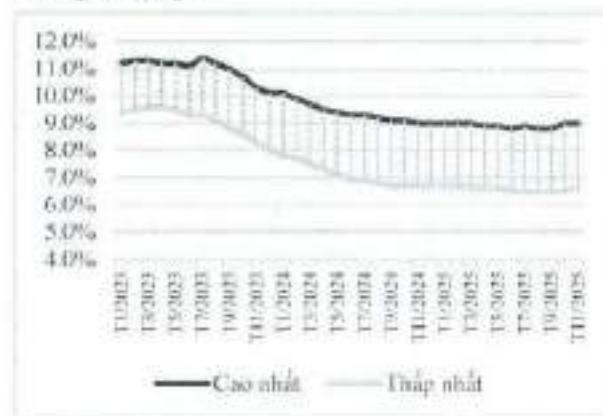
Trong 09 tháng đầu năm 2025, mặt bằng lãi suất ngân hàng khá ổn định và được duy trì ở mức thấp so với giai đoạn lãi suất lập đỉnh vào năm 2023 với lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chủ yếu ở mức quanh 5,5% - 6%/năm. Diễn biến lãi suất trong Quý IV/2025 đã có xu hướng tăng nhẹ tại các nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, trong khi nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước vẫn giữ mức lãi suất không thay đổi nhiều so với quý liền trước. Mặt bằng lãi suất trong Quý IV/2025 tăng nhẹ theo chu kỳ do nhu cầu vốn cuối năm tăng, đà tăng trưởng của dư nợ tín dụng là động lực chính giúp lãi suất phục hồi, mặt khác tỷ giá USD/VND tăng cao gây áp lực lên lãi suất để ổn định đồng VND.

Biểu đồ 3. Lãi suất huy động kỳ hạn 6-12 tháng bình quân



(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của các NHTM)

Biểu đồ 4. Lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh thông thường



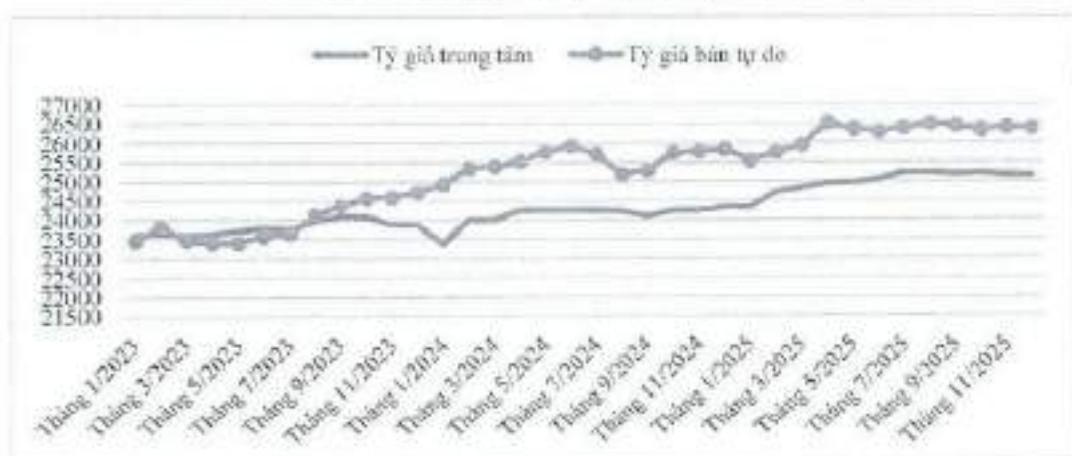
(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của các NHTM)

Hiện nay, GIC không sử dụng nợ vay, không phát sinh chi phí lãi vay. Do vậy, đối với GIC rủi ro lãi suất là gần như không có hoặc không đáng kể.

1.4 Tỷ giá

Biến động tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng lên doanh thu của Công ty trong trường hợp giá dịch vụ cung cấp với các khách hàng nước ngoài được tính theo USD. Đối với đầu vào, giá nhiên liệu và chi phí nhập khẩu máy móc từ nước ngoài đều chịu tác động khi tỷ giá biến động. Như vậy, tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến cả đầu vào, đầu ra và hoạt động đầu tư của Công ty.

Biểu đồ 5. Diễn biến tỷ giá USD/VND năm 2023 – 2025



Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước và Vietcombank

Tỷ giá USD/VND đã có xu hướng tăng mạnh trong năm 2024 và tiếp tục đi lên trong năm 2025. Tỷ giá trung tâm bình quân cả năm 2024 ước tính đã tăng 1,4% so với năm liền trước, trong khi tỷ giá bán tự do bình quân tăng mạnh đến 6,7% so với bình quân cùng kỳ và đạt mức lịch sử, chạm ngưỡng 25.500. Năm 2025, tỷ giá USD/VND tiếp tục đi lên với tỷ giá trung tâm tại thời điểm cuối tháng 12/2025 ước tính đã tăng khoảng 3,2% so với cùng kì năm 2024 và tỷ giá bán tự do năm trên mức 26.300. Tỷ giá trong năm 2025 tăng cao có thể chủ yếu do các nguyên nhân từ trong nước, bao gồm việc Kho bạc Nhà nước chào mua USD từ các ngân hàng thương mại, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm khiến cho nguồn cung ngoại tệ thắt chặt, trong khi nhu cầu ngoại tệ của các doanh nghiệp trong nước cao để phục vụ hoạt động nhập khẩu. Trong năm 2025, cán cân thương mại của khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 29,43 tỷ USD. Mặt khác, chính sách nới lỏng tiền tệ của NHNN trong năm 2025 và việc lãi suất VND liên ngân hàng giảm đã khiến chênh lệch lãi suất VND – USD đảo chiều âm mạnh, gây thêm áp lực lên tỷ giá.

Đối với GIC, công ty chỉ có hoạt động cung cấp dịch vụ nâng hạ, sửa chữa container trong lãnh thổ Việt Nam, không có hoạt động xuất khẩu, đồng thời hiện không có khoản vay hoặc khoản đầu tư bằng đồng ngoại tệ, hoạt động kinh doanh Công ty hiện tại không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ rủi ro tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam là nước thuộc nhóm đang phát triển, nền kinh tế đang trong quá trình phát triển và hội nhập ngày càng sâu và rộng với kinh tế thế giới. Khung pháp lý luật pháp trong giai đoạn tăng tốc phát triển này vẫn đang được xây dựng và hoàn thiện liên tục để bắt kịp tốc độ thay đổi và phát triển của kinh tế – xã hội, do vậy sự thay đổi và chỉnh lý về chính sách là khó tránh khỏi. Đối với riêng lĩnh vực cảng biển – logistics, trong những năm gần đây đã có thay đổi quan trọng về pháp lý về chính sách như quy định về quản lý tuyển vận tải, quản lý giá dịch vụ và các chính sách thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng.

Mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những ảnh hưởng khó đoán trước tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu không có sự thích ứng và điều chỉnh kịp thời. Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics liên tục theo dõi và nghiên cứu những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật, kết hợp với tham vấn từ các đơn vị thuê ngoài với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

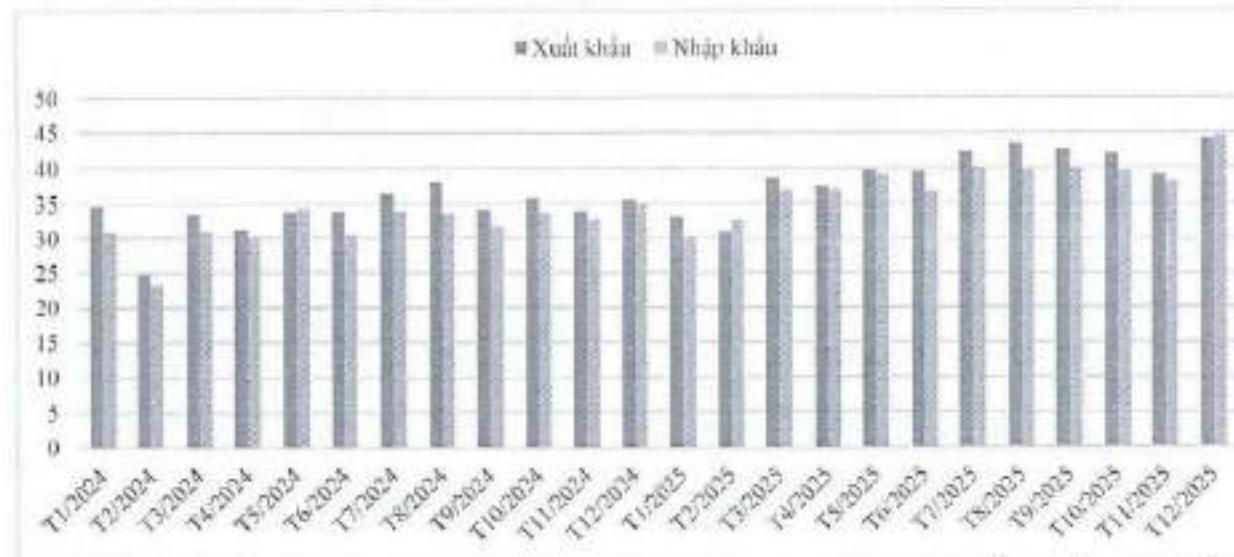
Với sự ổn định của môi trường pháp lý, sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chung của pháp luật cũng như những yêu cầu riêng của ngành trong các hoạt động của GIC, có thể thấy rủi ro về pháp luật không phải là những rủi ro đáng kể đối với Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động mạnh về hoạt động xuất nhập khẩu

Sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm khoảng 85 – 90% tổng lượng hàng lưu thông qua khu vực cảng biển Hải Phòng, còn lại là hàng hóa của các tàu thủy nội địa. Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ có tác động lớn và trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Biểu 6: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam 2024 - 2025 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tình hình xuất nhập khẩu trong năm 2025 vẫn là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng khá quan. Lũy kế hết năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm 2024, với động lực chính là nhóm hàng công nghiệp chế biến; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm 2024, trong đó nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,6% kim ngạch. Cần cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nguồn ngoại tệ và cùng cổ dự trữ ngoại hối quốc gia. Về thị trường, Mỹ vẫn là đối tác xuất khẩu lớn nhất của nước ta, chiếm 32% tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2025.

Rủi ro bất ngờ từ cuộc chiến thuế quan giữa Mỹ và các nước trên thế giới có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất nhập khẩu. Đầu tháng 4/2025, Tổng thống Mỹ đã công bố chính sách thuế quan mới của Mỹ, theo đó Mỹ sẽ áp thuế cơ bản 10% đối với hàng nhập khẩu từ tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới từ ngày 05/04/2025 và áp các mức thuế đối ứng khác nhau với từng đối tác thương mại kể từ ngày 09/04/2025. Tính đến thời điểm cuối Quý III/2025, mức thuế xuất khẩu vào Mỹ đối với hàng hóa Việt Nam hiện là 20%. Các ngành có tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ cao sẽ chịu tổn thương lớn khi chính sách thương mại và thuế quan biến động, như thủy sản (đặc biệt là cá tra), dệt may, da giày, gỗ đá xây dựng, linh kiện điện tử,... Các động thái đáp trả cứng rắn từ Trung Quốc với chính sách thuế của Mỹ có thể khiến tình hình kinh tế thế giới cũng như xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng năm 2025 thêm phức tạp và khó lường. Chính sách bảo hộ thương mại và thuế quan của Mỹ nhằm ngăn chặn việc hàng hóa Trung Quốc nhập khẩu vào một nước thứ ba sau đó xuất khẩu sang Mỹ sẽ làm thay đổi chuỗi cung ứng cũng như hoạt động vận tải container trên thế giới và khu vực.

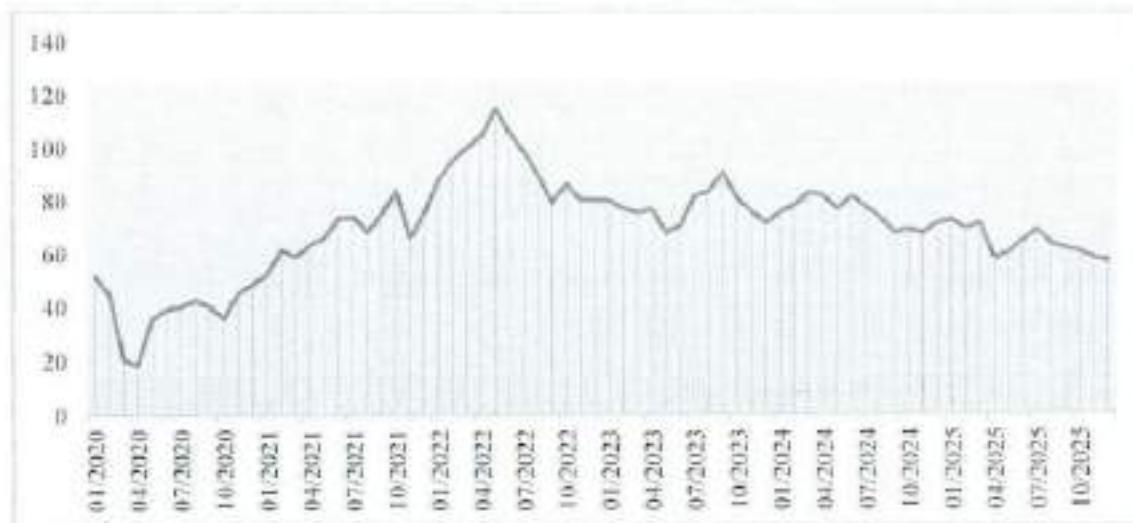
Kim ngạch xuất nhập khẩu và hoạt động thu hút FDI của Việt Nam trong năm 2025 đã đạt tăng trưởng tương đối tích cực. Tuy nhiên trong thời gian tới hoạt động xuất nhập khẩu vẫn có thể đổi mới với rủi ro khách quan do biến động căng thẳng thương mại toàn cầu, phòng vệ thương mại hay bất ổn địa chính trị ảnh hưởng lên chuỗi cung ứng.

3.2. Rủi ro biến động giá nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng chi phí kinh doanh của Công ty. Với doanh nghiệp trong ngành khai thác bến cảng, nhiên liệu chính thường là dầu diesel và điện, do vậy biến động giá dầu và điện có thể gây rủi ro lên hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá bán điện chịu sự điều tiết của Nhà nước, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tối thiểu là 3 tháng từ đợt điều chỉnh gần nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) sẽ lập hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân báo cáo Bộ Công Thương rà soát và cho ý kiến. Giai đoạn 2015 – 2019, giá điện được điều chỉnh bình quân 2 lần/năm, giai đoạn 2019 – 2022, giá điện được giữ nguyên để hỗ trợ nền kinh tế trong và sau dịch bệnh, từ 2023 – 2024, giá bán điện đã được điều chỉnh tăng 3 lần với tổng mức tăng khoảng 11,7%. Kết quả kinh doanh của EVN đã hết lỗ trong 6 tháng cuối năm 2024. Các yếu tố như giá than và giá dầu hạ nhiệt, tuy nhiên tỷ giá cao vẫn có thể gây áp lực lên giá thành sản xuất điện. Kỳ vọng giá điện có thể điều chỉnh tăng 4% - 6% trong năm tới.

Biểu 7: Diễn biến giá dầu thế giới 2020 - 2025 (Brent Crude Oil, USD/barrel)



Nguồn: Website của World Bank

Giá dầu thế giới chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố phức tạp, biến động đa chiều như tình hình chính trị, cung cầu từ các nền kinh tế lớn. Giá dầu thế giới năm 2025 nhìn chung duy trì xu hướng giảm, với mức giá dầu thô tại thời điểm cuối năm 2025 ở mức dưới 60 USD/thùng. Giá dầu có thể tiếp tục xu hướng suy yếu và giữ ở nền giá thấp trong các tháng đầu năm 2026 do nhu cầu yếu đi cùng với tình trạng dư cung. Tuy nhiên, lịch sử giá dầu cho thấy giá dầu có thể biến động đột ngột bởi các yếu tố bất thường do chính trị – kinh tế, tiềm ẩn rủi ro không nhỏ cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong chuỗi cảng biển – logistics nói riêng.

3.3. Rủi ro thay đổi công nghệ

Với hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ nâng hạ, bảo quản, sửa chữa container và dịch vụ vận tải, phần lớn nguyên giá tài sản cố định của GIC là kiến trúc kho bãi, phương tiện vận tải và các thiết bị nâng đỡ quy mô lớn. Các tài sản này có mức đầu tư lớn, thời gian sử dụng dài, tốc độ thay đổi công nghệ không cao. Do vậy rủi ro thay đổi công nghệ với Công ty là không lớn.

3.4. Rủi ro cạnh tranh

Giai đoạn 2025 – 2026, áp lực cạnh tranh tại các cụm cảng khu vực Hải Phòng sẽ ngày càng tăng lên. Tổng công suất cảng container dự kiến tăng 34% khi các cảng mới đi vào hoạt động, đặc biệt là khu vực hạ nguồn sông Cảm: cụm cảng nước sâu Lạch Huyện 3-4 của PHP (công suất tối đa 1,1 triệu TEUs/năm, đi vào hoạt động từ Quý 1/2025), cụm cảng nước sâu Lạch Huyện 5-6 của Hateco (công suất 1 triệu TEUs/năm, khai thác từ Quý 1/2025), cảng Nam Dinh Vũ 3 của GMD (công suất 650 nghìn TEUs/năm, dự kiến đi vào hoạt động từ 2026). Các cảng trung nguồn như VIP

Green có thể chịu áp lực dịch chuyển nguồn hàng tới các cảng hạ nguồn. Ngoài ra, các cảng biển Hải Phòng cũng chịu cạnh tranh bởi các cảng lớn cùng khu vực như cụm cảng Quảng Ninh.

Nguồn cung tăng cao trong ngắn và trung hạn sẽ gây ra áp lực cạnh tranh về giá cước và chất lượng dịch vụ, đòi hỏi Công ty phải linh hoạt đổi mới và thích nghi để giảm thiểu ảnh hưởng từ rủi ro cạnh tranh.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro không chào bán hết cổ phần đăng ký chào bán

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, Công ty cổ phần VSC Green Logistics dự kiến chào bán 12.120.000 cổ phiếu (theo tỷ lệ 1:1) với giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động, do đó thị trường chứng khoán cũng chịu tác động không nhỏ. Trong trường hợp thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, có thể xuất hiện rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Khi đó số lượng cổ phiếu không đặt mua hết được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác theo các quy định của pháp luật. Mặc dù phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty không áp dụng tỷ lệ thành công tối thiểu, tuy nhiên Công ty vẫn phải đổi mới với rủi ro liên quan đến việc chào bán cổ phiếu không hết. Khi đó, Công ty sẽ phải sử dụng các nguồn vốn khác như vốn vay, vốn huy động khác để thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

4.2. Rủi ro của mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Với mục đích nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động kinh doanh, số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sẽ được GIC sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh kho bãi - vận tải. Phương án sử dụng vốn của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty nói riêng và xu hướng phát triển của ngành nói chung. Rủi ro của việc sử dụng nguồn vốn có thể bắt nguồn từ sự không hiệu quả trong các hoạt động kinh doanh được phân bổ nguồn. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn nghiên cứu, đánh giá để nâng cao hiệu quả trong các quyết định đầu tư.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIC sẽ tăng lên tương ứng, dẫn tới cổ phiếu GIC bị pha loãng.

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) bị pha loãng: trong tức thời sau khi hoàn tất các đợt phát hành, EPS pha loãng sẽ suy giảm do lợi nhuận thuộc về cổ đông được chia cho số lượng cổ phiếu mới lớn hơn. Tuy nhiên, trong các kỳ tài chính tiếp theo, EPS sẽ còn phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng và lợi nhuận Công ty thu được nhờ nguồn vốn mới huy động được từ đợt chào bán.

$$\text{Công thức tính: } EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Giá cổ phiếu trên thị trường giảm do điều chỉnh kỹ thuật khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức: trong trường hợp giá đóng cửa cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền lớn

hơn giá phát hành, giá tham chiếu của cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_1 + (P_1 \times I_1) + (P_2 \times I_2)}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_1 : Giá cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_2 : 10.000 đồng/cổ phiếu (Giá chào bán đối với người có quyền mua cổ phiếu)
- I_1 : 0 đồng/cổ phần (cổ tức bằng cổ phiếu giá 0 đồng/cổ phiếu)
- I_2 : là tỷ lệ tăng vốn do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- I_3 : là tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu

Giá định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu GIC là 15.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu cùng với phát hành cổ phiếu trả cổ tức 10% thì giá cổ phiếu GIC sau khi pha loãng là:

$$\frac{15.000 + (10.000 \times 1) + 0 \times 0,1}{1 + 1 + 0,1} = 11.905 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6. Rủi ro quản trị công ty

6.1. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro quản trị có thể phát sinh khi có sự sụt giảm về nhân sự trong bộ máy lãnh đạo và/hoặc bộ máy tổ chức mà khiến cho hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng, hoặc thay đổi trong cơ cấu sở hữu làm phát sinh sự thiếu hài hòa trong lợi ích và trách nhiệm, mất đồng bộ trong quan điểm điều hành và kinh doanh của bộ máy lãnh đạo. Để hạn chế rủi ro quản trị nói chung, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định trong luật pháp hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Đối với hoạt động tăng vốn trong đợt chào bán này, chủ trương của Công ty là chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu chào bán thêm là điều có thể xảy ra. Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Để hạn chế rủi ro quản trị, trong trường hợp phải phân phối cổ phần cho các đối tượng khác, GIC sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư có chung tầm nhìn chiến lược, định hướng kinh doanh để có thể chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau phát triển trong dài hạn.

6.2. Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện tại. Công ty chủ trương tăng vốn để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh hiện tại. Trong thời gian qua, GIC không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để đáp ứng được chiến lược, quy mô phát triển mới. Công ty đánh giá rủi ro về cơ chế quản lý là không lớn.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng khác như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh trên quy mô lớn,... Các rủi ro này có thể gây thiệt hại về con người hoặc tài sản của Công ty, làm giảm lượng khách hàng hoặc khiến môi trường kinh doanh mất ổn định.

Cổ phiếu GIC được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), do đó giá cổ phiếu GIC khó tránh khỏi ảnh hưởng khi thị trường chứng khoán trong nước và thị trường chứng khoán quốc tế biến động.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bàn cáo bạch này có nội dung như sau:

| | |
|----------------------------------|--|
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| HOSE | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| HNX | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| VSDC | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam |
| Tổ chức phát hành/Công ty | Công ty Cổ phần VSC Green Logistics |
| GIC | Công ty Cổ phần VSC Green Logistics |
| ĐHĐCD | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| BKS | Ban kiểm soát |
| TTCK | Thị trường chứng khoán |
| Sở KHĐT | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| VĐL | Vốn điều lệ |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| VND | Việt Nam Đồng |
| TEU | Container tiêu chuẩn dài 20ft (6,1mx2,5mx2,6m) |

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
- Tên viết tắt: GIC
- Tên Tiếng Anh: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CC2 - khu công nghiệp MP Đinh Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-225) 2838 666
- Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành: 5229)
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.
- Người đại diện theo pháp luật:

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông: Đồng Trung Hải | Chức vụ: Giám đốc |
|---------------------|-------------------|
- Mã cổ phiếu: **GIC**
- Sàn niêm yết: **HNX**
- Tên ban đầu: Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh, đến ngày 13/03/2025, Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Bảng 1: Quá trình hình thành và phát triển

| Mốc thời gian | Các hoạt động, sự kiện |
|---------------|--|
| Năm 2017: | <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 24/01/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 101.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Container Việt Nam góp vốn 67.000.000.000 đồng, tương đương với 66,3% vốn điều lệ, còn lại 33,7% là vốn góp của các cổ đông cá nhân. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; - Công ty được kế thừa toàn bộ nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm của Công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng là các hãng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV có kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của Công ty hoàn thành từng phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, Công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng và có lợi nhuận từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại khu vực Hải Phòng. |
| Năm 2018: | <ul style="list-style-type: none"> - Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 101.000.000.000 đồng lên 121.200.000.000 đồng. |
| Năm 2020 | <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSDC về việc đăng ký đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh; - Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần; - Ngày 22/10/2020, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định Niêm yết số 577/QĐ-SGDHN cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; - Ngày 06/11/2020 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán GIC. |
| Năm 2021: | <ul style="list-style-type: none"> - Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10% Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 14/03/2022. |

| Mốc thời gian | Các hoạt động, sự kiện |
|----------------------|---|
| Năm 2022: | - Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10% Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023. |
| Năm 2023: | - Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 12% Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2024. |
| Năm 2024 – Năm 2025: | - Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1:1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025. - Ngày 13/03/2025, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần VSC Green Logistics theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0201768923 thay đổi lần thứ 04. |

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

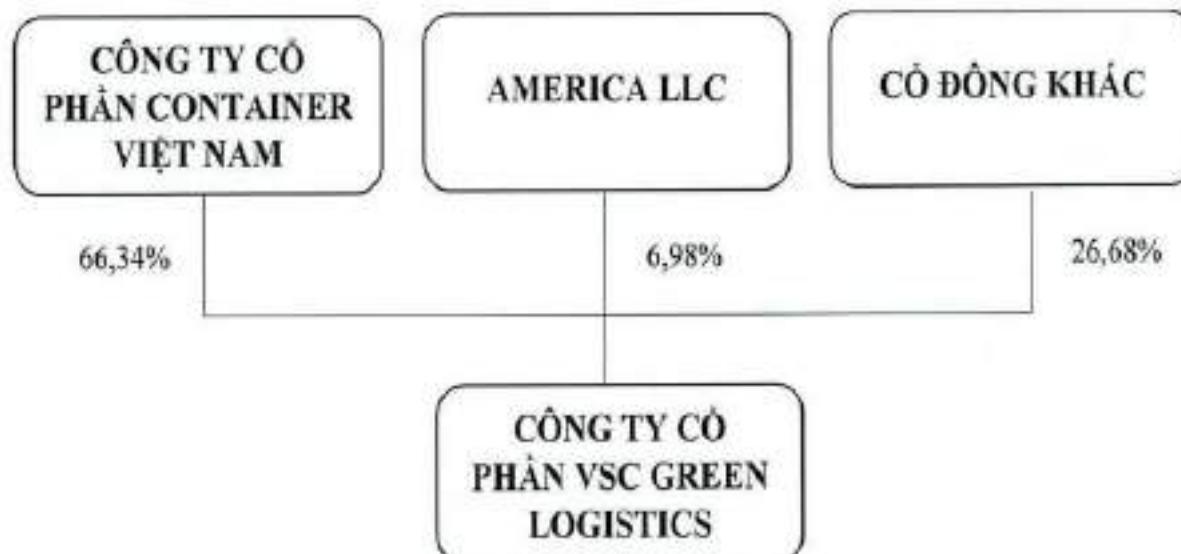
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hiện tại, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics đặt trụ sở chính tại: Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đinh Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Công ty có Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Container Việt Nam (sở hữu 66,34% Vốn điều lệ Công ty), cổ đông lớn là America LLC (sở hữu 6,98% Vốn điều lệ Công ty) và các cổ đông khác sở hữu 26,68%.

Công ty không có công ty con hay công ty liên kết.

Bảng 2: Cơ cấu tổ chức Công ty

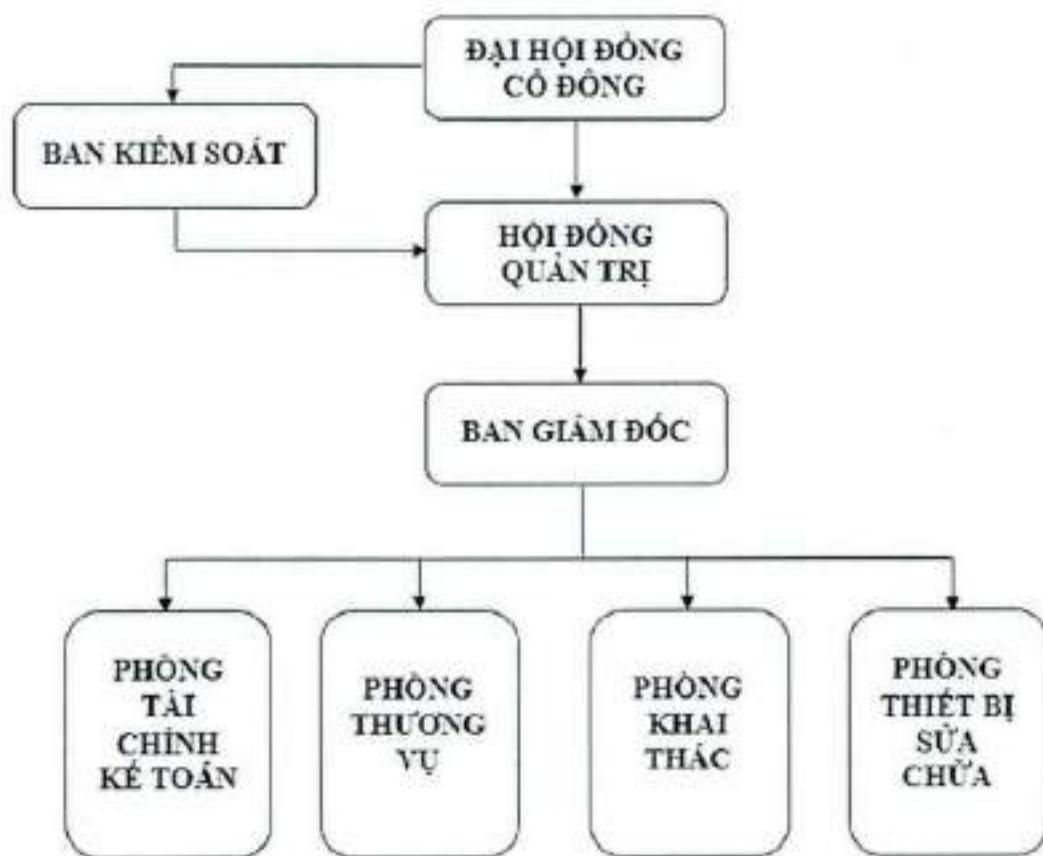


Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý Công ty

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc.

Bảng 3: Sơ đồ bộ máy quản trị



Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền. ĐHĐCD có các quyền sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, các báo cáo của BKS và của HDQT, thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Quyết định số lượng thành viên của HDQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HDQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

- Danh sách Hội đồng quản trị Công ty:

- Ông Nguyễn Đức Dũng
- Chủ tịch HDQT

- Ông Đồng Trung Hải - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Kim Dương Khôi - Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thị Phương Anh - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT độc lập

❖ Số thành viên HĐQT của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCD. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Giám sát chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.3. Ban kiểm soát

❖ Danh sách Ban Kiểm soát:

- Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phan Thị Trung Hiếu - Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thuý Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát

❖ BKS do ĐHĐCD bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCD bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.4. Ban Giám đốc

❖ Danh sách Ban Giám đốc Công ty:

- Ông Đồng Trung Hải - Giám đốc
- Ông Đặng Quốc Vệ - Phó Giám đốc

❖ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương hướng kinh doanh mà ĐHĐCD thông qua để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

❖ Phó giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

❖ **Giám đốc có nhiệm vụ:**

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc
- Tuyên dụng lao động
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo pháp luật
- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trao quyền quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

4.5. Các phòng ban khác

❖ **Phòng tài chính kế toán:**

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác Tài chính – Kế toán, Lao động – Tiền lương, hành chính, an toàn lao động của Công ty.
- Tổ chức thực hiện công tác Tài chính – Kế toán, Lao động – Tiền lương và các công việc khác theo nhiệm vụ được Ban Giám đốc phân công.
- Phối hợp với tất cả các phòng ban trong Công ty thực hiện kiểm soát nguồn thu và chi phí của Công ty theo các quy chế, biểu cước của Công ty và các hợp đồng đã ký kết
- Thực hiện chế độ với cơ quan thuế, cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan Quản lý nhà nước
- Lập các báo cáo quản trị để báo cáo và tham mưu cho HĐQT, Ban giám đốc xây dựng phương hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ban giám đốc phân công.

❖ **Phòng thương vụ:**

- Xây dựng biểu cước dịch vụ của Công ty định kỳ hàng năm hoặc đột xuất do ảnh hưởng của giá nhiên liệu, vật tư và các yếu tố khác,...
- Tham mưu cho Ban Giám đốc đàm phán, thương thảo hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với khách hàng và hợp đồng mua bán hàng hoá, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, các dịch vụ khác đối với nhà cung cấp.
- Lập kế hoạch, phương hướng và thực hiện công việc chăm sóc khách hàng nhằm duy trì hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng để tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với phòng Khai thác lập chứng từ giao nhận container xuất nhập bãi của Công ty.
- Phối hợp với phòng Khai thác, phòng Thiết bị - Sửa chữa và phòng Tài chính - Kế toán để thực hiện lập hóa đơn, thu cước theo biểu phí hoặc hợp đồng đã ký kết của Công ty.

❖ **Phòng Khai thác:**

Phòng Khai thác là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc:

- Quy hoạch khu vực chất xếp container trong bãi khoa học nhằm đạt được khả năng chất xếp container tối ưu và đảm bảo an toàn lao động.
- Tiếp nhận container, kiểm tra, đánh giá tình trạng container khi nhập bãi, bao gồm tình trạng hư hỏng và tình trạng vệ sinh của container đối với container rỗng; tình trạng niêm phong và chứng từ Hải quan kèm theo đối với container có hàng.
- Thực hiện công việc vệ sinh 100% container rỗng nhập bãi.
- Bố trí vị trí xếp container phù hợp với quy hoạch khi container nhập bãi.
- Thực hiện phương án lấy container ra khỏi vị trí chất xếp sao cho an toàn, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí và giao container theo lệnh giao hàng của khách hàng đối với container xuất bãi. Kiểm tra và ghi nhận tình trạng container bằng hình ảnh trước khi xuất bãi.
- Quản lý và sử dụng phương tiện vận tải container an toàn, hiệu quả. Vận chuyển container bằng đường bộ theo yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện đóng hàng hóa vào container và rút hàng hóa từ container ra theo yêu cầu của khách hàng.
- Phối hợp với phòng Thiết bị - Sửa chữa bộ phận quản lý thiết bị xếp dỡ để thực hiện nâng, hạ container tại bãi; phối hợp với bộ phận sửa chữa container để thực hiện việc sửa chữa container.
- Phối hợp với phòng Thương vụ để thực hiện thủ tục lập phiếu giao nhận container, ghi nhận tình trạng container khi xuất, nhập bãi.
- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán, phòng Thương vụ và phòng Thiết bị - Sửa chữa để đối chiếu quyết toán, thực hiện lập hóa đơn và thu khách hàng theo Hợp đồng và biểu cước của Công ty.

❖ **Phòng Thiết bị - Sửa chữa:**

- Quản lý và sử dụng thiết bị xếp dỡ và các thiết bị, máy công cụ khác an toàn và hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với phòng Khai thác và phòng Thương vụ thực hiện xếp, dỡ container.
- Thực hiện công việc sửa chữa container, lắp đặt thiết bị treo trong container, đóng mới container theo phương án khách hàng yêu cầu.
- Phối hợp với phòng Thương vụ, phòng Khai thác và phòng Tài chính - Kế toán thực hiện quyết toán, thanh toán với các khách hàng theo biểu cước và hợp đồng đã ký kết.

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

5.1. Công ty mẹ:

Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Tên tiếng Anh:

Vietnam Container Shipping Corporation

| | |
|--------------------------|---|
| Tên viết tắt: | VICONSHIP |
| Địa chỉ: | Số 11 Võ Thị Sáu, P. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |
| Điện thoại: | (84-225) 383 6705 |
| Số fax: | (84-225) 383 6104 |
| Website: | www.viconship.com |
| Tổng Giám đốc: | Ông Tạ Công Thông |
| Vốn điều lệ đăng ký: | 3.743.703.620.000 đồng |
| Vốn điều lệ thực góp: | 3.743.703.620.000 đồng |
| Giấy đăng ký kinh doanh: | Số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002 và các lần thay đổi bổ sung. |
| Ngành nghề kinh doanh: | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành: 5210) |
| Sản phẩm/dịch vụ chính: | Dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh hàng lâm sản xuất khẩu; Kinh doanh kho, bến bãi; Vận tải, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng dự án, hàng quá cảnh; Kinh doanh xăng dầu, phụ tùng, phương tiện, thiết bị; Sửa chữa đóng mới và cho thuê Container; Khai thác cảng biển; Khai thác vận tải ven biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động điều hành, dịch vụ cảng biển, lai dắt chở hàng bằng sà lan. |

Tỷ lệ sở hữu tại GIC: **66,34%**

5.2. Các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

Không có

5.3. Các Công ty con, các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Bảng 4: Quá trình tăng vốn của GIC

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng) | Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|--------------------|------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---|
| 24/01/2017 | 101 | - | Vốn góp ban đầu | - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017 |
| 27/12/2018 | 121,2 | 20,2 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | - Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ về việc thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; |

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng) | Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|-----------------------|---|--|-----------------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2018/NQ-HDQT ngày 01/08/2018; Giấy CNDKKD số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 27/12/2018. |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

| Tên doanh nghiệp | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (**) | Tổng Giá trị đầu tư (đồng) | Ghi chú |
|---|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Định Vũ (VGI) (*) | 6.229.855 | 13,31% | 70.000.000.000 | VGI là công ty con của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) – Đơn vị thành viên của VSC (Công ty mẹ của Công ty) |

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Vì vậy Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng 2.406.257.649 đồng tại ngày 31/12/2024 đối với khoản đầu tư tại VGI.

(**) Tại ngày 20/09/2023, GIC đã nhận chuyển nhượng 9,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Định Vũ (Mã số thuế: 0201973263, có địa chỉ tại khu kinh tế Định Vũ – Cát Hải, Hải Phòng). Tại ngày 26/02/2024, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại VGI lên 13,31%.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2025

| Cơ cấu cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------------|------------------|---------------------|------------------|
| Trong nước | 338 | 10.784.800 | 88,98% |
| i. Cá nhân | 337 | 2.744.800 | 22,64% |
| ii. Tổ chức | 1 | 8.040.000 | 66,34% |
| Nước ngoài | 11 | 1.335.200 | 11,02% |
| i. Cá nhân | 10 | 489.800 | 4,04% |
| ii. Tổ chức | 1 | 845.400 | 6,98% |

| Cơ cấu cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|------------------|---------------------|------------------|
| Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 349 | 12.120.000 | 100,00% |

Nguồn: Danh sách cổ đông GIC chốt ngày 30/06/2025 do VSDC cung cấp

8.2. **Cổ phiếu ưu đãi:** Không có

8.3. **Các loại chứng khoán khác:** Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định tại công văn số 658/UBCK-PTTT ngày 01/04/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 11,02% (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2025 do VSDC cung cấp).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics được thành lập từ tháng 01/2017 với định hướng phát triển thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ giao nhận, lưu trữ và bảo quản container rỗng và container chứa hàng hóa
- Dịch vụ đóng hàng và rút hàng hóa trong container tại bến của Công ty
- Dịch vụ sửa chữa container, lắp đặt thiết bị treo trong container, đóng mới container...
- Dịch vụ vận tải container bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ, vận tải container chuyên dùng
- Các dịch vụ khác.

Hiện nay, Công ty tập trung vào 2 mảng nghiệp vụ chính bao gồm:

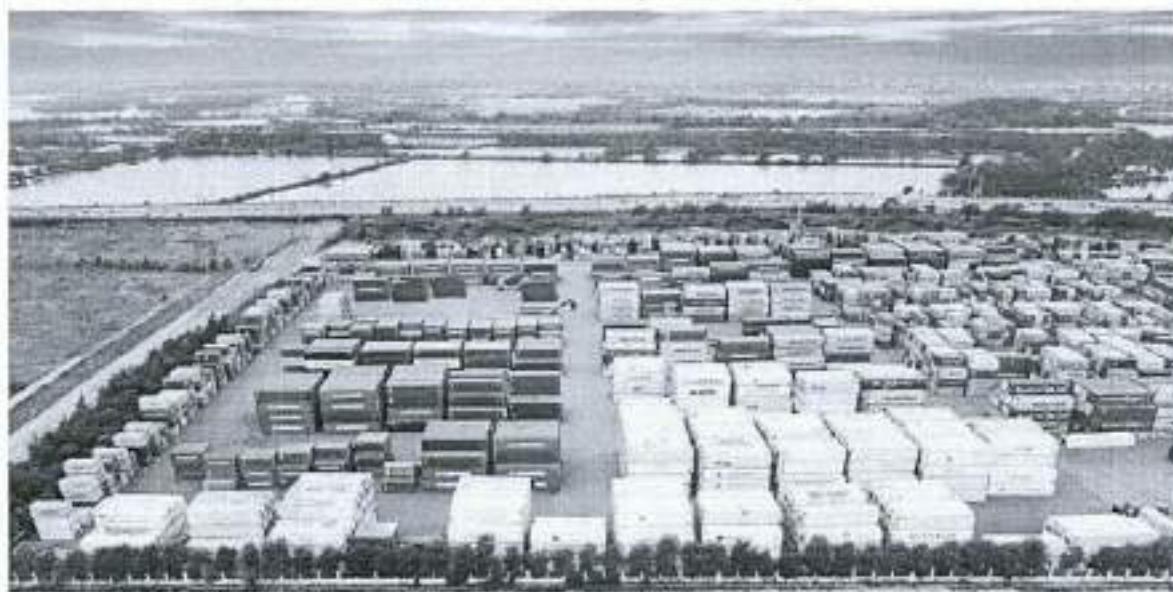
- + Dịch vụ kho bến, lưu trữ và bốc xếp hàng hóa
- + Dịch vụ sửa chữa container

10.1.1 Dịch vụ kho bến, lưu trữ và bốc xếp hàng hóa

Với lợi thế về vị trí địa lý và sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau của các đơn vị thành viên trong lĩnh vực logistics thuộc công ty mẹ là Công ty Cổ phần Container Việt Nam, GIC đã tập trung phát triển dịch vụ phụ trợ cho hoạt động logistics trong đó các dịch vụ *nâng hạ, bão quản và chuyển giao Container* là dịch vụ mang lại doanh thu chính hàng năm cho Công ty.

Có địa điểm sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng, bến liền kề với hệ thống Cảng Đình Vũ, cảng nước sâu Lạch Huyện, kết nối trực tiếp vào tuyến đường quan trọng như cao tốc Hải Phòng – Hà Nội, cao tốc Hải Phòng – Hạ Long,... là vị trí bến container chiến lược để khai thác hậu cần sau cảng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động logistics và dịch vụ vận tải hàng hóa, cụ thể như sau:

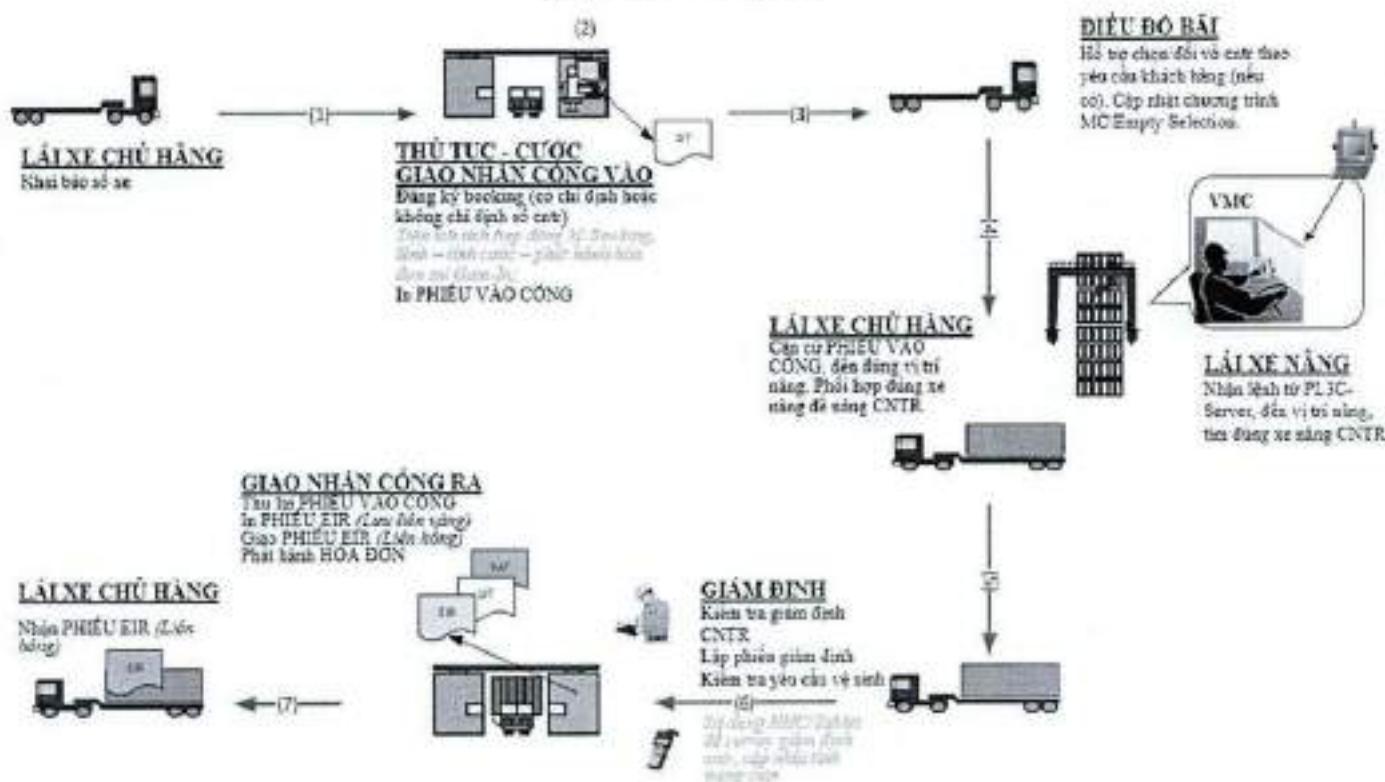
- Diện tích và sức chứa: Với hệ thống bãi container rộng 10 ha tại khu công nghiệp Đinh Vũ Hải Phòng, mặt bãi trải asphalt tiêu chuẩn quy hoạch bãi được tính toán khả năng chất xếp container tối ưu, đạt sức chứa 8.000 container (8.000 TEUs).



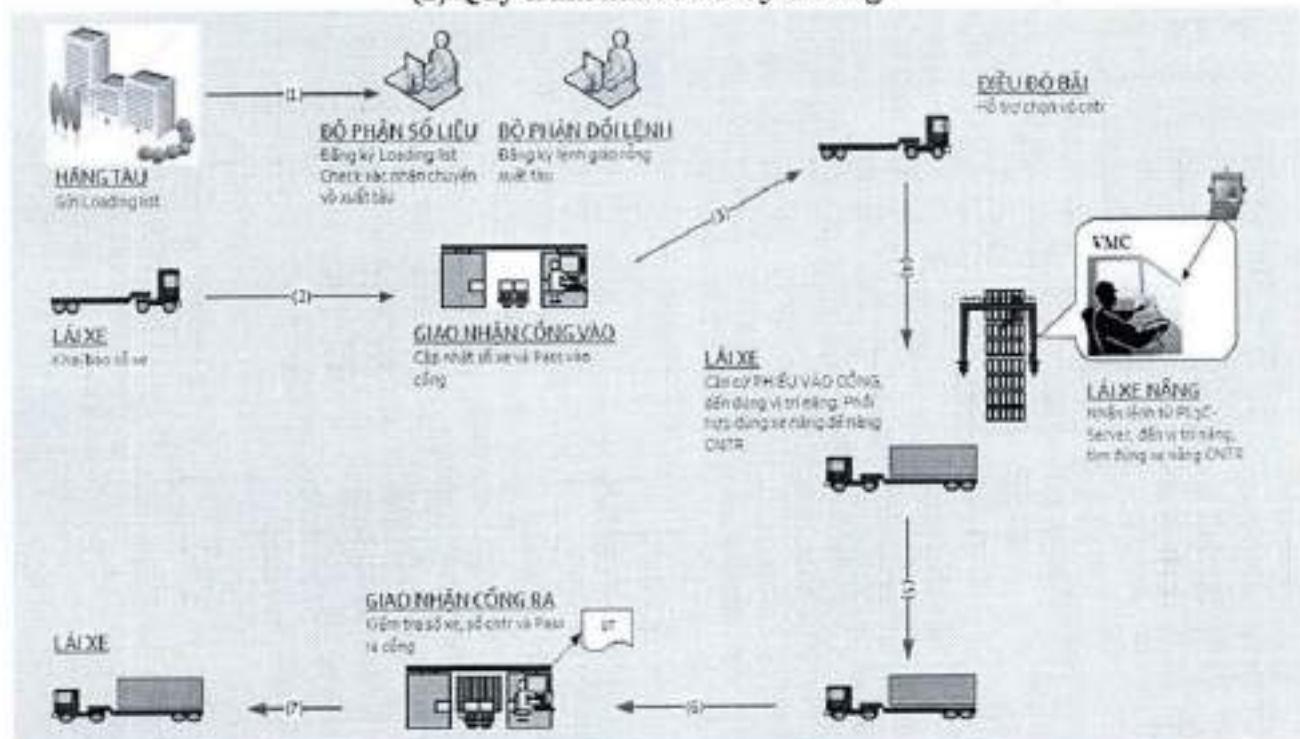
Hình 1: Bãi container của GIC

- Cơ sở hạ tầng: Khu vực kho bãi container của Công ty được quy hoạch công vào, ra riêng biệt tạo luồng xe chạy trong bãi thuận tiện, an toàn. Hệ thống 200 giắc cắm container lạnh phục vụ cùng lúc 200 container kiểm tra và chạy lạnh 24h/24h trong bãi. Hệ thống giám sát CCTV hoạt động 24/24h toàn bộ bãi container và khu vực dịch vụ khách hàng, kết nối với màn hình Led tại khu vực điều hành sản xuất, đảm bảo an ninh và quản lý hàng hóa hiệu quả. Hệ thống camera chụp tự động tại 2 cổng ra vào bãi nhằm tăng cường quản lý container nhập, xuất bãi.
- Trang thiết bị: GIC đầu tư 03 xe nâng hàng Reach Stacker có sức nâng 45 tấn; 04 xe nâng vò Reach Stacker có sức nâng 10 tấn; 02 xe nâng Forklift với sức nâng 5 tấn và 10 tấn đáp ứng nhu cầu nâng hạ và di chuyển container một cách hiệu quả; 09 xe đầu kéo với móc kèm theo phục vụ vận chuyển container đường bộ.
- Quản lý vận hành: Công ty trang bị hệ thống phần mềm quản lý nhập xuất container PL-TOL và toàn bộ thiết bị số hóa tự động cầm tay từ các khâu giao nhận tại hai cổng nhập, xuất, thiết bị cầm tay cho lái xe nâng trong bãi kịp thời cập nhật thông tin hoàn thành nâng, hạ và vị trí xếp đặt container trong bãi và báo cáo về mọi thông tin tình trạng hàng hóa trong thời gian thực.
- Công ty xây dựng quy trình giao nhận container chuyên nghiệp, hiệu quả cùng với đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận container đảm bảo chất lượng và an toàn cho hàng hóa dịch vụ. Với chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp và năng suất lao động cao, đáp ứng năng lực thông qua bãi đạt trên 1.800 TEUs/ngày, mang lại lợi ích lớn nhất cho khách hàng.
- Hoạt động nâng hạ, bảo quản và chuyển giao container được Công ty chuẩn hóa thành các quy trình bao gồm: Quy trình cấp vò, quy trình xuất vò chuyên cảng.

(1) Quy trình cấp vỏ



(2) Quy trình xuất vỏ chuyển cảng



Nhằm cung cấp cho khách hàng một dịch vụ hoàn hảo, trọn gói, khép kín trong chuỗi dịch vụ lưu giữ, bảo quản container tại bãi. Công ty cũng phát triển các dịch vụ kèm theo như dịch vụ vận tải container đường bộ, dịch vụ tu sửa chữa container, dịch vụ lắp đặt các thiết bị treo container, dịch vụ đóng mới container, dịch vụ làm sạch container,... để giao cho khách hàng container trong tình trạng tốt, sẵn sàng để đóng hàng.

10.1.2 Sửa chữa container

Một trong những dịch vụ quan trọng tại các Depot và Cảng Container liên quan đến container rỗng đó là giám định tình trạng một cách chính xác và đưa ra phương án sửa chữa phù hợp. Những thùng container theo tiêu chuẩn ISO giúp đẩy nhanh tốc độ lưu thông hàng hóa, giảm tắc nghẽn ở các bến cảng và bảo vệ hàng hóa được vận chuyển an toàn. Trách nhiệm của mỗi hãng tàu container là cung cấp cho khách hàng, người gửi hàng những container rỗng tiêu chuẩn, nguyên vẹn và đủ điều kiện để đóng hàng hóa và tiến hành vận chuyển. Vô container được hãng tàu lưu trữ khắp các Depot và Cảng biển trên thế giới nơi có chi nhánh của mình.

Trong quá trình sử dụng container để đóng hàng, xếp dỡ vận chuyển luôn xảy ra những hư hỏng đối với các thùng container, và việc sửa chữa, tân trang container vỏ phải theo tiêu chuẩn được quy định thống nhất. IICL (The Institute of International Container Lessors) là tiêu chuẩn container và các hoạt động liên quan đến sửa chữa, bảo trì và giám định các loại container. Vì vậy Công ty Cổ phần VSC Green Logistics cung cấp dịch vụ giám định và sửa chữa container, đảm bảo chất lượng và an toàn cho container trước khi đưa vào sử dụng. Để đáp ứng công tác giám định và sửa chữa container, Công ty đã trang bị cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại tiên tiến cùng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo bài bản, cụ thể:

- Cơ sở hạ tầng: Khu vực sửa chữa chuyên dụng có diện tích rộng 2.000m², trong đó 400m² có mái che luôn sẵn sàng phục vụ cho việc sửa chữa và bảo dưỡng container 24h/24h trong mọi thời tiết.
- Trang thiết bị hiện đại: Công ty trang bị máy công cụ phục vụ sửa chữa container chuyên dụng như xe nâng Reach Stacker 45 tấn và 10 tấn; búa máy; máy hàn công nghiệp; máy phun sơn,...cùng phần mềm quản lý PL-TOSS để tối ưu hóa quy trình, đáp ứng đúng tiêu chuẩn Quốc tế về sửa chữa bảo trì container.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp: Đội ngũ kiểm tra, giám định container hoạt động 24h/24h có trình độ chuyên môn được đào tạo theo tiêu chuẩn IICL, cùng với kinh nghiệm giám định lâu năm đảm bảo chất lượng dịch vụ.

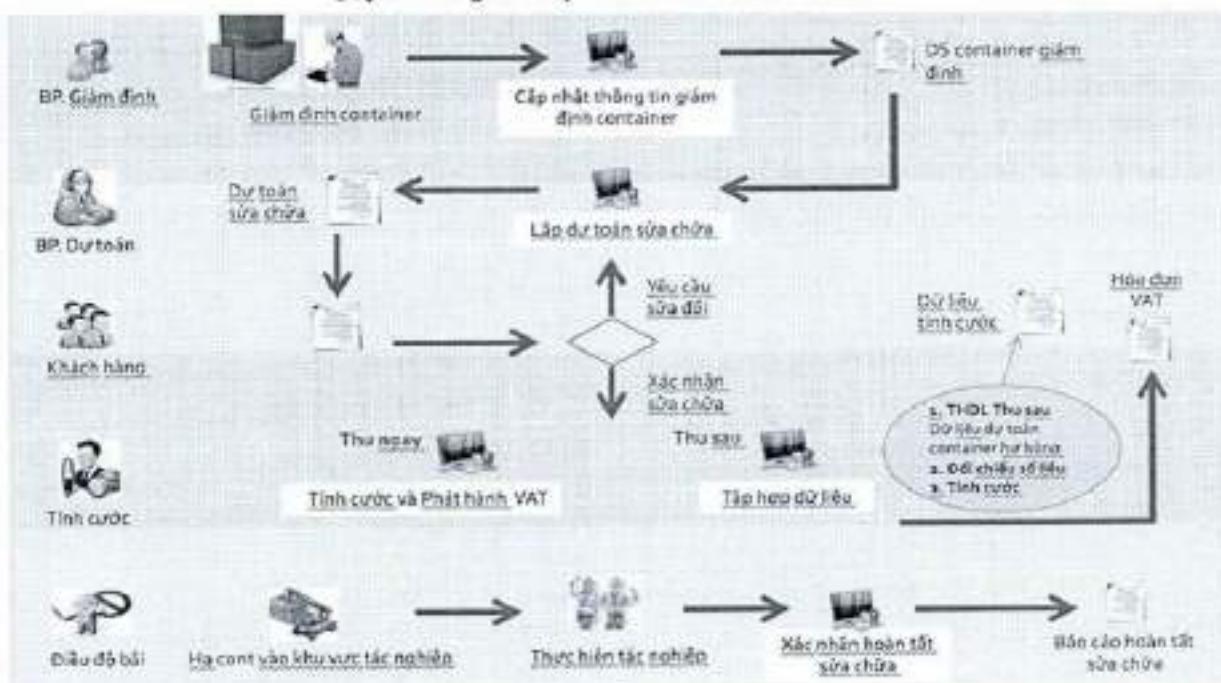


Hình 2: Cán bộ GIC thực hiện giám định container

- Kiểm tra chất lượng tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế: Đánh giá tình trạng kỹ thuật và cấu trúc của container, xác định hư hỏng hao mòn. Thực hiện theo tiêu chuẩn IICL, đảm bảo container đáp ứng yêu cầu vận chuyển quốc tế.

- Công ty còn đặt mua riêng phần mềm thiết lập phương án sửa chữa và lập báo giá sửa chữa container chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế IICL, sẵn sàng gửi ngay phương án và báo giá sửa chữa container ngay khi container nhập bến.

Quy trình giám định và sửa chữa container



Ngoài ra, Công ty cũng đang cung cấp dịch vụ vệ sinh container. Container nhập bãi sẽ được chuyển ngay đến khu vực vệ sinh container để làm sạch toàn bộ bao gồm: vệ sinh vách, sàn container, gỡ định vị hàng hoá trên sàn container, bóc tem lưu ý về hàng hoá trong vận chuyển dán trên container, ... hoặc sau khi sửa chữa container cũng sẽ được làm sạch để đảm bảo container trong tình trạng tốt sạch, sẵn sàng giao cho khách hàng đóng hàng mới.

10.1.3 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

- Tác động lên môi trường của Công ty:
 - + Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp.
 - + Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
- Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu:
 - + Ngành nghề chính của Công ty là khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỏ phụ và các vật tư phụ tùng khác.
 - + Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.
- Tiêu thụ năng lượng: Công ty luôn quan tâm đến việc tiêu thụ các nguồn năng lượng mang lại hiệu quả kinh doanh và giảm tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm:

- + Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương;
- + Ưu tiên sử dụng năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả như sử dụng năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời, nước sạch,...
- + Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, sửa chữa và vệ sinh container. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế, tái sử dụng: 0%.
- Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
 - + Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.
 - + Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

10.1.4 Nguyên, nhiên, vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu:
 - + Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong ngành logistics, chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí kinh doanh. Nhiên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của GIC là dầu diesel và các dầu mỏ phụ khác. Nguồn nhiên liệu được cung cấp bởi doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước, Công ty ký hợp đồng có thời hạn một năm và tự động gia hạn một năm tiếp theo (nếu không có thỏa thuận khác) với số lượng cung cấp theo yêu cầu thực tế sử dụng để đảm bảo ổn định về nguồn cung và chất lượng nhưng không tránh lạm phí...
 - + Ngoài ra, Công ty sử dụng vật tư sửa chữa container chủ yếu là tôn, thép, ván sàn gỗ có nguồn cung từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước... Công ty ký hợp đồng dài hạn theo năm với nhà cung cấp vật tư có đầy đủ chứng nhận chất lượng; cung cấp theo nhu cầu thực tế nhằm đảm bảo nguồn vật tư sửa chữa container ổn định về số lượng, giá cả và chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn sửa chữa container Quốc tế IICL.
- Sự ổn định các nguồn nguyên vật liệu: Nguồn nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty được cung ứng trong nước ổn định; nguyên liệu, vật tư không khan hiếm về nguồn cung.

*Bảng 6: Bảng vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu tiêu thụ của GIC
trong các năm 2023, 2024 và 2025*

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chi tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|-----|------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| | | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Vật tư | 11.218.892.270 | 41,15 | 12.310.593.683 | 49,98 | 10.300.368.900 | 41,48 |
| 2 | Nhiên liệu | 16.043.460.896 | 58,85 | 12.320.044.198 | 50,02 | 14.533.232.000 | 58,52 |
| | Tổng cộng | 27.262.353.166 | 100 | 24.630.637.881 | 100 | 24.833.600.900 | 100 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty do đặc thù của ngành là các nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, giá vốn. Công ty luôn chủ động lên kế hoạch kinh doanh sát với nhu cầu thực tế sử dụng nguồn nhiên liệu, đảm bảo bám sát vào nhu cầu của khách hàng theo các hợp đồng nguyên tắc đã ký kết.

10.1.5 Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí sản xuất của GIC trong các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

| T T | Chi phí sản xuất kinh doanh | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/giảm | |
|------------------|---|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | %/ DTT | Giá trị | %/ DTT | Giá trị | %/ DTT | 2024/ 2023 | 2025/ 2024 |
| 1 | Giá vốn | 102.670 | 59,6% | 94.283 | 59,17% | 87.432 | 56,05% | -8,17% | -7,27% |
| 2 | Chi phí tài chính | 511 | 0,30% | 1.942 | 1,22% | 2.163 | 1,39% | 280,04% | 11,38% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 45.933 | 26,66% | 40.237 | 25,25% | 45.134 | 28,94% | -12,40% | 12,17% |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6.747 | 3,92% | 6.342 | 3,98% | 6.413 | 4,11% | -6,00% | -1,12% |
| Tổng cộng | | 155.861 | 90,47% | 142.804 | 89,62% | 141.142 | 90,49% | (8,38%) | -1,16% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh giảm từ 155,8 tỷ đồng năm 2023 xuống 142,8 tỷ đồng năm 2024 (giảm 8,38%), nguyên nhân là do chi phí giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng giảm mạnh. Trong khi Giá vốn hàng bán giảm từ 102,6 tỷ đồng xuống 94,3 tỷ đồng (giảm 8,3 tỷ đồng, tương đương mức giảm 8,17%) thì Chi phí bán hàng giảm 12,40% (giảm từ 45,9 tỷ đồng năm 2023 xuống 40,2 tỷ đồng). Ngược lại với các chi phí khác, chi phí tài chính tăng mạnh (tăng 280,04% từ 511 triệu đồng năm 2023 lên 1.942 tỷ đồng năm 2024). Chi phí tài chính đến từ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác, đây là khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ với giá vốn đầu tư 70 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ sở hữu 13,31% Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ).

Năm 2025, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của GIC là 141,1 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,16% so với năm 2024. Trong đó, chi phí Giá vốn hàng bán là 87,4 tỷ đồng, giảm 7,27% so với năm 2024. Chi phí bán hàng là khoản mục chi phí lớn thứ hai của Công ty, trong năm 2025 là 45,1 tỷ đồng, tăng 12,17% so với năm trước. Chi phí tài chính tăng 11,38% so với năm 2024, chủ yếu do tăng chi phí dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào đơn vị khác, Công ty không có chi phí lãi vay trong năm 2025 do không vay nợ. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ 1,12% so với năm 2024.

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty (trên 56%). Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty qua các năm 2023, 2024 và năm 2025 như sau:

Bảng 8: Cơ cấu Giá vốn hàng bán các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Giá vốn hàng bán | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----|---------------------------|----------------|---------------|---------------|
| 1 | Chi phí nhân viên | 32.414 | 30.195 | 29.722 |
| 2 | Chi phí nguyên vật liệu | 27.252 | 27.204 | 26.081 |
| 3 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 25.237 | 22.269 | 20.322 |
| 4 | Chi phí khấu hao | 17.255 | 14.379 | 11.307 |
| 5 | Chi phí khác | 513 | 236 | - |
| | Tổng cộng | 102.671 | 94.283 | 87.432 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Chi phí bán hàng cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động của Công ty, tương đương với hơn 28% tổng chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025. Khoản chi phí này bao gồm chi phí liên quan đến hàng tàu và chi phí hoa hồng, cụ thể như sau:

Bảng 9: Cơ cấu Chi phí bán hàng các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chi phí bán hàng | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----|---|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Chi phí liên quan đến hàng tàu | 20.363 | 18.977 | 21.330 |
| 1.1 | <i>Chi thường khách hàng (chi cho hàng tàu)</i> | 20.363 | 18.977 | 21.330 |
| 2 | Chi phí hoa hồng – bên thứ ba | 5.384 | 3.111 | 1.471 |
| 3 | Chi phí hoa hồng – bên liên quan | 18.797 | 16.687 | 21.228 |
| 4 | Chi phí khác | 1.389 | 1.462 | 1.105 |
| | Tổng cộng | 45.933 | 40.237 | 45.134 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

10.1.6 Trình độ công nghệ

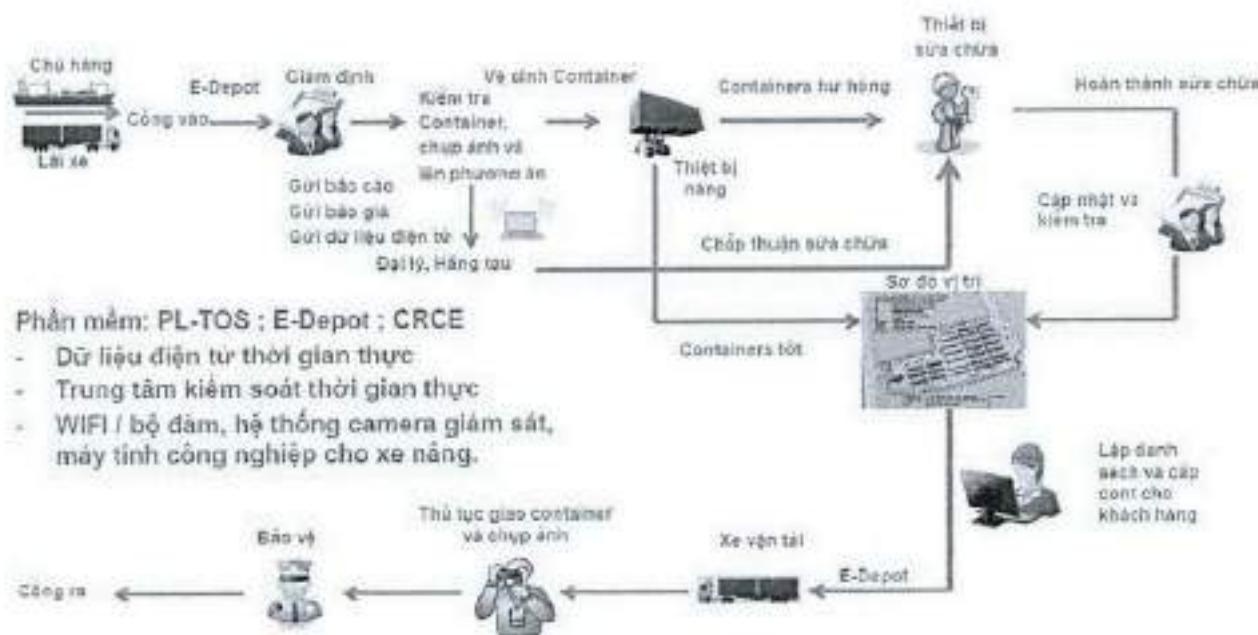
4. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các nghiệp vụ liên quan

- Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty trang bị phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin với các giải pháp công nghệ thông tin giúp GIC cung ứng các dịch vụ trực tuyến với khách hàng nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, tối ưu khả năng chất xếp và sicc chứa của bãi, tối ưu chi phí vận hành cũng như tăng tính chuyên nghiệp trong quản lý chất lượng dịch vụ và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của GIC.
- Hệ thống phần mềm PL-TOS là hệ thống phần mềm quản lý giao nhận container chuyên dùng tối ưu nhất hiện nay cho khai thác bãi container. Hệ thống PL-TOS bao gồm phần mềm cập nhật, lưu trữ tình hình nhập xuất container vào bãi, tình trạng container khi nhập, xuất bãi, vị trí container trong bãi, số lượng container tồn tại trong bãi... và các thiết bị điện tử cầm tay, máy tính cá nhân... kết nối trực tiếp cho phép nhập dữ liệu container ngay từ cổng vào và tự

động chuyển giữ liệu tới toàn bộ hệ thống khai thác bãi của GIC, chỉ một lần nhập dữ liệu từ đầu vào cho phép dù dữ liệu phục vụ lập chứng từ giao nhận, lập hóa đơn GTGT điện tử, thanh toán online qua ngân hàng hoặc thanh toán tiền mặt tại bộ phận dịch vụ khách hàng. Kết nối với hệ thống phần mềm PL-TOS là phần mềm kế toán, dịch vụ cung cấp hóa đơn điện tử, hệ thống thanh toán trực tuyến của các ngân hàng và công thông tin Hải quan thông qua ứng dụng E-Depot trên website trực tuyến của Công ty.

- Với ứng dụng E-Depot khách hàng có thể thực hiện giao dịch trực tuyến tất cả các dịch vụ của GIC thông qua website được kết nối với công thanh toán điện tử của ngân hàng, đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử và thủ tục giao nhận trực tuyến.
- Phần mềm CRCE là ứng dụng cho phép cập nhật tình trạng container hư hỏng theo kết quả giám định container vào bộ quy chuẩn sửa chữa container Quốc tế IIICL được thiết lập trong phần mềm và cho kết quả là phương án sửa chữa, thay thế theo tiêu chuẩn IIICL và báo giá sửa chữa container với chi phí vật tư và chi phí nhân công (tính bằng giờ) riêng biệt theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Vận hành phần mềm PL-TOS; E-Deport và CRCE của GIC



- Phần mềm kế toán Bravo là phần mềm kế toán phổ biến hiện nay, cho phép kết nối với hệ thống hoá đơn điện tử, hệ thống dịch vụ khách hàng và website thanh toán trực tuyến của Công ty, đáp ứng được mọi yêu cầu về kế toán tài chính và quản trị công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống website của Công ty được cập nhật thường xuyên, cung cấp các thông tin về dịch vụ của Công ty, các thông tin về đối tác, khách hàng của Công ty và các thông tin đối với cổ đông của Công ty theo yêu cầu của pháp luật hiện hành về quản trị công ty đại chúng.
- Hệ thống công nghệ thông tin được theo dõi, bảo trì thường xuyên bởi đội ngũ IT có kinh nghiệm trình độ, đảm bảo công tác kết nối và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn vận hành ổn định.

4. *Trang thiết bị xếp dỡ và vận tải container chuyên dùng hiện đại, chất lượng đã được khẳng định của các thương hiệu hàng đầu*

- Thiết bị xếp dỡ container rỗng với sức nâng 10 tấn của thương hiệu Kalmar xuất xứ Phần Lan. Các sản phẩm của Kalmar đã được các doanh nghiệp cảng biển, kho bãi tin dùng sử dụng rộng rãi tại các cảng biển lớn trên thế giới với chất lượng bền bỉ, khả năng chịu tải lớn cũng như dễ bảo trì.
- Thiết bị xếp dỡ container có hàng với sức nâng 46 tấn của Hyster xuất xứ Châu Âu - là một trong những công ty hàng đầu thế giới về xe nâng. Sản phẩm xe nâng của Hyster là dòng xe duy nhất có khả năng làm việc với cường độ lên tới 3000h/năm, có khả năng hoạt động trong những môi trường làm việc khắc nhiệt nhất, các sản phẩm này không chỉ có khung gầm cứng cáp, động cơ hiệu suất cao mà còn tiết kiệm chi phí vận hành.
- Đội xe đầu kéo chuyên dùng nhãn hiệu International Prostar Limited xuất xứ Mỹ với lực kéo mạnh mẽ, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, khả năng vận chuyển trên mọi địa hình khó khăn phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hoá, container có trọng tải lớn các loại.
- Máy công cụ và thiết bị sửa chữa container chuyên dụng như máy hàn công nghiệp, máy mài sàn container, máy cắt thép, gỗ ván sàn, máy phun sơn, búa máy,... được trang bị và ứng dụng trong sửa chữa container theo tiêu chuẩn IIICL - tiêu chuẩn Quốc tế về container.

10.1.7 *Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ trong năm 2023, năm 2024 và năm 2025*

Bảng 10: Sản lượng/giá trị dịch vụ các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

| STT | Chi tiêu | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|------------------|--|-----------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Khai thác bãi | Teus | 383.950 | 320.726 | 280.058 |
| 2 | Sửa chữa container (Số lượng container Công ty đã và đang sửa chữa) | Container | 14.299 | 16.754 | 14.978 |
| Tổng cộng | | | 398.249 | 337.480 | 295.036 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Sản lượng kinh doanh khai thác bãi là hoạt động mang lại doanh thu chính của Công ty, tuy nhiên trong các năm 2024 - 2025, tình hình khai thác bãi của Công ty sụt giảm do các khó khăn về thị trường vận tải đường biển khiến lượng hàng hoá qua các cảng biển tại khu vực giảm, đồng thời hoạt động khai thác bãi cảng gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề dẫn đến sự sụt giảm doanh thu khai thác bãi của Công ty. Năm 2025, sản lượng khai thác bãi của Công ty đạt 280.058 TEUs, giảm 12,68% so với năm 2024. Sản lượng container Công ty đã và đang sửa chữa trong năm đạt 14.978 container, giảm 10,60 % so với cùng kỳ.

Bảng 11: Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

| ST T | Chỉ tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng/giảm | |
|---------|---|----------|--------|----------|--------|----------|--------|---------------|---------------|
| | | Giá trị | %/DTT | Giá trị | %/DTT | Giá trị | %/DTT | 2024/ 2023 | 2025/ 2024 |
| I | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 172.273 | 100% | 159.342 | 100% | 155.975 | 100% | -7,51% | -2,11% |
| II | Doanh thu thuần | 172.273 | 100% | 159.342 | 100% | 155.975 | 100% | -7,51% | -2,11% |
| 1 | Doanh thu thuần xếp dỡ, nâng hạ container | 155.054 | 90% | 139.738 | 87,70% | 141.909 | 91% | -9,88% | 1,55% |
| 2 | Doanh thu thuần sửa chữa container | 11.110 | 6,45% | 13.402 | 8,41% | 12.915 | 8,28% | 20,63% | -3,63% |
| 3 | Doanh thu cung cấp dịch vụ khác | 6.109 | 3,55% | 6.202 | 3,89% | 1.150 | 0,74% | 1,52% | -81,46% |
| III | Lợi nhuận gộp | 69.602 | 40,40% | 65.059 | 40,83% | 68.542 | 43,94% | -6,52% | 5,35% |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | 18.593 | 10,79% | 18.092 | 11,35% | 16.510 | 10,59% | -2,69% | -8,74% |
| V | Lợi nhuận sau thuế | 16.631 | 9,65% | 16.239 | 10,19% | 14.593 | 9,36% | -2,36% | -10,14% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV năm 2025

Doanh thu của GIC qua các năm đến từ các hoạt động: xếp dỡ, nâng hạ container (chiếm trên 87% tổng doanh thu), sửa chữa container (chiếm trên 10% tổng doanh thu) và dịch vụ khác có liên quan. Doanh thu thuần năm 2025 đạt 155,9 tỷ đồng, giảm 2,11% so với năm 2024, nguyên nhân là do doanh thu cung cấp dịch vụ khác giảm 81,46%, từ 6,2 tỷ đồng năm 2024 xuống 1,1 tỷ đồng năm 2025. Doanh thu từ mảng xếp dỡ, nâng hạ container năm 2025 tăng 1,55% đạt 141,9 tỷ đồng. Các khoản doanh thu cung cấp dịch vụ khác không có thay đổi đáng kể trong các năm gần đây.

Mặc dù doanh thu giảm, nhờ Chi phí giá vốn cải thiện, lợi nhuận gộp năm 2025 của Công ty đạt 68,5 tỷ đồng, tăng 5,35% so với năm 2024. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng tăng 12,17%, đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính đều tăng nhẹ khiến lợi nhuận năm 2025 giảm sút so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 14,6 tỷ đồng, giảm 10,14% so với năm 2024.

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Bảng 12: Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chi tiêu | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------|---------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 153.394 | 109.595 | 43.799 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 83.050 | 57.279 | 25.771 |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 3.100 | 3.058 | 42 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 66.113 | 48.161 | 17.952 |
| 4 | Thiết bị quản lý | 1.130 | 1.097 | 34 |
| II | Tài sản cố định vô hình | 1.121 | 1.121 | 0 |
| 1 | Phần mềm máy tính | 1.121 | 1.121 | 0 |
| Tổng cộng | | 154.515 | 110.716 | 43.799 |

Nguồn: BCTC năm 2023 đã được kiểm toán của GIC

Bảng 13: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chi tiêu | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------|---------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 153.456 | 123.807 | 29.649 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 83.050 | 63.507 | 19.543 |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 3.100 | 3.100 | - |
| 3 | Phương tiện vận tải | 66.113 | 56.075 | 10.038 |
| 4 | Thiết bị quản lý | 1.193 | 1.125 | 68 |
| II | Tài sản cố định vô hình | 1.224 | 1.224 | 100 |
| 1 | Phần mềm máy tính | 1.224 | 1.124 | 100 |
| Tổng cộng | | 154.680 | 124.931 | 29.749 |

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của GIC

Bảng 14: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chi tiêu | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------|---------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 153.456 | 135.114 | 18.342 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 83.050 | 69.434 | 13.616 |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 3.100 | 3.100 | - |
| 3 | Phương tiện vận tải | 66.113 | 61.428 | 4.685 |
| 4 | Thiết bị quản lý | 1.193 | 1.152 | 41 |
| II | Tài sản cố định vô hình | 1.224 | 1.163 | 61 |
| 1 | Phần mềm máy tính | 1.224 | 1.163 | 61 |
| Tổng cộng | | 154.680 | 136.377 | 18.403 |

Nguồn: BCTC Quý IV/2025 của GIC

10.2.2. Tài sản dài hạn khác

Khoản tài sản dài hạn khác là khoản chi phí trả trước dài hạn liên quan đến việc thuê lô đất tại địa chỉ kinh doanh của Công ty - Lô đất CC2 tại Khu công nghiệp MP Dinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (Lô đất CC2). Cụ thể như sau:

Bảng 15: Tài sản liên quan đến lô đất thuê tại địa chỉ kinh doanh các năm 2023, 2024 và 2025

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Tài sản trả trước dài hạn | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----|---|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Chi phí thuê đất (*) | 113.730 | 110.335 | 106.729 |
| 2 | Công cụ dụng cụ | 314 | 241 | 193 |
| 3 | Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng | 654 | 654 | 876 |
| | Tổng cộng | 114.617 | 111.149 | 107.798 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

(*) Chi phí thuê Lô đất CC2, Công ty đã trả trước cho giai đoạn từ ngày 25/01/2017 đến ngày 30/06/2057 theo hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP ngày 25/01/2017 giữa GIC và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Biến động về chi phí thuê lô đất trên như sau:

Bảng 16: Tình hình biến động chi phí thuê lô đất CC2 các năm 2023, 2024 và 2025

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----|-------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Số dư đầu năm | 117.293 | 114.617 | 111.149 |
| 2 | Tăng trong năm | 946 | 245 | 208 |
| 3 | Phân bổ trong năm | (3.622) | (3.713) | (3.559) |
| 4 | Số dư cuối năm | 114.617 | 111.149 | 107.798 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

10.3. Thị trường hoạt động

Địa bàn kinh doanh của Công ty tại Thành phố Hải Phòng và khu vực Miền Bắc

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics cùng với công ty mẹ là Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) hoạt động kinh doanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Theo thống kê, TP. Hải Phòng hiện có khoảng 250 doanh nghiệp logistics, với hơn 170.000 lao động, 60 kho bãi lớn với tổng diện tích hơn 700 ha được phân bổ chủ yếu tại các khu vực cảng biển trọng điểm như Đinh Vũ, Tân Vũ, Chùa Vẽ, Hoàng Diệu và Hải An. Để phát triển hoạt động logistics, Thành phố Hải Phòng đã chủ động xây dựng và triển khai quy hoạch logistics hiện đại, đồng bộ, tập trung phát triển các trung tâm logistics quy mô lớn như khu vực Đinh Vũ - Cát Hải, Nam Đinh Vũ, VSIP... Những khu vực này không chỉ đóng vai trò lưu trữ, trung chuyển hàng hóa mà còn là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, kết nối trực tiếp với các khu công nghiệp, cảng biển và các tuyến giao thông chiến lược.

Vị trí các cảng của VSC (màu đen) và các cảng container khác tại Hải Phòng (màu đỏ)



Nguồn: Google Maps

GIC có vị trí chiến lược, nằm tại vị trí trung tâm Khu kinh tế Dinh Vũ – Cát Hải, Hải Phòng, do vậy có thể cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động logistics và dịch vụ liên quan container cho các khách hàng của các cảng biển trong khu vực.

Cảng biển là mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị ngành logistics, kết nối hình thức vận tải đường bộ, đường sắt với đường thủy trong chuỗi cung ứng, có thiết bị hạ tầng phù hợp cho công việc bốc xếp hàng hóa lên tàu thuyền để vận chuyển tới các cảng biển khác. Sở hữu hệ thống cảng biển lớn, hiện đại, trong đó nổi bật là Cảng Lạch Huyện, Thành phố Hải Phòng có khả năng tiếp nhận các tàu container trọng tải lớn, vận hành liên tục và kết nối trực tiếp với các tuyến vận tải biển quốc tế, kết nối trực tiếp với Mỹ, châu Âu và các thị trường toàn cầu.

Chuỗi giá trị ngành logistics



Bên cạnh đó, hệ thống đường cao tốc, đường sắt và sân bay quốc tế Cát Bi được đầu tư đồng bộ, liên kết chặt chẽ với các trung tâm sản xuất và tiêu dùng trong nước cũng như khu vực ASEAN và Trung Quốc... Đặc biệt, mô hình liên kết cảng biển - khu công nghiệp - trung tâm logistics tạo nên một hệ sinh thái khép kín, giúp tối ưu hóa chi phí và thời gian vận chuyển hàng hóa.

Thành phố Hải Phòng có 18 khu công nghiệp đang hoạt động cùng hai khu kinh tế lớn là Khu kinh tế Dinh Vũ - Cát Hải và Khu kinh tế ven biển phía Nam với tổng diện tích hơn 40.000 ha, cùng hàng triệu mét vuông nhà xưởng, kho bãi sẵn sàng cho thuê. Thành phố cũng đang xúc tiến thành lập Khu thương mại tự do và Cảng tự do Nam Đò Sơn với các cơ chế ưu đãi vượt trội.

Ngoài ra, Hải Phòng còn là điểm đầu của hàng hóa từ nội địa đổ về và là cửa ngõ xuất khẩu ra quốc tế. Thành phố được kết nối thuận lợi với các tuyến cao tốc huyết mạch như Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai, tạo điều kiện lý tưởng để hàng hóa từ các tỉnh phía Bắc như Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên... nhanh chóng di chuyển tới cảng biển Hải Phòng. Qua đó, nâng cao hiệu quả vận chuyển, giảm chi phí logistics và tăng tính cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam.

Như vậy với địa điểm hoạt động kinh doanh tại khu vực Hải Phòng, cung cấp dịch vụ liên quan

đến logistics cùng các quan hệ hợp tác hỗ trợ từ VSC và các công ty thành viên, tạo các chuỗi liên kết trong vận hành sản xuất đã hỗ trợ lớn cho hoạt động cung cấp dịch vụ bốc xếp, nâng hạ, sửa chữa container của Công ty, mang lại nguồn khách hàng ổn định và doanh thu đều các năm qua cho Công ty.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Thực hiện 2024/Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2025/Kế hoạch 2025 |
|----|----------------------|---------------|----------------|---------------|----------------|------------------------------|------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 160 | 159,34 | 145 | 155,97 | 99,59% | 107,57% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 16,5 | 18,09 | 16,5 | 16,51 | 109,65% | 100,06% |

Nguồn: BCTC năm 2024 đã kiểm toán và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Năm 2025 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững. Bãi container được vận hành và khai thác tương đối hiệu quả, với sản lượng container qua bãi đạt 280.058 TEUs với giá cung cấp dịch vụ tăng cao, qua đó giúp Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra với hiệu quả kinh doanh trong năm 2025 cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 155,97 tỷ đồng, tương đương với 107,57% kế hoạch doanh thu năm 2025.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 16,51 tỷ đồng, đạt kế hoạch lợi nhuận năm 2025.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 1.204 đồng/cổ phiếu.

Hoạt động xếp dỡ, nâng hạ container năm 2025 mang lại doanh thu lớn nhất với doanh thu đạt 141,9 tỷ đồng, chiếm hơn 91% tổng doanh thu thuần của Công ty.

[Phần cuối của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Báo cáo bạch

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 18: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

| TT | Tên hợp đồng | Thời điểm ký kết | Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra | Đối tác | Mối quan hệ với người nội bộ và công đồng của Công ty | Các điều khoản quan trọng khác |
|--|--|------------------------|--------------------------------|---|---|---|-----------------------------------|---------|---|--------------------------------|
| | | | | | | | | | | |
| I HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ | | | | | | | | | | |
| 1 | Hợp đồng 02-2022/VGR-GIC, 03/2024/DVXD/VGR-GIC | 01/10/2023, 02/05/2024 | 9,20 | 5,34% | 10,82 | 6,79% | 1,24 | 1,08% | Sửa chữa container | CTCP Cảng Xanh VIP |
| 2 | Hợp đồng số 01/2023/VGR-GIC | 01/01/2023 | 9,37 | 5,44% | 11,18 | 7,02% | 5,29 | 4,60% | Khai thác bãi | CTCP Cảng Xanh VIP |
| | | | | | | | | | Công ty cùng tập đoàn | Công ty cùng tập đoàn |
| | | | | | | | | | Không có | Không có |

| TT | Tên hợp đồng | Thời điểm ký kết | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Các điều khoản quan trọng khác |
|----|------------------------------------|------------------|---|---|---|---|-----------------------------------|---------|---------------------------------|
| | | | Giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*) | Giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD | Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra | Đối tác | |
| 3 | Hợp đồng số 03/2023/HĐNNH/ GLC-GIC | 01/01/2023 | 1,67 | 0,97% | 1,59 | 0,99% | 1,09 | 0,95% | Khai thác bãi |
| 4 | Hợp đồng số 03/2023/HĐNNH/ GLC-GIC | 01/01/2023 | 1,10 | 0,64% | 0,83 | 0,52% | 0,16 | 0,14% | Khai thác bãi |
| 5 | Hợp đồng số 01/2024 HĐMB/VGI-GIC | 27/06/2024 | - | - | 1,35 | 0,85% | - | - | Thanh lý TSCD, công cụ, dụng cụ |
| | | | | | | | | | Cảng Quang Bình – Dinh Vũ |
| | | | | | | | | | Công ty cùng tập đoàn |
| | | | | | | | | | Không có |
| | | | | | | | | | Không có |

| TT | Tên hợp đồng | Thời điểm ký kết | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Mối quan hệ với người nội bộ và công ty | Các điều khoản quan trọng khác |
|----|------------------------------------|------------------|---|---|---|---|-----------------------------------|---------|---|---------------------------------------|
| | | | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra | Đối tác | | |
| 6 | Hợp đồng số 01/2025/HĐ GIC-TRACO | 31/12/2025 | 1,28 | 0,74% | 1,50 | 0,94% | 0,85 | 0,74% | Dịch vụ đóng hàng | CTCP Vận Tải 1 Traco |
| 7 | Hợp đồng số 01/2025 HD YLTV-GIC | 31/12/2025 | 0,89 | 0,51% | 1,54 | 0,96% | 0,61 | 0,54% | Nâng hạ container | Công ty TNHH Yusen Logistic |
| 8 | Hợp đồng số 11/2025/DEPOT /SNT-GIC | 31/12/2025 | 0,53 | 0,31% | 0,21 | 0,13% | 0,20 | 0,17% | Vệ sinh, Sửa chữa container | Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (ORIMAS) |

| TT | Tên hợp đồng | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Mối quan hệ với người nội bộ và công ty đối tác | Các điều khoản quan trọng khác |
|--|--|------------------|--------------------------------|---|---|--------------------------------|---|---|---|
| | | Thời điểm ký kết | Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (") | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (") | Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chí phí SXKD (*) | | |
| II HỢP ĐỒNG MUA HÀNG, MUA DỊCH VỤ | | | | | | | | | |
| 1 | Hợp đồng số 01/2022/HĐKT; 01/2025/HĐNT/ VSC-GIC | 31/12/2022 | 6,31 | 4,06% | 0 | 0 | 9,96 | 15,12% | Nhiên liệu, dầu mỏ |
| 2 | Hợp đồng số 2405/2024/HĐN T/THT-GIC; 0101/2025/HĐN T/THT-GIC | 2024 - | - | - | 3,53 | 3,75% | 7,60 | 11,5% | Công ty Cổ phần Container Việt Nam |
| | | | | | | | | | Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tiên |
| | | | | | | | | | Không có |

| TT | Tên hợp đồng | Thời điểm ký kết | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Các điều khoản quan trọng khác |
|----|---|------------------|---|---|---|---|-----------------------------------|---------|---|
| | | | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*) | Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*) | Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra | Đối tác | |
| 3 | Hợp đồng số 01/2023 GIC-GSL/HĐ DVSC; Hợp đồng số 01/2023/GSL-GIC; Hợp đồng số 01/2023/HĐNNH/GSL-GIC | 01/01/2023 | 7,74 | 4,98% | 7,86 | 5,58% | 3,80 | 5,77% | Dịch vụ sửa chữa Phương tiện thiết bị và vận chuyển nhập xuất tàu |
| | | | | | | | | | Công TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh |
| | | | | | | | | | Công ty cung cấp đoàn |
| | | | | | | | | | Không có |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty có các hợp đồng lớn đã ký kết và chưa thực hiện là các hợp đồng nhận chuyển nhượng tài sản, cụ thể như sau:

Bảng 19: Các hợp đồng lớn đã ký kết và chưa thực hiện (*)

| SST | Tên hợp đồng | Thời điểm ký kết | Giá trị hợp đồng (tỷ đồng) | Sản phẩm, dịch vụ | Đối tác | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty | Các điều khoản quan trọng khác |
|------------------|--------------------------------|------------------|----------------------------|--|---|---|--------------------------------|
| 1 | Hợp đồng số 36/HDCN/GLC-GIC; | 29/08/2025 | 40 | Quyền sử dụng đất | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh | Công ty cùng tập đoàn | Không có |
| 2 | Hợp đồng số 37/HDCNTS/GLC-GIC; | 29/08/2025 | 18 | Phương tiện vận tải: xe sơ mi rơ mooc, xe đầu kéo, xe nâng | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh | Công ty cùng tập đoàn | Không có |
| 3 | Hợp đồng số 38/HDCNTS/GLC-GIC | 29/08/2025 | 3,6 | Máy móc, thiết bị | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh | Công ty cùng tập đoàn | Không có |
| 4 | Hợp đồng số 169/HDCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 0,6 | Máy móc, thiết bị | Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh | Công ty cùng tập đoàn | Không có |
| 5 | Hợp đồng số 170/HDCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 4,9 | Phương tiện vận tải: xe sơ mi rơ mooc, xe ô tô đầu kéo | Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh | Công ty cùng tập đoàn | Không có |
| Tổng cộng | | | 111,2 | | | | |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

(*) Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 20: Khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

| TT | Tên khách hàng, nhà cung cấp | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Thời gian giao dịch | Sản phẩm, dịch vụ | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của TCPH |
|--------------------------|---|---------------------------------------|--|-----------------------------------|--|
| I. Khách hàng lớn | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP | Thanh toán theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 02-2022/VGR-GIC, Hợp đồng số 03/2024/DVXD/VGR-GIC, Hợp đồng số 01/2023/VGR-GIC | Sửa chữa container, khai thác bãi | Công ty cùng tập đoàn |
| 2 | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 03/2023/HDNH/GLC-GIC | Khai thác bãi | Công ty cùng tập đoàn |
| 3 | Công ty TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 03/2023/HDNH/GLC-GIC | Khai thác bãi | Công ty cùng tập đoàn |
| 4 | Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ | 1,35 | Năm 2024 | Thanh lý TSCD, công cụ, dụng cụ | Công ty cùng tập đoàn |
| 5 | CTCP Vận Tải 1 Traco | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2025/HĐ GIC-TRACO | Dịch vụ đóng hàng | Không có |
| 6 | Công ty TNHH Yusen Logistic | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2025 HĐ YLTV-GIC | Nâng hạ container | Không có |
| 7 | Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (ORIMAS) | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 11/2025/DEPOT/SNT-GIC | Vệ sinh, Sửa chữa container | Không có |

| TT | Tên khách hàng, nhà cung cấp | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Thời gian giao dịch | Sản phẩm, dịch vụ | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của TCPH |
|-----------------------------|--|-------------------------------|--|---|--|
| II. Nhà cung cấp lớn | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Container Việt Nam | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2022/HĐKT; Hợp đồng số 01/2025/HĐNT/VSC-GIC | Nhiên liệu, dầu mỏ | Công ty mẹ |
| 2 | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thịnh Tiến | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 2405/2024/HĐNT/THT-GIC; Hợp đồng số 0101/2025/HĐNT/THT-GIC | Vật tư, dầu mỏ | Không có |
| 3 | Công ty TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh | TT theo quyết toán hàng tháng | Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2023 GIC-GSL/HĐ DVSC; Hợp đồng số 01/2023/GSL-GIC; Hợp đồng số 01/2023/HĐNH/GSL-GIC | Dịch vụ sửa chữa Phương tiện thiết bị và vận chuyển nhập xuất tàu | Công ty cùng tập đoàn |
| 4 | Công ty TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh | 61,6 | Theo quy định tại Hợp đồng số 169/HĐCNTS/GSL-GIC; Hợp đồng số 170/HĐCNTS/GSL-GIC | Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải | Công ty cùng tập đoàn |
| 5 | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh | 49,6 | Theo quy định tại Hợp đồng số 36/HĐCN/GLC-GIC; Hợp đồng số 37/HĐCNTS/GLC-GIC; Hợp đồng số 38/HĐCNTS/GLC-GIC | Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải | Công ty cùng tập đoàn |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

✚ Vị thế của GIC

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2017. Tuy là doanh nghiệp trẻ mới hoạt động được 08 năm, nhưng đã đạt được mức tăng trưởng rất ấn tượng về quy mô doanh thu cũng như tổng tài sản.

Lợi thế: Là công ty con của CTCP Container Việt Nam (VSC) với chuỗi dịch vụ logistics khép kín bao gồm hệ thống cảng biển, kho CFS (diễn gom hàng lẻ), bãi container, đội vận tải container chuyên nghiệp, xưởng sửa chữa..., GIC có lợi thế lớn được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm đặc biệt là mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty mẹ và các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các hãng tàu lớn như Maersk, Evergreen, Cosco, Namsung, Dongyoung, OOCL, TS Lines, Hapag Lloyd, Yangming, CMA, CGM,... Đây cũng là tiền đề GIC phát triển lớn mạnh trong tương lai.

GIC đã đầu tư bài bản trang thiết bị chuyên dùng hiện đại như xe nâng Reach Stacker 45 tấn và 10 tấn; búa máy; máy hàn công nghiệp; máy phun sơn, xe vận tải đầu kéo kèm theo moóc hiện đại..., hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Với vị trí bãi rộng 10 ha, sức chứa tương đối lớn tại khu công nghiệp Dinh Vũ Hải Phòng, diem giao với các tuyến đường quan trọng như cao tốc Hải Phòng – Hà Nội, cao tốc Hải Phòng – Hạ Long... là vị trí bãi container chiến lược tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động logistics và dịch vụ vận tải hàng hoá một cách nhanh chóng, hiệu quả với chi phí thấp.

✚ Mức độ cạnh tranh và thị phần

Hải Phòng với vị trí là một trong những cảng lớn nhất Việt Nam, có lưu lượng thông quan lớn nhất khu vực Miền Bắc, tập trung đến 90% lượng container và hơn 50% tổng lượng hàng hoá xuất nhập khẩu tại khu vực. Theo đó, tại địa bàn Thành phố Hải Phòng có hơn 500 doanh nghiệp Logistics lớn nhỏ, dẫn đến sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp.

Dịch vụ xếp dỡ hàng container là hoạt động kinh doanh chính, đóng góp trên 85% doanh thu cảng biển. Do các doanh nghiệp đầu tư xây dựng ở số lượng dư thừa công suất, nhiều cảng, công ty đã phải cạnh tranh bằng việc hạ giá dịch vụ nhằm thu hút các hãng tàu. Ngoài ra hiện nay với lợi thế là cảng nước sâu, cùng với vị thế độc quyền đón được tàu mẹ, cảng Lạch Huyện đang giữ được mức giá dịch vụ xếp dỡ cao nhất Hải Phòng và chạm trần khung giá quy định của Bộ Giao thông Vận tải quy định. Trong khi đó, các cảng sông Cảm vẫn đang phải cạnh tranh gay gắt, buộc phải giữ giá bốc xếp thấp để giữ chân các hãng tàu, vì vậy GIC với vị trí ở khu vực đất liền cung cấp dịch vụ ngoài cảng, gần sông Cảm, cùng các đơn vị thành viên và các cảng thuộc VSC tại khu vực sông Cảm cũng bị sụt giảm thị phần đáng kể.



Nguồn: CTCP VSC Green Logistics

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2024, ngành logistics tại Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn chịu tác động nặng nề từ dịch bệnh. Xuất khẩu tăng trưởng ổn định, cùng với sự hỗ trợ tích cực từ Chính phủ, đã tạo động lực cho các doanh nghiệp logistics mở rộng hoạt động.Thêm vào đó, chuỗi cung ứng toàn cầu được cải thiện đáng kể, góp phần giảm bớt các nút thắt trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

Theo thống kê, hơn 82% doanh nghiệp logistics tại Việt Nam có lợi nhuận tăng trưởng trong năm 2024, cho thấy sự khởi sắc đáng kể của ngành. Tỷ lệ lắp đầy tại các khu công nghiệp đạt 81% ở miền Bắc và 92% ở miền Nam, nhờ dòng vốn FDI tiếp tục đổ mạnh. Kết quả này không chỉ thúc đẩy nhu cầu vận tải mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển của hạ tầng logistics. Riêng tại Thành phố Hải Phòng, trong năm qua, dịch vụ logistics duy trì tốc độ tăng trưởng 20-23%/năm và đóng góp khoảng 13-15% GRDP của thành phố. Tuy nhiên, theo ông Bùi Ngọc Hải - Phó trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, ngành logistics của Hải Phòng hiện nay vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế của cả nước. Chi phí logistics của Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng vẫn ở mức cao so với các quốc gia trong khu vực, tạo ra thách thức lớn trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Nguyên nhân chính là hoạt động trong chuỗi cung ứng giữa các doanh nghiệp còn thiếu sự liên kết chặt chẽ. Mỗi quan hệ giữa các doanh nghiệp logistics với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu hiện nay chủ yếu mang tính chất hợp tác tùng phần, chưa phát triển thành mối quan hệ chiến lược, đồng hành cùng phát triển. Để khắc phục những hạn chế, Thành phố Hải Phòng đã có định hướng xây dựng các mô hình chuỗi cung ứng khép kín, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, phát triển hạ tầng mềm, và đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong nước và quốc tế.

Logistics Việt Nam bước sang năm 2025 với nhiều cơ hội nhưng cũng đối mặt với hàng loạt thách thức lớn. Những yếu tố như bất ổn kinh tế toàn cầu và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành đang đặt ra nhiều bài toán khó giải.

Những bất ổn kinh tế, chính trị toàn cầu và ảnh hưởng đến ngành logistics nói chung và các ngành phụ trợ có liên quan đến logistics nói riêng. Việc giàn đoạn chuỗi cung ứng quốc tế không chỉ làm tăng chi phí vận hành mà còn làm giảm hiệu quả trong các khâu vận chuyển. Điều này

đòi hỏi các doanh nghiệp phải nhanh chóng thích nghi để hạn chế rủi ro.

Ngành logistics tại Việt Nam đang chứng kiến sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp cả trong và ngoài nước. Sự gia tăng về số lượng đối thủ đã khiến thị trường trở nên khó khăn hơn, buộc các công ty phải đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và cải tiến dịch vụ để giữ vững vị thế. Ngoài ra, với những cảng thẳng thương mại thế giới thì việc xuất nhập khẩu giảm sút sẽ dẫn đến nhu cầu vận chuyển hàng hóa bị ảnh hưởng, từ đó làm giảm doanh thu của các doanh nghiệp trong ngành.

Triển vọng phát triển ngành logistics Việt Nam đến năm 2030:

Ngành logistics Việt Nam được kỳ vọng sẽ có nhiều bước tiến vượt bậc nhờ sự đồng hành của Chính phủ và xu hướng phát triển logistics xanh (E-logistics). Xu hướng logistics xanh và bền vững trong tương lai đang dần trở thành tiêu chuẩn mới của ngành, với mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển lĩnh vực này nhờ sự đổi mới công nghệ và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.

Xu hướng tăng cường hợp tác công tư để cải thiện cơ sở hạ tầng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng logistics tại Việt Nam. Đầu tư vào cảng biển, kho bãi và giao thông vận tải sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn ngành. Với vị trí địa lý chiến lược và tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng, Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm logistics quan trọng của khu vực Đông Nam Á. Điều này sẽ mang lại nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

10.7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 21: So sánh các chỉ số tài chính của các Công ty trong cùng ngành, nghề

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | CTCP VSC Green Logistics (HNX) | CTCP Vận tải biển Sài Gòn (Upcom) | CTCP Cảng Hải Phòng (Upcom) | CTCP Cảng Cam Ranh (HNX) |
|---------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Tổng tài sản | 264.485 | 350.392 | 8.492.693 | 313.985 |
| Vốn điều lệ | 121.200 | 114.200 | 3.269.600 | 245.018 |
| Vốn chủ sở hữu | 242.364 | 314.550 | 6.360.621 | 280.670 |
| Doanh thu thuần | 43.256 | 42.231 | 709.949 | 46.241 |
| LNST chưa phân phối | 16.238 | 148.799 | 1.043.411 | 16.919 |
| ROE (%) | 6,7% | 16,79% | 12,69% | 5,83% |
| ROA (%) | 6,18% | 14,44% | 9,51% | 5,2% |
| EPS (nghìn đồng) | 1,34 | 3,16 | 2,47 | 0,67 |
| BV (nghìn đồng) | 20 | 19,26 | 16,99 | 11,29 |

Nguồn: BCTC năm 2024 của các công ty cùng ngành nghề đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán

10.7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung của thế giới

Để nâng cao năng lực hoạt động, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, GIC không ngừng nghiên cứu, phát triển, nâng cao năng lực hoạt động, khả năng cung cấp dịch vụ phụ trợ cho ngành logistics. Các công nghệ như quản lý kho bãi tự động và theo dõi lộ trình thời gian thực đã và đang được Công ty thực hiện. Thúc đẩy thực hành ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) và logistics xanh bền vững sẽ không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện nay đổi mới với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics. Vì vậy, trong quá trình phát triển, mục tiêu hướng tới ESG và logistics xanh của Công ty là hoàn toàn phù hợp với tiến trình phát triển ngành.

Ngành dịch vụ logistics, bốc dỡ hàng hoá và sửa chữa container còn rất nhiều dư địa phát triển. Với định hướng phát triển dịch vụ logistics Thành phố Hải Phòng theo hướng hiện đại đồng bộ và bền vững, với đủ 5 loại hình giao thông, đặc biệt có Cảng quốc tế Lạch Huyện, Hải Phòng đang hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm logistics của khu vực phía Bắc và quốc tế. Đến nay, Hải Phòng mới có 2 trung tâm logistics (kế hoạch là 6 trung tâm vào 2025) đi vào hoạt động là trung tâm logistics Green, trung tâm tiếp vận Yusen Logistics (cùng nằm trong khu công nghiệp Đinh Vũ). Ngoài ra, có 2 trung tâm logistics đang được xây dựng là trung tâm logistics CDC (khu công nghiệp Đinh Vũ 2) và trung tâm logistics thuộc KCN Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (khu công nghiệp Deep C III thuộc Khu kinh tế Đinh Vũ - Cát Hải). Ngoài ra, Nghị quyết số 45 của Bộ Chính trị đã xác định: đến năm 2025, xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc gia và đến năm 2030, thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao.

Việc áp dụng công nghệ cao, hiện đại vào sản xuất kinh doanh, hệ thống kho bãi rộng, trang thiết bị đầu tư bài bản, chất lượng cùng với chiến lược phát triển logistics của Thành Phố Hải Phòng nói chung và của công ty mẹ VSC nói riêng giúp cho GIC tự tin hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ logistics hàng đầu tại khu vực Miền Bắc. Định hướng của Công ty phù hợp với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Công tác tiếp thị làm thị trường được Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng dịch vụ mang lại nhiều doanh thu, lợi nhuận, đồng thời luôn chỉ đạo các đơn vị với quan điểm: khách hàng là sự tồn tại và phát triển của Công ty. Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng và các tổ chức trong nước, quốc tế biết đến. Quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài ngày càng mở rộng.

10.8. Hoạt động Marketing

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng nhằm giữ vững khách hàng truyền thống, đồng thời nỗ lực tìm kiếm, phát triển khách hàng mới là tiêu chí Marketing của công ty.
- Lợi thế là một Công ty con của Công ty Cổ phần Container Việt Nam, dịch vụ của Công ty nằm trong chuỗi mắt xích dịch vụ logistics của công ty mẹ. Vì vậy Công ty có cơ hội tiếp cận khách hàng của các Công ty trong cùng hệ thống Viconship để phát triển mối quan hệ trở thành khách hàng và khách hàng tiềm năng của Công ty trong tương lai.
- Đồng thời tìm kiếm các khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hoá để tìm hiểu, giới thiệu dịch vụ và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics, tên viết tắt là GIC. Công ty đã đăng ký tên giao dịch bằng tiếng Anh, tiếng Việt với Cơ quan quản lý Nhà Nước. Công ty cũng thiết kế và đăng ký logo, websites, tên miền của Công ty nhằm xây dựng thương hiệu riêng với tiêu chí trở thành Công ty dịch vụ hậu cần sau cảng hàng đầu tại Việt Nam và quảng bá thương hiệu với ngành logistics toàn cầu.



- Biểu tượng logo của Công ty:

www.greenicd.com.vn

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển giai đoạn 2023 – 2024 và thời điểm hiện tại

Trong giai đoạn 2023 – 2024 cho đến hiện tại, GIC đã và đang tiếp tục đầu tư cho hoạt động R&D theo hướng tập trung vào chuỗi dịch vụ logistics. Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty được thực hiện thông qua các định hướng chính như sau:

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định.
- Kiên định với chiến lược tiếp thị và lâm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.
- Kết nối với các đơn vị trong cùng Tập đoàn sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tinh chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.
- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị lâm thị trường nhằm tăng năng xuất, chất lượng dịch vụ hơn nữa.
- Rà soát nhân sự, tiền lương, quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.
- Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triết lý tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% và có tích luỹ để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

Một số kết quả từ hoạt động R&D trong thời gian vừa qua:

- Tiếp tục triển khai các dịch vụ Giá trị gia tăng (VAS) như dịch vụ PTI (Pre-Trip Inspection: dịch vụ kiểm tra kỹ thuật container lạnh trước khi bắt đầu hành trình vận chuyển), dịch vụ lâm container treo,...
- Nghiên cứu đưa công nghệ vào ứng dụng trong quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ, xây dựng “E-Depot” bằng việc ứng dụng công nghệ tạo giao dịch, thanh toán online, đăng ký nhận container,...

Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động R&D đến tình hình hoạt động của Công ty:

GIC xác định nghiên cứu và phát triển (R&D) là một trong các chiến lược quan trọng để giúp Công ty tối ưu hiệu quả vận hành, tăng sức cạnh tranh và phát triển bền vững. Phương hướng nghiên cứu và phát triển của Công ty luôn phù hợp với chính sách của Nhà nước, định hướng phát triển của Công ty và xu thế chung của thế giới. Các chính sách R&D trên đã từng bước góp phần giúp Công ty nâng cao năng lực hoạt động, giảm thiểu chi phí vận hành và gia tăng chuỗi giá trị hoạt động logistics khai thác kho bãi.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Tổng quan về chiến lược kinh doanh của Công ty:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phần đầu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới. Với kế hoạch đầu tư mua mới tài sản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua, Công ty đang có kế hoạch thực hiện mở rộng lĩnh vực kinh doanh và tăng quy mô đối với các hoạt động kinh doanh hiện có của GIC, cụ thể như sau:

- + Vận hành đội xe chạy đường dài: nhận chuyển nhượng các phương tiện vận tải gồm xe đầu kéo và sơ mi rơ mooc từ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL) và Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC), nhận chuyển giao khách hàng hiện hữu từ GSL và GLC, mở rộng thị trường tìm kiếm đối tác mới.
- + Mở rộng hoạt động chạy shipside tàu – bãi và các dịch vụ nâng hạ container trong bãi thông qua nhận chuyển nhượng thêm một số xe đầu kéo nội bộ cảng từ GSL và xe nâng (chạy dầu và chạy điện) của GLC.
- + Xây dựng thêm nhà kho đóng hàng rời và sửa chữa bãi container tại Khu đất kho hàng và Khu bến bãi container tại Lô CN3.2I Khu công nghiệp Đinh Vũ, Hải Phòng diện tích 10.120 m² nhận chuyển nhượng từ GLC.
- + Sửa chữa bãi container hiện nay tại các khu bãi hiện có diện tích 10 ha thuộc sở hữu của Công ty.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty. Công ty đảm bảo rằng vẫn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến để thực hiện chiến lược:

Để triển khai chiến lược kinh doanh trên, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ huy động được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này với số tiền dự kiến là 121 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn hiện có để thực hiện kế hoạch xây dựng nhà kho đóng hàng rời tại Lô đất nhận chuyển nhượng từ GLC (hơn 1 ha) và sửa chữa lớn đối với bãi container hiện đang khai thác (10 ha) của Công ty. Tổng giá trị đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dự kiến trong năm 2026 – 2027 là 52 tỷ đồng.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

Tổ Chức Phát Hành hiện không có ngành, nghề kinh doanh nào thuộc hệ thống ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV – Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.
- Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số lao động trong Công ty là 120 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 22: Tình hình lao động trong Công ty

| Phân loại | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|--------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| <i>Theo trình độ</i> | 151 | 100 | 139 | 100 | 120 | 100 |
| Đại học và trên đại học | 49 | 32.4 | 53 | 38.1 | 44 | 36.7 |
| Cao đẳng | 14 | 9.3 | 12 | 8.7 | 11 | 9.1 |
| Trung cấp | 40 | 26.5 | 21 | 15.1 | 15 | 12.5 |
| Lao động phổ thông | 48 | 31.8 | 53 | 38.1 | 50 | 41.7 |
| <i>Theo thời gian lao động</i> | 151 | 100 | 139 | 100 | 120 | 100 |
| Thường xuyên | 151 | 100 | 139 | 100 | 120 | 100 |
| Thời vụ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày; 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thường, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác.

- Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Công ty tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tối đa cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.
- Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả, năng lực và hiệu quả công việc của CBCNV, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm thường đổi với các cá nhân hoặc phòng ban, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Hiện nay, Công ty Cổ phần VSC Green logistics không xây dựng Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu cho người lao động được áp dụng theo các quy định của Pháp luật có liên quan.

12. Chính sách cổ tức

- 4 Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

4. Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

Bảng 23: Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất (2023 – 2024)

| Nội dung | Năm 2023 | Năm 2024 |
|----------------------|-----------|---------------|
| Tỷ lệ cổ tức | 12% | 10% (Dự kiến) |
| Hình thức thanh toán | Bằng tiền | Bằng cổ phiếu |

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên GIC năm 2023, 2024

- Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của GIC đã thông qua phương án phát chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 12%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).
- Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của GIC đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả cổ tức trong khoảng thời gian từ Quý IV/2025 đến Quý II/2026 trong cùng đợt phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

13. **Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

Năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành thêm cổ phiếu theo tỷ lệ thực hiện quyền 5:1 (tương đương tỷ lệ phát hành 20%), tổng giá trị phát hành 20,2 tỷ đồng để nâng vốn điều lệ từ 101 tỷ đồng lên 121,2 tỷ đồng cho 75 cổ đông hiện hữu.

Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải. Công ty đã sử dụng vốn đúng mục đích phát hành đã được ĐHĐCD thông qua.

Từ năm 2018 đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn Điều lệ.

14. **Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có

15. **Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có

16. **Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích**

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích. Công ty cam đoan thông tin nêu trên là đúng và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KÉ HOẠCH

1. **Kết quả hoạt động kinh doanh**

1.1. **Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty**

Bảng 24: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm | |
|--|----------|----------|----------|-------------|-----------|
| | | | | 2024/2023 | 2025/2024 |
| Tổng giá trị tài sản | 267.427 | 262.562 | 276.972 | -1,82% | 5,49% |
| Doanh thu thuần | 172.274 | 159.343 | 155.975 | -7,51% | -2,11% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 18.654 | 17.828 | 16.526 | -4,43% | -7,30 |
| Lợi nhuận khác | -61 | 264 | -16 | 532,08% | -106,06% |
| Lợi nhuận trước thuế | 18.593 | 18.092 | 16.510 | -2,69% | -8,74% |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.631 | 16.239 | 14.593 | -2,36% | -10,14% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (số tiền trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế) | 73% | 90% | - | 22,9% | - |
| Tỷ lệ cổ tức | 10% | 12% | - | 20,00% | - |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Tại thời điểm 31/12/2024, quy mô tổng nguồn vốn của GIC là 262,6 tỷ đồng, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2023. Tại thời điểm 31/12/2025, quy mô tổng nguồn vốn của GIC là 276,9 tỷ đồng, tăng 5,5% so với thời điểm 31/12/2024. Cơ cấu nguồn vốn của GIC tại thời điểm 31/12/2025 không có nợ vay ngân hàng.

Năm 2024 - 2025 là giai đoạn có nhiều thách thức và cạnh tranh khốc liệt đối với ngành vận tải biển và các dịch vụ phụ trợ. Trong bối cảnh ngành kinh doanh, khai thác cảng/kho/bến/vận tải container đang có dấu hiệu cung vượt cầu, các mảng dịch vụ chính của Công ty đều gặp khó khăn. Kết quả kinh doanh năm 2024 – 2025 của Công ty có xu hướng sụt giảm so với cùng kỳ các năm trước. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu thuần của GIC đạt 155,9 tỷ đồng, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 14,6 tỷ đồng, giảm 10,1% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

♦ Nhập khẩu:

- Khu vực Biển Đông có vị trí thuận lợi trên bản đồ hàng hải thế giới, với 29/39 tuyến đường biển quan trọng đi qua khu vực, trung chuyển hàng hóa từ châu Á đến các thị trường khác. Việt Nam không chỉ có vị trí địa lý chiến lược, ngành cảng biển nước ta còn được hưởng thuận lợi từ ưu thế tự nhiên với đường bờ biển dài 3.260 km, nhiều vịnh vịnh sâu có thể tàu trọng tải lớn đi vào, gần các tuyến hải trình Á – Âu và các cảng trung chuyển lớn tại Singapore và Malaysia.
- Triển vọng trung hạn của ngành được hỗ trợ bởi tiềm năng tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là làn sóng đầu tư hạ tầng mạnh mẽ. Tổng lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển nước ta nói chung và khu vực Hải Phòng nói riêng đã khôi phục và tăng trưởng tích cực trong 2023 – 2024, bao gồm cả hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa của các tàu thủy nội địa.

4. **Nhân tố khó khăn:**

- Biến động tiêu cực của tình hình xuất nhập khẩu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty. Khủng hoảng địa chính trị, cảng thẳng thương mại, tình hình giá cước vận tải đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông hàng hóa. Trong các năm gần đây, Việt Nam đã được hưởng lợi từ chính sách friendshoring (chuyển chuỗi cung ứng về nước bạn) của Mỹ, dòng vốn FDI tăng trưởng tích cực và hoạt động xuất nhập khẩu và điểm sáng của nền kinh tế trong 2024. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu sẽ có rủi ro đối mặt với tồn thương sâu sắc trước các rủi ro về thuế quan và chiến tranh thương mại trong năm 2025, từ đó gây thiệt hại đến ngành cảng biển và logistics.
- Cơ hội tăng trưởng tại khu vực cảng Hải Phòng đi kèm với thách thức của tình trạng dư cung. Hiệu suất khai thác các cảng tại khu vực Hải Phòng hiện ở mức 80%, sản lượng phân hóa giữa các khu vực thương nguồn và hạ nguồn. Một số cảng mới đi vào hoạt động nhưng chưa có nguồn hàng ổn định, hiệu quả khai thác còn thấp. Áp lực dư cung sẽ tăng lên ngay trong 2025 – 2026 khi hàng loạt cảng mới của các đối thủ lớn đi vào khai thác.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- **Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

Bảng 25: Vốn điều lệ và Vốn chủ sở hữu của Công ty

Đơn vị: Đồng

| | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Vốn điều lệ | 121.200.000.000 | 121.200.000.000 | 121.200.000.000 |
| Vốn chủ sở hữu | 242.635.338.874 | 242.364.263.642 | 254.991.033.817 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

- **Trích khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định (TSCĐ) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

- + Quyền sử dụng đất: Ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao
- + Nhà cửa và vật kiến trúc: 05 – 25 năm
- + Máy móc và thiết bị: 03 – 10 năm
- + Phương tiện vận tải: 03 – 10 năm
- + Thiết bị quản lý: 04 – 05 năm
- + Phần mềm máy tính: 3 năm

- **Mức lương bình quân**

Bảng 26: Mức lương bình quân

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|----------|----------|----------|
| Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 19,32 | 21,27 | 21,64 |

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

CTCP VSC Green Logistics coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định. Đối với chính sách tiền lương, các định mức lao động và đơn giá tiền lương được Công ty rà soát điều chỉnh 6 tháng 1 lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thường đảm bảo minh bạch và thực hiện thanh toán đúng kỳ hạn. Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn.

- **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 27: Tổng công nợ hiện nay

Đơn vị: Đồng

| | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng khoản phải thu | 12.596.726.345 | 17.883.341.171 | 7.894.206.876 |
| Tổng nợ phải trả | 24.791.591.133 | 20.197.777.280 | 21.980.558.911 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- **Các khoản phải thu**

Bảng 28: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| 1. Các khoản phải thu ngắn hạn | 12.596.726.345 | 17.883.341.171 | 7.894.206.876 |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.140.464.476 | 7.713.741.171 | 5.628.006.876 |
| - Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.067.500.000 | 20.600.000 | 100.000.000 |
| - Phải thu về cho vay ngắn hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 0 |
| - Phải thu ngắn hạn khác | 388.761.869 | 149.000.000 | 2.166.200.000 |
| 2. Phải thu dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 12.596.726.345 | 17.883.341.171 | 7.894.206.876 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Chi tiết các khoản phải trả

Bảng 29: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Nợ ngắn hạn | 24.136.829.191 | 19.543.015.338 | 21.105.011.797 |
| - Phải trả người bán ngắn hạn | 5.553.347.453 | 3.364.617.465 | 2.748.011.553 |
| - Người mua trả tiền trước hạn | 72.243.905 | 50.460.600 | 86.230.600 |
| - Thuế và các khoản khác nộp NN | 1.444.231.875 | 1.062.528.076 | 1.336.864.259 |
| - Phải trả người lao động | 9.091.253.933 | 8.569.331.783 | 8.172.872.324 |
| - Chi phí phải trả ngắn hạn | 6.898.093.579 | 5.392.985.508 | 7.323.299.418 |
| - Phải trả ngắn hạn khác | 851.984.446 | 892.017.906 | 1.015.013.643 |
| - Vay ngắn hạn | 0 | 0 | 0 |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 225.674.000 | 211.074.000 | 422.720.000 |
| 2. Nợ dài hạn | 654.761.942 | 654.761.942 | 875.547.114 |
| - Dự phòng các khoản công nợ dài hạn | 654.761.942 | 654.761.942 | 875.547.114 |
| Tổng cộng | 24.791.591.133 | 20.197.777.280 | 21.980.558.911 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện tại Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch của tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty không có nợ phải thu phải xếp vào nhóm nợ xấu, các khoản nợ luôn được thu hồi đúng hạn, tránh triệt để trường hợp công nợ của khách hàng nợ đọng kéo dài.

- Các khoản phải nộp theo luật định

Hiện nay, Công ty đang quản lý tốt các khoản thu/chi và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ. Công ty đã thực hiện kê khai, nộp đầy đủ, đúng hạn và tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong toàn năm 2023, năm 2024 và đến ngày 31/12/2025 như sau:

Bảng 30: Các khoản phải trả về thuế

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|----|----------------------------|-------------|-------------|-------------|
| 1 | Thuế GTGT hàng bán nội địa | 700.348.987 | 380.341.230 | 577.348.736 |
| 2 | Thuế xuất nhập khẩu | 0 | 0 | 0 |

| | | | | |
|---|----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 3 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 550.181.272 | 490.184.466 | 569.696.134 |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 193.701.616 | 192.002.380 | 189.819.389 |
| 5 | Các loại thuế, phí khác | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 1.444.231.875 | 1.062.528.076 | 1.336.864.259 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận. Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính 2023, năm 2024 và cuối Quý IV/2025 như sau:

Bảng 31: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: Đồng

| Chi tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 225.674.000 | 211.074.000 | 422.720.000 |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 104.804.160.218 | 104.925.338.874 | 107.078.263.642 |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- **Tổng dư nợ vay:**

Hiện tại Công ty không dùng nợ vay ngân hàng, trái phiếu hay các khoản vay khác để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng nợ phải trả của Công ty luôn duy trì ở mức dưới 10% trên Tổng Tài sản của Công ty, chủ yếu là khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động và các khoản chi phí phải trả ngắn hạn.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

| Chi tiêu | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|--------|----------|----------|----------|
| 1. Khả năng thanh toán | | | | |
| 1.1. Khả năng thanh toán tiền mặt | Lần | 1,80 | 1,71 | 3,53 |
| 1.2. Khả năng thanh toán nhanh | | 2,34 | 2,64 | 3,93 |
| 1.3. Khả năng thanh toán ngắn hạn | | 2,46 | 2,76 | 4,04 |
| 2. Cơ cấu vốn | | | | |
| 2.1. Vốn vay ngắn dài hạn/VCSH | % | 0 | 0 | 0 |
| 2.2. Vốn vay ngắn dài hạn/Tổng tài sản | % | 0 | 0 | 0 |
| 2.3. Hệ số nợ/VCSH | % | 10,22 | 8,33 | 7,94 |
| 2.4. Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 9,27 | 7,69 | 8,62 |
| 3. Khả năng sinh lời | | | | |
| 3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) | % | 9,65 | 10,19 | 9,36 |

| | | | | |
|---|---------|-------|-------|-------|
| 3.2. Hết số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân) | % | 6,89 | 6,70 | 5,87 |
| 3.3. Hết số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân) | % | 6,36 | 6,11 | 5,41 |
| 3.4. Thu nhập trên cổ phần (EPS) | Đồng/CP | 1.235 | 1.340 | 1.204 |
| 4. Năng lực hoạt động | | | | |
| 4.1. Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân) | Vòng | 0,66 | 0,60 | 0,58 |
| 4.2. Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân) | | 2,52 | 2,81 | 2,24 |
| 4.3. Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 32,58 | 34,00 | 36,71 |

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- **Khả năng thanh toán**

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều ở mức an toàn (lớn hơn 1) và ổn định trong giai đoạn 2023 - 2025. Khoản mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm 2025 tăng 41,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, đồng thời công nợ ngắn hạn không có biến động tăng lớn, nhờ đó các chỉ tiêu thanh toán của GIC trong năm 2025 đều có xu hướng tăng: Chỉ số thanh toán tiền mặt tăng từ 1,71 lần (năm 2024) lên 3,53 lần, chỉ số thanh toán nhanh tăng từ 2,64 lần lên 3,63 lần, chỉ số thanh toán hiện hành tăng từ 2,76 lần lên 4,04 lần.

- **Cơ cấu vốn**

Công ty có cơ cấu vốn với tỷ lệ tự tài trợ cao, hệ số nợ tại thời điểm cuối năm 2025 là 7,94%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2024. Do Công ty không sử dụng vốn vay ngân hàng, các khoản nợ của Công ty chủ yếu và các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động và các khoản chi phí phải trả ngắn hạn, do vậy tỷ lệ nợ của Công ty trên tổng tài sản hay trên tổng nguồn vốn thấp hơn so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

- **Khả năng sinh lời**

Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều thách thức, Công ty duy trì được khả năng sinh lời ổn định với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) ở quanh mốc 9 – 10%. Khai thác cảng, kho bãi container là ngành có biên lợi nhuận gộp cao, thường đạt 30 – 40%. ROS năm 2025 đạt 9,36%, giảm 0,83% so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ROS giảm nhẹ do đó khiến các chỉ số khả năng sinh lời giảm theo: ROA năm 2025 đạt 5,41%, giảm 0,7% so với năm 2024. ROE năm 2025 đạt 5,87%, giảm 0,83% so với năm trước.

- **Hiệu quả hoạt động**

Doanh thu năm 2025 của Công ty giảm so với năm trước, do vậy đã khiến chỉ số hiệu suất sử dụng tổng tài sản giảm nhẹ. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,60 lần năm 2024 xuống 0,58 lần năm 2025. Doanh thu thuần giảm nhẹ trong khi tài sản ngắn hạn tăng khiến cho vòng quay vốn lưu động của Công ty giảm từ 2,81 lần (năm 2024) xuống 2,24 lần. Chi phí giá vốn hàng bán của Công ty

trong năm 2025 giảm 7,27%, cao hơn mức giảm của hàng tồn kho dẫn đến vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 34 lần lên 36,71 lần.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo Báo cáo kiểm toán độc lập số hiệu HAN 3541 ngày 20/02/2024:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo Báo cáo kiểm toán độc lập số hiệu HAN 3877 ngày 18/02/2025:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2024 (tỷ đồng) | Kế hoạch năm 2025 (tỷ đồng) | % tăng/giảm kế hoạch năm 2025/ năm 2024 |
|--|------------------------------|-----------------------------|---|
| Sản lượng (TEUs) | 320.720 | 283.000 | -11,76% |
| Doanh thu thuần | 159 | 145 | -9,00% |
| Lợi nhuận sau thuế | 16 | 16,5 | 1,61% |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 10,19% | 11,38% | 1,19% |
| Cổ tức (%) | 10% | 11% | 10% |

Nguồn: Nghị quyết DHĐCD thường niên năm 2025 số 01/25/NQ-DHĐCD và BCTC đã kiểm toán năm 2024 của GIC

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của GIC đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10%. Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả cổ tức trong khoảng thời gian từ Quý IV/2025 – Quý II/2026.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của GIC đã thông qua Kế hoạch kinh doanh

năm 2025 và Dự kiến mức cỗ tức năm 2025.

4.2. Cân cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cỗ tức nêu trên

Môi trường kinh doanh và cỗ tức nêu trên là nền tảng hỗ trợ cho GIC hoàn thành kế hoạch kinh doanh:

- Nền kinh tế trong nước nói riêng và toàn cầu nói chung năm 2025 còn tồn tại nhiều thách thức hiện hữu tiếp tục đe dọa sự ổn định và khả năng tăng trưởng. Trong đó, rủi ro lớn nhất đã xảy ra trong thời điểm đầu tháng 4/2025 là chính sách thuế quan mới của chính quyền mới tại Mỹ. Thay đổi đột ngột và bất định của chính sách thuế quan đã và sẽ có nguy cơ đẩy cảng thẳng kinh tế – chính trị giữa các nền kinh tế lớn lên cao, gây đảo lộn trật tự kinh tế quốc tế, ảnh hưởng đến hướng đi của dòng vốn và chuỗi cung ứng trên toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao, hoạt động xuất nhập khẩu đã đem lại tăng trưởng tích cực cho nền kinh tế trong những năm qua, nhưng theo đó là nguy cơ đổi mới với độ rủi ro cao khi kinh tế toàn cầu biến động.
- Nhu cầu vận tải khu vực Đông Nam Á được dự báo đạt 82 – 85 triệu TEUs trong năm 2025, trong khi tổng công suất hiện tại mới chỉ đạt 53 triệu TEUs.
- Hải Phòng đặt kế hoạch tăng trưởng năm 2025 tích cực, với chỉ số công nghiệp kỳ vọng tăng 17%, tổng vốn đầu tư dự kiến đạt 210 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước. Sản lượng hàng hóa qua cảng biển qua các cảng tại Hải Phòng kỳ vọng đạt 190.000 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ. Cơ hội tăng trưởng cho ngành cảng biển tại khu vực Hải Phòng là vẫn còn khả quan, mặc dù đi kèm nhiều thách thức khi cạnh tranh trong khu vực ngày càng gay gắt.

Cơ sở để GIC hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã đề ra

Lũy kế đến hết năm 2025, GIC đã hoàn thành được 107,57% kế hoạch doanh thu và 100,06% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chủ chốt là cung cấp dịch vụ khai thác bến, dịch vụ nâng hạ container, các hợp đồng của Công ty với khách hàng thường được thanh quyết toán theo tháng, do các dịch vụ này được cung cấp liên tục, trong thời gian dài cho khách hàng, mang lại dòng tiền đều đặn cho Công ty trong cả năm tài chính. Dựa trên cơ sở hợp đồng đã ký kết với khách hàng, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cho từng năm tài chính thận trọng và sát với thực tế hoạt động kinh doanh.

Một trong các kế hoạch chủ chốt của Công ty là quản lý tốt nguồn lực, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện tại tập trung vào lĩnh vực khai thác kho bến container. Mặc dù trong giai đoạn khó khăn khiến sản lượng container đi qua bến giảm dẫn tới doanh thu có xu hướng giảm nhẹ so với năm trước, các chỉ số hiệu quả hoạt động và chỉ tiêu sinh lời của Công ty vẫn giữ được sự ổn định.

Theo Bộ Giao thông Vận tải, đến năm 2030 dự báo hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam sẽ tăng đáng kể với hàng container, đạt 46,3 triệu TEUs và hàng khô đạt 423,5 triệu tấn (chủ yếu từ alumin, gang thép, than). Các triển vọng tích cực ngành vận tải, cảng biển trong trung và dài hạn là một trong những cơ sở quan trọng để GIC có khả năng đạt được mức doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch đã được đề ra trong các năm tiếp theo.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cỗ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần VSC Green Logistics. Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh thận trọng cho năm 2025, với doanh thu kế hoạch giảm 9% và lợi nhuận sau thuế kế hoạch chỉ tăng

trưởng 1,61% so với kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024. Căn cứ trên năng lực hiện tại và các kế hoạch Công ty đang triển khai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2025 có thể hoàn thành.

Lũy kế đến hết năm 2025, GIC đã đạt được mức doanh thu là 155,97 tỷ đồng và lợi nhuận là 16,51 tỷ đồng, tương đương với 107,57% kế hoạch doanh thu và 100,06% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Như vậy, GIC đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 cả về doanh thu và lợi nhuận.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics đi vào hoạt động từ ngày 24/01/2017. Theo Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn

| Tên | Năm sinh/ Năm thành lập | Quốc tịch | CMND/ Giấy ĐKKD | Địa chỉ | Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền tại TCPH (tên và chức vụ) |
|------------------------------------|-------------------------|--------------------|-----------------|---|---|
| Công ty Cổ phần Container Việt Nam | 2002 | Việt Nam | 0200453688 | 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngũ Quyền, Tp. Hải Phòng | Tạ Công Thông – Tổng Giám đốc |
| AMERICA LLC | 2012 | St Kitts and Nevis | CA5883 | PO Box F43031, Freeport, Bahamas | Paul Aunger |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2025 của GIC do VSDC cung cấp

Bảng 35: Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và người có liên quan

| Tên | Thời điểm trở thành cổ đông lớn | | 30/06/2025 | | Dự kiến sau đợt chào bán | |
|--|---------------------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------------|------------------|
| | Số lượng (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| Công ty Cổ phần Container Việt Nam | 6.700.000 | 66,34 | 8.040.000 | 66,34 | 16.884.000 | 66,34 |
| Hoàng Hoa Nam – Chủ tịch công đoàn của CTCP Container Việt Nam | 0 | 0 | 14.400 | 0,12 | 30.240 | 0,12 |

| Tên | Thời điểm trở thành cổ đông lớn | | 30/06/2025 | | Dự kiến sau đợt chào bán | |
|---|------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------------|---------------------|
| | Số lượng (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| Hoàng Anh Tuấn - Chồng bà Trần Thị Phương Anh thành viên HĐQT VSC | 0 | 0 | 5.400 | 0,04 | 11.340 | 0,04 |
| AMERICA LLC | 0 | 0 | 845.400 | 6,98 | 1.690.800 | 6,98 |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2025 của GIC do VSDC cung cấp

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ:

| TT | Tên tổ chức/cá nhân (là cổ đông lớn và người có liên quan) | Loại hợp đồng, số hợp đồng | Giá trị hợp đồng/ giao dịch | Các điều khoản qua trọng khác của hợp đồng | Cấp có thẩm quyền (của GIC) chấp thuận giao dịch | Thời diểm phát sinh hợp đồng/ giao dịch | Tình trạng thực hiện (đang thực hiện/ đã ký kết và chưa thực hiện) |
|----|--|--|---|--|--|--|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) – cổ đồng lớn của GIC | Hợp đồng nguyên tắc số 01/2025/HĐN T/VSC-GIC (Cung cấp nhiên liệu | TT theo quyết toán hàng tháng | Không có | Nghị quyết HĐQT số 12/2024/N Q-HĐQT ngày 31/12/2024 | 02/01/ 2025 | Đang thực hiện |
| 2 | Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) – cổ đồng lớn của GIC | Hợp đồng nguyên tắc số 01/2023/HĐN T/VSC-GIC (Cung cấp các dịch vụ) | 161.000. 000 đồng | Không có | Nghị quyết HĐQT số 13/2022/N Q-HĐQT ngày 03/01/2023 | 01/01/ 2023 | Đang thực hiện |

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- + Công ty Cổ phần Container Việt Nam: cổ đông lớn đang nắm giữ 66,34% vốn điều lệ của Tổ Chức phát hành, được nhận cổ tức và các quyền của cổ đông theo Nghị quyết DHDCD.

- + AMERICA LLC: cổ đông lớn đang nắm giữ 6,98% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành, được nhận cổ tức và các quyền của cổ đông theo Nghị quyết DHDCD.
- Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

| STT | Tên doanh nghiệp | Hoạt động chính | Mối quan hệ với cổ đông lớn của GIC | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích (*) |
|-----|--|---|-------------------------------------|---|
| 1 | Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL) | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | Công ty con 100% vốn của VSC | GSL duy trì mảng vận tải đường ngắn, chuyên giao mảng vận tải đường dài sang cho GIC. |
| 2 | Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics xanh (GLC) | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | Công ty con 100% vốn của VSC | Chuyển giao hoạt động vận tải và một kho bãi sang cho GIC để GIC mở rộng hoạt động vận chuyển xuất – nhập tàu (chạy Shipside tàu – bãi) và dịch vụ đóng hàng rời container. |

(*) Theo chủ trương tái cấu trúc toàn bộ hoạt động của các đơn vị thành viên của VSC gồm: GIC, GLC, GSL, VGI (CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đinh Vũ), theo đó công ty mẹ là VSC dự kiến sẽ thực hiện các nội dung bao gồm nhưng không giới hạn phương án sáp nhập hoặc bán tài sản gắn liền với hoạt động của các doanh nghiệp để tái cấu trúc hoạt động kinh doanh nhằm giảm sự chồng chéo trong hoạt động kinh doanh, giảm tính thiếu hiệu quả trong chi phí vận hành các công ty có ngành nghề tương tự và giảm cạnh tranh nội bộ lẫn nhau. Khi đó GIC sẽ mở rộng quy mô hoạt động lĩnh vực kho bãi, bổ sung dịch vụ kinh doanh vận tải đường dài; GSL duy trì mảng vận tải đường ngắn; GLC tập trung vào mảng kho bãi với kho bãi hiện đang có đang khai thác.

- Các doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

| STT | Tên doanh nghiệp | Mối quan hệ với cổ đông lớn của GIC | Hợp đồng/ giao dịch doanh nghiệp đã ký kết với GIC | Tình trạng thực hiện (đang thực hiện/ đã ký kết và chưa thực hiện) |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------------|---|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Cảng VIP Xanh (VGR) | Công ty con của VSC | Hợp đồng số 01/2024/VGR-GIC ngày 01/01/2024 về việc nâng hạ container xuất nhập tàu. Hợp đồng số 03/2025/VGR-GIC ngày 02/05/2024 về việc cung cấp dịch vụ thuê dịch vụ xếp dỡ, đóng/rút hàng hóa, container, phục vụ sửa chữa phương tiện. | Đang thực hiện |

| | | | | |
|---|---|---------------------|---|----------------|
| 2 | Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL) | Công ty con của VSC | Hợp đồng số 1/2025 GIC - GSL/HDDVSC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện thiết bị nâng hạ, vận tải. | Đang thực hiện |
| | | | Hợp đồng số 01/2025/GSL-GIC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ vận chuyển container. | |
| | | | Hợp đồng số 01/2025/HĐNH/GSL-GIC ngày 30/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container. | |
| 3 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh (GRP) | Công ty con của VSC | Hợp đồng số 01/2025/GRP-GIC/NH ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container. | Đang thực hiện |
| 4 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh Tại Thành phố Hà Nội | Công ty con của VSC | Hợp đồng số 04-2025/HĐNH/VSC HCM -GIC ngày 01/01/2025 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container. | Đang thực hiện |
| 5 | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh (GLC) | Công ty con của VSC | Hợp đồng số 02/2025/HĐNH/GLC-GIC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container. | Đang thực hiện |
| | | | Hợp đồng số 01/2025/HĐNH/GLC-GIC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container. | Đang thực hiện |

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Bảng 36: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

| TT | HỌ VÀ TÊN | NĂM SINH | QUỐC TỊCH | CHỨC VỤ |
|----|---------------------------|----------|-----------|-------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Đức Dũng | 1975 | Việt Nam | Chủ tịch HDQT |
| 2 | Ông Đồng Trung Hải | 1977 | Việt Nam | Thành viên HDQT |
| 3 | Ông Nguyễn Kim Dương Khôi | 1977 | Việt Nam | Thành viên HDQT |
| 4 | Bà Trần Thị Phương Anh | 1975 | Việt Nam | Thành viên HDQT |
| 5 | Ông Lê Quang Huy | 1979 | Việt Nam | Thành viên HDQT độc lập |

3.1.1. Ông Nguyễn Đức Dũng – Chủ tịch HDQT

| | |
|-------------|------------|
| + Năm sinh | 23/02/1975 |
| + Quốc tịch | Việt Nam |

| | | | |
|--|--|-------------------------|-----------------|
| + Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | | Chức vụ |
| Từ 03/2024- nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | | Chủ tịch HĐQT |
| + Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | | Chức vụ |
| 10/2021 - 09/2022 | CTCP Tập đoàn Thành Thái | | Tổng Giám đốc |
| 04/2020 - 10/2023 | Công ty Cổ phần Thành Đức Holding | | Giám đốc |
| 04/2020 - 06/2024 | Công ty Cổ phần Thành Đức Holding | | Chủ tịch HĐQT |
| 09/2022 - 05/2024 | CTCP Container Việt Nam | | Thành viên HĐQT |
| 05/2024 – 04/2025 | CTCP Container Việt Nam | | Chủ tịch HĐQT |
| 04/2025- nay | CTCP Container Việt Nam | | Thành viên HĐQT |
| 06/2023 - nay | CTCP Cảng VIMC Đinh Vũ | | Thành viên HĐQT |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Ông Nguyễn Đức Dũng | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền: | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam | 8.040.000 | 66,34% |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: CTCP Container Việt Nam (Ông Nguyễn Đức Dũng là thành viên HĐQT CTCP Container Việt Nam – công ty mẹ của GIC) | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương | | | |
| • Năm 2023: Không có | | | |
| • Năm 2024: Thường HĐQT – 55 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) | | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: | | | |
| • Ông Nguyễn Đức Dũng là Thành viên HĐQT - CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, thường theo quy định của pháp luật và VSC | | | |

- Ông Nguyễn Đức Dũng là Thành viên HDQT - CTCP Cảng VIMC Đinh Vũ và được nhận mức thù lao, thường theo quy định của pháp luật và CTCP Cảng VIMC Đinh Vũ

3.1.2. Ông Đồng Trung Hải – Thành viên HDQT

| + Năm sinh | 28/12/1977 | | |
|---|--|---|--------------|
| + Quốc tịch | Việt Nam | | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| + Trình độ chuyên môn | Kỹ sư kinh tế vận tải biển | | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 07/2017-11/2020 | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Phó Giám đốc | |
| 11/2020- nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Giám đốc | |
| 04/2021- nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Thành viên HDQT kiêm Giám đốc | |
| + Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | | | |
| Từ 2000-2005 | CTCP Vận tải 1 Traco Sài Gòn | Nhân viên | |
| Từ 2005-2009 | Công ty TNHH VTB Tân Nhật Thành | Nhân viên | |
| Từ 04/2010-09/2011 | CTCP Container Việt Nam | Nhân viên | |
| Từ 09/2011-02/2016 | Công ty TNHH MTV VTB Ngôi Sao Xanh | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng kinh doanh | |
| Từ 03/2016- 06/2017 | Công ty TNHH MTV Bến Xanh | Phó Giám đốc | |
| Từ 15/04/2025- nay | Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh (GSL) | Chủ tịch kiêm Giám đốc | |
| Từ 02/2023- 11/2024 | CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ | Giám đốc | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Ông: Đồng Trung Hải | 14.400 cổ phần | 0,12% |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan | 0 | 0 |

| |
|---|
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương |
| • Năm 2023: Lương thường Giám đốc: 918,8 triệu đồng; Thưởng HDQT: 42 triệu đồng (chỉ vào năm 2024) |
| • Năm 2024: Lương thường Giám đốc: 899,2 triệu đồng; Thưởng HDQT: 55 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: |
| • Ông Đồng Trung Hải đang đồng thời là Giám đốc kiêm Chủ tịch của GSL và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và GSL |

3.1.3. Ông Nguyễn Kim Dương Khôi – Thành viên HDQT

| | | |
|--|--|------------------------|
| + Năm sinh | 03/05/1977 | |
| + Quốc tịch | Việt Nam | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | |
| + Trình độ chuyên môn | Kỹ sư | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
| 04/2021- nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Thành viên HDQT |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
| 10/2020-04/2004 | Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1 | Nhân viên ban điều độ |
| 07/2004-12/2016 | Cảng GREENPORT | Trưởng phòng Khai thác |
| 12/2016-06/2018 | Cảng GREENPORT | Phó Giám đốc |
| 06/2018-08/2024 | Cảng VIP GREENPORT | Phó Giám đốc |
| 08/2024- nay | CTCP Cảng Xanh VIP (VGR) | Giám đốc |
| 03/2024- nay | CTCP Cảng Xanh VIP (VGR) | Thành viên HDQT |

| | | | |
|---|------------------------------------|-------------------------|--------------|
| 07/2025 - nay | CT TNHH Cảng Nam Hải Định Vũ (NDP) | Giám đốc | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Ông: Nguyễn Kim Dương Khôi | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan | 0 | 0 |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương | | | |
| • Năm 2023: Thuởng HĐQT 40 triệu đồng (chi vào năm 2024) | | | |
| • Năm 2024: Thuởng HĐQT 30 triệu đồng (chi vào năm 2025) | | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không | | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: | | | |
| • Ông Nguyễn Kim Dương Khôi đang đồng thời là Giám đốc – Thành viên HĐQT của VGR và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VGR | | | |
| • Ông Nguyễn Kim Dương Khôi đang là Giám đốc của NDP và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và NDP | | | |

3.1.4 Bà Trần Thị Phương Anh – Thành viên HĐQT

| + Năm sinh | 06/10/1975 | | |
|--|--|-----------------------------------|--|
| + Quốc tịch | Việt Nam | | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| + Trình độ chuyên môn | Kỹ sư kinh tế vận tải biển | | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 03/2022- nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Thành viên HĐQT | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 05/1997 - 07/1999 | CTCP Container Việt Nam | Nhân viên phòng đại lý | |
| 08/1999 - 07/2001 | CTCP Container Việt Nam | Nhân viên phòng khai thác kho bãi | |

| | | |
|---|---|--------------------------------|
| 08/2001 - 01/2012 | CTCP Container Việt Nam | Phó phòng khai thác kho bãi |
| 02/2012 - 05/2014 | CTCP Container Việt Nam | Trưởng phòng khai thác kho bãi |
| 06/2014 - 12/2019 | Xí nghiệp cảng Viconship | Trưởng phòng khai thác kho |
| 01/2020 - 08/2021 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh | Trưởng phòng khai thác kho |
| 09/2021 - 02/2022 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh | Phó Giám đốc phụ trách |
| 03/2022 - nay | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh | Giám đốc |
| 10/2022 – nay | CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ | Chủ tịch HDQT |
| 11/2022 - nay | CTCP Container Miền Trung | Chủ tịch HDQT |
| 03/2024 - nay | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh | Chủ tịch Công ty |
| 06/2024 - nay | CTCP Container Việt Nam | Thành viên HDQT |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu |
| | Bà: Trần Thị Phương Anh | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền: | 0 |
| | Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam | 8.040.000 |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: CTCP Container Việt Nam | | Tỷ lệ sở hữu |
| | Bà Trần Thị Phương Anh | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền: | 0 |
| | Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam | 66,34% |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: CTCP Container Việt Nam (Bà Trần Thị Phương Anh là thành viên HDQT của CTCP Container Việt Nam – công ty mẹ của VSC) | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương <ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Thường HDQT 40 triệu đồng (chi vào năm 2024) Năm 2024: Thường HDQT 30 triệu đồng (chi vào năm 2025) | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> Bà Trần Thị Phương Anh đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh (GRP) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và GRP Bà Trần Thị Phương Anh đang là Chủ tịch HDQT CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VGI | | |

- Bà Trần Thị Phương Anh đang là Chủ tịch HĐQT CTCP Container Miền Trung (VSM) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VSM
- Bà Trần Thị Phương Anh đang là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và GLC
- Bà Trần Thị Phương Anh đang là Thành viên HĐQT CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VSC

3.1.5. Ông Lê Quang Huy – Thành viên HĐQT độc lập

| + Năm sinh | 25/03/1979 | | |
|--|--|-----------------------------|--------------|
| + Quốc tịch | Việt Nam | | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| + Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quốc tế học | | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 03/2025 - nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Thành viên HĐQT độc lập | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 09/2002 - 06/2006 | Chi nhánh Công ty SAFI tại Hà Nội | Nhân viên Kinh doanh | |
| 07/2006 - 04/2008 | CTCP Giao nhận phương Đông | Trưởng phòng Kinh doanh | |
| 05/2008 - 10/2010 | CTCP Vận tải biển Vinashin | Phó trưởng phòng Giao nhận | |
| 04/2011 - 12/2013 | CTCP Tiếp vận Biển Đông | Tổng Giám đốc | |
| 01/2014 - 04/2015 | CTCP Vinalines Logistics Việt Nam | Phó trưởng phòng Kinh doanh | |
| 04/2015 - 06/2017 | CTCP Vận tải Duyên Hải | Tổng Giám đốc | |
| 06/2017 - 01/2024 | CTCP Tân Cảng 128 - Hải Phòng | Phó Giám đốc | |
| 02/2024 - nay | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh | Giám đốc | |
| 11/2024 -nay | CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đinh Vũ | Giám đốc | |
| 25/04/2025 - nay | CTCP Vận tải biển Vinaship | TV HĐQT | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |

| | | | |
|--|------------------------------|---|---|
| của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | Ông Lê Quang Huy | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan | 0 | 0 |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương <ul style="list-style-type: none"> • Năm 2023: Không có • Năm 2024: Không có | | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> • Ông Lê Quang Huy đang là Giám đốc CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VGI • Ông Lê Quang Huy đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và GLC • Ông Lê Quang Huy đang là Thành viên HDQT CTCP Vận tải biển Vinaship (Vinaship) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và Vinaship | | | |

3.2 Ban Giám đốc

3.2.1 Giám đốc: Ông Đặng Trung Hải (như trên)

3.2.2 Ông Đặng Quốc Vệ – Phó Giám đốc

| + Năm sinh | 22/11/1978 | | |
|--|--|--------------|--|
| + Quốc tịch | Việt Nam | | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| + Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kỹ thuật vô tuyến điện | | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 06/2024 - nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Phó Giám đốc | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | | | |
| 07/2023 - 06/2024 | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh | Phó Giám đốc | |
| 12/2012 - 06/2023 | Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai | Trưởng Depot | |

| | | | |
|--|------------------------------|---|--------------|
| 07/2007 - 11/2012 | CTCP Biên Đông Logistics | Trưởng Phòng kinh doanh - chi nhánh Hải Phòng | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Ông Đặng Quốc Vệ | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan | 0 | 0 |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương | | | |
| • Năm 2023: Không có | | | |
| • Năm 2024: 310,4 triệu đồng | | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có | | | |

3.3 Ban kiểm soát

3.3.1 Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương - Trưởng Ban kiểm soát

| | | |
|--|--|----------------------|
| + Năm sinh | 30/11/1987 | |
| + Quốc tịch | Việt Nam | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | |
| + Trình độ chuyên môn | Quản trị tài chính kế toán | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
| 04/2021 - nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Trưởng Ban kiểm soát |
| + Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ |
| 08/2009 | Chi nhánh CTCP Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship | Thủ quỹ |

| | | | |
|---|--|----------------------------|-----------------|
| 11/2015 | CTCP Cảng Xanh VIP | Nhân viên kế toán | |
| 06/2020 - nay | CTCP Container Việt Nam (VSC) | Thành viên Ban kiểm soát | |
| 03/2021 - nay | CTCP Cảng Xanh VIP (VGR) | Kế toán trưởng | |
| 06/2022 - nay | CTCP Cảng cạn Quảng Bình-Đinh Vũ (VGI) | Thành viên Ban kiểm soát | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam (VSC) | 8.040.000 | 66,34% |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH: CTCP Container Việt Nam (VSC) (Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương là thành viên Ban kiểm soát của CTCP Container Việt Nam – Công ty mẹ của GIC) | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương | | | |
| • Năm 2023: Thưởng BKS 30 triệu đồng (chỉ vào năm 2024) | | | |
| • Năm 2024: Thưởng BKS 28 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) | | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: | | | |
| • Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương đang là Thành viên BKS CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VSC | | | |
| • Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương đang là Thành viên BKS CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VGI | | | |
| • Bà Nghiêm Thị Thuỷ Dương đang là Kế toán trưởng CTCP Cảng Xanh VIP (VGR) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VGR | | | |

3.3.2 Bà Phan Thị Trung Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát

| | | |
|---|---|-----------------------------|
| + Năm sinh | 09/10/1979 | |
| + Quốc tịch | Việt Nam | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | |
| + Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Kinh tế | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | |
| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | | Đơn vị công tác |
| 04/2021 - nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Thành viên Ban kiểm soát |

+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác

| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
|---|---|---------------------------------|--------------|
| Từ 04/2014 - 12/2014 | Công Ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền | Nhân viên Phòng Dự án | |
| Từ 01/2015 - 07/2015 | Công Ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền | Phó phòng Tài chính TH | |
| 08/2015 - nay | Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) | Kế toán trưởng | |
| 12/2021 - nay | Công ty Cổ phần Container Việt Nam | Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ | |
| 25/04/2025 - nay | Công ty Cổ phần Container Việt Nam | Thành viên Ban kiểm soát | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Bà Phan Thị Trung Hiếu | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam (VSC) | 8.040.000 | 66,34% |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH: CTCP Container Việt Nam (VSC) (Bà Phan Thị Trung Hiếu là thành viên Ban kiểm soát của CTCP Container Việt Nam – công ty mẹ của GIC) | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương | | | |
| • Năm 2023: Thưởng BKS 24 triệu đồng (chỉ vào năm 2024) | | | |
| • Năm 2024: Thưởng BKS 26 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) | | | |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: | | | |
| • Bà Phan Thị Trung Hiếu đang là Thành viên Ban KTNB và Thành viên Ban kiểm soát CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VSC | | | |
| • Bà Phan Thị Trung Hiếu đang là Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và GLC | | | |

3.3.3 Bà Phạm Thị Thuỷ Ngọc – Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------|--|
| + Năm sinh | 17/12/1988 |
| + Quốc tịch | Việt Nam |
| + Trình độ học vấn | 12/12 |
| + Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kế toán – kiểm toán; Cử nhân Ngoại ngữ |

| | | | |
|--|--|---|-----------------------------|
| <p>+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành</p> | | | |
| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | Đơn vị công tác | | Chức vụ |
| 03/2022 - nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | | Thành viên Ban kiểm soát |
| <p>+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác</p> | | | |
| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | Đơn vị công tác | | Chức vụ |
| Từ 10/2010- 04/2011 | Trường mầm non Bibi Hải Phòng | | Kế toán tổng hợp |
| Từ 04/2011- 12/2014 | CTCP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải | | Kế toán tổng hợp |
| Từ 01/2015- 03/2017 | CTCP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải | | Phó phòng Tài chính kế toán |
| Từ 04/2017- 02/2018 | CTCP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải | | Quyền kế toán trưởng |
| Từ 02/2018-05/2021 | Ngân hàng HD Bank- CN Hải Đăng, HP | | Chuyên viên cao cấp KHDN |
| Từ 06/2021-05/2023 | CTCP Container Việt Nam | | Phó phòng Tài chính kế toán |
| Từ 06/2023-10/2023 | CT TNHH Cảng Nam Hải Định Vũ | | Kế toán trưởng |
| Từ 11/2023 - nay | CTCP Container Việt Nam | | Phó phòng Tài chính kế toán |
| 10/2022 - nay | CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Định Vũ (VGI) | | Trưởng Ban kiểm soát |
| <p>+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chung khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025</p> | | | Số lượng cổ phần sở hữu |
| | | | Tỷ lệ sở hữu |
| | Bà Phạm Thị Thuý Ngọc | | 0 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | | 0 0 |
| Những người có liên quan | | 0 | 0 |
| <p>+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có</p> | | | |
| <p>+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương</p> <ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: thường BKS 24 triệu đồng (chỉ vào năm 2024) Năm 2024: thường BKS 26 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) | | | |

| |
|---|
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: |
| • Bà Phạm Thị Thuý Ngọc đang là Trưởng BKS CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thường theo quy định của pháp luật và VGI |

3.4 Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng

| + Năm sinh | 27/07/1982 | | |
|---|---|--|--------------------|
| + Quốc tịch | Việt Nam | | |
| + Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| + Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành kế toán | | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành | | | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| 06/2024 - nay | CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics | Kế toán trưởng | |
| + Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác | | | |
| Từ 11/2007- 12/2008 | Công ty TNHH Đông Dương | Kế toán trưởng | |
| Từ 01/2009 - 06/2010 | Công ty TNHH Tân Việt Cường | Kế toán trưởng | |
| Từ 07/2010 - 31/12/2021 | Trung tâm GDNN- GDTX trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Lê Chân | Kế toán trưởng; Giáo viên dạy Kế toán | |
| Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm) | Đơn vị công tác | Chức vụ | |
| + Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025 | | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | 0 | 0 |
| | Người đại diện theo ủy quyền | 0 | 0 |
| | Những người có liên quan | 0 | 0 |
| + Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có | | | |
| + Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao, tiền lương | | | |

| |
|---|
| <ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: 391,5 triệu đồng (trước khi được bổ nhiệm Kế toán trưởng, bà Hằng là Phó phòng Tài chính – Kế toán) Năm 2024: 497 triệu đồng |
| + Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có |
| + Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có |

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành

Số lượng cổ phiếu là 13.332.000 cổ phiếu, trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 1.212.000 cổ phiếu

- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 12.120.000 cổ phiếu

Công ty sẽ thực hiện phát hành cả 02 phương án trên vào cùng 1 đợt. Theo đó tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sẽ nhận được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá

133.320.000.000 đồng, trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 12.120.000.000 đồng

- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 121.200.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến (đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu)

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách cổ phiếu GIC tại ngày 31/12/2024 theo BCTC năm 2024 là 19.997 đồng/cổ phiếu;

- Giá thị trường của cổ phiếu GIC tại thời điểm ngày 19/11/2025 là 15.700 đồng/cổ phiếu (giá đóng cửa) (nguồn: hnx.vn).

Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính năm 2024 và thấp hơn so với giá trị cổ phiếu GIC tại ngày 12/02/2025. Theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp, Công ty sẽ được phép phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá không cao hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Ngoài ra do đã có tính đến ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá cổ phiếu tại ngày thực hiện quyền, nên ĐHĐCĐ Công ty thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thành công.

7. Phương thức phân phối

7.1 Đối với phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.212.000 cổ phiếu.

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.120.000.000 đồng.
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của GIC.
- Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 589 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tương ứng là $(589:10) \times 1 = 58,9$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,9 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.

- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

7.2 Đối với phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 12.120.000 cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền sẽ được mua 01 cổ phiếu mới)
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 121.200.000.000 đồng
- Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng
- Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- Phương thức phân phối: Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
- Chuyển nhượng quyền mua: Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.
- Phương án làm tròn: Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng chào bán.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 589 cổ phiếu. Khi đó, tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là 1:1, số cổ phiếu chào bán cổ đông A được mua là $(589 : 1) \times 1 = 589$ cổ phiếu.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn (nếu có) và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại này được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không áp dụng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn đăng ký: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
 - + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
 - + Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thi việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần VSC Green Logistics. Việc nộp tiền mua cổ phiếu mới chào bán được nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty với thông tin tài khoản như sau:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
 - Số tài khoản: 100303950
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo chào bán chứng khoán.

Bảng 37: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

| TT | Nội dung công việc | Thời gian |
|----|---|---------------|
| 1 | Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực | D |
| 2 | Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp | D đến D+7 |
| 3 | Ngày giao dịch không hưởng quyền | D+11 |
| 4 | Ngày đăng ký cuối cùng | D+12 |
| 5 | Phối hợp cùng VSDC phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán | D+16 đến D+22 |
| 6 | Cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần | D+23 đến D+43 |
| 7 | VSDC tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa | D+50 |
| 8 | TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết | D+51 đến D+61 |
| 9 | Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt chào bán. | D+62 |
| 10 | Nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và niêm yết bổ sung | D+64 |
| 11 | Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho người mua | D+64 đến D+94 |

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua và quyền được thương cổ phiếu, cổ đông sẽ thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục VII.7, VII.8 và VII.9 của Bản cáo bạch này.

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này không được bảo lãnh phát hành bởi tổ chức bảo lãnh phát hành.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

11.1 Đổi với số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức

- Là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

11.2 Đổi với số cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.

12. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- Số tài khoản: 100303950
- Tên ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Do tổ chức phát hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định nên không cần chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo các quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 07/02/2025, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics là 1.333.100 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 11% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ theo công văn số 658/UBCK-PTTT ngày 01/04/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được quy định ở mức 49%. Do đó, để việc phát hành và phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ để đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại GIC theo đúng quy định của pháp luật thì HĐQT sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Phối hợp với VSDC để đảm bảo cổ đông không thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.
- Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối với số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và các cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết sẽ không chào bán tiếp cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1 Đối với Công ty

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kê toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kê toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kê toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15.2 Đối với nhà đầu tư liên quan đến cổ phiếu chào bán

4. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

- + **Đối với Nhà đầu tư trong nước:** Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điều 2 Điều 16 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.
+ **Đối với Nhà đầu tư nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điều 2 Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc "Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn".

- **Thu nhập từ cổ tức:**

- + Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thường, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

4. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

- + **Đối với tổ chức trong nước:** Theo quy định tại thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/04/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- + **Đối với tổ chức nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

- + Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện phát hành cả 02 phương án: Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong cùng 01 đợt phát hành.

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán về việc thực hiện niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Kế hoạch triển khai cụ thể như sau:

- + Thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán đối với phát hành cổ phiếu ra công chúng, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- + Nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ngay sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- + Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi có giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics là 121.200.000.000 (Một trăm hai mươi mốt tỷ, hai trăm triệu) đồng. Số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với nguyên tắc ưu tiên sử dụng vốn cho các mục đích theo thứ tự từ trên xuống dưới, cụ thể như sau:

| STT | Khoản mục | Giá trị (VNĐ) | Thời gian dự kiến thực hiện |
|-----|-------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| 1 | Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi | 40.000.000.000 | Quý I/2026 đến Quý I/2027 |
| 2 | Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải | 67.000.000.000 | Quý I/2026 đến Quý I/2027 |
| 3 | Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị | 4.200.000.000 | Quý I/2026 đến Quý I/2027 |
| 4 | Bổ sung vốn lưu động | 10.000.000.000 | Trong năm 2026 |
| | Tổng cộng | 121.200.000.000 | |

↳ Kế hoạch giải ngân chi tiết như sau:

| STT | Nội dung sử dụng vốn | Giá trị giải ngân dự kiến | Thời gian dự kiến giải ngân |
|-----|---|---------------------------|-----------------------------|
| 1 | Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi | 40.000.000.000 | |
| 1.1 | <i>Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HDCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics</i> | 40.000.000.000 | Quý I/2026 đến Quý I/2027 |
| 2 | Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải | 67.000.000.000 | |
| 2.1 | <i>Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HDCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và CTCP VSC Green Logistics</i> | 49.000.000.000 | Quý I/2026 đến Quý I/2027 |
| 2.2 | <i>Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HDCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics</i> | 18.000.000.000 | |
| 3 | Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị | 4.200.000.000 | |
| 3.1 | <i>Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 169/HDCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và CTCP VSC Green Logistics</i> | 600.000.000 | Quý I/2026 đến Quý I/2027 |
| 3.2 | <i>Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 38/HDCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics</i> | 3.600.000.000 | |
| 4 | Bổ sung vốn lưu động | 10.000.000.000 | |
| 4.1 | <i>Chi phí nhân công và quản lý</i> | 4.000.000.000 | |
| 4.2 | <i>Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ,) và chi phí sửa chữa</i> | 3.000.000.000 | Trong năm 2026 |
| 4.3 | <i>Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác</i> | 3.000.000.000 | |
| | Tổng cộng | 121.200.000.000 | |

Trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến theo phương án đã được phê duyệt nêu trên, căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT Công ty sẽ thực hiện phân bổ số tiền sử dụng vốn như sau:

- + Tiến hành phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán theo thứ tự ưu tiên (1), (2), (3), (4) và trong từng mục đích sử dụng vốn sẽ ưu tiên theo tuần tự từ (2.1) đến (2.2); từ (3.1) đến (3.3); và từ (4.1) đến (4.3) theo phương án sử dụng vốn nêu trên.
- + Xem xét sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay, các nguồn vốn khác để bù đắp cho số tiền thiếu hụt trong tổng nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

2. Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số vốn huy động từ đợt chào bán

Trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số tiền vốn như dự kiến sẽ xử lý theo các phương án sau:

- Hội đồng quản trị được phép lựa chọn Nhà đầu tư để tiếp tục chào bán cổ phiếu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu, đồng thời có thể thực hiện các thủ tục xin phép UBCKNN gia hạn thời gian chào bán nếu xét thấy cần thiết;
- Trường hợp sau khi kết thúc đợt chào bán, tổng số tiền thu về ít hơn so với số vốn thu về dự kiến (121.200.000.000 đồng), HĐQT sẽ chủ động sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay, các nguồn vốn khác để bù đắp cho số tiền thiếu hụt trong tổng nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

3. Thông tin về bổ sung vốn lưu động

Theo chủ trương tái cấu trúc toàn bộ hoạt động của các đơn vị thành viên của VSC gồm: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (GIC), Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC), Công ty Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL), CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đinh Vũ (VGI), theo đó công ty mẹ là VSC dự kiến sẽ thực hiện các nội dung bao gồm nhưng không giới hạn phương án sáp nhập hoặc bán tài sản gắn liền với hoạt động của các doanh nghiệp nhằm giảm sự chồng chéo trong hoạt động kinh doanh, giảm sự thiếu hiệu quả trong quản lý chi phí vận hành các đơn vị có ngành nghề tương đồng và giảm cạnh tranh nội bộ lẫn nhau. Khi đó GIC sẽ mở rộng quy mô hoạt động lĩnh vực kho bãi, bổ sung dịch vụ kinh doanh vận tải đường dài và vận tải đường ngắn xuất nhập tàu; GSL giảm quy mô hoạt động; GLC tập trung vào mảng kho bãi với cơ sở vật chất hiện đang có.

Do đó, bên cạnh 2 ngành nghề hiện đang tập trung là khai thác bãi (gồm dịch vụ kho bãi, lưu trữ và bốc xếp hàng hóa) và dịch vụ sửa chữa container, GIC sẽ tiếp tục mở rộng sang lĩnh vực hoạt động mới là vận tải đường dài, tăng thêm dịch vụ vận chuyển xuất – nhập tàu (chạy shipside tàu – bãi), xây mới thêm kho hàng rời để đóng hàng container (dịch vụ bốc trộn trong khai thác bãi và hỗ trợ hoạt động vận tải). Đây là các mảng dịch vụ nằm trong chuỗi giá trị của ngành container từ: dịch vụ tại cảng (chạy shipside) - khai thác kho bãi, kho hàng rời – đóng hàng container – vận tải đường dài và sửa chữa container, hoàn thành một xích quan trọng trong chiến lược phát triển kinh doanh của toàn hệ thống VSC nói chung và của GIC nói riêng.

Chiến lược kinh doanh và đầu tư của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Vận hành đội xe chạy đường dài: nhận chuyển nhượng các phương tiện vận tải gồm xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc từ GSL và GLC, nhận chuyển giao khách hàng hiện hữu từ GSL và GLC, mở rộng thị trường tìm kiếm đối tác mới.
- Mở rộng hoạt động chạy shipside tàu – bãi và các dịch vụ nâng hạ container trong bãi thông qua nhận chuyển nhượng thêm một số xe đầu kéo nội bộ cảng từ GSL và xe nâng (chạy dầu và chạy điện) của GLC.
- Xây dựng thêm nhà kho đóng hàng rời và sửa chữa bãi container tại Khu đất kho hàng và Khu bến bãi container tại Lô CN3.2I Khu công nghiệp Đinh Vũ, Hải Phòng diện tích 10.120 m² nhận chuyển nhượng từ GLC.
- Sửa chữa bãi container hiện nay tại các khu bãi hiện có diện tích 10 ha thuộc sở hữu của Công ty.

Với việc nhận chuyển nhượng 325 xe các loại từ GSL và GLC, năng lực vận tải và cung cấp các dịch vụ liên quan đến container của Công ty đã tăng gấp nhiều lần, kéo theo các chi phí lưu động liên quan đến vận hành đội xe gồm: Chi phí nhân công; chi phí nhiên liệu và vật tư tiêu hao;

chi phí nhiên liệu và vật tư dự trữ; chi phí sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; chi phí thủ tục tại cảng, bến, hàng tàu, ... vì vậy nhu cầu chi phí lưu động của Công ty dự kiến sẽ tăng mạnh. Công ty dự toán chi phí vốn lưu động cần bổ sung cho năm tiếp theo, cụ thể như sau:

| STT | Chi tiêu 2026 dự kiến | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|--|
| 1 | Doanh thu kế hoạch 2026, trong đó | 209.000.000.000 | Giá định GIC nhận chuyển nhượng hoạt động SXKD đổi với tài sản nhận từ GLC và GSL từ Quý III/2026 |
| - | <i>Doanh thu tăng thêm kế thừa đội xe từ GSL</i> | 60.000.000.000 | |
| - | <i>Doanh thu tăng thêm do tăng năng lực dịch vụ kho bãi và phương tiện vận tải nhận từ GLC</i> | 4.000.000.000 | Ghi nhận doanh thu khai thác bãi container trên lô đất CN3.2I từ Quý III/2026, chưa ghi nhận doanh thu Kho đóng hàng rời |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 22.000.000.000 | |
| 3 | Tài sản ngắn hạn bình quân | 50.000.000.000 | |
| 4 | Chi phí vốn lưu động, trong đó: | 210.000.000.000 | |
| - | <i>Chi phí lưu động của GIC theo quy mô ban đầu (dự kiến tương đương chi phí lưu động năm 2024 và 2025)</i> | 90.000.000.000 | |
| - | <i>Chi phí lưu động khi vận hành đội xe từ GSL và GLC (giả sửa chi phí cho 6 tháng cuối năm 2026 sau khi nhận chuyển nhượng đội xe từ GSL và GLC)</i> | 120.000.000.000 | Tính trên tài sản là phương tiện vận tải nhận chuyển nhượng từ GSL và GLC |
| 5 | Vòng quay vốn lưu động | 4,18 lần | (5) = (1)/(3) |
| 6 | Số tiền vốn lưu động cần cho 1 vòng quay (lần tròn) | 50.000.000.000 | (6) = (4)/(5) |
| 7 | Đầu tư xây kho hàng rời và chi phí sửa chữa lớn bãi container (dự kiến 2026) | 52.000.000.000 | Dự kiến xây kho hàng rời Lô CN3.2I nhận chuyển từ GLC và sửa chữa bãi container hiện nay |
| 8 | Tài sản ngắn hạn cuối năm 2025 (dự kiến) | 76.000.000.000 | |
| 9 | Nhu cầu bổ sung vốn lưu động năm 2026 | 26.000.000.000 | (9) = (6)+(7)-(8) |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| | - <i>Vốn huy động từ đợt chào bán</i> | 10.000.000.000 | |
| | - <i>Vốn huy động khác</i> | 16.000.000.000 | |

Với nhu cầu cần bổ sung thêm 26 tỷ đồng vốn lưu động trong năm 2026 thì việc huy động thêm 10 tỷ đồng từ đợt chào bán là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty.

HĐQT Công ty đã thông Phuong án sử dụng vốn lưu động chi tiết, cụ thể như sau:

| STT | Nội dung sử dụng vốn | Giá trị giải ngân dự kiến (đồng) | Thời gian dự kiến giải ngân |
|-----|---|----------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Bổ sung vốn lưu động, trong đó: | 10.000.000.000 | Trong năm 2026 |
| 1.1 | Chi phí nhân công và quản lý | 4.000.000.000 | |
| 1.2 | Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ) và chi phí sửa chữa | 3.000.000.000 | |
| 1.3 | Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác | 3.000.000.000 | |

4. Thông tin về việc đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Các tài sản Công ty sẽ mua lại từ các đơn vị GLC và GSL như sau:

| STT | | Số lượng (chiếc) | Giá trị |
|------------|--|------------------|------------------------|
| I | Phương tiện vận tải | | |
| 1 | Từ GSL | 325 | 67.000.000.000 |
| | Xe đầu kéo | 123 | 37.800.000.000 |
| | Sơ mi rơ moóc | 123 | 11.200.000.000 |
| 2 | Từ GLC | 79 | 18.000.000.000 |
| | Xe đầu kéo | 13 | 550.000.000 |
| | Sơ mi rơ moóc | 35 | 1.110.000.000 |
| | Xe nâng | 31 | 16.340.000.000 |
| II | Máy móc thiết bị | | 4.200.000.000 |
| | Nhận chuyển nhượng từ GSL | | 600.000.000 |
| | Nhận chuyển nhượng từ GLC | | 3.600.000.000 |
| III | Nhận chuyển nhượng nhà xưởng, kho bãi của GLC | | 40.000.000.000 |
| | Tổng cộng | | 111.200.000.000 |

4.1. Thông tin về việc thực hiện mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh

a. Thông tin chung

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh ("GSL")
- Tên nước ngoài: GREEN STAR LINES ONE MEMBER LIMITED COMPANY
- Tên viết tắt: GS Lines

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 05 Võ Thị Sáu, Phường Ngõ Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200468606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/06/2002, thay đổi lần thứ 14 ngày 05/08/2025 do Sở tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, vận tải đa phương thức, kho bãi và lưu giữ bão dưỡng sửa chữa, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và các xe có động cơ khác, bán buôn xăng dầu, máy móc, thiết bị
- Mối quan hệ của GIC và người có liên quan của GIC:
 - + Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ sở hữu 66,34% vốn điều lệ của GIC - hiện đang sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh.
 - + Ông Đồng Trung Hải – Thành viên HDQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh.

b. Thông tin về tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh

- Vốn điều lệ: 76.000.000.000 đồng
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và lũy kế đến cuối Quý III/2025:

Đơn vị: Đồng

| Doanh thu | | Lợi nhuận sau thuế | |
|-----------------|------------------------------|--------------------|------------------------------|
| Năm 2024 | Lũy kế đến cuối Quý III/2025 | Năm 2024 | Lũy kế đến cuối Quý III/2025 |
| 204.771.746.547 | 148.363.164.859 | 13.265.837.683 | 10.550.864.613 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GSL

- Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2024 và tại ngày 30/09/2025:

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung | Năm 2024 | 30/09/2025 |
|-----|-----------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 113.655.676.438 | 115.583.890.894 |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | 69.382.154.457 | 80.134.944.216 |
| 1.2 | Tài sản dài hạn | 44.273.521.981 | 35.448.946.678 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 89.668.704.913 | 86.953.731.843 |
| 3 | Nợ phải trả | 23.986.971.525 | 28.630.159.051 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GSL

c. Cơ sở pháp lý để mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh

Công ty sẽ sử dụng 49.600.000.000 đồng thu được từ được chào bán để mua tài sản của Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh theo các văn bản pháp lý như sau:

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (Tên cũ: Công ty Cổ phần

Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh) và Tờ trình ĐHDCCD ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

- + Nghị quyết HĐQT số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh;
- + Nghị quyết HĐQT số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- + Quyết định số 166/QĐ-CT ngày 25/08/2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh về việc phê duyệt thanh lý tài sản.

d. Các hợp đồng mua tài sản ký kết giữa GIC và GSL

| STT | Tên hợp đồng | Số hợp đồng | Thời điểm ký kết | Giá trị hợp đồng (đồng) |
|------------------|--|--------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện | 170/HĐCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 49.000.000.000 |
| 2 | Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị | 169/HĐCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 600.000.000 |
| Tổng cộng | | | | 49.600.000.000 |

- Theo hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HĐCNTS/GSL-GIC, các tài sản Công ty mua bao gồm:

| STT | Tên phương tiện vận tải | Số lượng (chiếc) | Giá trị (đồng) |
|------------------|-----------------------------------|------------------|-----------------------|
| 1 | Sơ Mi Rơ Moóc Tài (Chở Container) | 123 | 11.200.000.000 |
| 2 | Xe ô tô đầu kéo | 123 | 37.800.000.000 |
| Tổng cộng | | 246 | 49.000.000.000 |

- Theo hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị số 169/HĐCNTS/GSL-GIC, các tài sản Công ty mua bao gồm:

| STT | Tên tài sản | Số lượng (Hệ thống) | Giá trị (VND) |
|------------------|----------------------------------|---------------------|--------------------|
| 1 | Hệ thống thiết bị xưởng sửa chữa | 01 | 397.000.000 |
| 2 | Hệ thống thiết bị văn phòng | 01 | 203.000.000 |
| Tổng cộng | | 02 | 600.000.000 |

4.2. Thông tin về việc thực hiện mua tài sản của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh

a. Thông tin chung

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh ("GLC")
- Tên nước ngoài: GREEN LOGISTICS CENTRE ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: GLC

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất CN3.2G, Khu công nghiệp Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201263312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/05/2012, thay đổi lần thứ 07 ngày 01/02/2024.
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kho bãi, lưu giữ hàng hóa và các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Mối quan hệ của GIC và người có liên quan của GIC:
 - + Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ sở hữu 66,34% của GIC hiện đang sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.
 - + Ông Lê Quang Huy – Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.
 - + Bà Phan Thị Trung Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.
 - + Bà Trần Thị Phương Anh – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Chủ tịch tại Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.

b. *Thông tin về tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh*

- Vốn điều lệ: 620.000.000.000 đồng
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và lũy kế đến cuối Quý III/2025:

Đơn vị: Đồng

| Doanh thu | | Lợi nhuận sau thuế | |
|-----------------|------------------------------|--------------------|------------------------------|
| Năm 2024 | Lũy kế đến cuối Quý III/2025 | Năm 2024 | Lũy kế đến cuối Quý III/2025 |
| 256.221.083.695 | 207.113.396.581 | (29.077.630.011) | 2.111.390.560 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GLC

- Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2024 và tại ngày 30/09/2025:

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung | Năm 2024 | 30/09/2025 |
|-----|-----------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 669.600.131.419 | 744.961.916.783 |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | 113.300.133.412 | 215.730.319.946 |
| 1.2 | Tài sản dài hạn | 556.299.999.007 | 529.231.596.837 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 601.990.255.368 | 604.101.645.928 |
| 3 | Nợ phải trả | 67.609.877.051 | 140.860.270.855 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GLC

c. **Cơ sở pháp lý để mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh**

- Công ty sẽ sử dụng 61.600.000.000 đồng thu được từ được chào bán để mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh theo các văn bản pháp lý như sau:
 - + Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DHĐCD ngày 10/03/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh) và Tờ trình ĐHĐCD ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Nghị quyết HĐQT số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh;
 - + Nghị quyết HĐQT số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
 - + Quyết định số 52/QĐ-CT ngày 25/08/2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh về việc phê duyệt thanh lý tài sản.

d. **Các hợp đồng mua tài sản ký kết giữa GIC và GLC**

| STT | Tên hợp đồng | Số hợp đồng | Thời điểm ký kết | Giá trị hợp đồng (đồng) |
|------------------|--|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 36/HĐCN/GLC-GIC | 29/08/2025 | 40.000.000.000 |
| 2 | Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện | 37/HĐCNTS/GLC-GIC | 29/08/2025 | 18.000.000.000 |
| 3 | Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị | 38/HĐCNTS/GLC-GIC | 29/08/2025 | 3.600.000.000 |
| Tổng cộng | | | | 61.600.000.000 |

- Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC, Công ty sẽ đầu tư mua Khu đất kho hàng và Khu bến bãi container của GLC, địa chỉ tại Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam;

| STT | Tên tài sản | Đơn vị | Diện tích | Giá chuyển nhượng (đồng) |
|---------------------|-------------------|----------------|---------------|--------------------------|
| 1 | Quyền sử dụng đất | m ² | 10.120 | 40.000.000.000 |
| Tổng giá trị | | | 10.120 | 40.000.000.000 |

- Theo hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HĐCNTS/GLC-GIC, các tài sản Công ty sẽ mua bao gồm:

| STT | Tên phương tiện vận tải | Số lượng (Chiếc) | Thành tiền (đồng) |
|-----|-------------------------|------------------|-------------------|
| 1 | Sơ Mi Rơ Moóc | 35 | 1.110.000.000 |
| 2 | Xe đầu kéo | 13 | 550.000.000 |
| 3 | Xe nâng vô 10t | 02 | 1.550.000.000 |

| | | | |
|------------------|------------------|-----------|-----------------------|
| 4 | Xe nâng hàng 4t | 02 | 2.200.000.000 |
| 5 | Xe nâng hàng 45t | 03 | 6.890.000.000 |
| 6 | Xe nâng hàng 46t | 01 | 1.500.000.000 |
| 7 | Xe nâng dầu 3t | 05 | 1.197.000.000 |
| 8 | Xe nâng dầu 4,5t | 01 | 175.000.000 |
| 9 | Xe nâng điện | 17 | 2.828.000.000 |
| Tổng cộng | | 79 | 18.000.000.000 |

– Theo hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị số 38/HĐCNTS/GLC-GIC, các tài sản Công ty sẽ mua bao gồm:

| STT | Tên tài sản | Số lượng | Thành tiền (đồng) |
|------------------|---|-----------|----------------------|
| 1 | Bàn nâng thủy lực A688FHE | 37 | 999.000.000 |
| 2 | Máy hút ẩm công nghiệp | 15 | 405.000.000 |
| 3 | Hệ thống máy chủ | 03 | 114.000.000 |
| 4 | Hệ thống hạ tầng điện | 01 | 484.000.000 |
| 5 | Hệ thống viễn thông điều hành khai thác | 01 | 1.246.000.000 |
| 6 | Container văn phòng | 01 | 20.000.000 |
| 7 | Hệ thống thiết bị máy móc khai thác | 01 | 332.000.000 |
| Tổng cộng | | 59 | 3.600.000.000 |

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

4 CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3946 2246

Website: www.pwc.com/vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-DHĐCD ngày 10/03/2025, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics tiến hành đăng ký phát hành 13.332.000 cổ phiếu (bao gồm: phát hành 1.212.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 và chào bán 12.120.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu). Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 121.200.000.000 đồng với mục đích huy động vốn để bổ sung vốn vốn lưu động và đầu tư mua thêm các nhà xưởng, kho bãi, mua các máy móc trang thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 12.120.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 49,99% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 (19.997 đồng/cổ phiếu) và thấp hơn 38,27% so với giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chào bán cổ phiếu (16.200 đồng/cổ phiếu tại ngày 12/02/2025).

Với mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, đây là mức giá hấp dẫn so với giá đang giao dịch trên sàn nên mức độ rủi ro không thành công khó xảy ra. Cùng với việc duy trì được lợi nhuận của Công ty trong những năm qua, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có thể hoàn thành đợt chào bán theo đúng kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bao đảm giá trị của chứng khoán. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư phải xem xét và cân nhắc khi đưa ra quyết định đầu tư.

XI. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất;
2. Điều lệ công ty;
3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-DHĐCD ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
4. Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 09 ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
5. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán;
6. Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua trình tự, thời gian thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và các nội dung liên quan đến phương án phát hành;
8. Báo cáo tài chính Công ty năm 2023, 2024 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Công ty quý gần nhất;

9. Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bao gồm:

- Các hợp đồng chuyển nhượng và phụ lục đính kèm;
- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh;
- Nghị quyết HĐQT số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh.

Hà Nội, ngày 28/1/2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐỨC DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Nguyễn Thị Thu Hằng".

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

GIÁM ĐỐC

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Đặng Trung Hải".

ĐẶNG TRUNG HẢI

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN VIX



**THE STATE SECURITIES COMMISSION'S GRANT OF THE CERTIFICATE OF
REGISTRATION FOR PUBLIC OFFERING OF SECURITIES ONLY MEANS THAT
THE REGISTRATION OF THE PUBLIC OFFERING OF SECURITIES HAS BEEN
CARRIED OUT IN ACCORDANCE WITH THE RELEVANT LAWS AND DOES NOT
IMPLY ANY GUARANTEE OF THE VALUE OF THE COMPANY OR THE VALUE
OF THE SECURITIES. ANY STATEMENT TO THE CONTRARY IS ILLEGAL.**

PROSPECTUS



VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

(Enterprise Registration Certificate No. 0201768923 first issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on January 24, 2017, 4th amendment dated March 13, 2025 issued by the Department of Finance)

PUBLIC OFFERING OF ADDITIONAL SHARES

(Certificate of Public Offering Registration No 33/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 30 month 01 year 2026)

This Prospectus and supplementary documents will be provided at the following address from date: ...

ISSUING ORGANIZATION

VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Head Office: Lot CC2 – MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City

Tel: (0225) 2838666 Fax: (0225) 2838689

Website: www.greenicd.com.vn

Person in charge of information disclosure:

Mr. Dong Trung Hai Title: Director

Tel: (0225) 2838666

VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

(Enterprise Registration Certificate No. 0201768923 first issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on January 24, 2017, 4th amendment dated March 13, 2025 issued by the Department of Finance)

PUBLIC OFFERING OF ADDITIONAL SHARES

- ❖ Share name: Shares of VSC Green Logistics Joint Stock Company
- ❖ Share type: Ordinary shares
- ❖ Par value: VND 10,000/share
- ❖ Offering price: VND 10,000/share
- ❖ Total number of shares offered: 13,332,000 shares
- ❖ Total value at par value: VND 133,320,000,000 (*In words: One hundred thirty-three billion, three hundred twenty million dong*)

AUDITOR

- ❖ **HANOI BRANCH OF PWC (VIETNAM) LIMITED (AUDIT OF FINANCIAL STATEMENTS FOR 2023 AND 2024)**

Head Office: Floor 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lot E6, Cau Giay New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam

Tel: (84-24) 3946 2246 Fax:

Website: www.pwc.com/vn

ISSUING ADVISORY ORGANIZATION

- ❖ **VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Head Office: 22nd Floor, 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

Tel: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

TABLE OF CONTENTS

| | | |
|------|---|----|
| I. | PERSONS PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THE PROSPECTUS..... | 5 |
| 1. | Issuing Organization | 5 |
| 2. | Advisory Organization..... | 5 |
| II. | RISK FACTORS | 5 |
| 1. | Economic Risks | 5 |
| 2. | Legal Risks..... | 9 |
| 3. | Specific Risks | 10 |
| 4. | Offering Risks | 12 |
| 5. | Dilution Risk | 13 |
| 6. | Corporate Governance Risks | 13 |
| 7. | Other Risks..... | 14 |
| III. | DEFINITIONS AND ABBREVIATIONS | 14 |
| IV. | SITUATION AND CHARACTERISTICS OF THE ISSUING ORGANIZATION | 15 |
| 1. | General Information about the Issuing Organization..... | 15 |
| 3. | Organizational Structure of the Company | 17 |
| 4. | Corporate Governance and Management Structure | 18 |
| 5. | Information on the Parent Company, Subsidiaries of the Issuer, Companies Holding Control or Dominant Shares in the Issuer, and Companies in which the Issuer Holds Control or Dominant Ownership or Capital Contributions for Two Consecutive Years Prior to the Offering Registration and Up to the Present: | 22 |
| 6. | Information on Changes in the Company’s Charter Capital | 23 |
| 7. | Information on Major Capital Contributions and Divestments of the Company in Other Enterprises | 23 |
| 8. | Information on Outstanding Securities | 24 |
| 9. | Information on Foreign Ownership Ratio | 24 |
| 10. | Business Operations..... | 24 |
| 11. | Policies for Employees..... | 56 |
| 12. | Dividend Policy | 57 |
| 13. | Information on the Use of Capital Raised from the Most Recent Offerin | 59 |
| 14. | Information on the Company’s Commitments Not Yet Fulfilled..... | 59 |
| 15. | Information on Contingent Liabilities, Pending Disputes, and Litigation Related to the Company That May Affect the Company’s Business Operations, Financial Position, the Offering, the Offering Price, and the Project Using Capital Raised from the Offering | 59 |
| 16. | Information on the Company’s Commitment Not to Be Under Criminal Prosecution or Convicted of Any Economic Management Order Offenses Without Having Been Expunged..... | 59 |
| V. | BUSINESS PERFORMANCE, FINANCIAL POSITION, AND PROJECTED PLANS..... | 59 |
| 1. | Business Performance | 59 |

| | | |
|-------|--|-----|
| 2. | Financial Situation | 61 |
| 3. | Audit Opinions on the Company's Financial Statements | 66 |
| 4. | Revenue, Profit, and Dividend Plan..... | 66 |
| VI. | INFORMATION ON FOUNDING SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS, MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE INSPECTION COMMITTEE, THE DIRECTOR, DEPUTY DIRECTORS AND THE CHIEF ACCOUNTANT | 68 |
| 1. | Information on Founding Shareholders..... | 68 |
| 2. | Information on Major Shareholders | 68 |
| 3. | Information on Members of the Board of Directors, the Inspection Committee, the Director, Deputy Directors and the Chief Accountant..... | 72 |
| VII. | INFORMATION ON THE OFFERING..... | 87 |
| 1. | Type of Shares | 87 |
| 2. | Par Value..... | 87 |
| 3. | Total Number of Shares Expected to be Issued | 87 |
| 4. | Total Par Value of Shares to be Issued | 87 |
| 5. | <i>Offering Price (for shares offered to existing shareholders)</i> | 87 |
| 6. | Pricing Basis..... | 87 |
| 7. | Distribution Method..... | 88 |
| 8. | Share Subscription | 89 |
| 9. | Expected Schedule for Share Distribution | 90 |
| 10. | Method of Exercising Rights..... | 90 |
| 11. | Restrictions on Share Transfer | 91 |
| 12. | Escrow Account for Share Subscription Proceeds..... | 91 |
| 13. | Opinion of Competent Authorities on the Charter Capital Increase | 91 |
| 14. | Measures to Ensure Compliance with Foreign Ownership Limits | 91 |
| 15. | Applicable Taxes | 92 |
| 16. | Information on Commitments | 93 |
| 17. | Information on Other Securities Offered or Issued Concurrently..... | 93 |
| VIII. | PURPOSE OF THE OFFERING | 93 |
| IX. | PLAN FOR THE USE OF PROCEEDS FROM THE OFFERING | 93 |
| 1. | Plan for the Use of Proceeds | 93 |
| 2. | Measures in Case of Undersubscription or Insufficient Proceeds | 95 |
| 3. | Information on Working Capital Supplementation..... | 95 |
| 4. | Information on Investment in Additional Workshops, Warehouses, Machinery, Equipment and Transport Vehicles for Business Operations | 97 |
| X. | PARTIES INVOLVED IN THE OFFERING | 103 |
| 1. | Auditor | 103 |
| 2. | Issuing advisory organization | 103 |
| XI. | APPENDICES | 103 |

I. PERSONS PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THE PROSPECTUS

1. Issuing Organization

VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Mr.: Nguyễn Đức Dũng Title: Chairman of the Board of Directors

Mr.: Đồng Trung Hải Title: Director

We hereby ensure that the information and data in this Prospectus are accurate and truthful and commit to taking responsibility for the truthfulness and accuracy of such information and data. Within the scope of our responsibility and knowledge, we ensure that there are no misleading or omitted facts that may materially affect the information contained in this Prospectus.

2. Advisory Organization

VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Legal Representative: Mr. Truong Ngoc Lan

Title: Chief Executive Officer

This Prospectus is part of the dossier for registration of the public offering of additional shares prepared with the participation of VIX Securities Joint Stock Company under Contract No. 1102/2025/HĐTVPH/GIC-VIX dated March 14, 2025 with VSC Green Logistics Joint Stock Company. Within the scope of responsibility and information available, we ensure that the analysis, evaluation and wording in this Prospectus have been conducted in a reasonable and prudent manner based on the information and data provided by VSC Green Logistics Joint Stock Company.

II. RISK FACTORS

Risk refers to the possibility of adverse or undesirable events occurring, causing fluctuations or losses to the Company's business performance and/or share price. Risks may arise from external factors such as economic conditions, legal environment, unusual risks from natural disasters, epidemics, etc., as well as from internal subjective factors of the Company.

The main business activities of VSC Green Logistics Joint Stock Company (“GIC”) are container yard operations and the provision of related services such as storage and container repair. GIC’s business operations may be affected by the following risks:

1. Economic Risks

1.1 Economic Growth

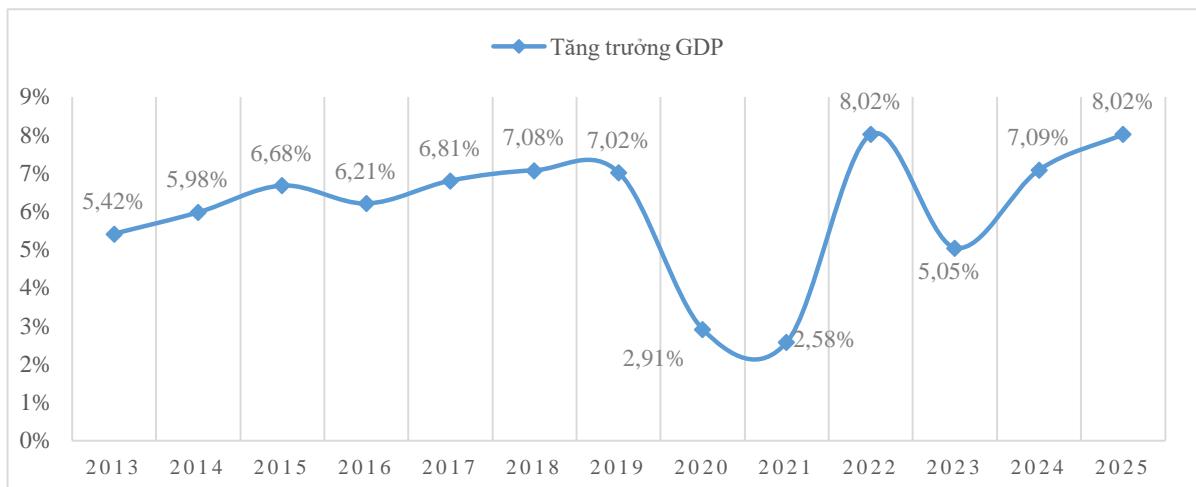
Macroeconomic fluctuations may affect the business operations of enterprises across most industries in general and GIC in particular. A vibrant economy with positive growth creates a favorable environment and provides enterprises with more opportunities for development, and vice versa. For companies operating in the seaport and logistics sector such as GIC, growth in trade and import-export activities directly affects cargo throughput at ports and container yards, thereby having a profound impact on the Company's business performance.

In 2024, Vietnam's economy experienced many positive developments compared to the previous year. Gross Domestic Product (GDP) in 2024 reached USD 476.3 billion, representing

growth of 7.09% compared to 2023. GDP growth in 2024 returned to a level nearly equivalent to the 2018–2019 pre-COVID-19 period and was the second highest growth rate in the most recent five-year period (2020–2024), lower only than the growth recorded in 2022 when the economy rebounded from a low base caused by the pandemic. During 2024, the Purchasing Managers' Index (PMI) remained above the 50 threshold for 9 out of 12 months, indicating that although the economy had not fully overcome difficulties, production activities had gradually shown a significant recovery compared to 2023. The Index of Industrial Production (IIP) increased by 8.4% year-on-year, driven by the manufacturing and processing and construction sectors. Total retail sales of goods and consumer service revenue at current prices nationwide were estimated at VND 6,391 trillion, up 9.0% compared to the previous year; excluding inflation factors, real growth reached 5.9%, down 0.9 percentage points from the 6.8% recorded in 2023 due to slower growth in the retail goods segment. Import and export activities were a highlight of the economy with double-digit growth, which helped the transportation and warehousing sector achieve an impressive growth rate of 10.82%, contributing 0.68 percentage points to the overall growth rate of total value added of the economy in 2024.

Chart 1: Vietnam's GDP Growth Rate

Unit: % compared to the same period of the previous year



Source: General Statistics Office

In 2025, national GDP growth was estimated at 8.02% compared to 2024, second only to the growth rate recorded in 2022 during the 2011–2025 period. Of the overall increase in the economy, the agriculture, forestry and fishery sector grew by 3.78%, contributing 5.30%; the industry and construction sector grew by 8.95%, contributing 43.62%; and the services sector grew by 8.62%, contributing 51.08%. Within the industry and construction sector, industrial production recorded the highest growth rate since 2019. The Index of Industrial Production (IIP) in 2025 saw breakthrough growth compared to the same period, reaching 9.2%. The added value of the industrial sector in 2025 was estimated to increase by 8.80% year-on-year, contributing 35.15% to the overall growth rate of total value added of the economy. Within the services sector, key contributing industries included: wholesale and retail trade, which increased by 8.52% compared to the previous year, contributing 10.62% to GDP growth; transportation and warehousing, up 10.99%, contributing 8.69%; and financial, banking and insurance activities, up 7.82%, contributing 5.72%. Import–export activities continued their growth momentum, with export turnover increasing by 17.0% and import turnover rising by 19.4% compared to 2024.

In 2026, the economic growth target assigned by the National Assembly is 10% or higher. The logistics, transportation and warehousing sectors are expected to benefit directly from the expansion of domestic trade and import-export activities. Conversely, slower overall economic growth would adversely affect trade flows and the seaport and logistics sector.

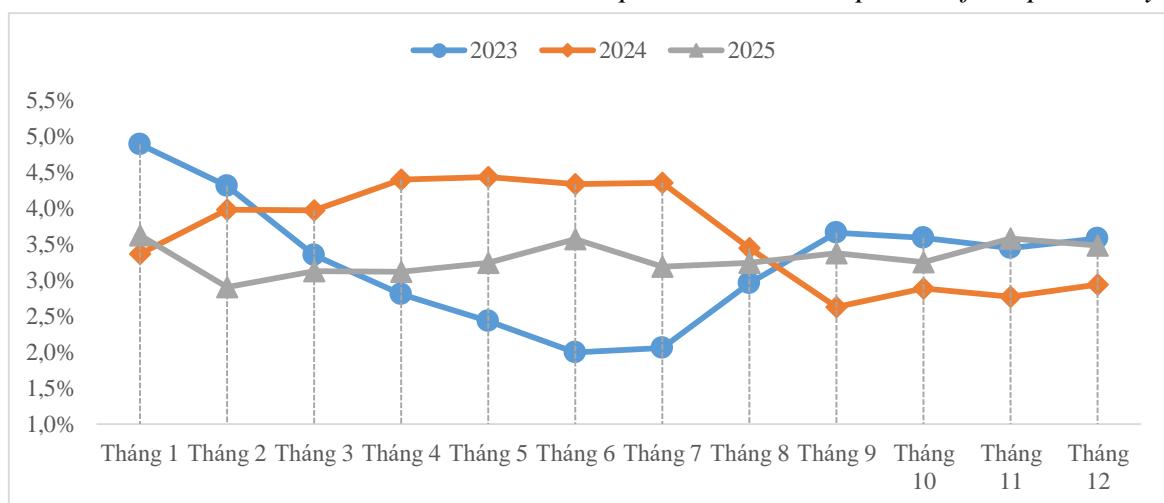
1.2 Inflation

Inflation risk arises when the general price level of goods and services in the economy increases continuously, leading to reduced purchasing power and currency depreciation. Inflation is commonly measured by core inflation, the Consumer Price Index (CPI), and the Producer Price Index (PPI).

Inflation typically exists alongside economic growth. Most studies and viewpoints indicate that when inflation remains at a low and controlled level, it may have a positive or neutral impact on economic growth; however, high inflation will certainly have negative effects. Excessive inflation can reduce aggregate demand due to tightened spending behavior. For enterprises, inflation increases input costs such as wages, raw materials, fuel, and services, and may even raise financial expenses if the State Bank of Vietnam increases interest rates to control inflation.

Chart 2: Vietnam Consumer Price Index (CPI)

Unit: % compared to the same period of the previous year



Source: General Statistics Office

Inflation developments are most commonly measured by core inflation and the Consumer Price Index (CPI). Vietnam's 2025 inflation plan set a relatively prudent target of controlling inflation at 4.5–5% under Resolution No. 192/2025/QH15 dated February 19, 2025. In 2025, the State Bank of Vietnam (SBV) implemented monetary policy in a proactive and flexible manner to control inflation while supporting economic growth. According to data from the General Statistics Office, CPI levels throughout 2025 generally remained within the inflation control threshold and were more stable compared to the previous two years, 2023–2024. On average for 2025, core inflation increased by 3.21% year-on-year, lower than the average CPI increase of 3.44%. This difference was mainly due to rising prices of food, foodstuffs, household electricity, and healthcare services, which pushed up CPI but are excluded from the basket used to calculate core inflation.

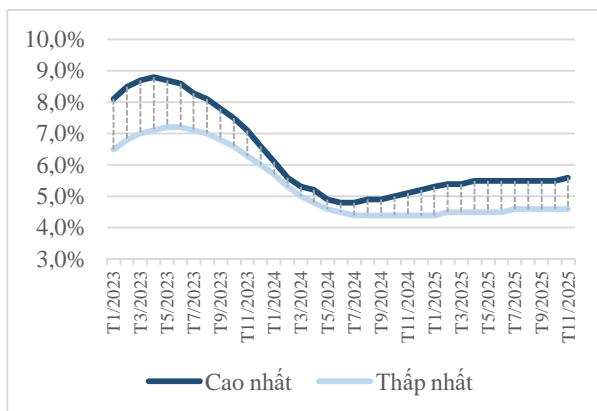
For GIC, operating expenses typically account for approximately 88–90% of annual revenue, with the remainder being relatively small financial expenses as the Company has no outstanding loans. Key expenses such as staff salaries, commissions, raw materials, and outsourced services are cost items exposed to inflation risk.

1.3 Interest Rates

Interest rate risk arises when interest rates fluctuate, directly affecting a company's financial income or expenses. The level of impact varies across industries and enterprises depending on their capital and asset structures. Companies with high leverage are more vulnerable when interest rates rise due to increased borrowing costs eroding profits. Conversely, companies with significant financial investments and large bank deposits may benefit from higher interest income.

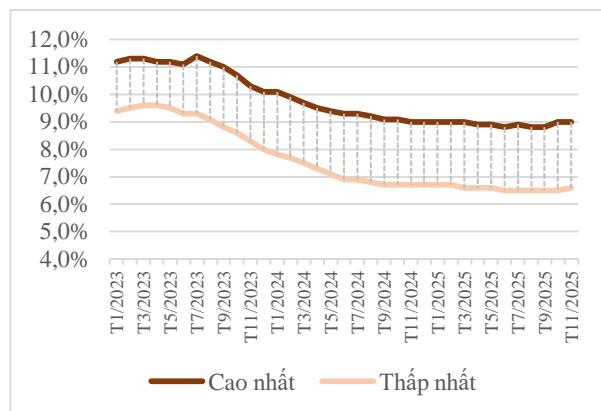
In the first nine months of 2025, bank interest rates remained relatively stable and were maintained at low levels compared to the peak interest rate period in 2023, with 12-month deposit rates at most banks mainly ranging from approximately 5.5% to 6% per year. In Q4/2025, interest rates showed a slight upward trend among joint-stock commercial banks, while state-owned commercial banks largely kept their rates unchanged compared to the previous quarter. The slight increase in interest rates during Q4/2025 followed seasonal patterns due to higher year-end capital demand. Credit growth recovery was the main driver supporting interest rate increases, while the appreciation of the USD/VND exchange rate also exerted pressure on interest rates to stabilize the VND.

Chart 3. Average 6–12 Month Deposit Interest Rates



(Source: Compiled from data of commercial banks)

Chart 4. Average Lending Interest Rates for Ordinary Production and Business Activities



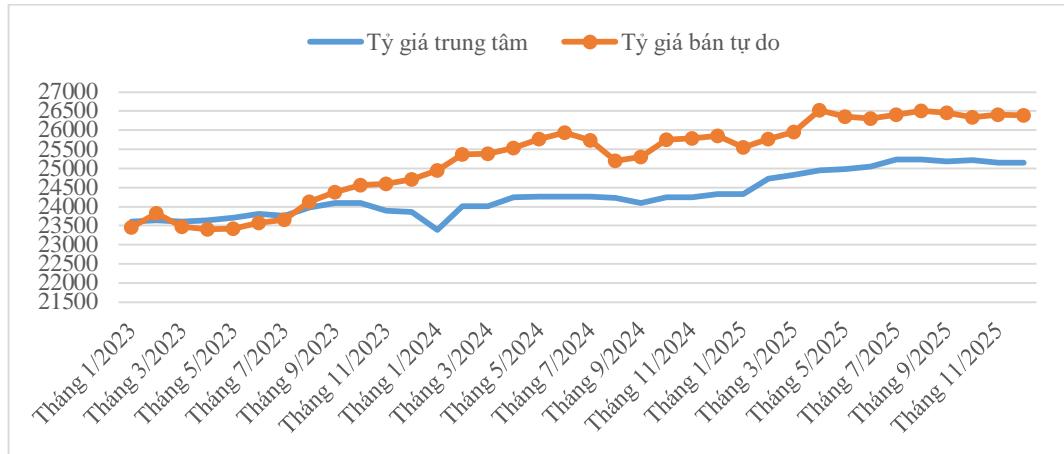
(Source: Compiled from data of commercial banks)

Currently, GIC does not utilize borrowings and does not incur interest expenses. Therefore, for GIC, interest rate risk is minimal or negligible.

1.4 Exchange Rates

Fluctuations in exchange rates may affect the Company's revenue if service prices provided to foreign customers are denominated in USD. On the input side, fuel prices and the cost of imported machinery are also affected by exchange rate movements. Therefore, exchange rates may impact the Company's inputs, outputs, and investment activities.

Chart 5. USD/VND Exchange Rate Movements During 2023–2025



Source: Compiled from the State Bank of Vietnam and Vietcombank

The USD/VND exchange rate increased significantly in 2024 and continued rising in 2025. The average central exchange rate in 2024 was estimated to have increased by 1.4% compared to the previous year, while the average free-market selling rate rose sharply by 6.7% year-on-year, reaching a historic level of approximately 25,500. In 2025, the USD/VND exchange rate continued its upward trend, with the central rate at the end of December 2025 estimated to have risen by about 3.2% compared to the same period in 2024, while the free-market rate exceeded 26,300. The sharp increase in the exchange rate in 2025 was mainly attributable to domestic factors, including the State Treasury's purchases of USD from commercial banks, particularly in the first six months of the year, which tightened foreign currency supply, while domestic enterprises maintained strong foreign currency demand to serve import activities. In 2025, the trade balance of the domestic enterprise sector recorded a trade deficit of USD 29.43 billion. In addition, the SBV's monetary easing policy in 2025 and the decline in VND interbank interest rates caused the VND–USD interest rate differential to turn sharply negative, adding further pressure on the exchange rate.

For GIC, the Company only provides container lifting and repair services within Vietnam, does not engage in export activities, and currently has no loans or investments denominated in foreign currencies. Therefore, the Company's current business operations are not directly affected by exchange rate risk.

2. Legal Risks

As a joint stock company, the operations of VSC Green Logistics Joint Stock Company are governed by the legal framework, including the Law on Enterprises, the Law on Securities, and other relevant laws, decrees, and guiding circulars.

Vietnam is a developing country with an economy undergoing rapid growth and increasingly deep integration into the global economy. During this accelerated development phase, the legal framework continues to be developed and refined to keep pace with socio-economic changes, making policy amendments and adjustments unavoidable. In the seaport and logistics sector in particular, recent years have seen significant legal and policy changes, including regulations on transport route management, service pricing management, and policies promoting infrastructure investment.

Any changes in, or interpretations and guidance regarding, applicable laws may lead to unforeseen impacts on the Company's business operations if timely adaptation and adjustments are not made. To control legal risks, VSC Green Logistics Joint Stock Company continuously monitors and studies changes in legal regulations relevant to its business activities and formulates appropriate

business development plans accordingly. At the same time, the Company establishes and maintains a standardized internal governance system in compliance with legal requirements and seeks advice from external consultants on legal matters beyond its internal capacity.

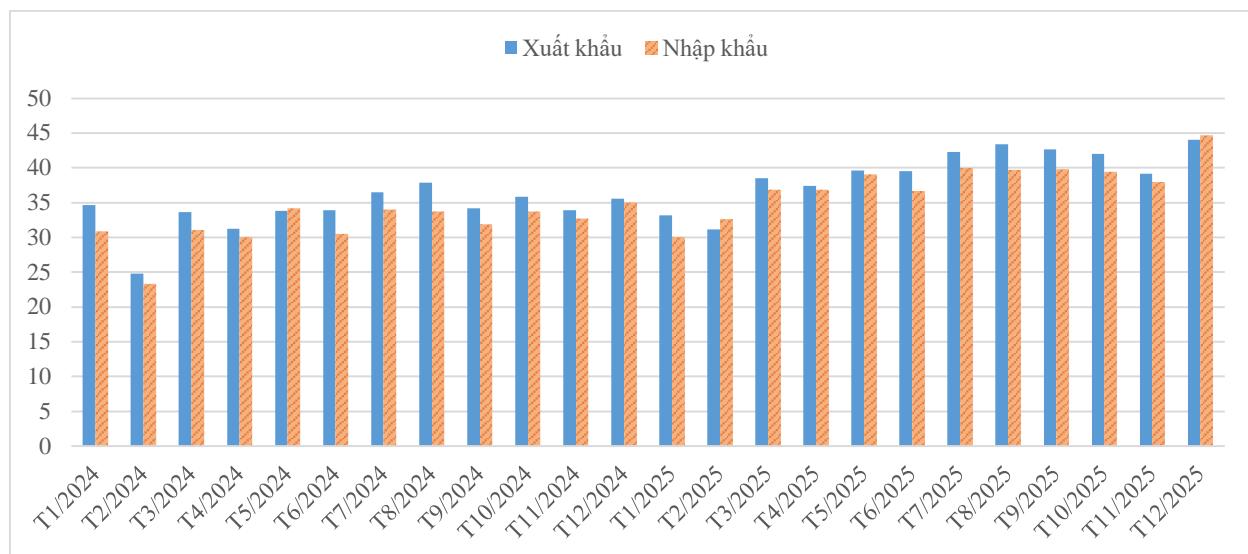
Given the relative stability of the legal environment and GIC's strict compliance with general legal regulations as well as specific industry requirements, legal risk is not considered a significant risk for the Company.

3. Specific Risks

3.1. Risks from Significant Fluctuations in Import–Export Activities

Import–export cargo accounts for approximately 85–90% of the total cargo volume passing through the Hai Phong port area, with the remainder consisting of domestic waterway cargo. Vietnam's import–export trade activities therefore have a major and direct impact on the Company's business performance.

Chart 6: Vietnam's Import–Export Turnover 2024–2025 (USD billion)



Source: General Statistics Office

Import–export activities in 2025 remained a bright spot in the economy with strong growth momentum. Cumulatively for the full year 2025, total export turnover reached USD 475.04 billion, up 17.0% compared to 2024, mainly driven by processed industrial goods; total import turnover reached USD 455.01 billion, up 19.4% year-on-year, of which production materials accounted for 93.6% of total import value. The merchandise trade balance recorded a surplus of USD 20.03 billion, making an important contribution to macroeconomic stability, foreign currency supply, and the strengthening of national foreign exchange reserves. In terms of markets, the United States remained Vietnam's largest export market, accounting for 32% of total export turnover in 2025.

Unexpected risks arising from tariff tensions between the United States and other countries may negatively affect import–export activities. In early April 2025, the U.S. President announced a new tariff policy under which the United States would impose a baseline tariff of 10% on imports from all countries and territories worldwide starting April 5, 2025, and apply varying reciprocal tariff rates to each trading partner from April 9, 2025. As of the end of Q3/2025, the export tariff rate applied to Vietnamese goods entering the U.S. market stood at 20%. Industries with a high proportion of exports to the U.S. may be significantly affected by changes in trade and tariff policies, such as seafood (especially pangasius), textiles and garments, footwear, construction stone and wood products, and electronic components. Strong retaliatory measures by China in response to

U.S. tariff policies may further complicate the global economic situation and supply chain shifts in 2025. U.S. trade protection and tariff policies aimed at preventing Chinese goods from being imported into a third country and then re-exported to the U.S. may alter global and regional supply chains as well as container shipping activities.

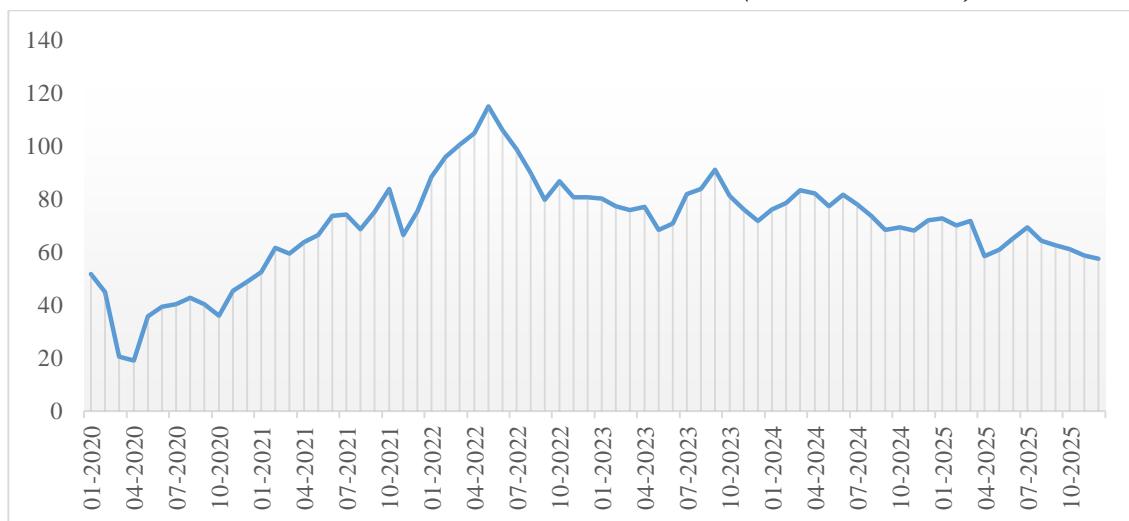
Although Vietnam's import-export turnover and FDI attraction in 2025 recorded relatively positive growth, import-export activities may still face objective risks in the coming period due to global trade tensions, trade defense measures, or geopolitical instability affecting supply chains.

3.2. Risks from Fuel Price Fluctuations

Fuel costs account for a significant proportion of the Company's total operating expenses. For enterprises operating port yards, the main fuels are typically diesel and electricity; therefore, fluctuations in oil and electricity prices may pose risks to the Company's business operations.

Electricity prices are regulated by the State. The minimum interval between adjustments of the average retail electricity price is three months from the most recent adjustment. Vietnam Electricity (EVN) prepares pricing plans and reports them to the Ministry of Industry and Trade for review and comments. During the 2015–2019 period, electricity prices were adjusted on average twice per year. From 2019 to 2022, electricity prices were kept unchanged to support the economy during and after the pandemic. From 2023 to 2024, retail electricity prices were increased three times with a total increase of approximately 11.7%. EVN's business performance returned to profitability in the last six months of 2024. While coal and fuel oil prices have declined, exchange rate pressures may still increase electricity production costs. Electricity prices are expected to rise by approximately 4–6% in the coming year.

Chart 7: Global Oil Price Movements 2020–2025 (Brent Crude Oil, USD/barrel)



Source: World Bank website

Global oil prices are influenced by various complex and multidirectional factors, including geopolitical developments and supply–demand dynamics among major economies. In 2025, global oil prices generally maintained a downward trend, with crude oil prices at the end of 2025 falling below USD 60 per barrel. Oil prices may continue to weaken and remain at low levels in the early months of 2026 due to weak demand and oversupply. However, historical oil price movements show that prices can fluctuate sharply due to unusual political or economic factors, posing non-negligible risks to businesses in general and those in the seaport and logistics chain in particular.

3.3. Technology Change Risks

With its core business of providing container lifting, storage, repair, and transportation services, a large proportion of GIC's fixed asset value consists of warehouse infrastructure, transport vehicles, and large-scale lifting equipment. These assets require substantial investment, have long useful lives, and are not subject to rapid technological change. Therefore, technology change risk for the Company is considered low.

3.4. Competitive Risks

During the 2025–2026 period, competitive pressure within port clusters in the Hai Phong area is expected to increase. Total container port capacity is projected to rise by 34% as new ports commence operations, especially in the downstream Cam River area: Lach Huyen deep-water port berths 3–4 operated by PHP (maximum capacity of 1.1 million TEUs/year, operational from Q1/2025), Lach Huyen deep-water port berths 5–6 operated by Hateco (capacity of 1 million TEUs/year, operational from Q1/2025), and Nam Dinh Vu Port Phase 3 operated by GMD (capacity of 650,000 TEUs/year, expected to commence operations from 2026). Midstream ports such as VIP Green may face pressure from cargo shifting to downstream ports. In addition, Hai Phong ports also face competition from other major regional ports such as the Quang Ninh port cluster.

The rapid increase in supply in the short and medium term will create competitive pressure on service pricing and service quality, requiring the Company to remain flexible, innovative, and adaptive in order to mitigate the impacts of competitive risks.

4. Offering Risks

4.1. Risk of Failure to Fully Distribute the Offered Shares

In the public offering of additional shares to existing shareholders, VSC Green Logistics Joint Stock Company plans to offer 12,120,000 shares (at a 1:1 ratio) at an expected offering price of VND 10,000 per share.

The offering takes place amid significant fluctuations in both domestic and international economic conditions, which also affect the stock market. In the event of unfavorable stock market developments, there is a risk that shareholders may not fully exercise their rights to purchase the additional shares. In such a case, any unsubscribed shares will be authorized by the General Meeting of Shareholders to be allocated by the Board of Directors to other investors in accordance with legal regulations. Although the Company's plan to issue additional shares to existing shareholders does not stipulate a minimum subscription success rate, the Company still faces risks associated with the possibility of under-subscription. In such circumstances, the Company may need to utilize alternative funding sources, such as borrowings or other forms of capital mobilization, to implement its business plans.

4.2. Risks Relating to the Use of Proceeds from the Offering

With the objective of strengthening financial capacity and expanding business operations, the proceeds from the offering are expected to be used by GIC to supplement working capital and to invest in additional assets serving warehouse yard and transportation operations. The Company's capital utilization plan aligns with its development strategy as well as the overall development trend of the industry. However, risks in the use of proceeds may arise from inefficiencies in the business activities funded by the allocated capital. To mitigate such risks, the Company continuously evaluates and improves the effectiveness of its investment decisions.

5. Dilution Risk

After the issuance of shares for dividend payment and the public offering of shares to existing shareholders for charter capital increase, the number of GIC's outstanding shares will increase accordingly, resulting in dilution of GIC shares.

Earnings per Share (EPS) Dilution: Immediately after completion of the issuances, diluted EPS may decline as profit attributable to shareholders is distributed over a larger number of shares. In subsequent financial periods, however, EPS will depend on the efficiency of capital utilization and the profits generated from the newly raised capital.

$$\text{Formula: EPS} = \frac{\text{Profit after corporate income tax}}{\text{Weighted average number of outstanding shares during the period}}$$

Price Adjustment Due to Additional Issuance when the Company issues additional shares to existing shareholders and issues shares for dividend payment, the market price may be technically adjusted. If the closing price of GIC shares on the trading day immediately preceding the ex-rights date is higher than the offering price, the reference price on the ex-rights date will be adjusted according to the following formula:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (Pr_1 \times I_1) + (Pr_2 \times I_2)}{1 + I_1 + I_2}$$

Where:

- P_{pl} : Diluted share price on the ex-rights date
- P_t : GIC share price on the trading day preceding the ex-rights date
- Pr_1 : VND 10,000/share (offering price to entitled shareholders)
- Pr_2 : VND 0/share (stock dividend at zero price)
- I_1 : Capital increase ratio from the rights offering
- I_2 : Stock dividend ratio

Assuming the market price of GIC shares on the trading day before the ex-rights date is VND 15,000/share. After a 1:1 rights offering at VND 10,000/share and a 10% stock dividend issuance, the diluted share price would be:

$$\frac{15.000 + (10.000 \times 1) + 0 \times 0,1}{1 + 1 + 0,1} = 11.905 \text{ VND/share}$$

6. Corporate Governance Risks

6.1. Corporate Governance Risk

Governance risk may arise from a reduction in key personnel within the management or organizational structure, which may affect the Company's operations, or from changes in ownership structure that lead to misalignment of interests and responsibilities or inconsistent management and business viewpoints among leadership. To mitigate general governance risks, VSC Green Logistics Joint Stock Company complies with corporate governance regulations stipulated in current laws, including the Law on Enterprises, the Law on Securities, and relevant guiding documents.

Regarding the capital increase in this offering, the Company's policy is to offer shares to existing shareholders. The possibility that existing shareholders may not fully subscribe to the offered shares cannot be ruled out. In such a case, the remaining shares will be allocated to other investors as decided by the Board of Directors under appropriate conditions. To mitigate governance risks, if shares must be distributed to other investors, GIC will seek investors who share a common strategic vision and business orientation to enable long-term cooperation and mutual development.

6.2. Management Mechanism Risk

The Company's current management mechanism has been developed in line with its existing charter capital scale and current business lines. The Company plans to increase capital to expand operations within its existing business sectors. In recent years, GIC has continuously improved its management capacity and developed a professional workforce to meet its new strategic and operational scale. The Company assesses management mechanism risk as low.

7. Other Risks

In addition to the risks described above, the Company's business operations may be affected by other force majeure risks such as war, natural disasters, or large-scale epidemics. These risks may cause damage to people or assets, reduce customer demand, or destabilize the business environment.

GIC shares are listed and traded on the Hanoi Stock Exchange (HNX); therefore, the share price of GIC may be affected by fluctuations in both domestic and international stock markets.

III. DEFINITIONS AND ABBREVIATIONS

The abbreviations used in this Prospectus shall have the following meanings:

| | |
|-----------------------------|---|
| SSC | State Securities Commission of Vietnam |
| HOSE | Ho Chi Minh City Stock Exchange |
| HNX | Hanoi Stock Exchange |
| VSDC | VN Securities Depository and Clearing Corporation |
| Issuing Organization | |
| / Company | VSC Green Logistics Joint Stock Company |
| GIC | VSC Green Logistics Joint Stock Company |
| GMS | General Meeting of Shareholders |
| BOD | Board of Directors |
| BOS | Board of Supervisors |
| Stock Market | Securities market |
| DPI | Department of Planning and Investment |
| JSC | Joint Stock Company |
| FS | Financial Statements |
| Business Operations | Production and business activities |

| | |
|------------------------|--|
| Employees | Officers and employees |
| Charter Capital | Charter capital |
| Unit | Unit of measurement |
| VND | Vietnam Dong |
| TEU | Twenty-foot Equivalent Unit (standard container measuring 20ft x 8ft x 8.5ft ≈ 6.1m x 2.5m x 2.6m) |

Other terms (if any) shall be construed in accordance with the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, and other relevant legal documents.

IV. SITUATION AND CHARACTERISTICS OF THE ISSUING ORGANIZATION

1. General Information about the Issuing Organization

- Full name: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Abbreviated name: GIC
- English name: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Enterprise Registration Certificate No.: 0201768923, first issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on January 24, 2017; 4th amendment registration dated March 13, 2025 issued by the Department of Finance.
- Head office address: Lot CC2 – MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.
- Telephone: (84-225) 2838 666
- Charter capital: VND 121,200,000,000 (One hundred twenty-one billion two hundred million Vietnam Dong)
- Main business line: Other service activities supporting transportation (Industry Code: 5229)
- Main products/services: Provision of shipping agency services, sea freight forwarding agency services, and warehouse operations such as cargo handling, storage, preservation, repair, and cleaning of containers.
- Legal representative:
Mr. Dong Trung Hai – Director
- Stock ticker: **GIC**
- Listing exchange: **HNX**
- Former name: Green Development and Service Investment Joint Stock Company. As of March 13, 2025, the Company changed its name to VSC Green Logistics Joint Stock Company.

2. Summary of Formation and Development History

Table 1: Formation and Development History

| Timeline | Activities and Events |
|----------|--|
| 2017: | <ul style="list-style-type: none"> - On January 24, 2017, Green Development and Service Investment Joint Stock Company was established with an initial charter capital of VND 101,000,000,000, of which Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation contributed VND 67,000,000,000, equivalent to 66.3% of the charter capital, and the remaining 33.7% was contributed by individual shareholders. The Company's main business line is other service activities supporting transportation. - The Company inherited the entire workforce, technical capabilities, experience, and long-standing traditional customer relationships from Ben Xanh One Member Limited Liability Company (a wholly owned subsidiary of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation – Viconship), operating in the field of depot and warehouse services such as loading and unloading, storage, preservation, repair, and cleaning of containers. With traditional shipping line customers and an experienced workforce in depot and warehouse operations, immediately after the Company's container yard construction project was partially completed and put into operation from July 2017, the Company quickly provided services to customers and generated profit in its first financial year. The Company has continuously invested in modern specialized equipment and optimized information technology systems in the logistics service industry to enhance service quality, aiming to become a leading logistics depot service provider in the Hai Phong area. - |
| 2018: | <ul style="list-style-type: none"> - To expand business operations, the Company increased its charter capital from VND 101,000,000,000 to VND 121,200,000,000. |
| 2020: | <ul style="list-style-type: none"> - On April 6, 2020, the Company was approved by the State Securities Commission of Vietnam to become a public company under Official Letter No. 2268/UBCK-GSDC regarding the public company registration of Green Development and Service Investment Joint Stock Company. - On June 26, 2020, the Company was granted Securities Registration Certificate No. 43/2020/GCNCP-VSD by the Vietnam Securities Depository, with a total registered securities volume of 12,120,000 shares. - On October 22, 2020, the Hanoi Stock Exchange issued Listing Decision No. 577/QĐ-SGDHN approving the listing of shares of Green Development and Service Investment Joint Stock Company on the Hanoi Stock Exchange. |

| Timeline | Activities and Events |
|--------------|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - On November 6, 2020, the Company's shares were officially traded under the ticker symbol GIC. |
| 2021: | <ul style="list-style-type: none"> - The Company paid a cash dividend of 10% of charter capital in accordance with Resolution No. 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ of the Annual General Meeting of Shareholders dated March 14, 2022. |
| 2022: | <ul style="list-style-type: none"> - The Company paid a cash dividend of 10% of charter capital in accordance with Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ of the Annual General Meeting of Shareholders dated April 7, 2023. |
| 2023: | <ul style="list-style-type: none"> - Company paid a cash dividend of 12% of charter capital in accordance with Resolution No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ of the Annual General Meeting of Shareholders dated March 15, 2024. |
| 2024 – 2025: | <ul style="list-style-type: none"> - The Company plans to pay a stock dividend at a ratio of 10% and issue additional shares to existing shareholders to increase charter capital at a ratio of 1:1 in accordance with Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ of the Annual General Meeting of Shareholders dated March 10, 2025. - On March 13, 2025, the Company officially changed its name to VSC Green Logistics Joint Stock Company under Enterprise Registration Certificate No. 0201768923 (4th amendment). |

3. Organizational Structure of the Company

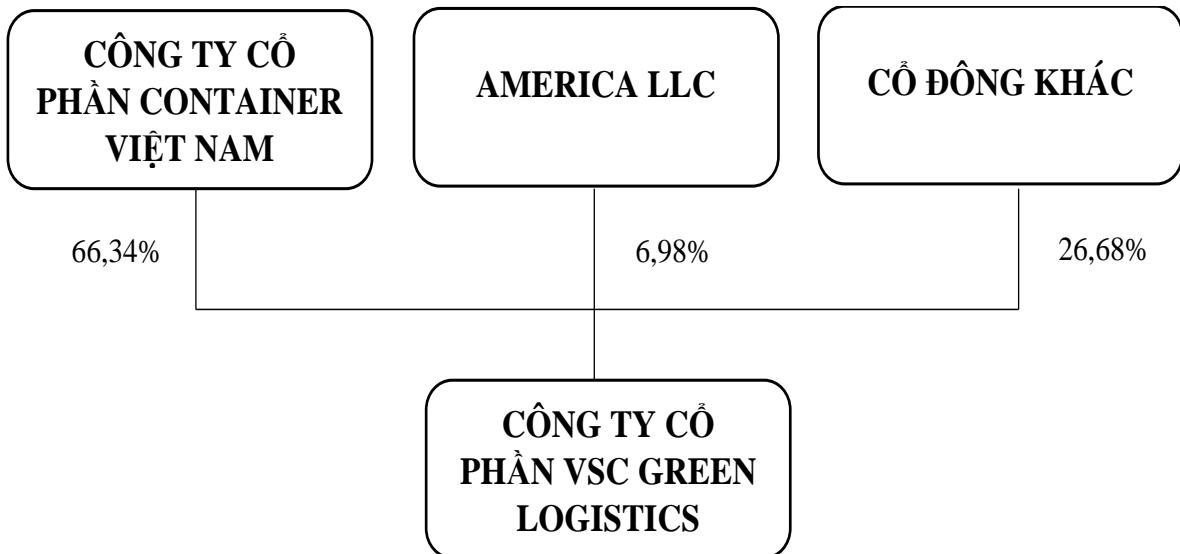
VSC Green Logistics Joint Stock Company is organized and operates in accordance with the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, the Company's Charter, and other relevant legal documents.

Currently, the Company's head office is located at: Lot CC2 – MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam.

The Company's parent company is Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (holding 66.34% of the Company's charter capital), a major shareholder is America LLC (holding 6.98% of the Company's charter capital), and other shareholders hold 26.68%.

The Company has no subsidiaries or affiliated companies.

Table 2: Company Organizational Structure

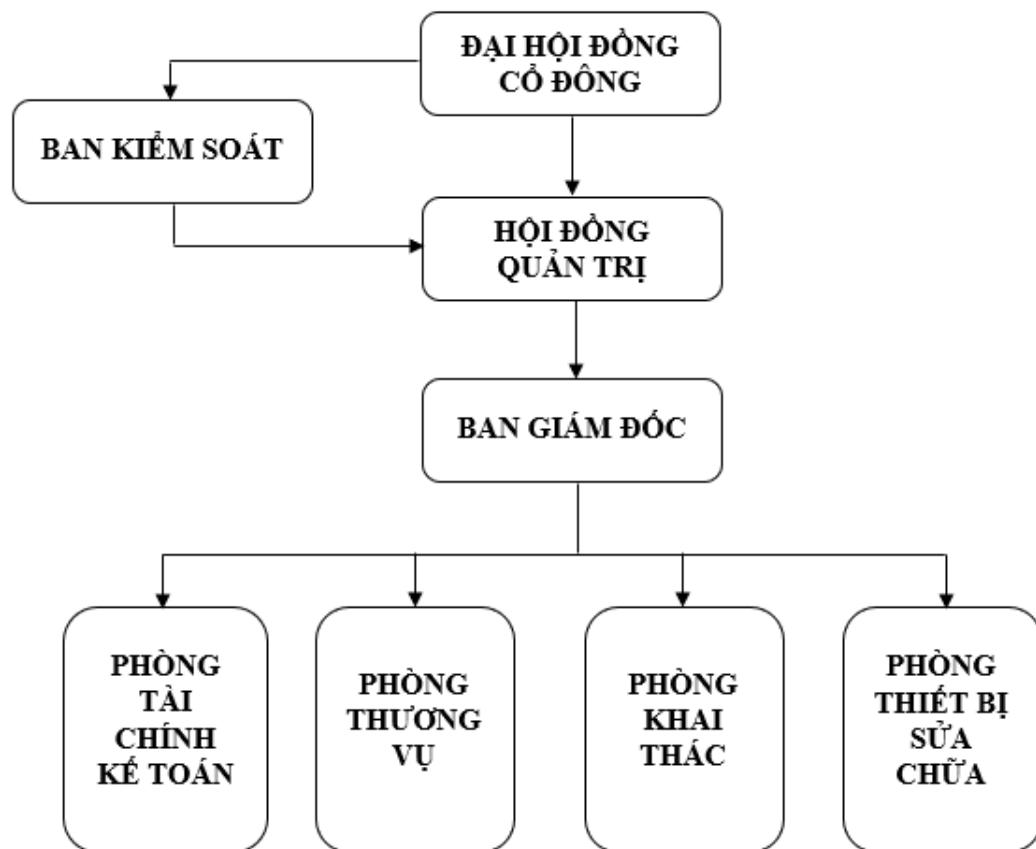


Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

4. Corporate Governance and Management Structure

- Governance model: The Company adopts the following governance structure: General Meeting of Shareholders (GMS); Board of Directors (BOD); Supervisory Board (SB); General Director.

Table 3: Corporate Governance Structure Diagram



4.1. General Meeting of Shareholders (GMS)

The GMS is the highest decision-making body of the Company, comprising all voting shareholders or their authorized representatives. The GMS has the following rights:

- To amend and supplement the Company Charter;
- To approve the annual audited financial statements, reports of the Supervisory Board and the Board of Directors, and the Company's annual business plan;
- To decide on the reorganization or dissolution (liquidation) of the Company and appoint liquidators;
- To determine the number of members of the Board of Directors;
- To elect, dismiss, or remove members of the BOD and SB;
- Other rights as stipulated in the Company Charter.

4.2. Board of Directors (BOD)

❖ List of BOD members:

| | |
|-----------------------------|---------------------------------|
| - Mr. Nguyễn Đức Dũng | - Chairman of the BOD |
| - Mr. Đồng Trung Hải | - Member of the BOD |
| - Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi | - Member of the BOD |
| - Mrs. Trần Thị Phương Anh | - Member of the BOD |
| - Mr. Lê Quang Huy | - Independent Member of the BOD |

❖ The BOD currently consists of 05 members. The BOD has full authority to exercise all rights on behalf of the Company except those under the jurisdiction of the GMS. Its key rights include:

- Deciding on the Company's organizational structure;
- Approving medium-term development strategies and annual business plans;
- Supervising and directing the General Director and other managers in daily business operations;
- Recommending reorganization, dissolution, or bankruptcy of the Company;
- Approving agendas and documents for GMS meetings, convening GMS meetings or collecting shareholders' opinions for resolution approval;
- Other rights as provided in the Company Charter.

4.3. Board of Supervisors (BOS)

❖ List of Board of Supervisors members:

| | |
|------------------------------|------------------------------------|
| - Mrs. Nghiêm Thị Thuỷ Dương | - Head of the Board of Supervisors |
| - Mrs. Phan Thị Trung Hiếu | - Member of Board of Supervisors |
| - Mrs. Phạm Thị Thuý Ngọc | - Member of Board of Supervisors |

❖ The BOS is elected by the GMS and consists of 03 members, representing shareholders in supervising all management and operational activities of the Company. The BOS is responsible to the GMS and the law for the performance of its duties, including:

- Supervising the BOD and General Director in managing and operating the Company;
- Examining the reasonableness, legality, honesty, and prudence in management and business operations; and reviewing the consistency and appropriateness of accounting, statistics, and financial reporting;
- Requesting the BOD to convene an extraordinary GMS meeting when necessary;

- Other rights and obligations as stipulated in the Company Charter.

4.4. Board of Management

❖ List of Executive Officers Board of Management

| | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Mr. Đồng Trung Hải - Mr. Đặng Quốc Vệ | <ul style="list-style-type: none"> - Director Deputy Director |
|--|---|

❖ The Director is the legal representative of the Company, appointed by the BOD, and is accountable to the law, the BOD, and the GMS for managing and operating all business activities in line with the strategies approved by the GMS.

❖ The Deputy Director assists the Director in operating the Company and may be authorized to oversee specific professional areas, being accountable to the Director and the law for assigned duties.

❖ Key duties of the General Director include:

- Deciding on matters relating to the Company's daily business operations not under the authority of the BOD;
- Implementing resolutions of the BOD and GMS, as well as approved business and investment plans;
- Proposing organizational structures and internal management regulations;
- Appointing and dismissing managerial positions under his/her authority;
- Deciding salaries and benefits for employees, including managers appointed by the Director;
- Recruiting employees;
- Proposing dividend distribution plans or loss treatment measures;
- Performing other rights and obligations as prescribed by law.
- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

The Director is accountable to the BOD and GMS for fulfilling assigned rights and duties and must report when requested. The BOD may dismiss the Director upon approval by at least two-thirds (2/3) of BOD members (excluding the Director's vote) and appoint a replacement.

4.5. Other Departments

❖ **Finance and Accounting Department:**

- Advising the Director on finance-accounting, labor-salary, administration, and occupational safety;
- Organizing implementation of finance-accounting and labor-salary tasks as assigned;
- Coordinating with other departments to control revenues and expenses under Company regulations and contracts;
- Fulfilling obligations to tax authorities, social insurance agencies, and other state authorities;
- Preparing management reports for the BOD and Management to develop business plans;
- Performing other assigned duties.

❖ **Commercial Department:**

- Develop the Company's service tariff schedule on a periodic (annual) or ad-hoc basis in response to changes in fuel prices, materials, and other relevant factors.

- Advise the Management on negotiating and finalizing service contracts with customers, as well as contracts for the purchase of goods, fuel, materials, spare parts, and other services with suppliers.
- Prepare plans and directions, and implement customer care activities to maintain service contracts with existing clients and to seek new and potential customers, thereby advising the Management in formulating and executing the Company's production and business plans.
- Coordinate with the Operations Department in preparing documents for the handover and receipt of containers entering and leaving the yard.
- Coordinate with the Operations Department, Equipment & Repair Department, and Finance & Accounting Department to issue invoices and collect service fees in accordance with the Company's tariff schedule or signed contracts.

❖ **Operations Department:**

The Operations Department is responsible for organizing and carrying out the following tasks:

- Plan container stacking areas within the yard in a scientific manner to achieve optimal container stacking capacity while ensuring occupational safety.
- Receive containers and inspect and assess their condition upon yard entry, including damage and cleanliness for empty containers; sealing status and accompanying customs documents for laden containers.
- Perform cleaning of 100% of empty containers entering the yard.
- Arrange appropriate container stacking positions in accordance with the approved yard plan upon container entry.
- Implement plans to retrieve containers from stacking positions in a safe, time-efficient, and cost-effective manner, and deliver containers in accordance with customers' delivery orders for outbound containers; inspect and record the container condition by images prior to yard exit.
- Manage and operate container transport vehicles safely and efficiently; transport containers by road in accordance with customer requirements.
- Carry out stuffing of cargo into containers and stripping of cargo from containers as requested by customers.
- Coordinate with the Equipment & Repair Department (cargo-handling equipment management unit) to perform lifting and lowering of containers in the yard; coordinate with the container repair unit to carry out container repair work.
- Coordinate with the Commercial Department to complete procedures for preparing container handover documents and recording container conditions upon yard entry and exit.
- Coordinate with the Finance & Accounting Department, Commercial Department, and Equipment & Repair Department to reconcile settlements, issue invoices, and collect payments from customers in accordance with the Company's contracts and tariff schedules.

❖ **Equipment & Repair Department:**

- Manage and operate cargo-handling equipment and other machinery and tools safely and efficiently to support the Company's production and business activities.

- Coordinate with the Operations Department and the Commercial Department in performing container loading and unloading
- Carry out container repair work, installation of hanging equipment inside containers, and fabrication of new containers in accordance with customer requirements.
- Coordinate with the Commercial Department, Operations Department, and Finance & Accounting Department to finalize settlements and payments with customers in line with the Company's tariff schedules and signed contracts.

5. Information on the Parent Company, Subsidiaries of the Issuer, Companies Holding Control or Dominant Shares in the Issuer, and Companies in which the Issuer Holds Control or Dominant Ownership or Capital Contributions for Two Consecutive Years Prior to the Offering Registration and Up to the Present:

5.1. Parent Company:

| | |
|--------------------------------|--|
| Vietnamese name: | CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM |
| English name: | Vietnam Container Shipping Corporation |
| Abbreviation: | VICONSHIP |
| Address: | No. 11 Vo Thi Sau St, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, VN |
| Tel: | (84-225) 383 6705 |
| Số fax: | (84-225) 383 6104 |
| Website: | www.viconship.com |
| CEO: | Mr. Tạ Công Thông |
| Charter capital (registered): | 3.743.703.620.000 VND |
| Charter capital (contributed): | 3.743.703.620.000 VND |
| ERC: | No. 0200453688 issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on April 1, 2002, and its subsequent amendments. |
| Business areas: | Warehousing and storage of goods (Industry code: 5210). |
| Main products/services: | Container agency services, shipping agency and maritime brokerage; cargo handling services; export trading of forest products; warehousing and yard services; transportation and organization of multimodal transport for import-export cargo, project cargo and transit cargo; trading of petroleum, spare parts, vehicles and equipment; container repair, fabrication and leasing; seaport operations; coastal shipping operations; support services directly related to railway transport; maintenance and repair of automobiles and other motor vehicles; support services directly related to inland waterway transport; port operation and marine services, and barge towing. |

Ownership ratio in GIC: **66,34%**

5.2. Companies holding control or dominant shares in the Issuer:

None

5.3. Subsidiaries and companies in which the Issuer has held controlling or dominant ownership or capital contributions for two consecutive years prior to the offering registration and up to the present:

None

6. Information on Changes in the Company's Charter Capital

Table 4: GIC's Charter Capital Increases

| Time of capital increase | Charter capital after increase (VND billion) | Increase amount (VND billion) | Method of capital increase | Legal basis |
|--------------------------|--|-------------------------------|---|--|
| 24/01/2017 | 101 | - | Initial capital contribution | - Enterprise Registration Certificate No. 0201768923 first issued by the Hai Phong Department of Planning & Investment on January 24, 2017 |
| 27/12/2018 | 121,2 | 20,2 | Share issuance to existing shareholders | - Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2018/NQ-DHĐCĐ approving the share issuance to existing shareholders for charter capital increase; - Resolution of the Board of Directors No. 08/2018/NQ-HĐQT dated August 1, 2018; - Enterprise Registration Certificate No. 0201768923 first issued by the Hai Phong Department of Planning & Investment on January 24, 2017, amended for the second time on December 27, 2018 |

Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

7. Information on Major Capital Contributions and Divestments of the Company in Other Enterprises

| Company name | Number of shares owned | Ownership ratio (**) | Total investment value (VND) | Notes |
|--|------------------------|----------------------|------------------------------|---|
| Quang Binh – Dinh Vu Inland Port Joint Stock Company (VGI) (*) | 6.229.855 | 13,31% | 70.000.000.000 | VGI is a subsidiary of Green Logistics Center Co., Ltd. (GLC) – a member unit of VSC (the Company's parent company) |

(*) As of December 31, 2024, the Company had not determined the fair value of this investment for disclosure in the financial statements because the investment is not publicly listed. Therefore, the Company made a provision of VND 2,406,257,649 as of December 31, 2024 for the investment in VGI.

(**) On September 20, 2023, GIC acquired 9.5% of shares in Quang Binh – Dinh Vu Inland Port Joint Stock Company (Tax code: 0201973263, located in Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone, Hai Phong). On February 26, 2024, the Company increased its ownership in VGI to 13.31%.

8. Information on Outstanding Securities

8.1. Ordinary Shares

Table 5: Shareholder Structure as of June 30, 2025

| Shareholder structure | Number of shareholders | Number of shares | Ownership ratio (%) |
|---|------------------------|-------------------|---------------------|
| Domestic | 338 | 10.784.800 | 88,98% |
| i. Individuals | 337 | 2.744.800 | 22,64% |
| ii. Organizations | 1 | 8.040.000 | 66,34% |
| Foreign | 11 | 1.335.200 | 11,02% |
| i. Individuals | 10 | 489.800 | 4,04% |
| ii. Organizations | 1 | 845.400 | 6,98% |
| Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital | 0 | 0 | 0 |
| Total | 349 | 12.120.000 | 100,00% |

Source: GIC shareholder list as of June 30, 2025 provided by VSDC.

8.2. Preferred Shares: None

8.3. Other Types of Securities: None

9. Information on Foreign Ownership Ratio

- The maximum foreign ownership ratio at the Issuer as prescribed in Official Letter No. 658/UBCK-PTTT dated April 1, 2025 of the State Securities Commission is: 49%.
- The maximum foreign ownership ratio at the Issuer as decided by the General Meeting of Shareholders and stipulated in the Company's Charter (if any): None.
- The current foreign ownership ratio in the Company: 11.02% (based on the shareholder list as of June 30, 2025 provided by VSDC).

10. Business Operations

10.1. Characteristics of Business Operations

VSC Green Logistics Joint Stock Company was established in January 2017 with the orientation to develop into a leading enterprise in providing the following services:

- Forwarding, storage and preservation services for empty and laden containers
- Stuffing and unstuffing services at the Company's yard
- Container repair services, installation of hanging equipment inside containers, container fabrication, etc.
- Inland container transportation services by road
- Leasing of container handling equipment and specialized container transport vehicles
- Other related services

Currently, the Company focuses on two main business segments:

- + Warehousing, storage and cargo handling services
- + Container repair services

10.1.1 Warehousing, Storage and Cargo Handling Services

With advantages in geographical location and mutual cooperation among logistics member units under the parent company – Vietnam Container Shipping Corporation, GIC has focused on developing supporting services for logistics activities, in which ***container lifting, preservation and handover services*** are the main revenue contributors for the Company each year.

Located in Dinh Vu Industrial Park, Hai Phong, adjacent to the Dinh Vu Port system and Lach Huyen deep-sea port, and directly connected to key expressways such as Hai Phong – Hanoi Expressway and Hai Phong – Ha Long Expressway, the yard occupies a strategic location for post-port logistics operations, facilitating logistics and cargo transport services, specifically as follows:

- Area and capacity: With a 10-hectare container yard system in Dinh Vu Industrial Park, Hai Phong, featuring asphalt-paved surfaces meeting planning standards and optimized container stacking capacity, the yard can accommodate up to 8,000 containers (8,000 TEUs).



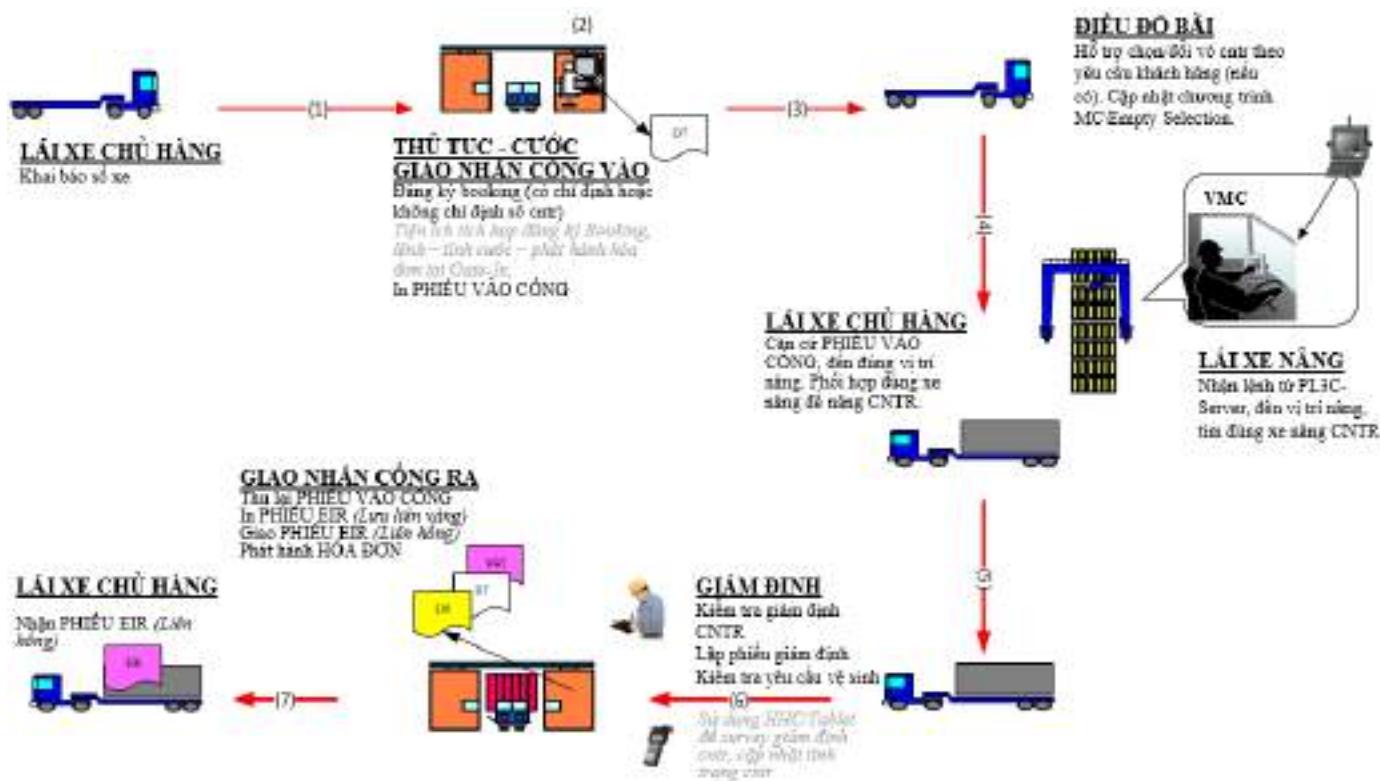
Figure 1: GIC Container Yard

- Infrastructure: The Company's container yard area is designed with separate entry and exit gates, ensuring convenient and safe traffic flow within the yard. A system of 200 reefer container sockets serves up to 200 containers simultaneously for inspection and continuous power supply 24/7 within the yard. A CCTV surveillance system operates 24/7 across the entire container yard and customer service areas, connected to LED screens at the operations control center, ensuring security and effective cargo management. An automatic camera system at both entry and exit gates enhances monitoring of inbound and outbound containers.
- Equipment: GIC has invested in 03 Reach Stackers with a lifting capacity of 45 tons; 04 empty container Reach Stackers with a lifting capacity of 10 tons; 02 forklifts with lifting capacities of 5 tons and 10 tons to meet container lifting and movement needs efficiently; and 09 tractors with accompanying trailers for inland container transportation.
- Operations management: The Company is equipped with the PL-TOL container in/out management software system and fully digitized handheld devices for all handling stages at both entry and exit gates. Handheld devices are also used by yard lifting equipment operators

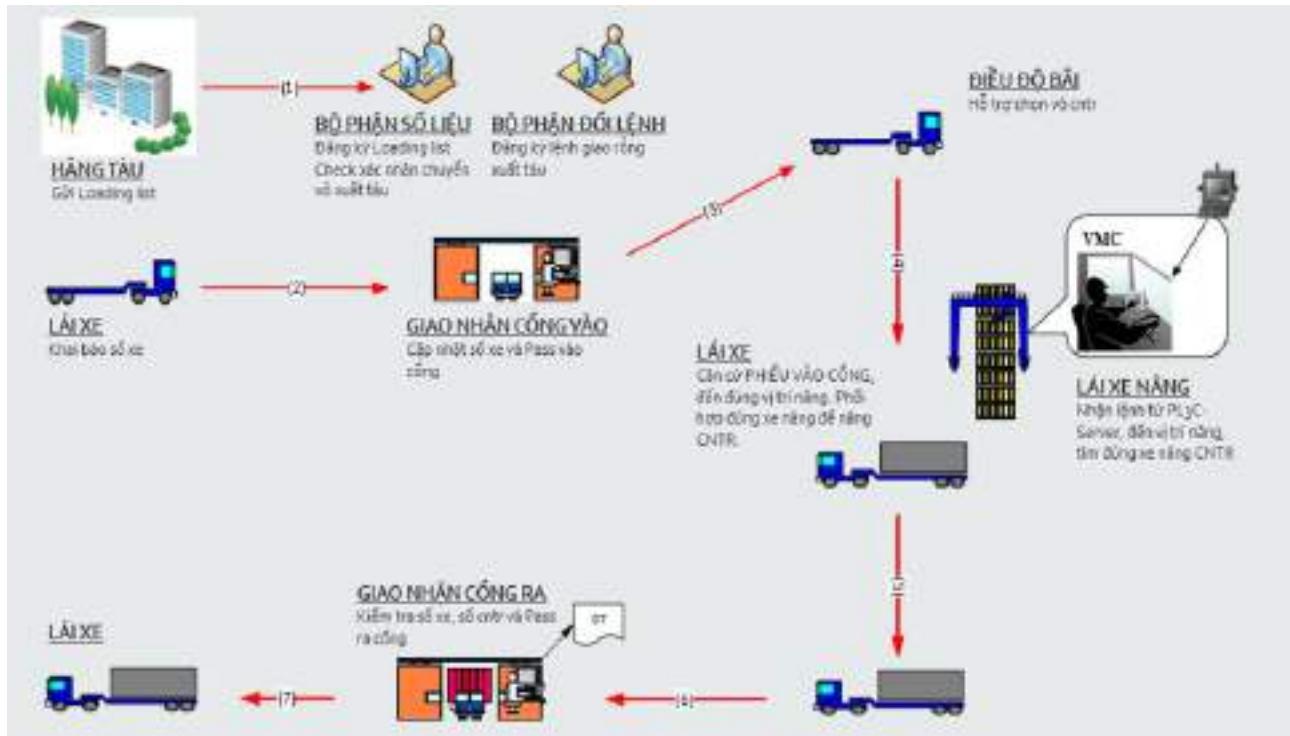
to promptly update completion status of lifting, lowering and container positioning, and to report all cargo condition information in real time.

- The Company has developed professional and efficient container handover procedures, supported by a skilled, experienced and professional workforce, ensuring service quality and cargo safety. With professional service quality and high labor productivity, the yard handling capacity exceeds 1,800 TEUs per day, bringing maximum benefits to customers.
- Container lifting, preservation and handover activities have been standardized into operational procedures, including: Empty container release procedures and Inter-port container transfer procedures.

(1) Empty Container Release Procedure



(2) Inter-Port Empty Container Transfer Procedure



In order to provide customers with a comprehensive, seamless, and closed-loop service within the container storage and preservation service chain at the yard, the Company also develops accompanying services such as inland container transportation, container repair services, installation of container hanging equipment, container fabrication, container cleaning services, etc., to deliver containers to customers in good condition and ready for cargo stuffing.

10.1.2. Container Repair Services

One of the key services at container depots and ports relating to empty containers is accurate condition inspection and the provision of appropriate repair solutions. ISO-standard containers help accelerate cargo circulation, reduce congestion at ports, and ensure cargo is transported safely. Each container shipping line is responsible for providing customers and shippers with standard, intact empty containers that are suitable for cargo stuffing and transportation. Container units are stored by shipping lines at depots and seaports worldwide where they operate.

During the use of containers for cargo stuffing, handling, and transportation, damage to containers inevitably occurs, and the repair and refurbishment of container shells must comply with standardized regulations. IICL (The Institute of International Container Lessors) sets the standards for containers and related activities concerning repair, maintenance, and inspection. Accordingly, VSC Green Logistics Joint Stock Company provides container inspection and repair services to ensure container quality and safety before being put into use. To meet the requirements for container inspection and repair, the Company has invested in modern infrastructure and advanced equipment along with a professionally trained workforce, specifically:

- Infrastructure: A dedicated repair area of 2,000 m², including 400 m² of covered space, is always ready to serve container repair and maintenance activities 24/7 in all weather conditions.
- Modern equipment: The Company is equipped with specialized machinery and tools for container repair, such as 45-ton and 10-ton Reach Stackers, pneumatic hammers, industrial welding machines, paint spraying machines, etc., along with the PL-TOSS management

software to optimize processes and meet international standards for container repair and maintenance.

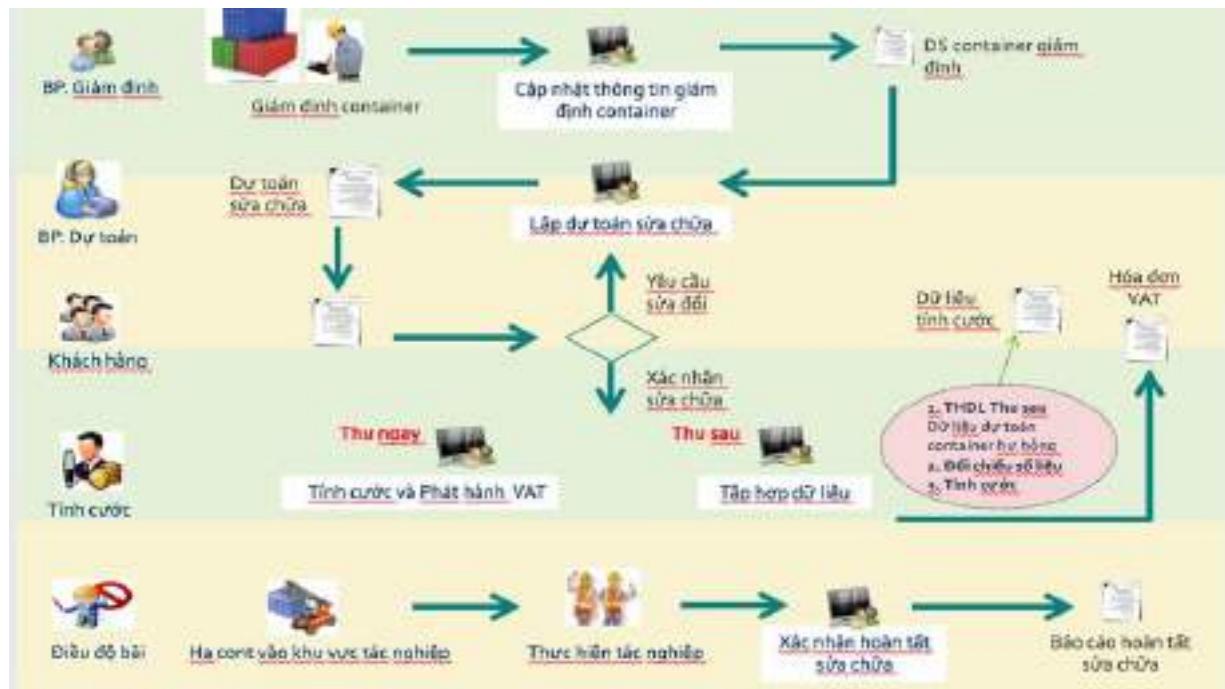
- Professional workforce: The container inspection and survey team operates 24/7, possessing professional qualifications trained in accordance with IICL standards and extensive inspection experience, ensuring high service quality.



Figure 2: GIC Staff Conducting Container Inspection

- Quality inspection in compliance with international standards: Assessing the technical and structural condition of containers and identifying damage and wear. Inspections are carried out in accordance with IICL standards to ensure containers meet international transportation requirements.
- The Company has also procured dedicated software for preparing repair plans and issuing professional container repair quotations in line with IICL international standards, enabling immediate submission of repair plans and quotations as soon as containers enter the yard.

Container Inspection and Repair Process



In addition, the Company also provides container cleaning services. Containers entering the yard are immediately moved to the cleaning area for comprehensive cleaning, including cleaning container walls and floors, removing cargo securing nails from container floors, removing transport-related cargo warning labels affixed to containers, etc. After repairs, containers are also cleaned to ensure they are in good, clean condition and ready for customers to load new cargo.

10.1.3. Report on Environmental and Social Impacts

- Environmental impacts:
 - + Total direct and indirect greenhouse gas (GHG) emissions: As the Company operates in the depot and yard service sector, total estimated direct and indirect GHG emissions are at a relatively low level.
 - + GHG emission reduction initiatives and measures: The Company continuously adopts new technologies and modern equipment in its operations to minimize greenhouse gas emissions.
- Raw material management:
 - + The Company's main business activities are depot operations and maritime-related services; therefore, the primary materials used in operations include electricity, diesel fuel, lubricants, and other auxiliary materials and spare parts.
 - + Percentage of recycled input materials used in producing main products and services: None.
- Energy consumption: The Company consistently focuses on energy consumption efficiency to support business performance while minimizing environmental impact, including:
 - + Direct and indirect energy consumption equivalence;
 - + Prioritizing energy-saving solutions through energy efficiency initiatives, such as the use of renewable energy (e.g., solar power systems) and clean water solutions;
 - + Water consumption is mainly for office use, yard cleaning, container repair, and cleaning activities. Percentage and total volume of recycled and reused water: 0%.

- Compliance with environmental laws:
 - + Number of violations due to non-compliance with environmental laws and regulations: 0 cases.
 - + Total monetary fines for environmental violations: VND 0.

10.1.1 Raw Materials and Fuel

- Sources of raw materials:
 - + As a logistics service provider, fuel costs account for a significant proportion of total operating expenses. The primary fuels used in GIC's operations are diesel and other lubricants. Fuel is supplied by domestic petroleum distributors. The Company signs one-year contracts, automatically renewable for another year (unless otherwise agreed), with supply volumes based on actual demand to ensure stable supply and quality while avoiding inventory stockpiling and waste.
 - + In addition, the Company uses container repair materials such as steel sheets, structural steel, and wooden flooring panels sourced from domestic manufacturers. The Company enters into annual long-term contracts with suppliers that provide full quality certifications. Materials are supplied based on actual demand to ensure stable quantity, price, and quality in compliance with IICL international container repair standards.
- Stability of raw material sources: Fuel, materials, and key inputs used in the Company's operations are stably supplied within the domestic market, and there is no scarcity risk.

**Table 6: Materials, Fuel, and Input Consumption of GIC
for the Years 2023, 2024, and 2025**

Unit: Vietnam Dong

| No. | Indicator | 2023 | | 2024 | | 2025 | |
|--------------|-----------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|--------------|-----------------------|
| | | Value | Ratio (%) | Value | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Value |
| 1 | Materials | 11.218.892.270 | 41,15 | 12.310.593.683 | 1 | Materials | 11.218.892.270 |
| 2 | Fuel | 16.043.460.896 | 58,85 | 12.320.044.198 | 2 | Fuel | 16.043.460.896 |
| Total | | 27.262.353.166 | 100 | 24.630.637.881 | 100 | Total | 27.262.353.166 |

Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

Input material prices have a significant impact on the Company's revenue and profit due to the industry's characteristics, where input materials account for a large proportion of the cost structure and cost of goods sold. The Company proactively develops business plans closely aligned with actual fuel consumption needs, ensuring operations remain closely tied to customer demand under signed framework agreements.

10.1.5. Production Costs

Table 7: GIC's Production and Business Costs in 2023, 2024 and 2025

Unit: VND million

| No | Producti on & Business Costs | 2023 | | 2024 | | 2025 | | % Increase/(Decrease) | |
|--------------|---|----------------|---------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------|--------------------------|------------------------|
| | | Value | % of Net Revenue | Value | % of Net Revenue | Giá trị | %/ DTT | Value | % of Net Revenue |
| 1 | Cost of Goods Sold | 102.670 | 59,6% | 94.283 | 59,17% | 87.432 | 56,05% | -8,17% | -7,27% |
| 2 | Financial Expenses | 511 | 0,30% | 1.942 | 1,22% | 2.163 | 1,39% | 280,04% | 11,38% |
| 3 | Selling Expenses | 45.933 | 26,66% | 40.237 | 25,25% | 45.134 | 28,94% | -12,40% | 12,17% |
| 4 | General & Administr ative Expenses | 6.747 | 3,92% | 6.342 | 3,98% | 6.413 | 4,11% | -6,00% | -1,12% |
| Total | | 155.861 | 90,47% | 142.804 | 89,62% | 141.142 | 90,49% | (8,38%) | -1,16% |

Source: Audited financial statements for 2023 and 2024 and Q4/2025 financial statements of GIC

Total production and business costs decreased from VND 155.8 billion in 2023 to VND 142.8 billion in 2024 (down 8.38%), mainly due to significant reductions in cost of goods sold and selling expenses. Cost of goods sold decreased from VND 102.6 billion to VND 94.3 billion (a decrease of VND 8.3 billion, equivalent to 8.17%), while selling expenses fell by 12.40% (from VND 45.9 billion in 2023 to VND 40.2 billion). In contrast, financial expenses rose sharply by 280.04%, from VND 511 million in 2023 to VND 1.94 billion in 2024. These financial expenses arose from provisions for impairment of investments in other entities, specifically the Company's investment in Quang Binh – Dinh Vu Inland Port Joint Stock Company, with an investment cost of VND 70 billion (representing a 13.31% ownership interest).

In 2025, GIC's total production and business costs were VND 141.1 billion, slightly decreasing by 1.16% compared to 2024. Cost of goods sold amounted to VND 87.4 billion, down 7.27% year-on-year. Selling expenses, the second largest cost component, reached VND 45.1 billion in 2025, up 12.17% compared to the previous year. Financial expenses increased by 11.38% compared to 2024, mainly due to higher provisions for impairment of investments in other entities. The Company did not incur any borrowing interest expenses in 2025 as it had no outstanding loans. General and administrative expenses decreased slightly by 1.12% compared to 2024.

Cost of goods sold consistently accounts for a large proportion of the Company's total production and business costs (over 56%). The breakdown of cost of goods sold for the years 2023, 2024, and 2025 is as follows:

Table 8: Cost of Goods Sold Structure for 2023, 2024 and 2025

Unit: VND million

| No. | Cost of Goods Sold | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|--------------------------------------|----------------|---------------|---------------|
| 1 | Personnel expenses | 32.414 | 30.195 | 29.722 |
| 2 | Raw materials and materials expenses | 27.252 | 27.204 | 26.081 |
| 3 | Outsourced service expenses | 25.237 | 22.269 | 20.322 |
| 4 | Depreciation expenses | 17.255 | 14.379 | 11.307 |
| 5 | Other expenses | 513 | 236 | - |
| | Total | 102.671 | 94.283 | 87.432 |

Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

Selling expenses also account for a significant proportion of the Company's total operating expenses, representing more than 28% of total operating costs in 2025. These expenses mainly include shipping line-related expenses and commission expenses, detailed as follows:

Table 9: Selling Expenses Structure for 2023, 2024 and 2025

Unit: VND million

| No. | Selling Expenses | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|---|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Shipping line-related expenses | 20.363 | 18.977 | 21.330 |
| 1.1 | <i>Customer incentive expenses (paid to shipping lines)</i> | 20.363 | 18.977 | 21.330 |
| 2 | Commission expenses – third parties | 5.384 | 3.111 | 1.471 |
| 3 | Commission expenses – related parties | 18.797 | 16.687 | 21.228 |
| 4 | Other expenses | 1.389 | 1.462 | 1.105 |
| | Total | 45.933 | 40.237 | 45.134 |

Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

10.1.6 Technology Level

Application of Information Technology in Operations

- To meet customer demand and improve service quality, the Company has invested in software and IT equipment, applying information technology solutions that enable GIC to provide online services to customers. These solutions enhance competitiveness within the industry, optimize yard stacking capacity and storage utilization, reduce operating costs, and improve professionalism in service quality management as well as overall business efficiency.
- The PL-TOS software system is a specialized container terminal operating system currently optimized for container yard operations. PL-TOS manages and stores data on container gate-

in/gate-out activities, container conditions upon entry and exit, yard location, container inventory levels, and more. The system is integrated with handheld electronic devices and computers, allowing container data to be entered directly at the gate and automatically transmitted throughout GIC's yard operation system. A single data entry at the input stage provides sufficient information for preparing delivery and receipt documents, issuing electronic VAT invoices, and processing online bank payments or cash payments at the customer service department.

- PL-TOS is integrated with the Company's accounting software, e-invoice service providers, banks' online payment systems, and the Customs information portal via the Company's E-Depot online platform.
- Through the E-Depot application, customers can conduct online transactions for all GIC services via the Company's website, which is connected to banks' electronic payment gateways, e-invoice providers, and online delivery and receipt procedures.
- The CRCE software is an application that records container damage conditions based on inspection results and matches them against International IICL repair standards embedded in the system. The output includes repair and replacement plans compliant with IICL standards, along with detailed repair quotations separating material costs and labor costs (calculated by working hours) according to customer requirements.

Operation of GIC's PL-TOS, E-Depot, and CRCE systems



- The Bravo accounting software is a widely used accounting system that integrates with the Company's e-invoice system, customer service system, and online payment website. It fully meets requirements for financial accounting and corporate governance in compliance with current legal regulations.
- The Company's website system is regularly updated to provide information on its services, partners, customers, and shareholder-related disclosures in accordance with regulations applicable to public companies.

- The IT system is regularly monitored and maintained by a qualified and experienced IT team, ensuring stable connectivity and uninterrupted business operations.

 ***Modern, High-Quality Specialized Container Handling and Transport Equipment from Leading Brands***

- Empty container handling equipment with a lifting capacity of 10 tons manufactured by Kalmar (Finland). Kalmar products are widely used and trusted by ports and depot operators worldwide for their durability, high load capacity, and ease of maintenance.
- Loaded container handling equipment with a lifting capacity of 46 tons manufactured by Hyster (Europe), one of the world's leading forklift manufacturers. Hyster forklifts are capable of operating up to 3,000 hours per year, performing reliably in harsh working environments. These machines feature robust chassis, high-performance engines, and cost-efficient operation.
- A fleet of specialized International ProStar Limited tractors (USA) featuring powerful traction, low fuel consumption, and the ability to operate on challenging terrains, serving the transport needs of heavy cargo and containers.
- Specialized container repair tools and equipment such as industrial welding machines, container floor grinding machines, steel and wooden flooring cutting machines, paint sprayers, pneumatic hammers, etc., are fully equipped and utilized in compliance with IICL international container standards.

10.1.7. Output Volume and Service Value in 2023, 2024 and 2025

Table 10: Service Output/Volume for 2023, 2024 and 2025

| No. | Indicator | Unit | 2023 | 2024 | 2025 |
|--------------|---|------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Depot yard operations | Teus | 383.950 | 320.726 | 280.058 |
| 2 | Container repair (number of containers repaired) | Containers | 14.299 | 16.754 | 14.978 |
| Total | | | 398.249 | 337.480 | 295.036 |

Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

Depot yard operations are the Company's primary revenue-generating activity. However, during 2024–2025, yard throughput declined due to difficulties in the maritime transport market, which reduced cargo volumes handled at regional seaports. Additionally, intense competition among industry participants further impacted the Company's yard operation revenue. In 2025, the Company's yard throughput reached 280,058 TEUs, a 12.68% decrease compared to 2024. The number of containers repaired during the year reached 14,978 units, down 10.60% year-on-year.

Table 11: Revenue and Profit Structure for 2023, 2024 and 2025

Unit: VND million

| No. | Indicator | 2023 | | 2024 | | 2025 | | % increa | |
|-----|---|---------|------------------|---------|------------------|---------|------------------|----------|------------------|
| | | Value | % of Net Revenue | Value | % of Net Revenue | Value | % of Net Revenue | Value | % of Net Revenue |
| I | Service revenue | 172.273 | 100% | 159.342 | 100% | 155.975 | 100% | -7,51% | -2,11% |
| II | Net revenue | 172.273 | 100% | 159.342 | 100% | 155.975 | 100% | -7,51% | -2,11% |
| 1 | Net revenue from container handling and lifting | 155.054 | 90% | 139.738 | 87,70% | 141.909 | 91% | -9,88% | 1,55% |
| 2 | Net revenue from container repair | 11.110 | 6,45% | 13.402 | 8,41% | 12.915 | 8,28% | 20,63% | -3,63% |
| 3 | Revenue from other services | 6.109 | 3,55% | 6.202 | 3,89% | 1.150 | 0,74% | 1,52% | -81,46% |
| III | Gross profit | 69.602 | 40,40% | 65.059 | 40,83% | 68.542 | 43,94% | -6,52% | 5,35% |
| IV | Profit before tax | 18.593 | 10,79% | 18.092 | 11,35% | 16.510 | 10,59% | -2,69% | -8,74% |
| V | Profit after tax | 16.631 | 9,65% | 16.239 | 10,19% | 14.593 | 9,36% | -2,36% | -10,14% |

Source: Audited financial statements for 2023, 2024 and Q4/2025 financial statements

GIC's revenue over the years mainly comes from container lifting and handling services (accounting for over 87% of total revenue), container repair services (over 10%), and other related services. Net revenue in 2025 reached VND 155.9 billion, down 2.11% compared to 2024, mainly due to an 81.46% decline in revenue from other services, falling from VND 6.2 billion in 2024 to VND 1.1 billion in 2025. Revenue from container handling and lifting increased by 1.55% to VND 141.9 billion in 2025. Revenue from other service segments did not show significant changes in recent years.

Despite lower revenue, improved cost of sales helped gross profit in 2025 rise to VND 68.5 billion, up 5.35% compared to 2024. However, due to a 12.17% increase in selling expenses, along with slight increases in administrative and financial expenses, profit in 2025 declined compared to the previous year. Profit after tax in 2025 reached VND 14.6 billion, down 10.14% year-on-year.

10.2. Assets

10.2.1. Fixed Assets

Table 12: The Company's Fixed Assets as at 31 December 2023

Unit: VND million

| No. | Indicator | Historical Cost | Accumulated Depreciation | Net Book Value |
|--------------|--------------------------------|-----------------|--------------------------|----------------|
| I | Tangible fixed assets | 153.394 | 109.595 | 43.799 |
| 1 | Buildings and structures | 83.050 | 57.279 | 25.771 |
| 2 | Machinery and equipment | 3.100 | 3.058 | 42 |
| 3 | Vehicles | 66.113 | 48.161 | 17.952 |
| 4 | Office equipment | 1.130 | 1.097 | 34 |
| II | Intangible fixed assets | 1.121 | 1.121 | 0 |
| 1 | Computer software | 1.121 | 1.121 | 0 |
| Total | | 154.515 | 110.716 | 43.799 |

Source: Audited 2023 Financial Statements of GIC

Table 13: The Company's Fixed Assets as at 31 December 2024

Unit: VND million

| No. | Indicator | Historical Cost | Accumulated Depreciation | Net Book Value |
|------------------|--------------------------------|-----------------|--------------------------|----------------|
| I | Tangible fixed assets | 153.456 | 123.807 | 29.649 |
| 1 | Buildings and structures | 83.050 | 63.507 | 19.543 |
| 2 | Machinery and equipment | 3.100 | 3.100 | - |
| 3 | Vehicles | 66.113 | 56.075 | 10.038 |
| 4 | Office equipment | 1.193 | 1.125 | 68 |
| II | Intangible fixed assets | 1.224 | 1.224 | 100 |
| 1 | Computer software | 1.224 | 1.124 | 100 |
| Tổng cộng | | 154.680 | 124.931 | 29.749 |

Source: Audited 2024 Financial Statements of GIC

Table 14: The Company's Fixed Assets as at 31 December 2025

Unit: VND million

| No. | Indicator | Historical Cost | Accumulated Depreciation | Net Book Value |
|----------|------------------------------|-----------------|--------------------------|----------------|
| I | Tangible fixed assets | 153.456 | 135.114 | 18.342 |
| 1 | Buildings and structures | 83.050 | 69.434 | 13.616 |
| 2 | Machinery and equipment | 3.100 | 3.100 | - |
| 3 | Vehicles | 66.113 | 61.428 | 4.685 |

| No. | Indicator | Historical Cost | Accumulated Depreciation | Net Book Value |
|-----------|--------------------------------|-----------------|--------------------------|----------------|
| 4 | Office equipment | 1.193 | 1.152 | 41 |
| II | Intangible fixed assets | 1.224 | 1.163 | 61 |
| 1 | Computer software | 1.224 | 1.163 | 61 |
| | Tổng cộng | 154.680 | 136.377 | 18.403 |

Source: Q4/2025 Financial Statements of GIC

10.2.2. Other Long-term Assets

Other long-term assets consist of long-term prepaid expenses related to the lease of land at the Company's business location – Lot CC2 at MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City.

Table 15: Assets Related to the Leased Land at the Business Location (2023–2025)

Unit: VND million

| No. | Long-term prepaid expenses | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|--------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Land lease expenses (*) | 113.730 | 110.335 | 106.729 |
| 2 | Tools and equipment | 314 | 241 | 193 |
| 3 | Provision for site restoration costs | 654 | 654 | 876 |
| | Total | 114.617 | 111.149 | 107.798 |

Source: VSC Green Logistics JSC

(*) The lease expense for Lot CC2 was prepaid for the period from 25 January 2017 to 30 June 2057 under Land Sublease Agreement No. 61/2017/HĐTD-MP dated 25 January 2017 between GIC and Minh Phuong Real Estate Investment JSC. This prepaid amount is amortized to the income statement on a straight-line basis over the lease term.

10. Table 16: Movement of Prepaid Land Lease Expense – Lot CC2 (2023–2025)

11. Unit: VND million

| No. | Content | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|------------------------------|----------------|----------------|---------|
| 1 | Opening balance | 117.293 | 114.617 | 111.149 |
| 2 | Additions during the year | 946 | 245 | 208 |
| 3 | Amortization during the year | (3.622) | (3.713) | (3.559) |
| 4 | Closing balance | 114.617 | 111.149 | 107.798 |

Source: VSC Green Logistics JSC

10.3. Operating Market

Business Area: Hai Phong City and Northern Vietnam

VSC Green Logistics JSC, together with its parent company Vietnam Container Shipping Corporation (VSC), operates mainly in Hai Phong City. According to statistics, Hai Phong currently has approximately 250 logistics enterprises, employing more than 170,000 workers, and around 60 large warehouses and depots with a total area exceeding 700 hectares, primarily located in key port areas such as Dinh Vu, Tan Vu, Chua Ve, Hoang Dieu, and Hai An. To promote logistics

development, Hai Phong City has proactively developed and implemented a modern and synchronized logistics master plan, focusing on large-scale logistics centers in areas such as Dinh Vu – Cat Hai, Nam Dinh Vu, and VSIP. These areas not only serve as cargo storage and transshipment hubs but also act as key links in the global supply chain, directly connecting industrial zones, seaports, and major transportation corridors.



GIC holds a strategic location at the center of the Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone in Hai Phong, enabling it to provide logistics support services and container-related services to customers of seaports in the area.

Seaports are a crucial link in the logistics value chain, connecting road and rail transport with maritime transport within the supply chain. They are equipped with appropriate infrastructure for loading and unloading cargo onto vessels for shipment to other ports. With a large and modern seaport system, notably Lach Huyen Port, Hai Phong City is capable of accommodating large-tonnage container vessels, operating continuously, and directly connecting to international shipping routes linking to the United States, Europe, and global markets.



In addition, the system of expressways, railways, and Cat Bi International Airport has been synchronously developed, closely linking with domestic production and consumption centers as well as the ASEAN region and China. In particular, the seaport–industrial park–logistics center linkage model forms a closed ecosystem that helps optimize transportation costs and time.

Hai Phong City currently has 18 operating industrial parks and two major economic zones — Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone and the Southern Coastal Economic Zone — covering a total area of over 40,000 hectares, along with millions of square meters of ready-built factories and warehouses for lease. The city is also promoting the establishment of a Free Trade Zone and the Nam Do Son Free

Port with outstanding incentive mechanisms.

Moreover, Hai Phong serves as a key gateway for goods transported from inland areas and for exports to international markets. The city is conveniently connected to major expressways such as Hanoi – Hai Phong and Hanoi – Lao Cai, creating ideal conditions for goods from northern provinces such as Lao Cai, Yen Bai, Thai Nguyen, and others to be rapidly transported to Hai Phong seaports. This enhances transport efficiency, reduces logistics costs, and improves the competitiveness of Vietnamese goods.

With its business operations located in Hai Phong, the provision of logistics-related services, and cooperative support relationships with VSC and its member companies forming operational linkages, the Company has been significantly supported in delivering container lifting, handling, and repair services, ensuring a stable customer base and consistent revenue over the years.

10.4. Report on Investment Activities, Investment Efficiency, Business Performance and Service Provision in Key Business Segments

Table 17: Business Performance in 2024 and 2025

Unit: VND billion

| No. | Indicator | 2024 Plan | 2024 Actual | 2025 Plan | 2025 Actual | 2024 Actual / Plan | 2025 Actual / Plan |
|-----|-------------------|-----------|-------------|-----------|-------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Net revenue | 160 | 159,34 | 145 | 155,97 | 99,59% | 107,57% |
| 2 | Profit before tax | 16,5 | 18,09 | 16,5 | 16,51 | 109,65% | 100,06% |

Source: Audited 2024 Financial Statements and Q4/2025 Financial Statements of GIC

The year 2025 was a challenging year for business operations due to intense competition among companies in the same industry. However, under the sound direction and development strategy of the Board of Directors and the Management Board, the Company maintained its growth momentum and sustainable development. The container yard was operated and utilized relatively efficiently, with throughput reaching 280,058 TEUs and higher service pricing. As a result, the Company fulfilled its business plan with the following 2025 performance:

- Revenue reached VND 155.97 billion, equivalent to 107.57% of the 2025 revenue plan.
- Profit before tax reached VND 16.51 billion, achieving the 2025 profit target.
- Basic earnings per share (EPS) reached VND 1,204 per share.

Container lifting and handling activities generated the largest revenue in 2025, reaching VND 141.9 billion, accounting for over 91% of the Company's total net revenue.

[Phần cuối của trang này được cẩn thận để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản cáo bạch]

10.5. Major Contracts

Table 18: List of Major Contracts Being Performed or Already Signed

| No | Contract name | Signi ng date | 2023 | | 2024 | | 2025 | | Input/Ou tput Products & Services | Counterpart y | Relations hip with internal person/sh areholder s | Other term | |
|--------------------------------------|---|------------------------|---|---|---|---|---|---|---|------------------------|--|---------------|------|
| | | | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | Value Performe d (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | | | | | |
| I SALES AND SERVICE CONTRACTS | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Contract 02-2022/VGR-GIC, Contract 03/2024/DVXD/VGR-GIC | 01/10/2023, 02/05/2024 | 9,20 | 5,34% | 10,82 | 6,79% | 1,24 | 1,08% | Container Repair Services | VIP Port Stock Company | Green Joint | Same Group | None |
| 2 | Contract No. 01/2023/VGR-GIC | 01/01/2023 | 9,37 | 5,44% | 11,18 | 7,02% | 5,29 | 4,60% | Container Yard Operations | VIP Port Stock Company | Green Joint | Same Group | None |
| 3 | Contract No. 03/2023/HĐNH/GLC-GIC | 01/01/2023 | 1,67 | 0,97% | 1,59 | 0,99% | 1,09 | 0,95% | Container Yard | Green Logistics | Same Group | None | |

| No | Contract name | Signi ng date | 2023 | | 2024 | | 2025 | | Input/Ou tput Products & Services | Counterpart y | Relations hip with internal person/sh areholder s | Other term |
|----|------------------------------------|---------------|--------------------------------|--|--------------------------------|---|--------------------------------|---|---|--------------------------------------|---|------------|
| | | | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | | | | |
| | | | | | | | | | Operations | Center Co., Ltd. | | |
| 4 | Contract No. 03/2023/HĐNH/ GLC-GIC | 01/01/ 2023 | 1,10 | 0,64% | 0,83 | 0,52% | 0,16 | 0,14% | Container Yard Operations | Green Star Lines Co., Ltd. | Same Group | None |
| 5 | Contract No. 01/2024 HĐMB/VGI- GIC | 27/06/ 2024 | - | - | 1,35 | 0,85% | - | - | Disposal of Fixed Assets, Tools and Equipment | Quang Binh – Dinh Vu Inland Port JSC | Same Group | None |

| No | Contract name | Signi ng date | 2023 | | 2024 | | 2025 | | Input/Ou tput Products & Services | Counterpart y | Relations hip with internal person/sh areholder s | Other term |
|-----------|-------------------------------------|---------------|--------------------------------|--|--------------------------------|---|--------------------------------|---|--|-----------------------------------|---|------------|
| | | | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | | | | |
| 6 | Contract No. 01/2025/HĐ GIC-TRACO | 31/12/ 2025 | 1,28 | 0,74% | 1,50 | 0,94% | 0,85 | 0,74% | Cargo Stuffing Services | Traco No.1 Transport JSC | None | None |
| 7 | Contract No. 01/2025 HĐ YLTV-GIC | 31/12/ 2025 | 0,89 | 0,51% | 1,54 | 0,96% | 0,61 | 0,54% | Container Lifting Services | Yusen Logistics Co., Ltd. | None | None |
| 8 | Contract No. 11/2025/DEPOT /SNT-GIC | 31/12/ 2025 | 0,53 | 0,31% | 0,21 | 0,13% | 0,20 | 0,17% | Container Cleaning and Repair Services | Orient Maritime Services (ORIMAS) | None | None |
| II | SALES AND SERVICE CONTRACTS | | | | | | | | | | | |

| No | Contract name | Signi ng date | 2023 | | 2024 | | 2025 | | Input/Ou tput Products & Services | Counterpart y | Relations hip with internal person/sh areholder s | Other term |
|----|---|----------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|---|--------------------------------|---|-----------------------------------|--|---|------------|
| | | | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operatin g Costs (*) | | | | |
| 1 | Contract No. 01/2022/HĐKT; Contract No. 01/2025/HĐNT/ VSC-GIC | 31/12/ 2022 01/01/ 2025 | 6,31 | 4,06% | 0 | 0 | 9,96 | 15,12% | Fuel and Lubricants | Vietnam Container Shipping Corporation | Parent Company | None |
| 2 | Contract No. 2405/2024/HĐN T/THT-GIC; Contract No. 0101/2025/HĐN T/THT-GIC | 2024 - 2025 | - | - | 3,53 | 3,75% | 7,60 | 11,5% | Materials and Lubricants | Thinh Tien Trading Investment and Services Co., Ltd. | None | None |

| No | Contract name | Signi ng date | 2023 | | 2024 | | 2025 | | Input/Ou tput Products & Services | Counterpart y | Relations hip with internal person/sh areholder s | Other term | |
|----|---|---------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--|--------------------------------|--|---|------------------|---|------------|------|
| | | | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | Value Perform ed (VND billion) | Percentag e of Value Performe d over Sales Revenue / Operating Costs (*) | | | | | |
| 3 | Contract No. 01/2023 GIC-GSL/HĐ DVSC; Contract No. 01/2023/GSL-GIC; Contract No. 01/2023/HĐNH/GSL-GIC | 01/01/2023 | 7,74 | 4,98% | 7,86 | 5,58% | 3,80 | 5,77% | Repair Services for Vehicles and Equipment and Stevedoring-related Transport Services | Green Lines Ltd. | Star Co., Ltd. | Same Group | None |

Source: VSC Green Logistics JSC

As of the date hereof, the Company has entered into several material contracts which have been signed but not yet performed. These are asset transfer agreements, detailed as follows:

Table 19: Material Contracts Signed but Not Yet Performed ()*

| No | Contract Name | Signing Date | Contract Value (VND billion) | Products / Services | Counterparty | Relationship with Internal Persons and Shareholders | Other Key Terms |
|--------------|---------------------------------|--------------|------------------------------|--|----------------------------------|---|-----------------|
| 1 | Contract No. 36/HĐCN/GLC-GIC; | 29/08/2025 | 40 | Land use rights | Green Logistics Center Co., Ltd. | Same Group | None |
| 2 | Contract No. 37/HĐCNTS/GLC-GIC; | 29/08/2025 | 18 | Transport vehicles: semi-trailers, tractor trucks, forklifts | Green Logistics Center Co., Ltd. | Same Group | None |
| 3 | Contract No. 38/HĐCNTS/GLC-GIC | 29/08/2025 | 3,6 | Machinery and equipment | Green Logistics Center Co., Ltd. | Same Group | None |
| 4 | Contract No. 169/HĐCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 0,6 | Machinery and equipment | Green Star Lines Co., Ltd. | Same Group | None |
| 5 | Contract No. 170/HĐCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 49 | Transport vehicles: semi-trailers and tractor trucks | Green Star Lines Co., Ltd. | Same Group | None |
| Total | | | 111,2 | | | | |

Source: VSC Green Logistics JSC

(*) Expected implementation timeline: After the Company completes the public offering of additional shares to existing shareholders for charter capital increase.

10.6. Major Customers and Suppliers

Table 20: Major Customers and Suppliers of VSC Green Logistics JSC

| No | Customer | Transaction Value | Value Transaction Term | Products, Services | Relationship with internal person and shareholders |
|---------------------------|--|---|---|---------------------------------------|--|
| I. Major Customers | | | | | |
| 1 | VIP Green Port Joint Stock Company | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 02-2022/VGR-GIC, Contract No. 03/2024/DVXD/VGR-GIC, Contract No. 01/2023/VGR-GIC | Container repair, depot yard services | Same Group |
| 2 | Green Logistics Center Co., Ltd. | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 03/2023/HĐNH/GLC-GIC | Depot yard services | Same Group |
| 3 | Green Star Lines Co., Ltd. | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 03/2023/HĐNH/GLC-GIC | Depot yard services | Same Group |
| 4 | Quang Binh – Dinh Vu Inland Port JSC | 1,35 | In 2024 | Liquidation of fixed assets and tools | Same Group |
| 5 | Traco Transport Joint Stock Company No.1 | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 01/2025/HĐ GIC-TRACO | Stuffing services | None |
| 6 | Yusen Logistics Co., Ltd. | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 01/2025 HD YLTV-GIC | Container lifting and handling | None |

| No | Customer | Transaction Value | Value Transaction Term | Products, Services | Relationship with internal person and shareholders |
|----|-------------------------------------|---|---|-------------------------------|--|
| 7 | Oriental Maritime Services (ORIMAS) | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 11/2025/DEPOT/ SNT-GIC | Container cleaning and repair | None |

II. Major Suppliers

| | | | | | |
|---|---|---|---|--|----------------|
| 1 | Vietnam Container Shipping Corporation | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 01/2022/HĐKT and Contract No. 01/2025/HĐNT/V SC-GIC | Fuel and lubricants | Parent Company |
| 2 | Thinh Tien Trading and Service Investment Co., Ltd. | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 2405/2024/HĐNT /THT-GIC and Contract No. 0101/2025/HĐNT /THT-GIC | Materials and lubricants | None |
| 3 | Green Star Lines Co., Ltd. | Settled monthly based on final reconciliation | Pursuant to Contract No. 01/2023 GIC-GSL/HĐ DVSC; Contract No. 01/2023/GSL-GIC; Contract No. 01/2023/HĐNH/GSL-GIC | Equipment and vehicle repair; stevedoring-related transport services | Same Group |
| 4 | Green Star Lines Co., Ltd. | 61,6 | Pursuant to Contract No. 169/HĐCNTS/GS L-GIC and Contract No. 170/HĐCNTS/GS L-GIC | Machinery, equipment and transport vehicles | Same Group |

| No | Customer | Transaction Value | Value Transaction Term | Products, Services | Relationship with internal person and shareholders |
|----|----------------------------------|-------------------|--|--|--|
| 5 | Green Logistics Center Co., Ltd. | 49,6 | Pursuant to Contract No. 36/HDCN/GLC-GIC; Contract No. 37/HDCNTS/GL C-GIC; Contract No. 38/HDCNTS/GL C-GIC | Transfer of land use rights, machinery, equipment and transport vehicles | Same Group |

Source: VSC Green Logistics JSC

10.7. Position of the Company in the Industry

10.7.1. The Company's Position Compared to Other Enterprises in the Same Industry

Position of GIC

VSC Green Logistics Joint Stock Company (GIC) was established and commenced operations in 2017. Although a relatively young enterprise with only eight years of operation, the Company has achieved impressive growth in both revenue scale and total assets.

Competitive Advantages:

As a subsidiary of Vietnam Container Corporation (VSC), which operates an integrated logistics service chain including seaport systems, CFS warehouses (Container Freight Stations), container depots, a professional trucking fleet, and repair workshops, GIC benefits significantly from inherited human resources, technical expertise, operational experience, and especially long-standing customer relationships from its parent company. These customers include manufacturing enterprises, import-export businesses, and major global shipping lines such as Maersk, Evergreen, COSCO, Namsung, Dongyoung, OOCL, TS Lines, Hapag-Lloyd, Yang Ming, CMA CGM, and others. This foundation serves as a strong platform for GIC's future expansion.

GIC has made systematic investments in modern specialized equipment such as 45-ton and 10-ton reach stackers, pneumatic breakers, industrial welding machines, spray-painting systems, tractor trucks with modern trailers, and an optimized IT system tailored for logistics services. These investments aim to continuously improve service quality, with the long-term objective of becoming a leading logistics depot service provider in Vietnam and the region.

With a depot area of approximately 10 hectares and substantial storage capacity located in Dinh Vu Industrial Zone, Hai Phong, at the intersection of key transportation routes such as the Hai Phong – Hanoi Expressway and the Hai Phong – Ha Long Expressway, GIC's depot holds a strategic position that enables efficient logistics operations and cargo transportation at competitive costs.

Level of Competition and Market Share

Hai Phong, as one of the largest port cities in Vietnam and the primary gateway for the Northern region, handles approximately 90% of container throughput and more than 50% of total import-export cargo volume in the area. The city is home to more than 500 logistics enterprises of various sizes, leading to intense competition.

Container handling services represent the core business activity, contributing over 85% of seaport revenue. Due to rapid and large-scale infrastructure investments, excess capacity has emerged, forcing many ports and logistics companies to compete by lowering service prices to attract shipping lines.

Currently, Lach Huyen Port, benefiting from its deep-water advantage and its ability to receive mother vessels, maintains the highest handling service rates in Hai Phong, reaching the ceiling of the price framework regulated by the Ministry of Transport. Meanwhile, ports along the Cam River continue to face fierce price competition and must maintain lower handling rates to retain customers. As a land-based depot service provider located near the Cam River area, GIC—along with VSC's affiliated terminals in this region—has experienced a certain decline in market share.



Source: VSC Green Logistics JSC

10.7.2. Industry Outlook

In 2024, Vietnam's logistics industry recorded a strong recovery following the period of severe disruption caused by the pandemic. Export activities grew steadily, and active support from the Government created favorable conditions for logistics enterprises to expand their operations. In addition, global supply chains improved significantly, helping to ease transportation bottlenecks.

According to statistics, more than 82% of logistics enterprises in Vietnam reported profit growth in 2024, reflecting a notable rebound in the industry. Occupancy rates at industrial parks reached approximately 81% in the North and 92% in the South, supported by continued strong FDI inflows. These factors not only increased transportation demand but also laid the foundation for further development of logistics infrastructure. In Hai Phong City in particular, logistics services maintained an annual growth rate of 20–23% and contributed approximately 13–15% to the city's GRDP. However, according to representatives of the Hai Phong Economic Zone Authority, the city's logistics sector has yet to develop in line with its potential and its role as a national marine economic center and international trade gateway. Logistics costs in Vietnam in general, and in Hai

Phong in particular, remain high compared to other countries in the region, posing significant challenges to improving business competitiveness. A key reason is the limited level of integration among enterprises within the supply chain. Relationships between logistics enterprises and manufacturing or import-export companies are still largely transactional rather than strategic partnerships. To address these limitations, Hai Phong City has oriented its development toward building integrated supply chain models, accelerating digital transformation, enhancing soft infrastructure, and prioritizing high-quality workforce training to meet increasingly demanding domestic and international market requirements.

Entering 2025, Vietnam's logistics industry faces both opportunities and significant challenges. Global economic and geopolitical uncertainties, together with intensifying competition among industry participants, are creating increasing pressure on the sector.

Global economic and political instability continues to affect the logistics industry and its related supporting sectors. Disruptions in international supply chains not only increase operating costs but also reduce transportation efficiency. This requires enterprises to enhance adaptability and risk management in order to mitigate potential impacts.

The logistics market in Vietnam is also experiencing intensifying competition, with a growing number of domestic and foreign enterprises participating. The increase in competitors has made the market more challenging, requiring companies to invest more heavily in technology and service improvements to maintain their market position. In addition, global trade tensions and potential declines in import-export activities may reduce cargo volumes, thereby negatively affecting revenues of enterprises operating in the industry.

Logistics Industry Outlook Toward 2030

Vietnam's logistics sector is expected to achieve substantial progress with strong government support and the development of green logistics (e-logistics). Sustainable and environmentally friendly logistics solutions are gradually becoming the industry standard, aiming to minimize environmental impacts. Vietnam holds significant potential in this area thanks to technological advancements and supportive government policies.

Increased public-private partnerships in infrastructure development will play a crucial role in upgrading ports, warehouses, and transportation networks, thereby facilitating overall industry growth. With its strategic geographic location and rapid economic development, Vietnam is positioning itself to become a major logistics hub in Southeast Asia, opening up new opportunities for both domestic and international enterprises.

10.7.3. Comparison of Financial Position and Business Performance of Companies in the Same Industry

Table 21: Comparison of Financial Indicators of Companies in the Same Industry

Unit: VND million

| Indicator | VSC Green Logistics JSC (HNX) | Saigon Shipping JSC (Upcom) | Hai Phong Port JSC (Upcom) | Cam Ranh Port JSC (HNX) |
|------------------|--------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| Total assets | 264.485 | 350.392 | 8.492.693 | 313.985 |
| Charter capital | 121.200 | 114.200 | 3.269.600 | 245.018 |

| | | | | |
|--------------------------------|---------|---------|-----------|---------|
| Owners' equity | 242.364 | 314.550 | 6.360.621 | 280.670 |
| Net revenue | 43.256 | 42.231 | 709.949 | 46.241 |
| Retained earnings after tax | 16.238 | 148.799 | 1.043.411 | 16.919 |
| ROE (%) | 6,7% | 16,79% | 12,69% | 5,83% |
| ROA (%) | 6,18% | 14,44% | 9,51% | 5,2% |
| EPS (thousand VND) | 1,34 | 3,16 | 2,47 | 0,67 |
| BV (thousand VND) | 20 | 19,26 | 16,99 | 11,29 |

Source: Audited 2024 financial statements of peer companies listed/registered for trading on the stock exchange.

10.7.4. Assessment of the Company's Development Orientation in Alignment with Industry Trends, Government Policies, and Global Trends

To enhance its operational capacity and move toward sustainable development goals, GIC continuously researches, develops, and improves its service capabilities, particularly in providing supporting services for the logistics industry. Technologies such as automated yard management and real-time tracking systems have been and are being implemented by the Company. Promoting ESG (Environmental – Social – Governance) practices and green, sustainable logistics is not only a trend but an inevitable requirement in the current context for logistics enterprises. Therefore, the Company's development orientation toward ESG and green logistics is fully aligned with the overall development direction of the industry.

The logistics, cargo handling, and container repair service sectors still offer significant room for growth. With Hai Phong City's development orientation toward modern, synchronized, and sustainable logistics services — supported by all five modes of transportation and especially the Lach Huyen International Port — Hai Phong is aiming to become a major logistics hub of the Northern region and an international logistics center. To date, Hai Phong has two operational logistics centers (with a plan to develop six by 2025), namely Green Logistics Center and Yusen Logistics Center (both located in Dinh Vu Industrial Zone). In addition, two logistics centers are under construction: CDC Logistics Center (Dinh Vu Industrial Zone 2) and the logistics center in Hai Phong International Gateway Port Industrial Zone (Deep C III Industrial Zone, Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone). Furthermore, Resolution No. 45 of the Politburo sets the objective of developing Hai Phong into a national logistics service center by 2025 and a modern international logistics center by 2030, integrating sea transport, air transport, expressways, and high-speed rail.

The application of advanced technologies in operations, extensive yard systems, well-invested and high-quality equipment, together with the logistics development strategy of Hai Phong City in general and the parent company VSC in particular, provides GIC with strong confidence in its goal of becoming a leading logistics support service provider in Northern Vietnam. The Company's development orientation is therefore consistent with industry trends, government policies, and global development directions.

The Company's leadership places strong emphasis on marketing and market development activities, directly participating in key service segments that generate substantial revenue and profit. At the same time, management consistently upholds the principle that customers are fundamental to the Company's existence and development. The Company's brand is increasingly recognized by domestic and international customers and organizations, and cooperation with foreign partners continues to expand.

10.8. Marketing Activities

- Ensuring service quality, continuously improving service standards, and maintaining strong relationships with existing customers in order to retain loyal clients, while actively seeking and developing new customers, constitute the Company's core marketing principles.
- As a subsidiary of Vietnam Container Shipping Corporation (VSC), the Company's services form part of VSC's integrated logistics service chain. This provides the Company with opportunities to access customers within the Viconship system and develop them into official and potential customers in the future.

- The Company also actively seeks customers among manufacturing and import-export enterprises in order to introduce its services and meet customer demand.

10.9. Intellectual Property Rights, Trademarks, Trade Names, Patents

VSC Green Logistics Joint Stock Company, abbreviated as GIC. The Company has registered its trading names in both English and Vietnamese with the State Management Authority. The Company has also designed and registered its logo, websites, and domain names to build a unique brand with the goal of becoming the leading post-port logistics service company in Vietnam and promoting its brand within the global logistics industry.



- The Company's logo symbol
- The Company's website

www.greenicd.com.vn

10.10. Research and Development Policy for the Period 2023 - 2024 and the Present Time

During the period 2023 - 2024 up to the present, GIC has continued to invest in R&D activities with a focus on the logistics service chain. The Company's research and development policy has been implemented through the following key orientations:

- Closely following the market, ensuring the stable maintenance of the Company's core business activities.
- Remaining steadfast with the marketing and market development strategy of "retaining existing customers and seeking new customers" by jointly providing customers with "Service Package" solutions in parallel with offering additional "Value-Added Services."
- Establishing deeper connections with units within the Group, extending beyond the scope of the Company itself.
- Enhancing the quality of human resources, professionalism of employees and the leadership and management team. Training human resources for long-term goals and vision, creating favorable conditions, supporting, and encouraging employees to pursue learning to improve professional expertise, management skills, and proactive creativity.
- Strongly applying technology in management, operations, service provision, and marketing to further increase productivity and service quality.
- Reviewing personnel, salaries, and labor management to ensure the most effective utilization of the workforce.
- Managing resources and costs effectively; practicing thorough savings; ensuring efficient business performance; achieving a dividend payout ratio of 10% and accumulating capital for business scale expansion.

Some results from R&D activities in the recent period:

- Continuing to implement Value-Added Services (VAS) such as PTI service (Pre-Trip Inspection: technical inspection service for refrigerated containers before commencing the transportation journey), hanging container service, etc.

- Researching the application of technology in management, operations, and service provision, developing the “E-Depot” by applying technology to enable online transactions, online payments, container registration, and related processes,...

Assessment of the impact of R&D activities on the Company’s operations:

GIC identifies research and development (R&D) as one of the important strategies to help the Company optimize operational efficiency, enhance competitiveness, and achieve sustainable development. The Company’s research and development orientation is always aligned with State policies, the Company’s development direction, and global trends. The above R&D policies have gradually contributed to improving the Company’s operational capacity, reducing operating costs, and increasing the value chain of logistics activities in warehouse operations.

10.11. Business Strategy

Overview of the Company’s business strategy:

- The primary objective of the Company is to expand its service system in order to meet the increasingly diverse needs of customers. At the same time, the Company continuously improves service quality to better satisfy the stringent requirements of customers. Ensuring sustainable development, enhancing competitiveness, and striving to become an international-scale logistics company. The Company’s medium- and long-term development strategy is to consider, research, and explore markets to invest in multiple potential sectors based on existing business strengths, thereby bringing the greatest economic benefits and continuously elevating the Company to new heights. With the investment plan for new asset acquisition approved under the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2025, the Company is planning to expand its business fields and increase the scale of its existing business activities, specifically as follows:

- + Operating a long-haul fleet: acquiring transportation vehicles including tractors and semi-trailers from Green Star Lines Shipping Co., Ltd (GSL) and Green Logistics Center Co., Ltd (GLC), taking over existing customers from GSL and GLC, and expanding the market to seek new partners..
- + Expanding shipside operations between vessels and yards and container lifting services in yards through acquiring additional internal port tractors from GSL and forklifts (diesel and electric) from GLC..
- + Constructing additional warehouses for bulk cargo packing and repairing container yards at the Warehouse Land and Container Yard Area at Lot CN3.2I, Dinh Vu Industrial Zone, Hai Phong, with an area of 10,120 m² acquired from GLC.
- + Repairing the current container yards at the Company’s existing yard areas with a total area of 10 hectares owned by the Company.
- Sustainable development objectives (environmental, social, and community) and the Company’s main short-term and medium-term programs. The Company ensures that responsibility towards the environment, society, and community always accompanies and is closely integrated with the Company’s management system and corporate culture

Projected Capital and Resources for Strategy Implementation:

To implement the above business strategy, the Company will utilize capital mobilized from this public offering of additional shares, with the expected amount of VND 121 billion, to supplement

working capital and invest in the acquisition of new factories, warehouses, machinery, equipment, and transportation vehicles serving production and business activities.

In addition, the Company will use existing capital to carry out the plan of constructing a warehouse for bulk cargo packing on the land lot acquired from GLC (over 1 hectare) and undertaking major repairs of the container yard currently under operation (10 hectares) owned by the Company. The total value of construction and major repair investment projected for 2026 – 2027 is VND 52 billion

10.12. Information on Compliance with Business Conditions as Prescribed by Relevant Laws

The Issuer currently does not engage in any business lines or sectors that fall under the system of conditional business lines as stipulated in Appendix IV – Law on Investment No. 61/2020/QH14 dated June 17, 2020.

11. Policies for Employees

11.1. Number of Employees and Labor Structure

- The quality of human resources is one of the important factors determining the Company's development; therefore, the Company always places the objective of building a professional workforce as a top priority in its development strategy.
- As of December 31, 2025, the total number of employees in the Company is 120. The specific labor structure is as follows:

Table 22: Labor Situation in the Company

| Classification | 2023 | | 2024 | | 2025 | |
|------------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Number (persons) | Proportion (%) | Number (persons) | Proportion (%) | Number (persons) | Proportion (%) |
| <i>By qualification</i> | 151 | 100 | 139 | 100 | 120 | 100 |
| University and Postgraduate | 49 | 32.4 | 53 | 38.1 | 44 | 36.7 |
| College | 14 | 9.3 | 12 | 8.7 | 11 | 9.1 |
| Intermediate | 40 | 26.5 | 21 | 15.1 | 15 | 12.5 |
| Unskilled Labor | 48 | 31.8 | 53 | 38.1 | 50 | 41.7 |
| <i>By employment status</i> | 151 | 100 | 139 | 100 | 120 | 100 |
| Regular | 151 | 100 | 139 | 100 | 120 | 100 |
| Seasonal | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company

11.2. Policies on Training, Salary, Bonus, and Allowances

Working Regime

Working hours: 8 hours per day; 5.5 days per week. When required by production and business progress, employees are responsible for working overtime, and the Company has regulations to

ensure employee benefits in accordance with State provisions.

Leave, holidays, Tet, sick leave, maternity leave: All employees of the Company have labor contracts in compliance with labor laws and are entitled to full benefits under current legal regulations on labor law, including allowances, bonuses, health insurance, social insurance, and periodic health examinations.

Working conditions: The Company provides full labor protection equipment and consistently adheres to occupational safety principles to ensure high labor productivity and safety for employee

Recruitment and Training Policy

Objectives and recruitment criteria: The Company's recruitment objectives are directed towards highly specialized skills across all departments.

- Effectively implementing human resources and recruitment activities, developing long-term training and human resource development plans to meet the Company's growth. In 2024, the Company successfully carried out training and human resource development programs.
- Organizing skill development and continuous learning programs to support employees in securing employment and advancing their careers.
- Developing and implementing training and human resource development plans to provide the best support for employees in their work and career development.
- Encouraging employees to collaborate with management and promote initiatives for technical improvements and production savings

Policies on Salary, Bonus, and Welfare

- Applied according to job titles and the nature of each position, the Company pays salaries to its employees fully and accurately in accordance with the Salary Regulation, based on current legal provisions, ensuring stable employment, improved income, and attention to the material and spiritual well-being of employees. In addition, based on performance, capability, and work efficiency, the Company considers and applies bonus schemes at year-end for individuals, departments, or units with outstanding achievements in fulfilling their tasks.

Labor norms and salary unit prices are reviewed and adjusted every six months to align with actual production and business conditions. The salary and bonus regulations are transparent, and payments are made on schedule.

Regulation on Issuance of Shares to Employees

At present, VSC Green Logistics Joint Stock Company has not established a Regulation on the issuance of shares to its employees. The issuance of shares to employees is applied in accordance with the relevant provisions of law.

12. Dividend Policy

Based on the provisions of the Law on Enterprises and the Company's Charter on organization and operation as approved by the General Meeting of Shareholders, the dividend distribution policy proposed by the Board of Directors and decided by the General Meeting of Shareholders is as follows:

- The Company may only pay dividends to shareholders when the Company operates profitably and has fulfilled its tax obligations and other financial obligations in accordance with the law.
- Shareholders shall receive dividends proportionate to their capital contribution, subject to the business performance and as decided by the General Meeting of Shareholders.
- The dividend rate shall be determined by the General Meeting of Shareholders based on the proposal of the Board of Directors, taking into account the business results of the fiscal year and the business plan for the coming years.

Dividend Rate in the Last Two Years:

Table 23: Dividend Rate in the Last Two Years (2023 – 2024)

| Content | 2023 | 2024 |
|-----------------|------|----------------|
| Dividend Rate | 12% | 10% (Expected) |
| Form of Payment | Cash | Shares |

(Source: Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders of GIC in 2023, 2024)

- The Annual General Meeting of Shareholders in 2024 of GIC approved the plan to pay dividends for 2023 in cash to existing shareholders at the rate of 12% per share (one share receives VND 1,200).
- The Annual General Meeting of Shareholders in 2025 of GIC approved the plan to issue additional shares to pay dividends for 2024 to existing shareholders at the rate of 10% in shares. The Company expects to implement the dividend payment during the period from Q4/2025 to Q2/2026 in the same issuance of additional shares to existing shareholders

13. Information on the Use of Capital Raised from the Most Recent Offerin

In 2018, the Company issued additional shares at a rights execution ratio of 5:1 (equivalent to an issuance rate of 20%), with a total issuance value of VND 20.2 billion, to increase charter capital from VND 101 billion to VND 121.2 billion for 75 existing shareholders.

Purpose of capital use: To supplement capital for investment in handling equipment and transportation vehicles. The Company used the capital for the intended purpose of issuance as approved by the General Meeting of Shareholders.

Since 2018, the Company has not increased its charter capital

14. Information on the Company's Commitments Not Yet Fulfilled

None

15. Information on Contingent Liabilities, Pending Disputes, and Litigation Related to the Company That May Affect the Company's Business Operations, Financial Position, the Offering, the Offering Price, and the Project Using Capital Raised from the Offering

None

16. Information on the Company's Commitment Not to Be Under Criminal Prosecution or Convicted of Any Economic Management Order Offenses Without Having Been Expunged

The Company commits that it is not under criminal prosecution and has not been convicted of any offenses against economic management order without having its criminal record expunged. The Company affirms that the above information is true and shall bear full responsibility before the law for its commitment.

V. BUSINESS PERFORMANCE, FINANCIAL POSITION, AND PROJECTED PLANS

1. Business Performance

1.1. Summary of Certain Business Performance Indicators of the Company

Table 24: Company's Business Performance

Unit: VND million

| Indicator | 2023 | 2024 | 2025 | % Change | |
|---|---------|---------|---------|-----------|-----------|
| | | | | 2024/2023 | 2025/2024 |
| Total Assets | 267.427 | 262.562 | 276.972 | -1,82% | 5,49% |
| Net Revenue | 172.274 | 159.343 | 155.975 | -7,51% | -2,11% |
| Net Profit from Business Activities | 18.654 | 17.828 | 16.526 | -4,43% | -7,30 |
| Other Profit | -61 | 264 | -16 | 532,08% | -106,06% |
| Profit Before Tax | 18.593 | 18.092 | 16.510 | -2,69% | -8,74% |
| Profit After Tax | 16.631 | 16.239 | 14.593 | -2,36% | -10,14% |
| Dividend Payout Ratio (Dividend/Profit After Tax) | 73% | 90% | - | 22,9% | - |
| Dividend Rate | 10% | 12% | - | 20,00% | - |

(Source: Audited Financial Statements for 2023, 2024 and Q4/2025 Financial Statements of GIC)

At December 31, 2024, GIC's total capital amounted to VND 262.6 billion, a decrease of 1.8% compared to the same period in 2023. At December 31, 2025, GIC's total capital reached VND 276.9 billion, an increase of 5.5% compared to December 31, 2024. The capital structure of GIC as of December 31, 2025 did not include any bank loans.

The years 2024–2025 were marked by significant challenges and intense competition in the maritime transport industry and related services. In the context of port/warehouse/container transport operations showing signs of oversupply, the Company's core service segments all faced difficulties. As a result, GIC's business performance in 2024–2025 showed a declining trend compared to previous years.

For the full year 2025, GIC recorded net revenue of VND 155.9 billion, down 2.1% compared to 2024. Profit after tax in 2025 was VND 14.6 billion, a decrease of 10.1% compared to the previous year.

1.2. Factors Affecting the Company's Business Operations

Favorable Factors:

- The East Sea region has a favorable position on the global maritime map, with 29 out of 39 major sea routes passing through the area, transshipping goods from Asia to other markets. Vietnam not only has a strategic geographical location, but the domestic seaport industry also benefits from natural advantages with a coastline of 3,260 km, many deep bays that can accommodate large vessels, and proximity to Asia–Europe shipping routes as well as major transshipment ports in Singapore and Malaysia.

- The medium-term outlook of the industry is supported by economic growth potential, especially the strong wave of infrastructure investment. The total volume of goods through Vietnam's seaport system in general and the Hai Phong area in particular recovered and grew positively during 2023–2024, including both export goods and cargo from inland waterway vessels.



Difficult Factors:

- Negative fluctuations in import–export activities may directly affect the Company's business performance. Geopolitical crises, trade tensions, and freight rate volatility can all impact the circulation of goods. In recent years, Vietnam has benefited from the U.S. friendshoring policy (relocating supply chains to friendly countries), with FDI inflows growing positively and import–export activities becoming a bright spot of the economy in 2024. However, import–export activities will face risks of severe damage from tariff barriers and trade wars in 2025, thereby harming the seaport and logistics industry.
- Growth opportunities in the Hai Phong port area come with the challenge of oversupply. The operating efficiency of ports in Hai Phong is currently at 80%, with throughput differentiated between upstream and downstream areas. Some newly operated ports have not yet secured stable cargo sources, resulting in low exploitation efficiency. Oversupply pressure will increase in 2025–2026 as a series of new ports from major competitors come into operation.

2. Financial Situation

2.1 Basic Indicators

Report on charter capital, business capital, and the use of charter capital and business capital:

Table 25: Charter Capital and Owner's Equity of the Company

Unit: VND

| | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Charter Capital | 121.200.000.000 | 121.200.000.000 | 121.200.000.000 |
| Owner's Equity | 242.635.338.874 | 242.364.263.642 | 254.991.033.817 |

(Source: Audited Financial Statements 2023, 2024 and Q4/2025 Financial Statements of GIC)

Situation of using charter capital and owner's equity: The Company always uses charter capital and owner's equity in accordance with the provisions of law and the Company's Charter. The Company is committed to using capital effectively, serving its business operations for the purposes of each offering as approved by the General Meeting of Shareholders

- Depreciation of fixed assets:

Fixed assets (FA) are depreciated using the straight-line method to gradually reduce the depreciable value over their estimated useful life. The depreciable value is the original cost of the fixed asset recorded in the financial statements minus the estimated residual value of that asset. The estimated useful life of asset categories is as follows:

- + Land use rights: Recorded at original cost and not depreciated
- + Buildings and structures: 05 – 25 years
- + Machinery and equipment: 03 – 10 years

- + Transport vehicles: 03 – 10 years
- + Management equipment: 04 – 05 years
- + Computer software: 3 years

- **Average Salary**

Table 26: Average Salary

| Indicator | 2023 | 2024 | 2025 |
|--|-------|-------|-------|
| Average salary (million VND/person/month) | 19,32 | 21,27 | 21,64 |

(Source: VSC Green Logistics Joint Stock Company)

VSC Green Logistics JSC considers people as the source of its strength; therefore, the Company always focuses on policies to ensure employees' rights and benefits. Employees are guaranteed stable jobs and income. Regarding salary policies, labor norms and wage rates are reviewed and adjusted every six months to align with actual business conditions. The Company's salary and bonus regulations are transparent, with payments made on time. The average salary of the Company's staff is relatively competitive compared to the average salary of other enterprises in the same industry and locality

- **Current debt situation**

Table 27: Current Total Debt

Unit: billion VND

| | 2023 | 2024 | 2025 |
|-------------------|----------------|----------------|----------------|
| Total receivables | 12.596.726.345 | 17.883.341.171 | 7.894.206.876 |
| Total liabilities | 24.791.591.133 | 20.197.777.280 | 21.980.558.911 |

(Source: Audited Financial Statements for 2023, 2024 and Q4/2025 of GIC)

- **Các khoản phải thu**

Table 28: Details of the Company's Receivables

Unit: VND

| Indicator | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| 1. Short-term receivables | 12.596.726.345 | 17.883.341.171 | 7.894.206.876 |
| - Short-term receivables from customers | 1.140.464.476 | 7.713.741.171 | 5.628.006.876 |
| - Short-term advances to suppliers | 1.067.500.000 | 20.600.000 | 100.000.000 |

| Indicator | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| - Short-term loans receivable | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 0 |
| - Other short-term receivables | 388.761.869 | 149.000.000 | 2.166.200.000 |
| 2. Long-term receivables | 0 | 0 | 0 |
| Total | 12.596.726.345 | 17.883.341.171 | 7.894.206.876 |

(Source: Audited Financial Statements for 2023, 2024 and Q4/2025 of GIC)

- **Details of Payables**

Table 29: Details of the Company's Payables

Unit: VND

| Indicator | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Short-term liabilities | 24.136.829.191 | 19.543.015.338 | 21.105.011.797 |
| - Short-term payables to suppliers | 5.553.347.453 | 3.364.617.465 | 2.748.011.553 |
| - Advances from customers | 72.243.905 | 50.460.600 | 86.230.600 |
| - Taxes and other payables to the State | 1.444.231.875 | 1.062.528.076 | 1.336.864.259 |
| - Payables to employees | 9.091.253.933 | 8.569.331.783 | 8.172.872.324 |
| - Short-term accrued expenses | 6.898.093.579 | 5.392.985.508 | 7.323.299.418 |
| - Other short-term payables | 851.984.446 | 892.017.906 | 1.015.013.643 |
| - Short-term borrowings | 0 | 0 | 0 |
| - Bonus and welfare funds | 225.674.000 | 211.074.000 | 422.720.000 |
| 2. Long-term liabilities | 654.761.942 | 654.761.942 | 875.547.114 |
| - Provision for long-term liabilities | 654.761.942 | 654.761.942 | 875.547.114 |
| Total | 24.791.591.133 | 20.197.777.280 | 21.980.558.911 |

(Source: Audited Financial Statements for 2023, 2024 and Q4/2025 of GIC)

- **Payment of Due Debts**

Currently, the Company has no bad debts. Exchange rate differences and loan interest differences do not affect the Company's business results. The Company has no receivables classified as bad debts; all receivables are collected on time, thoroughly avoiding cases of prolonged overdue debts from customers.

- **Statutory Payables**

Currently, the Company is managing its revenues and expenditures well and strictly fulfilling its tax obligations. The Company has declared and paid taxes fully, on time, and in compliance with legal regulations. The taxes implemented by the Company in fiscal year 2023, fiscal year 2024, and up to December 31, 2025 are as follows:

Table 30: Tax Payables

Unit: VND

| No. | Indicator | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|-----|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | VAT on domestic sales | 700.348.987 | 380.341.230 | 577.348.736 |
| 2 | Import-export tax | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Corporate income tax | 550.181.272 | 490.184.466 | 569.696.134 |
| 4 | Personal income tax | 193.701.616 | 192.002.380 | 189.819.389 |
| 5 | Other taxes and fees | 0 | 0 | 0 |
| | Total | 1.444.231.875 | 1.062.528.076 | 1.336.864.259 |

(Source: Audited Financial Statements for 2023, 2024 and Q4/2025 of GIC)

- **Appropriation of Statutory Funds**

The Company appropriates the Bonus and Welfare Fund and the Development Investment Fund from profit sources. The balances of these funds at the end of fiscal year 2023, fiscal year 2024, and the end of Q4/2025 are as follows:

Table 31: Situation of Statutory Fund Appropriation

Unit: VND

| Indicator | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Bonus and Welfare Fund | 225.674.000 | 211.074.000 | 422.720.000 |
| Development Investment Fund | 104.804.160.218 | 104.925.338.874 | 107.078.263.642 |

(Source: Audited Financial Statements for 2023, 2024 and Q4/2025 of GIC)

- **Total Outstanding Loans:**

Currently, the Company does not use bank loans, bonds, or other borrowings to finance its production and business activities.

The Company's total liabilities have always been maintained at below 10% of its Total Assets, mainly consisting of short-term payables to suppliers, payables to employees, and short-term accrued expenses.

2.2 Key Financial Indicators

Table 32: Key Financial Indicators of the Company

| Indicator | Unit | 2023 | 2024 | 2025 |
|---------------------|------|------|------|------|
| 1. Liquidity | | | | |
| 1.1. Cash Solvency | Lần | 1,80 | 1,71 | 3,53 |
| 1.2. Quick Ratio | | 2,34 | 2,64 | 3,93 |
| 1.3. Current Ratio | | 2,46 | 2,76 | 4,04 |

| 2. Capital Structure | | | | |
|--|-------------|-------|-------|-------|
| 2.1. Short-term and Long-term Loans / Owner's Equity | % | 0 | 0 | 0 |
| 2.2. Short-term and Long-term Loans / Total Assets | % | 0 | 0 | 0 |
| 2.3. Debt-to-Equity Ratio | % | 10,22 | 8,33 | 7,94 |
| 2.4. Debt-to-Total Assets Ratio | % | 9,27 | 7,69 | 8,62 |
| 3. Profitability | | | | |
| 3.1. Return on Sales (ROS) (Net Profit After Tax / Net Revenue) | % | 9,65 | 10,19 | 9,36 |
| 3.2. Return on Equity (ROE) (Net Profit After Tax / Owner's Equity) | % | 6,89 | 6,70 | 5,87 |
| 3.3. Return on Assets (ROA) (Net Profit After Tax / Average Total Assets) | % | 6,36 | 6,11 | 5,41 |
| 3.4. Earnings Per Share (EPS) | Dongs/share | 1.235 | 1.340 | 1.204 |
| 4. Operating Capacity | | | | |
| 4.1. Total Asset Turnover (Net Revenue / Average Total Assets) | Turnover | 0,66 | 0,60 | 0,58 |
| 4.2. Working Capital Turnover (Net Revenue / Average Current Assets) | | 2,52 | 2,81 | 2,24 |
| 4.3. Inventory Turnover (Cost of Goods Sold / Average Inventory) | Turnover | 32,58 | 34,00 | 36,71 |

Source: Calculated based on the 2023 and 2024 Audited Financial Statements and the Q4/2025 Financial Statements of GIC

Solvency

The Company's solvency ratios remained at a safe level (greater than 1) and stable during the 2023 - 2025 period. Cash and cash equivalents at the end of 2025 increased by 41.2 billion VND compared to the same period last year, while current liabilities did not experience any significant upward fluctuations. Consequently, GIC's solvency indicators in 2025 showed an upward trend: the cash solvency ratio increased from 1.71 times (2024) to 3.53 times, the quick ratio increased from 2.64 times to 3.63 times, and the current ratio increased from 2.76 times to 4.04 times.

Capital Structure

The Company maintains a capital structure with a high self-financing ratio; the debt ratio at the end of 2025 was 7.94%, a slight decrease compared to the same period in 2024. As the Company does not utilize bank loans, its liabilities primarily consist of short-term accounts payable to suppliers, payables to employees, and short-term accrued expenses. Consequently, the Company's debt-to-total assets and debt-to-total equity ratios are lower than those of other enterprises in the same industry.

Profitability

Despite the challenges faced in the Company's business operations, the Company has maintained stable profitability with a Return on Sales (ROS) hovering around the 9–10% mark. Port and container yard operations is an industry with high gross profit margins, typically reaching 30–

40%. ROS in 2025 reached 9.36%, a decrease of 0.83% compared to 2024. This slight decline in ROS subsequently led to a downward trend in other profitability ratios: ROA in 2025 reached 5.41% (down 0.7% compared to 2024), and ROE in 2025 reached 5.87% (down 0.83% compared to the previous year).

- **Operating Efficiency**

The Company's revenue in 2025 decreased compared to the previous year, which led to a slight decline in the total asset turnover ratio. The Total Asset Turnover decreased from 0.60 times in 2024 to 0.58 times in 2025. A slight decrease in net revenue combined with an increase in current assets caused the Company's Working Capital Turnover to drop from 2.81 times in 2024 to 2.24 times. The cost of goods sold (COGS) in 2025 decreased by 7.27%, a sharper decline than that of inventory, resulting in a slight increase in Inventory Turnover from 34 times to 36.71 times.

3. Audit Opinions on the Company's Financial Statements

Independent Auditor's opinion on the Company's 2023 Financial Statements according to Independent Audit Report No. HAN 3541 dated February 20, 2024:

"In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as of December 31, 2023, as well as the results of its business operations and its cash flows for the fiscal year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System, and relevant legal regulations regarding the preparation and presentation of financial statements."

Independent Auditor's opinion on the Company's 2024 Financial Statements according to Independent Audit Report No. HAN 3877 dated February 18, 2025:

"In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as of December 31, 2024, as well as the results of its business operations and its cash flows for the fiscal year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System, and relevant legal regulations regarding the preparation and presentation of financial statements."

4. Revenue, Profit, and Dividend Plan

4.1. Revenue, Profit, and Dividend Plan

Table 33: 2025 Profit and Dividend Plan

| Target | Actual Performance in 2024 (VND billion) | 2025 Plan (VND billion) | Percentage Increase/(Decrease) of the 2025 Plan Compared to 2024 |
|-------------------|---|--------------------------------|---|
| Throughput (TEUs) | 320.720 | 283.000 | -11,76% |
| Net Revenue | 159 | 145 | -9,00% |
| Profit After Tax | 16 | 16,5 | 1,61% |

| | | | |
|---|--------|--------|-------|
| Profit After Tax to Net Revenue Ratio (%) | 10,19% | 11,38% | 1,19% |
| Dividend Rate (%) | 10% | 11% | 10% |

Source: the 2025 Annual General Meeting of Shareholders Resolution No. 01/25/NQ-DHĐCĐ and GIC's Audited Financial Statements for 2024

- The 2025 Annual General Meeting of Shareholders of GIC approved the plan to issue additional shares for the payment of 2024 dividends to existing shareholders at a rate of 10%. The Company expects to implement the dividend distribution during the period from Q4/2025 to Q2/2026.
- The 2025 Annual General Meeting of Shareholders of GIC approved the 2025 Business Plan and the proposed dividend rate for 2025.

4.2. Bases for Achieving the Above Revenue, Profit and Dividend Plan

A favorable macroeconomic environment serves as a foundation supporting GIC in accomplishing its business plan:

- In 2025, both the domestic and global economies continue to face numerous persistent challenges that threaten stability and growth prospects. Notably, one of the most significant risks materialized in early April 2025 with the introduction of new tariff policies by the new U.S. administration. The sudden and unpredictable changes in tariff policy have posed, and will continue to pose, risks of escalating economic and political tensions among major economies, disrupting the global economic order and affecting the direction of capital flows and supply chains worldwide. Viet Nam's economy is highly open, and import-export activities have contributed positively to economic growth in recent years. However, this high degree of openness also exposes the economy to elevated risks amid fluctuations in the global economic environment.
- The demand for transportation in the Southeast Asia region is projected to reach 82–85 million TEUs in 2025, while the current total capacity is only 53 million TEUs.
- Hai Phong has set an ambitious growth target for 2025, with its industrial production index expected to increase by 17% and total investment capital projected to reach VND 210 trillion, up 9% year-on-year. Cargo throughput via seaports in Hai Phong is anticipated to reach 190 million tons, representing an 11% increase compared to the same period last year. Growth opportunities for the seaport sector in the Hai Phong area therefore remain promising, although accompanied by considerable challenges as regional competition becomes increasingly intense.

Basis for GIC to Accomplish the 2025 Business Plan as Set Out

Cumulatively to the end of 2025, GIC has achieved 107.57% of its revenue plan and 100.06% of its pre-tax profit plan.

As an enterprise whose core business activities consist of yard operation services and container lifting and handling services, the Company's contracts with customers are typically settled on a monthly basis, as these services are provided continuously over extended periods. This ensures a stable and recurring cash flow for the Company throughout the financial year.

Based on executed customer contracts, the Company prudently formulates its annual business plan in terms of throughput, revenue and profit, ensuring that such plans closely reflect its actual operating performance.

One of the Company's key strategies is to effectively manage resources, rigorously implement cost-saving measures, and ensure efficient operations. The Company's current business activities are concentrated in the container yard operation segment.

Although the challenging market conditions have led to a decline in container throughput and, consequently, a slight decrease in revenue compared to the previous year, the Company has maintained stable operational efficiency indicators and profitability ratios.

According to the Ministry of Transport, by 2030 cargo throughput via Viet Nam's seaports is projected to increase significantly, with container cargo expected to reach 46.3 million TEUs and dry bulk cargo estimated at 423.5 million tons (mainly alumina, iron and steel, and coal). The positive medium- and long-term outlook for the shipping and seaport industry constitutes one of the important grounds for GIC's ability to achieve its planned revenue and profit targets in the coming years.

4.3. Assessment by the Consulting Firm of the Revenue, Profit and Dividend Plan

In its capacity as a professional advisory firm, VIX Securities Joint Stock Company has prudently and reasonably collected information and carried out research, analysis and evaluation of the business operations of VSC Green Logistics Joint Stock Company. The Company has developed a prudent business plan for 2025, under which planned revenue is projected to decrease by 9% and planned profit after tax is expected to increase by only 1.61% compared to the actual results achieved in 2024. Based on the Company's current capabilities and the plans it is implementing, and in the absence of abnormal fluctuations that could adversely affect its operations, the Company's revenue and profit targets for 2025 are considered attainable.

Cumulatively to the end of 2025, GIC recorded revenue of VND 155.97 billion and profit of VND 16.51 billion, equivalent to 107.57% of its revenue plan and 100.06% of its pre-tax profit plan. Accordingly, GIC has fulfilled its 2025 business plan in terms of both revenue and profit.

We would also like to note that the above opinions are provided from the perspective of a consulting organization, based on selectively collected information and established securities finance theories, and do not imply any guarantee of the value of the securities or the certainty of the forecast figures. These comments are intended solely for investors' reference in making their own investment decisions.

VI. INFORMATION ON FOUNDING SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS, MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE INSPECTION COMMITTEE, THE DIRECTOR, DEPUTY DIRECTORS AND THE CHIEF ACCOUNTANT

1. Information on Founding Shareholders

VSC Green Logistics Joint Stock Company commenced operations on 24 January 2017. In accordance with the Law on Enterprises, as of now, the transfer restrictions applicable to founding shareholders have expired.

2. Information on Major Shareholders

Table 34: List of Major Shareholders

| Name | Year of Birth | Nationality | ID Card No. / Enterprise Registration | Address | Legal Representative or Authorized Representative at the |
|------|---------------|-------------|---------------------------------------|---------|--|
| | | | | | |

| | / Year of Estab- lishm- ent | | Certificate No | | Issuer (Full Name and Title) |
|--|---|--------------------|-------------------|---|----------------------------------|
| Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | 2002 | Vietnam | 0200453688 | 11 Vo Thi Sau Street, May To Ward, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Viet Nam | Ta Cong Thong – General Director |
| AMERICA LLC | 2012 | St Kitts and Nevis | CA5883 | PO Box F43031, Freeport, Bahamas | Paul Aunger |

Source: List of Shareholders of GIC as of the Record Date of 30 June 2025, provided by VSDC (Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation)

Table 35: Number and Percentage of Voting Shares Held by Major Shareholders and Their Related Persons

| Name | Date of Becoming a Major Shareholder | | 30/06/2025 | | Expected After the Offering | |
|---|--------------------------------------|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------------|---------------------|
| | Number of Shares | Ownership Ratio (%) | Number of Shares | Ownership Ratio (%) | Number of Shares | Ownership Ratio (%) |
| Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | 6.700.000 | 66,34 | 8.040.000 | 66,34 | 16.884.000 | 66,34 |
| Hoang Hoa Nam – Chairman of the Trade Union of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | 0 | 0 | 14.400 | 0,12 | 30.240 | 0,12 |
| Hoang Anh Tuan – Husband of Ms. Tran Thi Phuong Anh, Member of the Board of Directors of VSC | 0 | 0 | 5.400 | 0,04 | 11.340 | 0,04 |
| AMERICA LLC | 0 | 0 | 845.400 | 6,98 | 1.690.800 | 6,98 |

Source: List of Shareholders of GIC as of the record date of 30 June 2025, provided by VSDC

- Contracts and transactions being performed or already signed but not yet performed between the Issuer and shareholders, authorized representatives of shareholders holding more than 10% of the Issuer's total ordinary shares, and their related persons:

| No | Name of Organization /Individual (being Major Shareholders and Their Related Persons) | Type of Contract, Contract Number | Contract/Transaction Value | Other Material Terms of the Contract | Competent Authority (of GIC) Approving the Transaction | Date of Execution of the Contract/Transaction | Implementation Status (Ongoing / Signed but Not Yet Performed) |
|----|---|---|-------------------------------------|--------------------------------------|--|---|--|
| 1 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC) – Major Shareholder of GIC | Master Agreement No. 01/2025/HĐNT/VSC-GIC (Supply of Fuel) | Payment based on monthly settlement | None | Board of Directors' Resolution No. 12/2024/N Q-HĐQT dated 31 December 2024 | 02/01/2025 | Ongoing |
| 2 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC) – Major Shareholder of GIC | Master Agreement No. 01/2023/HĐNT/VSC-GIC (Provision of Services) | 161.000.000 dong | None | Board of Directors' Resolution No. 13/2022/N Q-HĐQT dated 03 January 2023 | 01/01/2023 | Ongoing |

– **Related Interests with Respect to the Issuer:**

- + Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation: a major shareholder currently holding 66.34% of the Issuer's charter capital, entitled to receive dividends and exercise shareholders' rights in accordance with the General Meeting of Shareholders' Resolutions.
- + AMERICA LLC: a major shareholder currently holding 6.98% of the Issuer's charter capital, entitled to receive dividends and exercise shareholders' rights in accordance with the General Meeting of Shareholders' Resolutions.

– **Enterprises operating in the same line of business as the Issuer in which Major Shareholders have related interests:**

| No | Name of Enterprise | Main Business Activities | Relationship with Major Shareholders of GIC | Measures for Managing Conflicts of Interest (*) |
|----|--------------------|--------------------------|---|---|
|----|--------------------|--------------------------|---|---|

| | | | | |
|---|--|--|-----------------------------------|---|
| 1 | Green Star Lines One Member Limited Company (GSL) | Other Support Services Incidental to Transportation | Wholly-owned subsidiary of VSC | GSL maintains its short-haul shipping operations and has transferred its long-haul shipping segment to GIC. |
| 2 | Green Logistics Centre One Member Ltd (GLC) | Warehousing and Storage of Goods | Wholly-owned subsidiary of VSC | Transferred its transportation operations and part of its warehousing facilities to GIC, enabling GIC to expand its vessel import-export transport operations (shipside-yard movements) and container stuffing services |

(*)Pursuant to the overall restructuring orientation for the operations of VSC's member units, including GIC, GLC, GSL and VGI (Quang Binh – Dinh Vu Dry Port JSC), the parent company, VSC, is expected to implement measures which may include, but are not limited to, merger plans or the sale of assets associated with the operations of these companies in order to restructure business activities, minimize overlaps, improve cost efficiency among companies with similar business lines, and reduce internal competition. Under this restructuring, GIC will expand the scale of its warehousing operations and add long-haul transportation services; GSL will maintain its short-haul transportation segment; and GLC will focus on warehousing operations based on its existing facilities currently in operation.

- **Other enterprises that are major customers/suppliers of the Issuer in which Major Shareholders have related interests:**

| No | Name of Enterprise | Relationship with Major Shareholders of GIC | Contracts/Transactions Executed by the Enterprise with GIC | Implementation Status (Ongoing / Signed but Not Yet Performed) |
|----|---|---|---|--|
| 1 | VIP Greenport Joint Stock Company (VGR) | Subsidiary of VSC | Contract No. 01/2024/VGR-GIC dated 01 January 2024 regarding the lifting and handling of containers for vessel import and export operations | Ongoing |
| | | | Contract No. 03/2025/VGR-GIC dated 02 May 2024 regarding the provision of stevedoring services, cargo and container stuffing/unstuffing, and services supporting vehicle repair | |
| 2 | Green Star Lines One Member Limited Company (GSL) | Subsidiary of VSC | Contract No. 1/2025 GIC– GSL/HDDVSC dated 31 December 2024 regarding the provision of maintenance and repair services for lifting and transportation equipment and vehicles | Ongoing |

| | | | | |
|---|--|-------------------|--|--------------------|
| | | | Contract No. 01/2025/GSL-GIC dated 31 December 2024 regarding the provision of container transportation services | |
| | | | Contract No. 01/2025/HĐNH/GSL-GIC dated 30 December 2024 regarding the provision of container lifting and handling services | |
| 3 | Greenport Services One Member Ltd (GRP) | Subsidiary of VSC | Contract No. 01/2025/GRP-GIC/NH dated 31 December 2024 regarding the provision of container lifting and handling services. | Ongoing |
| 4 | Branch of Viconship Ho Chi Minh City One Member Limited Liability Company in Ha Noi City | Subsidiary of VSC | Contract No. 04-2025/HĐNH/VSC HCM-GIC dated 01 January 2025 regarding the provision of container lifting and handling services. | Ongoing |
| 5 | Green Logistics Centre One Member Ltd (GLC) | Subsidiary of VSC | Contract No. 02/2025/HĐNH/GLC-GIC dated 31 December 2024 regarding the provision of container repair and cleaning services Contract No. 01/2025/HĐNH/GLC-GIC dated 31 December 2024 regarding the provision of container lifting and handling services. | Ongoing Ongoing |

3. Information on Members of the Board of Directors, the Inspection Committee, the Director, Deputy Directors and the Chief Accountant

3.1 Board of Directors

Table 36: List of the Company's Board of Directors

| No | FULL NAME | YOB | NATIONALITY | POSITION |
|----|---------------------------|------|-------------|-------------------------------|
| 1 | Mr. Nguyen Duc Dung | 1975 | Vietnamese | Chairman of the BOD |
| 2 | Mr. Dong Trung Hai | 1977 | Vietnamese | Member of the BOD |
| 3 | Mr. Nguyen Kim Duong Khôi | 1977 | Vietnamese | Member of the BOD |
| 4 | Ms. Tran Thi Phuong Anh | 1975 | Vietnamese | Member of the BOD |
| 5 | Mr. Le Quang Huy | 1979 | Vietnamese | Independent Member of the BOD |

3.1.1. Mr. Nguyen Duc Dung – Chairman of the BOD

| | |
|---------------|------------|
| + YOB | 23/02/1975 |
| + Nationality | Vietnamese |

| + Educational Background | 12/12 | | |
|--|--|------------------------------------|----------------------|
| + Positions Previously and Currently Held at the Issuer | | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position | |
| From March 2024 to present | Green Investment, Services and Development Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Chairman of the Board of Directors | |
| + Positions Previously and Currently Held at Other Organizations | | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position | |
| 10/2021 - 09/2022 | Thanh Thai Group Joint Stock Company | General Director | |
| 04/2020 - 10/2023 | Thanh Duc Holding Joint Stock Company | Director | |
| 04/2020 - 06/2024 | Thanh Duc Holding Joint Stock Company | Chairman of the Board of Directors | |
| 09/2022 - 05/2024 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Member of the Board of Directors | |
| 05/2024 – 04/2025 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Chairman of the Board of Directors | |
| 04/2025- present | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Member of the Board of Directors | |
| 06/2023 - present | VIMC Dinh Vu Port Joint Stock Company | Member of the Board of Directors | |
| + Number and Ownership Percentage of Securities in the Issuer Held by the Individual, Authorized Representative, and Their Related Persons as of 30 September 2025 | | Number of Shares Held | Ownership Percentage |
| | Mr. Nguyen Duc Dung | 0 | 0 |
| | Authorized Representative: | 0 | 0 |
| | Related Person: Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | 8.040.000 | 66,34% |

| |
|--|
| + Related person who is concurrently a shareholder and an internal person of the Issuer: Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (Mr. Nguyen Duc Dung is a Member of the Board of Directors of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation – the parent company of GIC) |
| + Related interests with respect to the Issuer: Remuneration and salary <ul style="list-style-type: none"> • 2023: None • 2024: Board of Directors' bonus – VND 55 million (paid in 2025) |
| + Outstanding liabilities to the Issuer: None |
| + Related interests in other enterprises operating in the same line of business as the Issuer or being major customers/suppliers of the Issuer: <ul style="list-style-type: none"> • Mr. Nguyen Duc Dung is a Member of the Board of Directors of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC) and receives remuneration and bonuses in accordance with applicable regulations and VSC's policies. • Mr. Nguyen Duc Dung is a Member of the Board of Directors of VIMC Dinh Vu Port Joint Stock Company and receives remuneration and bonuses in accordance with applicable regulations and the company's policies |

3.1.2. Mr Dong Trung Hai – Member of the Board of Directors

| + YOB | 28/12/1977 | |
|---|--|---|
| + Nationality | Vietnamese | |
| + Educational Background | 12/12 | |
| + YOB | Engineer in Maritime Transport Economics | |
| + Positions Previously and Currently Held at the Issuer | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 07/2017-11/2020 | Green Investment, Services and Development Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Deputy Director |
| 11/2020- present | Green Investment, Services and Development Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Director |
| 04/2021- present | Green Investment, Services and Development Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Member of the Board of Directors cum Director |
| + Positions Previously and Currently Held at Other Organizations: | | |

| | | | |
|---|---|--|----------------------|
| 2000-2005 | Traco Sai Gon Transport Joint Stock Company | Employee | |
| 2005-2009 | Tan Nhat Thanh VTB Company Limited | Employee | |
| 04/2010-09/2011 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Employee | |
| 09/2011-02/2016 | Green Star Lines One Member Limited Company | Employee, Deputy Head of Department, Sales Manager | |
| 03/2016- 06/2017 | Ben Xanh One Member Limited Company | Deputy Director | |
| 15/04/2025- present | Green Star Lines One Member Limited Company (GSL) | Chairman and Director | |
| 02/2023- 11/2024 | Quang Binh – Dinh Vu Dry Port JSC | Director | |
| + Number and ownership percentage of securities in the issuing organization held by the individual, authorized representative, and their related persons as of 30 September 2025 | | Number of Shares Owned | Ownership Percentage |
| | Mr. Dong Trung Hai | 14.400 shares | 0,12% |
| | Authorized Representative | 0 | 0 |
| | Related Persons | 0 | 0 |
| + Related persons who are simultaneously shareholders or internal persons of the issuing organization: None | | | |
| + Related interests with respect to the issuing organization: Remuneration and salary | | | |
| • 2023: | Director's salary and bonus: VND 918.8 million; Board of Directors' bonus: VND 42 million (paid in 2024) | | |
| • 2024: | Director's salary and bonus: VND 899.2 million; Board of Directors' bonus: VND 55 million (paid in 2025) | | |
| + Outstanding debts to the issuing organization: None | | | |
| + Related interests in other enterprises operating in the same business line as the issuing organization or being major customers/suppliers of the issuing organization: | | | |
| • Mr. Dong Trung Hai concurrently serves as Director and Chairman of Green Star Lines One Member Limited Company (GSL) and receives remuneration and salary in accordance with the law and GSL's regulations. | | | |

3.1.3. Mr. Nguyen Kim Duong Khoi – Member of the Board of Directors

| | |
|-------|------------|
| + YOB | 03/05/1977 |
|-------|------------|

| + Nationality | Viet Nam | | |
|--|---|----------------------------------|----------------------|
| + Educational Background | 12/12 | | |
| + Professional Qualifications | Engineer | | |
| + Positions Previously and Currently Held at the Issuer | | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position | |
| 04/2021- present | Green Development and Investment Service Joint Stock Company – currently known as VSC Green Logistics Joint Stock Company | Member of the Board of Directors | |
| + Positions currently held at other organizations | | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position | |
| 10/2020-04/2004 | No. 1 Logistics Development Joint Venture Company | Operation Department Staff | |
| 07/2004-12/2016 | GREENPORT | Operations Manager | |
| 12/2016-06/2018 | GREENPORT | Deputy Director | |
| 06/2018-08/2024 | VIP GREENPORT | Deputy Director | |
| 08/2024- present | VIP Green Port Joint Stock Company (VGR) | Director | |
| 03/2024- present | VIP Green Port Joint Stock Company (VGR) | Member of the Board of Directors | |
| 07/2025 - present | Nam Hai Dinh Vu Port Limited Liability Company (NDP) | Director | |
| + Number and ownership percentage of securities in the issuing organization held by the individual, authorized representative, and related persons as of September 30, 2025 | | Number of shares owned | Ownership percentage |
| | Mr. Nguyen Kim Duong Khoi | 0 | 0 |
| | Authorized representative | 0 | 0 |
| | + Related persons | 0 | 0 |
| + Related persons who are also shareholders or internal persons of the issuing organization: None | | | |
| + Related interests in the issuing organization: Remuneration, salary <ul style="list-style-type: none"> • Year 2023: BOD bonus of VND 40 million (paid in 2024) • Year 2024: BOD bonus of VND 30 million (paid in 2025) | | | |

| |
|---|
| + Debts to the issuing organization: None |
| + Related interests in other enterprises operating in the same business sector as the issuing organization or being major customers/suppliers of the issuing organization: |
| <ul style="list-style-type: none"> • Mr. Nguyen Kim Duong Khoi concurrently serves as the Director and a Member of the Board of Directors of VGR, and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and VGR's regulations. |
| + Mr. Nguyen Kim Duong Khoi is currently the Director of NDP and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and NDP's regulations. |

3.1.4 Ms. Tran Thi Phuong Anh – Member of the Board of Directors

| + YOB | 06/10/1975 | |
|---|---|--|
| + Nationality | Vietnamese | |
| + Educational Background | 12/12 | |
| + Professional Qualifications | Bachelor of Maritime Economics Engineering | |
| + Positions currently and previously held at the issuing organization | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 03/2022- present | Green Development and Investment Service Joint Stock Company – currently known as VSC Green Logistics Joint Stock Company | Member of the Board of Directors |
| + Positions currently and previously held at other organizations | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 05/1997 - 07/1999 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Staff - Agency Department |
| 08/1999 - 07/2001 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Staff - Warehouse Operations Department |
| 08/2001 - 01/2012 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Deputy Head of Warehouse Operations Department |
| 02/2012 - 05/2014 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Head of Warehouse Operations Department |
| 06/2014 - 12/2019 | Viconship Port Enterprise | Head of Warehouse Operations Department |
| 01/2020 - 08/2021 | Green Port Services One Member Limited Liability Company | Head of Warehouse Operations Department |

| | | | |
|---|---|------------------------------------|----------------------|
| 09/2021 - 02/2022 | Green Port Services One Member Limited Liability Company | Deputy Director in charge | |
| 03/2022 - present | Green Port Services One Member Limited Liability Company | Director | |
| 10/2022 – present | Quang Binh – Dinh Vu ICD Joint Stock Company | Chairman of the Board of Directors | |
| 11/2022 - present | Central Vietnam Container Joint Stock Company | Chairman of the Board of Directors | |
| 03/2024 - present | Green Logistics Center One Member Limited Liability Company | Chairman of the Company | |
| 06/2024 - present | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Member of the Board of Directors | |
| + Quantity and ownership percentage of securities at the issuing organization held by the individual, the authorized representative, and related persons as of September 30, 2025 | | Number of shares owned | Ownership percentage |
| | Ms. Tran Thi Phuong Anh | 0 | 0 |
| | Authorized Representative: | 0 | 0 |
| | Related persons: Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | 8.040.000 | 66,34% |
| + Related person who is also a shareholder and an insider of the issuing organization: Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | (Ms. Tran Thi Phuong Anh is a Member of the Board of Directors of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation – the parent company of VSC) | | |
| + Related interests with the issuing organization: Remuneration, salary | <ul style="list-style-type: none"> 2023: Board of Directors bonus of VND 40 million (paid in 2024) 2024: Board of Directors bonus of VND 30 million (paid in 2025) | | |
| + Liabilities to the issuing organization: None | | | |
| + Related interests in other enterprises operating in the same business sector as the issuing organization, or being major customers/suppliers of the issuing organization: | <ul style="list-style-type: none"> Ms. Tran Thi Phuong Anh is currently the Director of Green Port Services One Member Limited Liability Company (GRP) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and GRP's regulations. Ms. Tran Thi Phuong Anh is currently the Chairwoman of the Board of Directors of Quang Binh – Dinh Vu ICD Joint Stock Company (VGI) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and VGI's regulations. Ms. Tran Thi Phuong Anh is currently the Chairwoman of the Board of Directors of Central Vietnam Container Joint Stock Company (VSM) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and VSM's regulations. | | |

- Ms. Tran Thi Phuong Anh is currently the Chairwoman of Green Logistics Center One Member Limited Liability Company (GLC) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and GLC's regulations.
- Ms. Tran Thi Phuong Anh is currently a Member of the Board of Directors of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and VSC's regulations.

3.1.5. Mr. Le Quang Huy – Independent Member of the Board of Directors

| + YOB | 25/03/1979 | |
|---|---|--|
| + Nationality | Vietnamese | |
| + Educational Background | 12/12 | |
| + Professional Qualifications | Bachelor of International Studies | |
| + Positions currently and previously held at the issuing organization | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 03/2025 - present | Green Development and Investment Service Joint Stock Company – now known as VSC Green Logistics Joint Stock Company | Independent Member of the Board of Directors |
| + Positions currently and previously held at other organizations | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 09/2002 - 06/2006 | SAFI Company - Hanoi Branch | Sales Executive |
| 07/2006 - 04/2008 | Oriental Logistics Joint Stock Company | Sales Manager |
| 05/2008 - 10/2010 | Vinashin Shipping Joint Stock Company | Deputy Manager of Forwarding Department |
| 04/2011 - 12/2013 | East Sea Logistics Joint Stock Company | General Director |
| 01/2014 - 04/2015 | Vinalines Logistics Vietnam Joint Stock Company | Deputy Sales Manager |
| 04/2015 - 06/2017 | Duyen Hai Transport Joint Stock Company | General Director |
| 06/2017 - 01/2024 | Tan Cang 128 - Hai Phong Joint Stock Company | Deputy Director |

| | | |
|--|---|----------------------------------|
| 02/2024 - present | Green Logistics Center One Member Limited Liability Company | Director |
| 11/2024 - present | Quang Binh – Dinh Vu ICD Joint Stock Company | Director |
| 25/04/2025 - present | Vinaship Shipping Joint Stock Company | Member of the Board of Directors |
| + Number and ownership percentage of shares held in the issuing organization by the individual, authorized representative, and related persons as of September 30, 2025 | | Number of shares owned |
| | Mr. Le Quang Huy | 0 |
| | Authorized Representative | 0 |
| | Related Persons | 0 |
| + Related persons who are also shareholders or internal persons of the issuing organization: None | | |
| + Interests related to the issuing organization: Remuneration, Salaries | | |
| • 2023: None | | |
| • 2024: None | | |
| + Debts owed to the issuing organization: None | | |
| + Related interests in other enterprises operating in the same business sector as the issuing organization or being major customers/suppliers of the issuing organization: | | |
| • Mr. Le Quang Huy is currently the Director of Quang Binh – Dinh Vu ICD Joint Stock Company (VGI) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and VGI's regulations. | | |
| • Mr. Le Quang Huy is currently the Director of Green Logistics Center One Member Limited Liability Company (GLC) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and GLC's regulations. | | |
| • Mr. Le Quang Huy is currently a Member of the Board of Directors of Vinaship Shipping Joint Stock Company (Vinaship) and receives remuneration, salary, and bonuses in accordance with the law and Vinaship's regulations. | | |

3.2 Board of Management

3.2.1 Director: Mr. Dong Trung Hai (as above)

3.2.2 Mr. Dang Quoc Ve – Deputy Director

| | |
|-------------------------------|-------------------------------|
| + YOB | 22/11/1978 |
| + Nationality | Vietnamese |
| + Educational Background | 12/12 |
| + Professional Qualifications | Bachelor of Radio Engineering |

| + Positions currently and previously held at the issuing organization | | | |
|---|--|--|-------------------------------------|
| Term of Office | Employing Organization | Position | (From [month/year] to [month/year]) |
| 06/2024 - present | Green Development and Investment Service Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Deputy Director | |
| + Positions held at other organizations: | | | |
| 07/2023 - 06/2024 | Green Logistics Center One Member Limited Liability Company | Deputy Director | |
| 12/2012 - 06/2023 | Future Green Star Limited Liability Company | Depot Manager | |
| 07/2007 - 11/2012 | Bien Dong Logistics Joint Stock Company | Manager of Sales Department – Hai Phong Branch | |
| + Number and ownership percentage of securities at the issuing organization held by individuals, authorized representatives, and related persons as of September 30, 2025 | | Number of shares owned | Ownership percentage |
| | Mr. Dang Quoc Ve | 0 | 0 |
| | Authorized Representative | 0 | 0 |
| | Related Persons | 0 | 0 |
| Related persons who are also shareholders or internal persons of the issuing organization: None | | | |
| + Related interests with the issuing organization: Remuneration and Salary <ul style="list-style-type: none"> • 2023: None • 2024: VND 310.4 million | | | |
| + Debts owed to the issuing organization: None | | | |
| + Related interests in other enterprises operating in the same business sector as the issuing organization or being major customers/suppliers of the issuing organization: None | | | |

3.3 Board of Supervisors

3.3.1 Ms. Nghiem Thi Thuy Duong – Head of the Board of Supervisors

| | |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| + YOB | 30/11/1987 |
| + Nationality | Vietnamese |
| + Educational Background | 12/12 |
| + Professional Qualifications | Financial and Accounting Management |

| | | | | | |
|--|--|--|--------------------------------------|--|--|
| <p>+ Positions currently and previously held at the issuing organization</p> | | | | | |
| Term of Office <i>(From [month/year] to [month/year])</i> | Employing Organization | | Position | | |
| 04/2021 - present | Green Development and Investment Service Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | | Head of the Board of Supervisors | | |
| <p>+ Positions held at other organizations:</p> | | | | | |
| Term of Office <i>(From [month/year] to [month/year])</i> | Employing Organization | | Position | | |
| + 08/2009 | + Vietnam Container Shipping Joint Stock Company Branch – Viconship Port Enterprise | | + Treasurer | | |
| + 11/2015 | + VIP Green Port Joint Stock Company | | + Accountant | | |
| + 06/2020 - present | + Vietnam Container Shipping Joint Stock Company (VSC) | | + Member of the Board of Supervisors | | |
| + 03/2021 - present | + VIP Green Port Joint Stock Company (VGR) | | + Chief Accountant | | |
| + 06/2022 - present | + Quang Binh - Dinh Vu ICD Joint Stock Company (VGI) | | + Member of the Board of Supervisors | | |
| + Number and ownership percentage of securities at the issuing organization held by individuals, authorized representatives, and related persons as of September 30, 2025 | | | Number of shares owned | | |
| | Ms. Nghiêm Thị Thúy Dương | | 0 | | |
| | Authorized Representative | | 0 | | |
| | Related Persons: Vietnam Container Shipping Joint Stock Company (VSC) | | 8.040.000 | | |
| + Related persons who are also shareholders and internal persons of the Issuing Organization: Vietnam Container Shipping Joint Stock Company (VSC) (Ms. Nghiêm Thị Thúy Dương is a Member of the Board of Supervisors of Vietnam Container Shipping Joint Stock Company – the Parent Company of GIC) | | | | | |
| + Related interests in the issuing organization: Remuneration, salary <ul style="list-style-type: none"> • 2023: Bonus for the Board of Supervisors: VND 30 million (paid in 2024) • 2024: Bonus for the Board of Supervisors: VND 28 million (paid in 2025) | | | | | |
| + Liabilities to the issuing organization: None | | | | | |

- + Related interests in other enterprises operating in the same business sector as the issuing organization or being major customers/suppliers of the issuing organization:
 - Ms. Nghiem Thi Thuy Duong is currently a Member of the Board of Supervisors of Vietnam Container Shipping Joint Stock Company (VSC) and receives remuneration and bonuses in accordance with the provisions of law and VSC's regulations.
 - Ms. Nghiem Thi Thuy Duong is currently a Member of the Board of Supervisors of Quang Binh - Dinh Vu ICD Joint Stock Company (VGI) and receives remuneration and bonuses in accordance with the provisions of law and VGI's regulations.
 - Ms. Nghiem Thi Thuy Duong is currently the Chief Accountant of VIP Green Port Joint Stock Company (VGR) and receives remuneration and bonuses in accordance with the provisions of law and VGR's regulations

3.3.2 Ms. Phan Thi Trung Hieu – Member of the Board of Supervisors

| + YOB | 09/10/1979 | |
|---|--|--|
| + Nationality | Vietnamese | |
| + Educational Background | 12/12 | |
| + Professional Qualifications | Economic Engineer | |
| + Positions currently and previously held at the issuing organization | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 04/2021 - present | Green Development and Investment Service Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Member of the Board of Supervisors |
| + Positions held at other organizations: | | |
| Term of Office (From [month/year] to [month/year]) | Employing Organization | Position |
| 04/2014 - 12/2014 | Ngo Quyen Construction and Service One Member Limited Liability Company | Project Department Staff |
| 01/2015 - 07/2015 | Ngo Quyen Construction and Service One Member Limited Liability Company | Deputy Manager of General Finance Department |
| 08/2015 - present | Green Logistics Center One Member Limited Liability Company (GLC) | Chief Accountant |
| 12/2021 - present | Vietnam Container Shipping Joint Stock Company | Member of the Internal Audit Board |
| 25/04/2025 - present | Vietnam Container Shipping Joint Stock Company | Member of the Board of Supervisors |

| + Number and ownership percentage of securities at the issuing organization held by individuals, authorized representatives, and related persons as of September 30, 2025 | Number of shares owned | Ownershi p percenta ge |
|---|------------------------|------------------------------|
| Ms. Phan Thi Trung Hieu | 0 | 0 |
| Authorized representative | 0 | 0 |
| Related persons: Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC) | 8.040.000 | 66,34% |
| <p>Related persons who are simultaneously shareholders and internal persons of the Issuer: Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC)</p> <p>(Ms. Phan Thi Trung Hieu is a member of the Inspection Committee of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation – the parent company of GIC)</p> | | |
| <ul style="list-style-type: none"> + Related interests with respect to the Issuer: Remuneration and salary <ul style="list-style-type: none"> • In 2023: Supervisory Board bonus of VND 24 million (paid in 2024) • In 2024: Supervisory Board bonus of VND 26 million (paid in 2025) | | |
| <ul style="list-style-type: none"> + Outstanding liabilities to the Issuer: None | | |
| <ul style="list-style-type: none"> + Related interests in other enterprises operating in the same line of business as the Issuer or being major customers/suppliers of the Issuer: <ul style="list-style-type: none"> • Ms. Phan Thi Trung Hieu is currently a member of the Internal Audit Committee and the Inspection Committee of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation (VSC) and receives remuneration and bonuses in accordance with applicable laws and VSC's regulations • Ms. Phan Thi Trung Hieu is currently the Chief Accountant of Green Logistics Centre One Member Ltd (GLC) and receives remuneration and bonuses in accordance with applicable laws and GLC's regulations | | |

3.3.3 Ms. Pham Thi Thuy Ngoc – Member of the Inspection Committee

| | | |
|---|--|----------------------|
| + YOB | 17/12/1988 | |
| + Nationality | Vietnamese | |
| + Educational Background | 12/12 | |
| + Professional Qualifications | Bachelor of Accounting and Auditing; Bachelor of Foreign Languages | |
| + Positions currently and previously held at the issuing organization | | |
| Term of Office <i>(From [month/year] to [month/year])</i> | Employing Organization | Position |
| 03/2022 - present | Green Investment, Services and Development Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Board of Supervisors |
| + Positions held at other organizations: | | |
| Term of Office | Employing Organization | Position |

| | | | |
|---|---|--|----------------------|
| (From [month/year] to [month/year]) | | | |
| 10/2010- 04/2011 | Bibi Hai Phong Kindergarten | General Accountant | |
| 04/2011- 12/2014 | Duyen Hai Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company | General Accountant | |
| 01/2015- 03/2017 | Duyen Hai Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company | Deputy Head of Finance and Accounting Department | |
| 04/2017- 02/2018 | Duyen Hai Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company | Acting Chief Accountant | |
| 02/2018-05/2021 | HDBank – Hai Dang Branch, Hai Phong | Senior Corporate Banking Officer | |
| 06/2021-05/2023 | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Deputy Head of Finance and Accounting Department | |
| 06/2023-10/2023 | Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited | Chief Accountant | |
| 11/2023 - present | Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation | Deputy Head of Finance and Accounting Department | |
| 10/2022 - present | Quang Binh – Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company (VGI) | Head of the Board of Supervisors | |
| + Number and ownership percentage of securities at the issuing organization held by individuals, authorized representatives, and related persons as of September 30, 2025 | | Number of shares owned | Ownership percentage |
| Ms. Pham Thi Thuy Ngoc | 0 | 0 | |
| Authorized representative | 0 | 0 | |
| Related persons | 0 | 0 | |
| + Related persons who are simultaneously shareholders and internal persons of the Issuer: None | | | |
| + Related interests with respect to the Issuer: Remuneration and salary | | | |
| • In 2023: Supervisory Board bonus of VND 24 million (paid in 2024) | | | |
| • In 2024: Supervisory Board bonus of VND 26 million (paid in 2025) | | | |
| + Outstanding liabilities to the Issuer: None | | | |
| + Related interests in other enterprises operating in the same line of business as the Issuer or being major customers/suppliers of the Issuer: | | | |

- Ms. Pham Thi Thuy Ngoc is currently the Head of the Board of Supervisors of Quang Binh – Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company (VGI) and receives remuneration and bonuses in accordance with applicable laws and VGI's regulations.

3.4 Chief Accountant

Ms. Nguyen Thi Thu Hang – Chief Accountant

| + YOB | 27/07/1982 | | |
|---|---|--|----------------------|
| + Nationality | Vietnamese | | |
| + Educational Background | 12/12 | | |
| + Professional Qualifications | Master of Economics, major in Accounting | | |
| + Positions currently and previously held at the issuing organization | | | |
| Term of Office | Employing Organization | Position | |
| <i>(From [month/year] to [month/year])</i> | 06/2024 - present Green Investment, Services and Development Joint Stock Company – now VSC Green Logistics Joint Stock Company | Chief Accountant | |
| + Positions currently held at other organizations | | | |
| 11/2007- 12/2008 | Indochina Company Limited | Chief Accountant | |
| 01/2009 - 06/2010 | Tan Viet Cuong Company Limited | Chief Accountant | |
| 07/2010 - 31/12/2021 | Center for Vocational Education and Continuing Education under the People's Committee of Le Chan District | Chief Accountant; Accounting Lecturer | |
| Term of Office | Employing Organization | Position | |
| <i>(From [month/year] to [month/year])</i> | | | |
| + Number and ownership percentage of securities at the issuing organization held by individuals, authorized representatives, and related persons as of September 30, 2025 | | Number of shares owned | Ownership percentage |
| | Ms. Nguyen Thi Thu Hang | 0 | 0 |
| | Authorized representative | 0 | 0 |
| | Related persons | 0 | 0 |
| + Related persons who are simultaneously shareholders and internal persons of the Issuer: None | | | |

| |
|--|
| + Related interests with respect to the Issuer: Remuneration and salary |
| • In 2023: VND 391.5 million (prior to her appointment as Chief Accountant, Ms. Hang served as Deputy Head of the Finance and Accounting Department) |
| • In 2024: VND 497 million |
| + Outstanding liabilities to the Issuer: None |
| + Related interests in other enterprises operating in the same line of business as the Issuer or being major customers/suppliers of the Issuer: None |

VII. INFORMATION ON THE OFFERING

1. Type of Shares

Common shares

2. Par Value

10,000 VND/per share

3. Total Number of Shares Expected to be Issued

A total of 13,332,000 shares, comprising:

- Shares issued for 2024 dividend payment in shares: 1,212,000 shares
- Public offering of additional shares to existing shareholders: 12,120,000 shares

The Company will implement both plans in the same issuance. Accordingly, on the record date for exercising shareholders' rights, shareholders will receive both subscription rights for the additional share offering and the right to receive share dividends.

4. Total Par Value of Shares to be Issued

VND 133,320,000,000, of which:

- Share dividend issuance: VND 12,120,000,000
- Public offering to existing shareholders: VND 121,200,000,000

5. Offering Price (for shares offered to existing shareholders)

10,000 VND/per share

6. Pricing Basis

- The book value per share of GIC as of December 31, 2024, based on the 2024 audited financial statements, was VND 19,997 per share
- The market price of GIC shares as of November 19, 2025 was VND 15,700 per share (closing price) (Source: hnx.vn).

Accordingly, the offering price is lower than the Company's book value per share based on the 2024 audited financial statements and lower than the market price of GIC shares as of February 12, 2025. Pursuant to Article 126 of the Law on Enterprises, the Company is permitted to issue shares to existing shareholders at a price not higher than the market price at the time of offering or the book value per share at the most recent time. In addition, taking into account the price adjustment on the ex-rights date, the General Meeting of Shareholders has approved the offering price of VND 10,000 per share to ensure shareholders' interests and the success of the public offering to existing shareholders.

7. Distribution Method

7.1 Share Issuance for Dividend Payment

- Number of shares to be issued: 1,212,000 shares
- Total par value: VND 12,120,000,000
- Issuance ratio: 10% (shares to be issued / outstanding shares)
- Exercise ratio: 10:1 (Shareholders owning 10 shares will receive 1 new share)
- Eligible recipients: Existing shareholders listed on the record date determined by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)
- Source of issuance: Undistributed after-tax profits as shown in GIC's 2024 audited financial statements
- Expected issuance time: Q4/2025 – Q2/2026, subject to approval by the State Securities Commission of Vietnam (SSC)
- Rounding principle and treatment of fractional shares: The number of shares issued as dividends will be rounded down to the nearest whole share. Fractional shares (if any) will be cancelled.

Example: If shareholder Nguyen Van A owns 589 shares on the record date, the number of dividend shares received will be $(589 \div 10) \times 1 = 58.9$ shares, rounded down to 58 shares. The fractional 0.9 share will be cancelled.

- Transfer restriction: Shares issued as 2024 dividends are not subject to transfer restrictions

7.2 Public Offering of Additional Shares to Existing Shareholders

- Number of shares offered: 12,120,000 shares
- Offering price: VND 10,000 per share
- Offering ratio: 100% of outstanding shares
- Exercise ratio: 1:1 (Each shareholder owning 1 share on the record date will receive 1 subscription right; every 1 right entitles the holder to purchase 1 new share)
- Total expected proceeds: VND 121,200,000,000
- Minimum successful subscription rate: Not applicable
- Expected offering period: Q4/2025 – Q2/2026, subject to SSC approval
- Distribution method: Rights offering to existing shareholders
- Use of proceeds: To supplement working capital and invest in additional factories, warehouses, machinery, equipment, and transport vehicles for business operations.
- Eligible investors: Existing shareholders listed on the record date determined by VSDC
- Transfer of subscription rights: Subscription rights may be transferred once only (the transferee may not further transfer to a third party). Transfer price and payment terms shall be agreed upon by the parties, who are responsible for fulfilling all related obligations in accordance with applicable regulations.
- Transfer restrictions: Shares purchased by existing shareholders and transferees of subscription rights are not subject to transfer restrictions.
- Shares remaining unsubscribed by existing shareholders (including fractional shares arising from rounding) that are subsequently offered to other investors will be restricted from transfer

for one (01) year from the completion date of the offering in accordance with regulations.

- Rounding principle: The number of shares allocated to each shareholder will be rounded down to the nearest whole share to ensure total distributed shares do not exceed the total offered shares.

Example: If shareholder Nguyen Van A owns 589 shares on the record date, with an exercise ratio of 1:1, the number of shares A may purchase is $(589 \div 1) \times 1 = 589$ shares.

- Treatment of fractional and unsubscribed shares: Fractional shares (if any) and shares not subscribed or paid for by existing shareholders will be offered by the Board of Directors to other investors (including existing shareholders wishing to increase their holdings) at a price not lower than the offering price to existing shareholders. The criteria and list of such investors shall be determined by the Board of Directors as authorized by the General Meeting of Shareholders.

If, upon expiry of the distribution period (including any extension), shares remain unsubscribed, such shares will be cancelled, and the Board of Directors will decide to close the offering. The Company will increase its charter capital based on the actual number of shares successfully issued.

- Minimum successful offering rate: Not applicable

8. Share Subscription

- Minimum subscription quantity: Not specified
- Subscription period: The Company will announce the specific subscription period in the Offering Notice and will ensure that the registration and payment period for securities subscription by investors is at least twenty (20) days in compliance with regulations.
- Method of subscription and payment: The shareholder list as of the record date shall serve as the basis for registering the exercise of rights to purchase newly issued shares in accordance with the allocated entitlement ratio.
 - + For shareholders who have deposited shares with depository members: Shareholders who maintain accounts and deposit their shares with any depository member shall register the exercise of their rights through such depository member.
 - + For shareholders who have not deposited shares: Registration for share subscription and transfer of subscription rights shall be conducted at the head office of VSC Green Logistics Joint Stock Company. Payment for the newly offered shares shall be made into the Company's blocked account with the following details:
 - Account Name: VSC Green Logistics Joint Stock Company
 - Account Number: 100303950
 - Bank: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank) – Hai Phong Branch

9. Expected Schedule for Share Distribution

The offering and distribution of shares to existing shareholders is expected to be carried out within 90 days from the date the State Securities Commission of Vietnam grants the Certificate of Registration for the Offering.

The specific schedule will be detailed in the Securities Offering Notice.

Table 37: Expected Schedule for Share Distribution to Existing Shareholders

| No | Content | Timeline |
|----|--|---------------|
| 1 | The Certificate of Registration for the Public Offering becomes effective | D |
| 2 | Disclosure of information regarding the offering in an electronic newspaper or printed newspaper for three (03) consecutive issues | D đến D+7 |
| 3 | Ex-rights date | D+11 |
| 4 | Record date | D+12 |
| 5 | Coordination with VSDC to allocate and notify the list of allocated share purchase rights to depository members and shareholders who have not deposited securities | D+16 đến D+22 |
| 6 | Existing shareholders register, transfer subscription rights, and make payment for share purchases | D+23 đến D+43 |
| 7 | VSDC consolidates the exercise of rights by existing shareholders, sends the list of shareholders who have exercised their subscription rights, and transfers the subscription proceeds to the blocked account | D+50 |
| 8 | The Issuer handles the undistributed shares | D+51 đến D+61 |
| 9 | Report to the State Securities Commission of Vietnam on the results of the offering | D+62 |
| 10 | Submission of application dossier for adjustment of the number of registered securities and additional listing registration | D+64 |
| 11 | Delivery of shares or issuance of share ownership certificates to purchasers | D+64 đến D+94 |

10. Method of Exercising Rights

This is a case where the Company conducts an offering of additional ordinary shares to existing shareholders and issues dividend shares in proportion to each shareholder's current ownership in the Company.

After receiving notification of their subscription rights and entitlement to share dividends, shareholders shall exercise their rights (including transfer of subscription rights and registration to purchase shares) in accordance with Sections VII.7, VII.8, and VII.9 of this Prospectus.

This public offering of additional shares is not underwritten by any underwriting organization.

11. Restrictions on Share Transfer

11.1 For shares issued as dividend payment

These are ordinary shares and are not subject to transfer restrictions from the date of distribution.

11.2 For shares offered to existing shareholders

- Shares distributed to existing shareholders and to transferees of subscription rights from existing shareholders are not subject to transfer restrictions.
- Any remaining shares not fully distributed to existing shareholders (including fractional shares arising from rounding) that are subsequently offered to other investors shall be restricted from transfer for one (01) year from the completion date of the offering, in accordance with regulations.

12. Escrow Account for Share Subscription Proceeds

- Account Name: VSC Green Logistics Joint Stock Company
- Account Number: 100303950
- Bank: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank)

13. Opinion of Competent Authorities on the Charter Capital Increase

As the Issuer does not operate in a conditional business line requiring approval under specialized laws, no approval from any competent state authority is required for the charter capital increase.

14. Measures to Ensure Compliance with Foreign Ownership Limits

The Company's Charter does not impose restrictions on foreign ownership. However, under current regulations, where a public company operates in multiple business lines subject to different foreign ownership limits, the foreign ownership ratio must not exceed the lowest limit applicable to the business lines in which the company operates.

According to the latest shareholder list dated 07 February 2025, foreign investors hold 1,333,100 shares, representing 11% of the Company's total voting shares.

Pursuant to Official Letter No. 658/UBCK-PTTT dated 01 April 2025 issued by the State Securities Commission of Vietnam, the maximum foreign ownership limit is 49%. To ensure that foreign ownership does not exceed 49% of the Company's charter capital during the offering to existing shareholders, the Board of Directors will implement the following measures:

- Coordinating with VSDC to ensure that shareholders do not transfer subscription rights to foreign investors if such transfer would cause the foreign ownership ratio to exceed the permitted limit.
- For fractional shares arising from rounding and any shares not subscribed by existing shareholders, the Company commits not to offer these shares to foreign investors in order to comply with the maximum foreign ownership limit.

15. Applicable Taxes

15.1 For the Company

- **Value Added Tax (VAT)**

The Company applies the VAT credit method, with a VAT rate of 10%.

- **Corporate Income Tax (CIT)**

Current income tax is calculated based on taxable income for the period and the tax rate effective at the end of the accounting period. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting treatments, as well as adjustments for non-taxable income and non-deductible expenses.

- **Other Taxes**

The Company declares and pays other taxes in accordance with prevailing laws.

The Company's tax reports are subject to inspection by tax authorities. As tax regulations may be interpreted differently depending on the nature of transactions, the tax amounts presented in the financial statements may be adjusted based on the final determination of tax authorities.

15.2 For Investors in Relation to the Offered Shares

Individual Investors

- ***Individual Investors***

- + For domestic individual investors: Tax on income from securities transfer is 0.1% of the transfer price per transaction, as stipulated in Point 2, Article 16 of Decree No. 12/2015/NĐ-CP dated 12 February 2015 of the Government guiding amendments and supplements to certain tax laws and related decrees.
- + For foreign individual investors: Income from securities transfer is subject to personal income tax at 0.1% of the gross transfer proceeds, in accordance with Point 2, Article 20 of Circular No. 111/2013/TT-BTC dated 1 October 2013 regarding income from capital investment and capital transfer.

- ***Income from dividends***

- + Pursuant to Circular No. 111/2013/TT-BTC dated 1 October 2013, dividend income received by individuals is considered taxable income and subject to a flat tax rate of 5%. In case of stock dividends or bonus shares, investors are not required to pay tax at the time of receipt. However, upon transferring such shares, the investor must fulfill tax obligations in accordance with regulations (generally through securities transfer tax as applicable at that time).

Institutional Investors

- ***Institutional Investors***

- + For domestic institutions: In accordance with Circular No. 78/2014/TT-BTC dated 18 April 2014, income from capital transfer and securities transfer is classified as other income and subject to corporate income tax (CIT) at the standard rate (currently 20%).
- + For foreign institutions: Income from securities transfer is subject to CIT at 0.1% of taxable revenue, in accordance with Circular No. 103/2014/TT-BTC dated 6 August 2014.

- ***Income from dividends***

- + Dividend income received by institutional investors is exempt from corporate income tax pursuant to Clause 6, Article 4 of the Law on Corporate Income Tax (2008, as amended).

16. Information on Commitments

The Company commits to implementing both issuance plans in the same offering, including the issuance of shares for dividend payment and the offering of additional shares to existing shareholders.

The Company undertakes to comply with Decree No. 155/2020/ND-CP and the Listing Regulations of the Stock Exchange regarding supplementary listing within thirty (30) days after completion of the public offering.

The implementation plan is as follows:

- + To submit the report on offering results to the State Securities Commission of Vietnam within 10 days from the completion date of the public share offering; and, 15 days from the completion date of the dividend share issuance;
- + To submit the application for adjustment of the number of registered shares to the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) immediately after receiving the SSC's confirmation of receipt of the offering results report;
- + To submit the application for additional listing of shares to the Hanoi Stock Exchange (HNX) immediately after obtaining the certificate of additional securities registration from VSDC.

17. Information on Other Securities Offered or Issued Concurrently

None

VIII. PURPOSE OF THE OFFERING

VSC Green Logistics Joint Stock Company is conducting a public share offering to supplement working capital and to invest in additional workshops, warehouses, machinery, equipment, and transportation vehicles serving its production and business operations.

IX. PLAN FOR THE USE OF PROCEEDS FROM THE OFFERING

1. Plan for the Use of Proceeds

The total estimated proceeds from the public offering of shares by VSC Green Logistics Joint Stock Company amount to VND 121,200,000,000 (One hundred twenty-one billion two hundred million Vietnamese Dong). The proceeds from the offering of additional shares to existing shareholders will be used to supplement working capital and to invest in additional workshops, warehouses, machinery, equipment, and transportation vehicles for business operations. The allocation of capital will follow the principle of priority in descending order as outlined below:

| No | Item | Amount (VND) | Expected Implementation Period |
|----|---|----------------|--------------------------------|
| 1 | Investment in additional workshops and warehouses | 40.000.000.000 | QI/2026 to QI/2027 |
| 2 | Investment in additional transportation vehicles | 67.000.000.000 | QI/2026 to QI/2027 |

| | | | |
|---|--|------------------------|--------------------|
| 3 | Investment in additional machinery and equipment | 4.200.000.000 | QI/2026 to QI/2027 |
| 4 | Supplementation of working capital | 10.000.000.000 | During 2026 |
| | Total | 121.200.000.000 | |

⊕ Detailed Disbursement Plan

| No. | Purpose of Capital Use | Estimated Disbursement (VND) | Expected Disbursement Period |
|-----|--|------------------------------|------------------------------|
| 1 | Investment in additional workshops and warehouses | 40.000.000.000 | |
| 1.1 | <i>Land use right transfer contract No. 36/HDCN/GLC-GIC dated 29 Aug 2025 between Green Logistics Center Co., Ltd. and VSC Green Logistics JSC</i> | 40.000.000.000 | QI/2026 to QI/2027 |
| 2 | Investment in additional transportation vehicles | 67.000.000.000 | |
| 2.1 | <i>Vehicle transfer contract No. 170/HDCNTS/GSL-GIC dated 29 Aug 2025 between Blue Star Shipping & Transport Co., Ltd. and VSC Green Logistics JSC</i> | 49.000.000.000 | QI/2026 to QI/2027 |
| 2.2 | <i>Vehicle transfer contract No. 170/HDCNTS/GSL-GIC dated 29 Aug 2025 between Blue Star Shipping & Transport Co., Ltd. and VSC Green Logistics JSC</i> | 18.000.000.000 | |
| 3 | Investment in additional machinery and equipment | 4.200.000.000 | |
| 3.1 | <i>Machinery and equipment transfer contract No. 169/HDCNTS/GSL-GIC dated 29 Aug 2025 between Blue Star Shipping & Transport Co., Ltd. and VSC Green Logistics JSC</i> | 600.000.000 | QI/2026 to QI/2027 |
| 3.2 | <i>Machinery and equipment transfer contract No. 38/HDCNTS/GLC-GIC dated 29 Aug 2025 between Green Logistics Center Co., Ltd. and VSC Green Logistics JSC</i> | 3.600.000.000 | |
| 4 | Supplementation of working capital | 10.000.000.000 | |
| 4.1 | <i>Labor and administrative expenses</i> | 4.000.000.000 | |
| 4.2 | <i>Labor and administrative expenses</i> | 3.000.000.000 | During 2026 |
| 4.3 | <i>Fuel, materials (consumables and reserves) and repair expenses</i> | 3.000.000.000 | |

| | |
|--------------|------------------------|
| Total | 121.200.000.000 |
|--------------|------------------------|

In the event that the total proceeds raised are lower than planned, the Board of Directors shall, based on actual circumstances:

- + Allocate the proceeds in the order of priority (1) → (2) → (3) → (4). Within each category, allocation will follow the internal priority order (2.1) → (2.2); (3.1) → (3.2); and (4.1) → (4.3) as stated above.
- + Consider flexibly using loan capital and other lawful funding sources to make up for any shortfall in the Company's total capital requirements.

2. Measures in Case of Undersubscription or Insufficient Proceeds

In the event that not all offered shares are distributed or the total proceeds raised are lower than expected, the following measures shall apply:

- The Board of Directors is authorized to select investors for further distribution of the remaining shares at a price not lower than VND 10,000 per share, and may carry out procedures to request the State Securities Commission of Vietnam to extend the offering period if deemed necessary.
- If, upon completion of the offering, the total proceeds are lower than the expected amount of VND 121,200,000,000, the Board of Directors shall proactively utilize loan capital and other lawful funding sources to cover the shortfall in the Company's total funding needs.

3. Information on Working Capital Supplementation

Pursuant to the restructuring strategy for the overall operations of VSC's subsidiaries, including VSC Green Logistics Joint Stock Company (GIC), Green Logistics Center Co., Ltd. (GLC), Blue Star Shipping & Transport Co., Ltd. (GSL), and Quang Binh – Dinh Vu Inland Port Joint Stock Company (VGI), the parent company VSC is expected to implement various measures, including but not limited to mergers or the transfer of assets associated with the operations of these entities. The objective is to reduce overlapping business activities, improve cost management efficiency among entities operating in similar business lines, and minimize internal competition. Following the restructuring: GIC will expand its warehousing operations and add both long-haul and short-haul transport services (including ship-to-yard transport); GSL will downsize its operations; and GLC will focus on its existing warehousing segment.

Accordingly, in addition to its two core business lines — yard operations (including warehousing, storage, and cargo handling services) and container repair services — GIC will further expand into long-haul transportation, add ship-to-yard container transport services (shipside operations), and construct new general cargo warehouses for container stuffing (supporting services for yard operations and transportation). These service segments form part of the container logistics value chain, spanning from port services (shipside operations) to yard and warehouse operations, general cargo warehousing, container stuffing, long-haul transportation, and container repair, thereby completing a key link in the business development strategy of the VSC system in general and GIC in particular.

Company's business and investment strategy in the coming period includes:

- Operating a long-haul trucking fleet: acquiring tractors and semi-trailers from GSL and GLC, taking over existing customers from GSL and GLC, and expanding market reach to develop new partners.

- Expanding shipside yard operations and container lifting services by acquiring additional internal port tractors from GSL and forklifts (both diesel and electric) from GLC.
- Constructing additional general cargo warehouses and upgrading container yards at the warehouse and container yard land lot located at Lot CN3.2I, Dinh Vu Industrial Park, Hai Phong, covering an area of 10,120 m², to be acquired from GLC.
- Upgrading existing container yards within the Company's current 10-hectare yard facilities.

With the acquisition of 325 vehicles of various types from GSL and GLC, the Company's transportation capacity and container-related service capabilities will increase substantially. This expansion will lead to a corresponding rise in working capital requirements associated with fleet operations, including: labor costs; fuel and consumable materials; reserve fuel and materials; repair and maintenance expenses for transportation vehicles; and procedural costs at ports, depots, and shipping lines, among others. Accordingly, the Company estimates that its working capital requirements for the following year will increase significantly and has prepared a projected working capital supplementation plan as follows:

| No. | Projected Indicators for 2026 | Amount (VND) | Notes |
|-----|---|------------------------|---|
| 1 | Planned revenue for 2026, of which: | 209.000.000.000 | Assumes GIC takes over business operations related to assets acquired from GLC and GSL starting from Q3/2026 |
| - | <i>Additional revenue from fleet inherited from GSL</i> | 60.000.000.000 | |
| - | <i>Additional revenue from expanded yard service capacity and transport vehicles acquired from GLC</i> | 4.000.000.000 | Includes container yard operation revenue at Lot CN3.2I from Q3/2026; revenue from the general cargo stuffing warehouse is not yet included |
| 2 | Profit after tax | 22.000.000.000 | |
| 3 | Average current assets | 50.000.000.000 | |
| 4 | Working capital expenses, of which: | 210.000.000.000 | |
| - | <i>Working capital expenses of GIC under the original scale (estimated to be consistent with working capital expenses in 2024 and 2025)</i> | 90.000.000.000 | |
| - | <i>Working capital expenses of GIC under the original scale (estimated to be consistent with working capital expenses in 2024 and 2025)</i> | 120.000.000.000 | Calculated based on transport vehicles acquired from GSL and GLC |
| 5 | Working capital turnover ratio | 4,18 times | (5) = (1)/(3) |

| | | | |
|---|--|--|---|
| 6 | Working capital required per turnover cycle (rounded) | 50.000.000.000 | (6) = (4)/(5) |
| 7 | Investment in construction of general cargo warehouse and major repairs of container yard (expected in 2026) | 52.000.000.000 | Expected construction of general cargo warehouse at Lot CN3.2I acquired from GLC and repairs of existing container yard |
| 8 | Projected current assets at year-end 2025 | 76.000.000.000 | |
| 9 | Additional working capital requirement for 2026 | 26.000.000.000 | (9) = (6)+(7)-(8) |
| | <i>Of which:</i> - <i>Capital raised from the offering</i> - <i>Capital raised from the offering</i> | <i>10.000.000.000</i> <i>16.000.000.000</i> | |

Given the Company's additional working capital requirement of VND 26 billion in 2026, the plan to raise VND 10 billion from the offering is considered consistent with the Company's business plan.

The Board of Directors has approved a detailed working capital utilization plan as follows:

| No. | Purpose of Fund Utilization | Estimated Disbursement Amount (VND) | Expected Disbursement Timeline |
|-----|---|-------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Supplementing working capital, including: | 10.000.000.000 | During 2026 |
| 1.1 | <i>Personnel and management expenses</i> | 4.000.000.000 | |
| 1.2 | <i>Fuel, consumables (usage and reserves) and repair expenses</i> | 3.000.000.000 | |
| 1.3 | <i>Cargo handling expenses and other working capital expenses</i> | 3.000.000.000 | |

4. Information on Investment in Additional Workshops, Warehouses, Machinery, Equipment and Transport Vehicles for Business Operations

The assets to be acquired by the Company from GLC and GSL are as follows:

| No. | | Quantity (units) | Value (VND) |
|-----|---------------------------|------------------|-----------------------|
| I | Transport vehicles | 325 | 67.000.000.000 |
| 1 | From GSL | 246 | 49.000.000.000 |
| | Transport vehicles | 123 | 37.800.000.000 |
| | Semi-trailers | 123 | 11.200.000.000 |
| 2 | From GLC | 79 | 18.000.000.000 |
| | Tractor trucks | 13 | 550.000.000 |

| | | | |
|------------|---|----|------------------------|
| | Semi-trailers | 35 | 1.110.000.000 |
| | Forklifts | 31 | 16.340.000.000 |
| II | Machinery and equipment | | 4.200.000.000 |
| | Acquired from GSL | | 600.000.000 |
| | Acquired from GLC | | 3.600.000.000 |
| III | Workshops and warehouses acquired from GLC | | 40.000.000.000 |
| | Total | | 111.200.000.000 |

4.1. Acquisition of Assets from Green Star Lines One Member Limited Company (GSL)

a. General Information

- Company name: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (“GSL”)
- English name: GREEN STAR LINES ONE MEMBER LIMITED COMPANY
- Abbreviation: GS Lines
- Head office: No. 05 Vo Thi Sau Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam
- Enterprise Registration Certificate No.: 0200468606, first issued on 14 June 2002 by the Hai Phong DPI, with the 14th amendment dated 05 August 2025 issued by the Hai Phong Department of Finance
- Business lines: Road and inland waterway freight transport, multimodal transport, warehousing, maintenance and repair services, sale of auto spare parts and accessories, wholesale of petroleum, machinery and equipment
- Relationship with GIC and its related persons:
 - + Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation – the parent company holding 66.34% of GIC – currently owns 100% of GSL’s charter capital.
 - + Mr. Dong Trung Hai – Board Member and General Director of VSC Green Logistics JSC – concurrently serves as Chairman and General Director of GSL.

b. Financial Information of GSL

- Charter Capital: 76.000.000.000 VND
- Business performance in 2024 and accumulated results up to the end of Q3/2025

Unit: VND

| Revenu | | Profit After Tax | |
|-----------------|-------------------------------|------------------|------------------------------|
| 2024 | Accumulated to end of Q3/2024 | 2024 | Lũy kế đến cuối Quý III/2025 |
| 204.771.746.547 | 148.363.164.859 | 204.771.746.547 | 10.550.864.613 |

Source: Audited financial statements for 2024 and Q3/2025 financial statements of GSL

- The Company’s assets and capital structure in 2024 and as at 30 September 2025:

Unit: VND

| No | Item | 2024 | 30/09/2025 |
|-----|-------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Total assets | 113.655.676.438 | 115.583.890.894 |
| 1.1 | Short-term Assets | 69.382.154.457 | 80.134.944.216 |

| | | | |
|----------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1.2 | Long-term Assets | 44.273.521.981 | 35.448.946.678 |
| 2 | Equity | 89.668.704.913 | 86.953.731.843 |
| 3 | Liabilitites | 23.986.971.525 | 28.630.159.051 |

Source: Audited financial statements for 2024 and Q3/2025 financial statements of GSL

c. Legal Basis for the Asset Acquisition from GSL

Legal Basis for the Asset Acquisition from GSL

- + Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHĐCĐ dated 10 March 2025 of VSC Green Logistics Joint Stock Company (formerly Green Service and Development Investment Joint Stock Company), and the Submission to the General Meeting of Shareholders dated 14 February 2025 regarding the approval of the share issuance plan for charter capital increase;
- + Board of Directors' Resolution No. 07/2025/NQ-HĐQT dated 23 August 2025 of VSC Green Logistics Joint Stock Company approving the asset acquisition transaction with a related party, namely Green Star Lines One Member Limited Company;
- + Board of Directors' Resolution No. 08/2025/NQ-HĐQT dated 29 August 2025 of VSC Green Logistics Joint Stock Company approving the implementation of the share issuance plan for charter capital increase and the plan for use of proceeds from the offering;
- + Decision No. 166/QĐ-CT dated 25 August 2025 of the Chairman of Green Star Lines One Member Limited Company approving the liquidation of assets.

d. Asset Purchase Agreements Executed between GIC and GSL

| No. | Contract Name | Contract No. | Signing Date | Contract Value (VND) |
|--------------|--|--------------------|--------------|-----------------------|
| 1 | Vehicle Transfer Agreement | 170/HĐCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 49.000.000.000 |
| 2 | Machinery and Equipment Transfer Agreement | 169/HĐCNTS/GSL-GIC | 29/08/2025 | 600.000.000 |
| Total | | | | 49.600.000.000 |

- Pursuant to Vehicle Transfer Agreement No. 170/HĐCNTS/GSL-GIC, the assets acquired by the Company include:

| No. | Type of Vehicle | Quantity (units) | Value (VND) |
|--------------|-------------------------------|------------------|-----------------------|
| 1 | Container Semi-Trailers | 123 | 11.200.000.000 |
| 2 | Truck Tractors (Prime Movers) | 123 | 37.800.000.000 |
| Total | | 246 | 49.000.000.000 |

- Pursuant to Machinery and Equipment Transfer Agreement No. 169/HĐCNTS/GSL-GIC, the assets acquired by the Company include:

| No. | Asset Description | Quantity (systems) | Value (VND) |
|-----|---------------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Workshop Equipment System | 01 | 397.000.000 |
| 2 | Office Equipment System | 01 | 203.000.000 |
| | Total | 02 | 600.000.000 |

4.2. Information on the Acquisition of Assets from Green Logistics Centre One Member Company Limited

a. General Information

- Company name: Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (“GLC”)
- English name: GREEN LOGISTICS CENTRE ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Abbreviation: GLC
- Head office address: Land Lot CN3.2G, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City, Vietnam.
- Enterprise Registration Certificate No.: 0201263312, first issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on 16 May 2012, with the 7th amendment dated 01 February 2024.
- Business lines: Provision of cargo handling services, warehousing and storage services, and other logistics support services related to transportation.
- Relationship between GIC and its related persons with GLC:
 - + Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation – the parent company holding 66.34% of GIC’s charter capital – currently owns 100% of the charter capital of Green Logistics Centre One Member Company Limited.
 - + Mr. Le Quang Huy – Independent Member of the Board of Directors of VSC Green Logistics Joint Stock Company – is currently serving as Director of Green Logistics Centre One Member Company Limited.
 - + Ms. Phan Thi Trung Hieu – Member of the Supervisory Board of VSC Green Logistics Joint Stock Company – is currently serving as Chief Accountant of Green Logistics Centre One Member Company Limited.
 - + Ms. Tran Thi Phuong Anh – Member of the Board of Directors of VSC Green Logistics Joint Stock Company – is currently serving as Chairwoman of Green Logistics Centre One Member Company Limited.

b. Financial Information of Green Logistics Centre One Member Company Limited

- Charter Capital: 620.000.000.000 VND
- Financial Information of Green Logistics Centre One Member Company Limited

Unit: VND

| Revenue | | Profit After Tax | |
|-----------------|------------------------------|------------------|------------------------------|
| 2024 | Accumulated to end of Q3/202 | 2024 | Accumulated to end of Q3/202 |
| 256.221.083.695 | 207.113.396.581 | (29.077.630.011) | 2.111.390.560 |

Source: Audited Financial Statements for 2024 and the Financial Statements for Q3/2025 of GLC.

- The Company's assets and capital structure in 2024 and as at 30 September 2025:

Unit: VND

| STT | Nội dung | 2024 | 30/09/2025 |
|------------|---------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Total assets | 669.600.131.419 | 744.961.916.783 |
| 1.1 | Short-term Assets | 113.300.133.412 | 215.730.319.946 |
| 1.2 | Long-term Assets | 556.299.999.007 | 529.231.596.837 |
| 2 | Equity | 601.990.255.368 | 604.101.645.928 |
| 3 | Liabilitites | 67.609.877.051 | 140.860.270.855 |

Source: Audited Financial Statements for 2024 and the Financial Statements for Q3/2025 of GLC.

c. Legal basis for the acquisition of assets from Green Logistics Centre One Member Company Limited

- The Company will use VND 61,600,000,000 from the proceeds of the offering to acquire assets from Green Logistics Centre One Member Company Limited in accordance with the following legal documents:
 - + Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated 10 March 2025 of VSC Green Logistics Joint Stock Company (former name: Green Development and Service Investment Joint Stock Company) and the AGM Proposal dated 14 February 2025 approving the plan for the share issuance to increase charter capital;
 - + Board of Directors' Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT dated 23 August 2025 of VSC Green Logistics Joint Stock Company approving the asset purchase transaction with a related party being Green Logistics Centre One Member Company Limited;
 - + Board of Directors' Resolution No. 08/2025/NQ-HĐQT dated 29 August 2025 of VSC Green Logistics Joint Stock Company approving the implementation of the share issuance plan to increase charter capital and the plan for use of proceeds from the issuance;
 - + Decision No. 52/QĐ-CT dated 25 August 2025 of the Chairman of Green Logistics Centre One Member Company Limited approving the liquidation of assets.

d. Asset purchase agreements executed between GIC and GLC

| No. | Contract Name | Contract No. | Signing Date | Contract Value (VND) |
|--------------|-----------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------|
| 1 | Land Use Rights Transfer Contract | 36/HĐCN/GLC-GIC | 29/08/2025 | 40.000.000.000 |
| 2 | Vehicle Transfer Contract | 37/HĐCNTS/GLC-GIC | 29/08/2025 | 18.000.000.000 |
| 3 | Vehicle Transfer Contract | 38/HĐCNTS/GLC-GIC | 29/08/2025 | 3.600.000.000 |
| Total | | | | 61.600.000.000 |

- Pursuant to the Land Use Rights Transfer Agreement No. 36/HĐCN/GLC-GIC, the Company will acquire the warehouse land lot and container yard area from GLC, located at Lot CN3.2I, Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam:

| No. | Asset | Unit | Area | Transfer Value (VND) |
|--------------|-----------------|------|---------------|-----------------------|
| 1 | Land Use Rights | m2 | 10.120 | 40.000.000.000 |
| Total | | | 10.120 | 40.000.000.000 |

– Pursuant to Vehicle Transfer Agreement No. 37/HDCNTS/GLC-GIC, the assets to be acquired by the Company include:

| No. | Type of Vehicle | Quantity (Units) | Total Value (VND) |
|--------------|------------------------------------|------------------|-----------------------|
| 1 | Semi-trailers | 35 | 1.110.000.000 |
| 2 | Tractor trucks | 13 | 550.000.000 |
| 3 | Empty container handlers (10 tons) | 02 | 1.550.000.000 |
| 4 | Forklifts (41 tons) | 02 | 2.200.000.000 |
| 5 | Forklifts (45 tons) | 03 | 6.890.000.000 |
| 6 | Forklifts (46 tons) | 01 | 1.500.000.000 |
| 7 | Diesel Forklifts (3 tons) | 05 | 1.197.000.000 |
| 8 | Diesel Forklifts (4.5 tons) | 01 | 175.000.000 |
| 9 | Electric Forklifts | 17 | 2.828.000.000 |
| Total | | 79 | 18.000.000.000 |

– Pursuant to Machinery and Equipment Transfer Agreement No. 38/HDCNTS/GLC-GIC, the assets to be acquired by the Company include:

| No. | Asset | Quantity | Total Value (VND) |
|-----|--|-----------|----------------------|
| 1 | Hydraulic lift tables A688FHE | 37 | 999.000.000 |
| 2 | Industrial dehumidifiers | 15 | 405.000.000 |
| 3 | Sever systems | 03 | 114.000.000 |
| 4 | Electrical infrastructure system | 01 | 484.000.000 |
| 5 | Telecommunications network infrastructure for operations | 01 | 1.246.000.000 |
| 6 | Office container | 01 | 20.000.000 |
| 7 | Cargo handling machinery and equipment system | 01 | 332.000.000 |
| | Total | 59 | 3.600.000.000 |

X. PARTIES INVOLVED IN THE OFFERING

1. Auditor

HANOI BRANCH OF PWC (VIETNAM) LIMITED

Head Office: Floor 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lot E6, Cau Giay New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam

Tel: (84-24) 3946 2246 Fax:

Website: www.pwc.com/vn

2. Issuing advisory organization

VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Head Office: 22nd Floor, 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

Tel: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

Opinion of the Advisory Organization on the Offering

Pursuant to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated March 10, 2025, VSC Green Logistics Joint Stock Company has registered to issue 13,332,000 shares, including: 1,212,000 shares for dividend payment in shares for 2024; and 12,120,000 shares to be offered to existing shareholders. The expected proceeds from the public offering to existing shareholders amount to VND 121,200,000,000, which will be used to supplement working capital and to invest in additional warehouses, yards, machinery, equipment, and transport vehicles serving the Company's production and business activities.

The Company plans to offer 12,120,000 shares to existing shareholders at a ratio of 1:1 at an offering price of VND 10,000 per share, representing a 49.99% discount to the Company's book value as of December 31, 2024 (VND 19,997 per share) and a 38.27% discount compared to the market trading price at the time the offering plan was formulated (VND 16,200 per share as of February 12, 2025).

With the offering price of VND 10,000 per share being attractive compared to the market price, the risk of an unsuccessful offering is considered low. Together with the Company's maintained profitability in recent years, the advisory organization believes that the Company is capable of completing the offering as planned.

We would also like to emphasize that the above opinions are provided from the perspective of an advisory organization, based on selectively collected information, and do not imply any guarantee of the value of the securities. These opinions are for reference purposes only, and investors should carefully consider them when making investment decisions.

XI. APPENDICES

1. The latest amended Enterprise Registration Certificate;
2. The Company's Charter;

3. Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated March 10, 2025 approving the share issuance plan for charter capital increase;
4. Submission to the General Meeting of Shareholders No. 09 dated February 14, 2025 regarding approval of the share issuance plan for charter capital increase;
5. Board of Directors' Resolution approving the implementation of the share issuance plan for charter capital increase and the detailed plan for use of proceeds from the offering;
6. Board of Directors' Resolution approving the dossier for registration of the share issuance for charter capital increase;
7. Board of Directors' Resolution approving the order and timeline for implementation of the 2025 share issuance plan and related matters;
8. Audited financial statements of the Company for 2023 and 2024, and the most recent quarterly financial statements;
9. Documents relating to the plan for use of proceeds from the public offering, including:
 - Asset transfer contracts and attached appendices;
 - Board of Directors' Resolution No. 06/2025/NQ-HĐQT dated August 23, 2025 approving the asset acquisition transaction with a related party being Green Logistics Centre One Member Company Limited;
 - Board of Directors' Resolution No. 07/2025/NQ-HĐQT dated August 23, 2025 approving the asset acquisition transaction with a related party being Green Star Lines One Member Limited Company.

Hai Phong, 26/01/ 2026

**ON BEHALF OF THE ISSUER
VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed and stamped)

NGUYỄN ĐỨC DŨNG

CHIEF ACCOUNTANT

DIRECTOR

(Signed)

(Signed)

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

ĐỒNG TRUNG HẢI

ADVISORY ORGANIZATION
VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
GENERAL DIRECTOR

(Signed and stamped)

TRƯỜNG NGỌC LÂN